

TẠNG LUẬT

ĐẠI PHẨM

TẬP MỘT

TẠNG LUẬT

ĐẠI PHẨM

TẬP MỘT

Kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán,
đấng Chánh Biến Tri!

I. CHƯƠNG TRỌNG YẾU

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Uruvelā bên bờ sông Nerañjarā nơi cội cây bồ đề và vừa mới thành tựu quả vị Chánh Đẳng Giác.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã ngồi với thế kiết già ở cội cây bồ đề trong bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát.

3. Khi ấy vào canh một của đêm, đức Thế Tôn đã suy nghiệm về sự sanh khởi tùy thuận theo điều kiện thuận chiều và nghịch chiều rằng:

4. “*Vô minh* duyên cho *các hành* (sanh khởi), *các hành* duyên cho *thức* (sanh khởi), *thức* duyên cho *danh sắc* (sanh khởi), *danh sắc* duyên cho *sáu xứ* (sanh khởi), *sáu xứ* duyên cho *xúc* (sanh khởi), *xúc* duyên cho *thọ* (sanh khởi), *thọ* duyên cho *ái* (sanh khởi), *ái* duyên cho *thủ* (sanh khởi), *thủ* duyên cho *hữu* (sanh khởi), *hữu* duyên cho *sanh* (sanh khởi), *sanh* duyên cho *lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não* sanh khởi. Như thế là sự sanh khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

5. Nhưng chính do sự diệt tận của *vô minh* hoàn toàn không còn tham ái (đưa đến) sự diệt tận của *các hành*, do sự diệt tận của *các hành* (đưa đến) sự diệt tận của *thức*, do sự diệt tận của *thức* (đưa đến) sự diệt tận của *danh sắc*, do sự diệt tận của *danh sắc* (đưa đến) sự diệt tận của *sáu xứ*, do sự diệt tận của *sáu xứ* (đưa đến) sự diệt tận của *xúc*, do sự diệt tận của *xúc* (đưa đến) sự diệt tận của *thọ*, do sự diệt tận của *thọ* (đưa đến) sự diệt tận của *ái*, do sự diệt tận của *ái* (đưa đến) sự diệt tận của *thủ*, do sự diệt tận của *thủ* (đưa đến) sự diệt tận của *hữu*, do sự diệt tận của *hữu* (đưa đến) sự diệt tận của *sanh*, do sự diệt tận

của *sanh* (đưa đến) *lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não* bị diệt tận. Như thế là sự diệt tận của toàn bộ khổ uẩn này.”

6. Sau đó, khi đã hiểu được ý nghĩa sự việc ấy, rồi vào lúc ấy đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Quả vậy, khi các pháp hiện rõ đến vị Bà-la-môn đang tinh cần tham thiền thì tất cả điều nghi hoặc của vị ấy được rũ sạch, từ đó nhận biết rằng (mọi) việc là có nguyên nhân.”

7. Sau đó vào canh giữa của đêm, đức Thế Tôn đã suy nghiệm về sự sanh khởi tùy thuận theo điều kiện thuận chiều và nghịch chiều rằng: *“Vô minh duyên cho các hành (sanh khởi), các hành duyên cho thức (sanh khởi), thức duyên cho danh sắc (sanh khởi), danh sắc duyên cho sáu xứ (sanh khởi), —nt—* Như thế là sự sanh khởi của toàn bộ khổ uẩn này. *—nt—* là sự diệt tận (của toàn bộ khổ uẩn này).”

8. Sau đó, khi đã hiểu được ý nghĩa sự việc ấy, rồi chính vào lúc ấy đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Quả vậy, khi các pháp hiện rõ đến vị Bà-la-môn đang tinh cần tham thiền thì tất cả điều nghi hoặc của vị ấy được rũ sạch, từ đó đã hiểu được sự tiêu hoại của các duyên.”

9. Sau đó vào canh cuối của đêm, đức Thế Tôn đã suy nghiệm về sự sanh khởi tùy thuận theo điều kiện thuận chiều và nghịch chiều rằng: *“Vô minh duyên cho các hành*

(sinh khởi), các hành duyên cho thức (sinh khởi), thức duyên cho danh sắc (sinh khởi), danh sắc duyên cho sáu xứ (sinh khởi), —nt— Như thế là sự sanh khởi của toàn bộ khổ uẩn này. —nt— là sự diệt tận (của toàn bộ khổ uẩn này)."

10. Sau đó, khi đã hiểu được ý nghĩa sự việc ấy, rồi vào lúc ấy đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này:

"Quả vậy, khi các pháp hiện rõ đến vị Bà-la-môn đang tinh cần tham thiền, trong khi đánh tan binh đội của Ma Vương, (vị ấy) hiển hiện tựa như ánh mặt trời đang rọi sáng không gian."

Dứt phần giảng về sự Giác Ngộ.

--ooOoo--

1. Sau đó khi bảy ngày trôi qua, đức Thế Tôn đã xuất khỏi định ấy rồi từ cội cây Bồ Đề đã đi đến cây si của những người chăn dê,¹ sau khi đến đã ngồi xuống với thế kiết già ở cội cây si của những người chăn dê trong bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát.

2. Khi ấy, có vị Bà-la-môn nọ thuộc nhóm chuyên luyện về âm “hum, hum” đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, vị Bà-la-môn ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Này ngài Gotama, (khả năng) đến đâu (mới gọi) là Bà-la-môn? Việc trở thành Bà-la-môn có bao nhiêu điều kiện?”

3. Sau khi hiểu được ý nghĩa sự việc ấy, rồi vào lúc ấy đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Vị Bà-la-môn nào có ác pháp đã được ngăn trừ, là vị không làm tiếng ‘hum hum,’ đã thoát khỏi điều ô nhiễm, có bản thân đã được thu thúc, là vị thông thạo các bộ Vệ Đà, sống theo đời Phạm hạnh, vị ấy có thể thuyết giảng một cách đúng đắn lời nói của Phạm Thiên, vị ấy không có khuyết điểm về bất cứ điều gì ở trên thế gian.”

¹ Cây si của những người chăn dê (*ajapālanigrodha*): Bản dịch tiếng Anh của Rhys Davids and Hermann Oldenberg dẫn chứng tài liệu và giải thích rằng: 1/ Các người chăn dê dùng bóng mát của cây si (*nigrodha*) để nghỉ ngơi nên được gọi là cây si của những người chăn dê. 2/ Cây si đã được một đứa bé chăn dê trồng trong thời gian Bồ-tát Siddhattha hành khổ hạnh sáu năm.

Dứt phần giảng về (cội cây si của những) người chăn dê.

--ooOoo--

1. Sau đó khi bảy ngày trôi qua, đức Thế Tôn đã xuất khỏi định ấy rồi từ cội cây si của những người chăn dê đã đi đến cây Mucalinda, sau khi đến đã ngồi xuống với thế kiết già ở cội cây Mucalinda trong bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát.

2. Vào lúc bấy giờ, có đám mây đen lớn sái mùa xuất hiện. Trong bảy ngày, trời mưa có gió lạnh và đầy mây.

3. Khi ấy, rồng chúa Mucalinda đã rời khỏi chỗ ngụ của mình dùng đuôi quấn quanh cơ thể của đức Thế Tôn bảy vòng và phồng lớn mang rồi duy trì ở phía trên đầu của đức Thế Tôn (nghĩ rằng): “Chớ để đức Thế Tôn bị lạnh, chớ để đức Thế Tôn bị nóng, chớ để đức Thế Tôn bị xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng, và các loài bò sát.”

4. Sau đó khi bảy ngày trôi qua, rồng chúa Mucalinda sau khi biết rằng bầu trời đã trở nên trong sáng và mây đã tan nên đã nói lòng thân khỏi cơ thể của đức Thế Tôn, rồi thay đổi hình dạng của chính bản thân và biến thành hình dạng của người thanh niên đứng ở phía trước đức Thế Tôn, tay chấp lại, bày tỏ thái độ cung kính đến đức Thế Tôn.

5. Sau khi đã hiểu được ý nghĩa sự việc ấy, rồi vào lúc ấy đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Sự sống cách ly là an lạc đối với vị hoan hỷ đang xem xét Pháp đã được nghe. Sự không oán hận, không hãm hại mạng sống chúng sanh là niềm hạnh phúc ở trên đời.

Việc dứt được ái tình, sự vượt lên trên các dục là niềm an lạc ở trên đời. Và điều gì là sự thoát ra khỏi tự ngã điều ấy chính là sự an lạc tối thượng.”

Dứt phần giảng về cây Mucalinda.

--ooOoo--

1. Sau đó khi bảy ngày trôi qua, đức Thế Tôn đã xuất khỏi định ấy rồi từ cội cây Mucalinda đã đi đến cây Rājāyatana, sau khi đến đã ngồi xuống với thế kiết già ở cội cây Rājāyatana trong bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát.

2. Vào lúc bấy giờ, có các thương buôn Tapassu và Bhallika đang đi đường xa từ Ukkalā đến khu vực ấy. Khi ấy, vị Thiên thần là thân quyến cùng huyết thống của các thương buôn Tapassu và Bhallika đã nói với các thương buôn Tapassu và Bhallika điều này:

- Nay các bác, đức Thế Tôn này đang ngự ở cội cây Rājāyatana là vị đầu tiên được hoàn toàn giác ngộ. Hãy đi và bày tỏ lòng thành kính đến đức Thế Tôn ấy với bánh bột gạo và mật viên. Điều ấy sẽ đem lại cho các bác sự lợi ích và sự an vui lâu dài.

3. Khi ấy, các thương buôn Tapassu và Bhallika đã mang theo bánh bột gạo và mật viên đi đến gặp đức Thế

Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, các thương buôn Tapassu và Bhallika đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy thọ lãnh bánh bột gạo và mật viên của chúng tôi. Điều ấy sẽ đem lại cho chúng tôi sự lợi ích và sự an vui lâu dài.”

4. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: “Các đức Như Lai không thọ lãnh ở (hai) tay, vậy ta nên thọ lãnh bánh bột gạo và mật viên bằng vật gì?” Khi ấy, bốn vị Đại Thiên Vương dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn nên đã dâng lên đức Thế Tôn bốn cái bình bát làm bằng đá từ ở bốn phương (nói rằng): - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy thọ lãnh bánh bột gạo và mật viên ở đây.” Đức Thế Tôn đã thọ lãnh bánh bột gạo và mật viên trong bình bát mới¹ làm bằng đá, và sau khi thọ lãnh đã thọ dụng.

5. Sau đó, các thương buôn Tapassu và Bhallika đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, chúng con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn và Giáo Pháp. Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn

¹ Ngài Buddhaghosa giải thích rằng đức Phật đã chú nguyện thành một bình bát mới từ bốn bình bát bằng đá ấy (VinA. v, 960).

đòi.” Và họ đã trở thành những nam cư sĩ đọc hai câu (nương nhờ)¹ đầu tiên ở thế gian.

Dứt phần giảng về cây Rājāyatana.

--ooOoo--

1. Sau đó khi bảy ngày trôi qua, đức Thế Tôn đã xuất khỏi định ấy rồi từ cội cây Rājāyatana đã đi đến cây si của những người chăn dê. Ở nơi ấy, đức Thế Tôn ngụ tại cội cây si của những người chăn dê.

2. Sau đó, trong khi đức Thế Tôn đang thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: “Pháp này đã được ta chứng ngộ là (Pháp) thâm sâu, khó lĩnh hội, khó nhận thức, thanh tịnh, cao quý, vượt trên lý luận, tinh tế, nên được hiểu biết bởi các bậc trí. Tuy nhiên, chúng sanh này có sự thỏa thích trong ngũ dục, được thỏa thích trong ngũ dục, được vui sướng trong ngũ dục. Quả vậy, đối với chúng sanh có sự thỏa thích trong ngũ dục, được thỏa thích trong ngũ dục, được vui sướng trong ngũ dục thì vấn đề này khó lĩnh hội tức là tính chất của duyên và sự sanh khởi tùy thuận theo điều kiện. Còn có vấn đề này còn khó lĩnh hội hơn nữa tức là sự yên lặng của tất cả các Hành, sự dứt bỏ tất cả mầm mống của sự tái sanh, sự diệt tận ái, sự không

¹ Nghĩa là đi đến nương nhờ đức Thế Tôn và đi đến nương nhờ Giáo Pháp, vì Hội Chúng tỳ khưu vào lúc bấy giờ chưa được hình thành (ND).

còn dục tình, sự tịch diệt, Niết Bàn. Hơn nữa, nếu ta thuyết giảng Giáo Pháp và những người khác không thể hiểu được ta, điều ấy sẽ đem lại sự mệt mỏi cho ta, điều ấy sẽ đem lại sự phiền toái cho ta.”

3. Rồi những lời kệ kỳ diệu này chưa từng được nghe trước đây trong thời quá khứ đã hiện khởi đến đức Thế Tôn:

“(Pháp này) đã được ta chứng đắc một cách khó khăn, giờ đây khởi phải thuyết giảng. Pháp này không dễ dàng được hiểu thấu đáo bởi những kẻ chìm đắm trong ái dục và sân hận.

(Pháp này) đi ngược giòng (đời), tinh tế, thâm sâu, khó lĩnh hội, vi diệu, những kẻ thỏa thích ái dục, bị che phủ bởi tăm tối dày đặc, không thể nhận thức được.”

4. Trong khi dẫn đo cân nhắc như thế ấy, tâm của đức Thế Tôn thiên về (khuyňh hướng) không ra sức nỗ lực và không thuyết giảng Giáo Pháp. Khi ấy, vị Phạm Thiên Sahampati dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn nên đã khởi ý điều này: “Như thế này thì thế gian bị tiêu diệt! Như thế này thì thế gian bị hủy hoại! Bởi vì tâm của đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Biến Tri thiên về (khuyňh hướng) không ra sức nỗ lực và không thuyết giảng Giáo Pháp.”

5. Sau đó, cũng giống như người đàn ông có sức mạnh có thể đuổi ra cánh tay đã được co lại hoặc có thể co lại cánh tay đã được đuổi ra, tương tự như thế vị

Phạm Thiên Sahampati đã biến mất ở cõi Phạm Thiên và hiện ra ở phía trước đức Thế Tôn. Khi ấy, Phạm Thiên Sahampati đã đắp thượng y một bên vai, quỳ đầu gối bên phải trên mặt đất, rồi chắp tay hướng về đức Thế Tôn và đã nói điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy thuyết giảng Giáo Pháp, xin đấng Thiện Thệ hãy thuyết giảng Giáo Pháp. Có những hạng người sanh lên có tâm nhìn ít bị vấy bụi sẽ là những người hiểu được Giáo Pháp, (nhưng) do việc không nghe Giáo Pháp sẽ bị tha hóa.” Phạm Thiên Sahampati đã nói điều ấy, sau khi nói điều ấy còn nói thêm điều khác nữa:

“Trước đây ở trong xứ Magadha đã xuất hiện pháp không thanh tịnh được nghĩ ra bởi những người có sự ô nhiễm. Xin Ngài hãy mở ra cánh cửa Bất Tử này. Hãy (để cho chúng sanh) lắng nghe Giáo Pháp đã được chứng ngộ bởi bậc vô nhiễm.

Như người đứng trên tảng đá ở đỉnh đầu của ngọn núi, cũng giống như người nhìn xem nhân loại ở chung quanh, hồi bậc trí, tương tự như thế ấy Ngài hãy bước lên tòa lâu đài được xây bằng Giáo Pháp. Hồi bậc thông hiểu rộng, là bậc đã thoát khỏi buồn đau, xin Ngài hãy nhìn xuống xem nhân loại bị đắm chìm trong sâu khổ, bị hành hạ bởi sự sanh và sự già.

Hồi vị anh hùng, người đã chiến thắng trận đấu, xin Ngài hãy đứng lên. Hồi người hướng dẫn đoàn xe, vị không vương nợ nần, xin Ngài hãy du hành ở thế gian. Xin đức Thế Tôn hãy thuyết giảng Giáo Pháp, sẽ có nhiều người hiểu được.”

6. Khi ấy, sau khi hiểu được yêu cầu của vị Phạm Thiên, đức Thế Tôn thuận theo lòng thương tưởng chúng sanh đã dùng Phật nhãn quán xét thế gian. Trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian, đức Thế Tôn đã nhìn thấy những chúng sanh có tâm nhìn bị vấy bụi ít và có tâm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, (và nhìn thấy) một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và (sự tái sanh vào) những đời sống khác.

Cũng giống như ở hồ sen xanh hoặc ở hồ sen hồng hoặc ở hồ sen trắng, có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, không vươn ra khỏi nước, và được nuôi dưỡng chìm ở bên trong (nước); có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, sống ngang bằng mặt nước; và có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, vươn lên khỏi nước, và tồn tại không bị vấy bẩn bởi nước; tương tự như thế, đức Thế Tôn trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian đã nhìn thấy những chúng sanh có tâm nhìn bị vấy bụi ít và có tâm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, (và nhìn thấy) một số chúng sanh

đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và (sự tái sinh vào) những đời sống khác; sau khi nhìn thấy đã nói với vị Phạm Thiên Sahampati bằng bài kệ này:

“Các cánh cửa Bất Tử đã được mở ra cho những người có sự lắng nghe. Hãy khiến chúng từ bỏ tà tín. Nay Phạm Thiên, với suy nghĩ về việc tổn hại, ta đã không thuyết giảng Pháp cao quý tuyệt vời cho nhân loại.”

Khi ấy, vị Phạm Thiên Sahampati (nghĩ rằng): “Ta đã tạo ra cơ hội cho đức Thế Tôn thuyết giảng Giáo Pháp” nên đã đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, và đã biến mất ngay tại chỗ ấy.

Dứt phần giảng về sự thỉnh cầu của vị Phạm Thiên.

--ooOoo--

1. Sau đó, đức Thế tôn đã khởi ý điều này: “Ta nên thuyết giảng Giáo Pháp đến ai trước tiên? Ai sẽ hiểu được Giáo Pháp này một cách thật nhanh chóng?” Khi ấy, đức Thế tôn đã khởi ý điều này: “Vị Āl āra Kālāma này là vị sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, đã lâu nay có bản thể bị ít ô nhiễm, hay là ta nên thuyết giảng Giáo Pháp đến Āl āra Kālāma trước tiên? Vị ấy sẽ hiểu được Giáo Pháp này một cách thật nhanh chóng.” Khi ấy, có vị Thiên thần không hiện hình đã thông báo đến đức Thế Tôn rằng: - “Bạch ngài, vị Āl āra Kālāma đã từ trần được bảy ngày rồi.” Và trí của đức Thế Tôn cũng đã khởi lên rằng: “Vị Āl āra Kālāma đã từ trần được bảy ngày rồi.”

Khi ấy, đức Thế tôn đã khởi ý điều này: “Vị Āl āra Kālāma thuộc hạng người cao cả, bởi vì nếu nghe được Giáo Pháp này vị ấy có thể hiểu được một cách thật nhanh chóng.”

2. Sau đó, đức Thế tôn đã khởi ý điều này: “Ta nên thuyết giảng Giáo Pháp đến ai trước tiên? Ai sẽ hiểu được Giáo Pháp này một cách thật nhanh chóng?” Khi ấy, đức Thế tôn đã khởi ý điều này: “Vị Uddaka Rāmaputta này là vị sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, đã lâu nay có bản thể bị ít ô nhiễm, hay là ta nên thuyết giảng Giáo Pháp đến Uddaka Rāmaputta trước tiên? Vị ấy sẽ hiểu được Giáo Pháp này một cách thật nhanh chóng.” Khi ấy, có vị Thiên thần không hiện hình đã thông báo đến đức Thế Tôn rằng: - “Bạch ngài, vị Uddaka Rāmaputta đã từ trần vào đêm qua.” Và trí của đức Thế Tôn cũng đã khởi lên rằng: “Vị Uddaka Rāmaputta đã từ trần vào đêm qua.” Khi ấy, đức Thế tôn đã khởi ý điều này: “Vị Uddaka Rāmaputta thuộc hạng người cao cả, bởi vì nếu nghe được Giáo Pháp này vị ấy có thể hiểu được một cách thật nhanh chóng.”

3. Sau đó, đức Thế tôn đã khởi ý điều này: “Ta nên thuyết giảng Giáo Pháp đến ai trước tiên? Ai sẽ hiểu được Giáo Pháp này một cách thật nhanh chóng?” Khi ấy, đức Thế tôn đã khởi ý điều này: “Các tỳ khưu nhóm năm vị có nhiều công đức đối với ta, các vị này đã phục

vụ ta trong khi bản thân ta nỗ lực tinh tấn,¹ hay là ta nên nên thuyết giảng Giáo Pháp đến các tỳ khưu nhóm năm vị trước tiên?” Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: “Giờ đây, các tỳ khưu nhóm năm vị này trú ngụ ở nơi nào?” Với Thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, đức Thế Tôn đã nhìn thấy các tỳ khưu nhóm năm vị đang trú ngụ tại thành Bārāṇasī, ở Isipatana, nơi vườn nai. Sau đó, khi đã ngụ tại Uruvelā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía thành Bārāṇasī.

4. Đạo sĩ lõa thể Upaka đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi đường xa ở khoảng giữa Gayā và cội Bồ Đề, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Này đạo hữu, các giác quan của đạo hữu được trầm tĩnh, màu da được thanh tịnh và trong sáng. Này đạo hữu, vì ai mà đạo hữu đã xuất gia? Ai là thầy của đạo hữu? Đạo hữu ưa thích pháp của vị nào?” Khi được nói như thế, đức Thế Tôn đã nói với đạo sĩ lõa thể Upaka bằng những lời kệ này:

- *“Ta là bậc vượt trên tất cả, là người hiểu biết toàn bộ, không còn bị vướng mắc trong tất cả các Pháp, đã dứt bỏ tất cả, đã được giải thoát trong việc đoạn tận tham ái, sau khi tự mình chứng đắc thì ai có thể chỉ dạy (được ta)?*

¹ Đức Thế Tôn đề cập đến sự phục vụ của năm vị này trong thời gian Ngài hành khổ hạnh sáu năm. Điểm cần lưu ý là đức Thế Tôn dùng từ *“bhikkhu”* dịch là *“tỳ khưu”* để gọi năm vị này dấu các vị chưa trở thành đệ tử và chưa tu tập theo Giáo Pháp của Ngài (ND).

Không có ai là thầy của ta, người tương đương với ta không tìm thấy, trong thế gian luôn cả cõi trời, không có ai là đối thủ của ta.

Bởi vì ta là bậc A-la-hán, bậc Vô Thượng Sư, ở trên đời. Chỉ mình ta là bậc Chánh Đẳng Giác, ta có được trạng thái mát mẻ, Niết Bàn.

Ta đi đến thành Kāsī để chuyển vận bánh xe Giáo Pháp. Ta sẽ đánh lên tiếng trống Bất Tử ở thế gian đang bị tối tăm."

- "Này đạo hữu, theo như đạo hữu cho biết thì đạo hữu xứng đáng là bậc Chiến Thắng vô biên."

(Đức Phật đáp lại rằng):

- "Này Upaka, quả vậy tương đương với ta là các bậc Chiến Thắng đã đạt đến việc đoạn tận các lậu hoặc. Ta đã chiến thắng các ác pháp vì thế ta là bậc Jina."

5. Khi được nói như thế, đạo sĩ lỏa thể Upaka đã nói rằng: - "Này đạo hữu, có thể là như vậy."

Rồi đã gục gặc cái đầu, rẽ sang con đường khác, và bỏ đi.

6. Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngự đến thành Bārāṇasī, Isipatana, nơi vườn nai và đã đi đến gặp các tỳ khưu nhóm năm vị. Các tỳ khưu nhóm năm vị đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đằng xa đang đi lại,

sau khi nhìn thấy các vị đã bàn bạc với nhau rằng: - “Này các vị, Sa-môn Gotama ấy đang đi đến. Ông ta là kẻ lợi dưỡng, bỏ dở dang việc nỗ lực và đã quay trở lại cuộc sống sung túc. Ông ta không đáng để đánh lễ, không đáng để đứng dậy chào, y bát của ông ta không đáng để đón nhận; tuy nhiên, chỗ ngồi nên được xếp đặt, nếu ông ta muốn thì ông ta cứ việc ngồi.”

7. Nhưng khi đức Thế Tôn càng đi đến gần các tỳ khuru nhóm năm vị thì các tỳ khuru nhóm năm vị ấy đã không thể tuân theo điều bàn bạc của họ nữa. Trong khi không tuân theo, họ đã đi ra tiếp đón đức Thế Tôn, một vị đã nhận lấy y bát của đức Thế Tôn, một vị đã sắp đặt chỗ ngồi, một vị đã đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã rửa hai chân. Tuy nhiên, các vị vẫn xưng hô với đức Thế Tôn bằng tên và bằng tiếng gọi “Đạo hữu.” Khi được gọi như thế, đức Thế Tôn đã nói với các tỳ khuru nhóm năm vị điều này: - “Này các tỳ khuru, chớ xưng hô với Như Lai bằng tên và bằng tiếng gọi “Đạo hữu.” Này các tỳ khuru, Như Lai là vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các tỳ khuru, hãy lắng tai nghe, ta sẽ chỉ dạy pháp Bất Tử đã đạt được, ta sẽ thuyết giảng Giáo Pháp. Trong khi thực hành theo như đã được chỉ dạy thì chẳng bao lâu sau ngay trong kiếp hiện tại này, các vị nhờ vào thắng trí của mình sẽ thực chứng, đạt đến, và an trú vào điểm tối thượng ấy là đích cuối cùng của Phạm hạnh, vì mục đích

này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh sống không nhà.

8. Khi được nói như thế, các tỳ khuru nhóm năm vị đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Này đạo hữu Gotama, thậm chí với hạnh kiểm ấy, bằng sự thực hành ấy, bằng việc theo đuổi khổ hạnh ấy còn không đạt đến pháp thượng nhân và sự siêu việt của tri kiến xứng đáng với bậc Thánh, còn giờ đây là kẻ lợi dưỡng, bỏ dở dang việc nỗ lực, và đã quay trở lại cuộc sống sung túc, làm thế nào đạo hữu lại đạt đến pháp thượng nhân và sự siêu việt của tri kiến xứng đáng với bậc Thánh?” Khi được nói như thế, đức Thế Tôn đã nói với các tỳ khuru nhóm năm vị điều này: - “Này các tỳ khuru, Như Lai không phải là kẻ lợi dưỡng, không bỏ dở dang việc nỗ lực, và đã không quay trở lại cuộc sống sung túc. Này các tỳ khuru, Như Lai là vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các tỳ khuru, hãy lắng tai nghe, ta sẽ chỉ dạy pháp Bất Tử đã đạt được, ta sẽ thuyết giảng Giáo Pháp. Trong khi thực hành theo như đã được chỉ dạy thì chẳng bao lâu sau ngay trong kiếp hiện tại này, các vị nhờ vào thắng trí của mình sẽ thực chứng, đạt đến, và an trú vào điểm tối thượng ấy là đích cuối cùng của Phạm hạnh, vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh sống không nhà.” Đến lần thứ nhì, các tỳ khuru nhóm năm vị đã nói với đức Thế Tôn điều này: —nt— Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã nói với các tỳ khuru nhóm năm vị điều này: —nt— Đến lần thứ ba, các tỳ khuru nhóm năm vị đã nói

với đức Thế Tôn điều này: - “Này đạo hữu Gotama, thậm chí với hạnh kiểm ấy, bằng sự thực hành ấy, bằng việc theo đuổi khổ hạnh ấy còn không đạt đến pháp thượng nhân và sự siêu việt của tri kiến xứng đáng với bậc Thánh, còn giờ đây là kẻ lợi dưỡng, bỏ dở dang việc nỗ lực, và đã quay trở lại cuộc sống sung túc, làm thế nào đạo hữu lại đạt đến pháp thượng nhân và sự siêu việt của tri kiến xứng đáng với bậc Thánh?”

9. Khi được nói như thế, đức Thế Tôn đã nói với các tỳ khưu nhóm năm vị rằng: - “Này các tỳ khưu, các vị có nhận ra rằng điều này đã không được ta nói ra như vậy trước đây hay không?” - “Bạch ngài, điều này đúng là không có (được nói).”¹ - “Này các tỳ khưu, Như Lai là vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các tỳ khưu, hãy lắng tai nghe, ta sẽ chỉ dạy pháp Bất Tử đã đạt được, ta sẽ thuyết giảng Giáo Pháp. Trong khi thực hành theo như đã được chỉ dạy thì chẳng bao lâu sau ngay trong kiếp hiện tại này, các vị nhờ vào thắng trí của mình sẽ thực chứng, đạt đến, và an trú vào điểm tối thượng ấy là đích cuối cùng của Phạm hạnh, vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh sống không nhà.” Đức Thế Tôn đã có thể thuyết phục các tỳ khưu nhóm năm vị. Sau đó, các tỳ khưu nhóm năm vị đã lắng nghe đức Thế Tôn, đã

¹ Lúc này năm vị không gọi đức Phật là *āvuso* nữa mà gọi là *bhante*, tỏ ý tôn trọng (ND).

lắng tai, đã thiết lập tâm hướng đến trí chứng ngộ. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru nhóm năm vị rằng:

10. - “Này các tỳ khuru, đây là hai cực đoan mà bậc xuất gia không nên thực hành: Đây là sự say đắm về dục lạc trong các dục, kém cỏi, thô thiển, tầm thường, không cao thượng, không đem lại lợi ích, và đây là sự gấn bó với việc hành hạ bản thân, đau khổ, không cao thượng, không đem lại lợi ích. Này các tỳ khuru, sau khi không tiếp cận cả hai cực đoan ấy, lối thực hành trung đạo đã được Như Lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng,¹ dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết Bàn.

11. Này các tỳ khuru, lối thực hành trung đạo ấy đã được Như Lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng, dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết Bàn là thế nào? Đó chính là Thánh Đạo tám chi phần tức là sự hiểu biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, lời nói chân chánh, nghề nghiệp chân chánh, nuôi mạng chân chánh, tinh tấn chân chánh, ghi nhớ chân chánh, định tâm chân chánh.² Này các tỳ khuru, lối thực hành trung đạo ấy đã được Như Lai tự

¹ Dịch sát nghĩa sẽ là “có sự tạo ra con mắt, có sự tạo ra trí tuệ” (ND).

² Nói cho gọn hơn là Bát Chánh Đạo gồm có: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh cần, chánh niệm, chánh định (ND).

mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng, dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết Bàn.

12. Đây các tỳ khuru, đây là Chân Lý Cao Thượng tức là sự Khổ: Sanh cũng là khổ, già cũng là khổ, bệnh cũng là khổ, chết cũng là khổ, sự gấn bó với những gì không ưa thích cũng là khổ, sự chia lìa với những gì ưa thích cũng là khổ, không đạt được điều ước muốn cũng là khổ, một cách tóm tắt năm thủ uẩn là khổ.

13. Đây các tỳ khuru, đây là Chân Lý Cao Thượng tức là Nguyên Nhân của Khổ. Điều ấy chính là Ái đưa đến tái sanh, liên kết với khoái lạc và say đắm, có sự thỏa thích ở nơi này nơi khác tức là: Dục Ái, Hữu Ái, Phi Hữu Ái.

14. Đây các tỳ khuru, đây là Chân Lý Cao Thượng tức là sự Diệt Khổ. Điều ấy là sự dứt bỏ, sự dứt ra khỏi, sự giải thoát, sự không còn chỗ nương tựa, sự diệt tận và dứt bỏ lòng say đắm không còn dư sót của chính Ái ấy.

15. Đây các tỳ khuru, đây là Chân Lý Cao Thượng tức là sự Thực Hành theo Con Đường đưa đến sự Diệt Khổ. Đó chính là Thánh Đạo tám chi phần tức là sự hiểu biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, —nt— định tâm chân chánh.

16. Nay các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: *“Đây là Chân Lý Cao Thượng tức là sự Khổ.”* Nay các tỳ khuru, hơn nữa ta có được —nt— *“Đây là Chân Lý Cao Thượng tức là sự Khổ cần được hiểu rõ.”* Nay các tỳ khuru, hơn nữa ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: *“—nt— đã được hiểu rõ.”*

17. Nay các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: *“Đây là Chân Lý Cao Thượng tức là Nguyên Nhân của Khổ.”* Nay các tỳ khuru, hơn nữa ta có được —nt— *“Đây là Chân Lý Cao Thượng tức là Nguyên Nhân của Khổ cần được dứt bỏ.”* Nay các tỳ khuru, hơn nữa ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: *“—nt— đã được dứt bỏ.”*

18. Nay các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: *“Đây là Chân Lý Cao Thượng tức là sự Diệt Khổ.”* Nay các tỳ khuru, hơn nữa ta có được —nt— *“Đây là Chân Lý Cao Thượng tức là sự Diệt Khổ cần*

được chứng ngộ.” Nay các tỳ khuru, hơn nữa ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi, —nt— ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: “—nt— đã được chứng ngộ.”

19. Nay các tỳ khuru, ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi, —nt— ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: “*Đây là Chân Lý Cao Thượng tức là sự Thực Hành theo Con Đường đưa đến sự Diệt Khổ.*” Nay các tỳ khuru, hơn nữa ta có được —nt— “*Đây là Chân Lý Cao Thượng tức là sự Thực Hành theo Con Đường đưa đến sự Diệt Khổ cần được tu tập.*” Nay các tỳ khuru, hơn nữa ta có được (Pháp) nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các Pháp trước đây chưa từng được nghe: “—nt— đã được tu tập.”

20. Nay các tỳ khuru, và cho đến khi nào tri kiến thấy đúng thực chất của ta về ba Luân (vòng xoay) và mười hai Thể (tính chất) về Bốn Chân Lý Cao Thượng này chưa được thực sự thanh tịnh; nay các tỳ khuru, cho đến khi ấy ta chưa công bố: “Ta đã hoàn toàn giác ngộ” về vô thượng Chánh Đẳng Giác ở trong thế gian tính luôn cõi của chư Thiên, cõi Ma Vương, cõi Phạm Thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư Thiên và loài người.

21. Và nay các tỳ khuru, bởi vì tri kiến thấy đúng thực chất của ta về ba Luân và mười hai Thể ở Bốn Chân Lý

Cao Thượng này đã được thực sự thanh tịnh; này các tỷ khuru, khi ấy ta đã công bố: “Ta đã hoàn toàn giác ngộ” về vô thượng Chánh Đẳng Giác ở trong thế gian tính luôn cõi của chư Thiên, cõi Ma Vương, cõi Phạm Thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư Thiên và loài người. Hơn nữa, trí tuệ và sự thấy biết của ta đã sanh khởi: “Sự giải thoát tâm của ta là không thể thay đổi, đây là lần sanh cuối cùng, giờ đây không còn tái sanh nữa.”

22. Hơn nữa, trong khi bài kinh này được thuyết giảng, Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến đại đức Koṇḍañña: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

23. Hơn thế nữa, khi bánh xe Pháp được chuyển vận bởi đức Thế Tôn, chư Thiên ở địa cầu đã đồn đại lời rằng: “Bánh xe Pháp vô thượng ấy đã được đức Thế Tôn chuyển vận ở Bārāṇasī, tại Isipatana, nơi vườn nai không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên nhân, Ma Vương, Phạm Thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời.”

24. Sau khi nghe được tiếng đồn của chư Thiên ở địa cầu, chư Thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương đã đồn đại lời rằng: —nt— Sau khi nghe được tiếng đồn của chư Thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương, chư Thiên ở cõi Đạo Lợi đã đồn đại lời rằng: —nt— chư Thiên ở cõi Dạ Ma —nt— chư Thiên ở cõi Đâu Suất —nt— chư Thiên ở cõi Hóa

Lạc Thiên —nt— chư Thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại —nt— chư Thiên thuộc hàng Phạm Thiên đã đồn đại lời rằng: “Bánh xe Pháp vô thượng ấy đã được đức Thế Tôn chuyển vận ở Bārāṇasī, tại Isipatana, nơi vườn nai không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên nhân, Ma Vương, Phạm Thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời.”

25. Vào thời khắc ấy, vào giây phút ấy, lời đồn đại ấy đã đi đến các cõi trời Phạm Thiên. Và mười ngàn thế giới này đã bị lay chuyển, rung động, chấn động. Và ánh sáng tuyệt vời không thể đo lường đã hiện ra ở thế gian, vượt quá năng lực siêu phàm của chư Thiên. Khi ấy, đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng rằng: “Koṇḍañña đã hiểu được! Koṇḍañña đã hiểu được!” Bởi thế, chính từ “*Aññākoṇḍañña*”¹ này đã trở thành tên gọi của đại đức Koṇḍañña.

26. Sau đó, khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc Đạo Sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, đại đức Aññākoṇḍañña đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế

¹ “*Aññākoṇḍañña*” = *Aññā* + *koṇḍañña* nghĩa là Koṇḍañña đã hiểu. *Aññā* được trích từ lời nói của đức Phật là: “*Aññāsi vata bho Koṇḍañño. Aññāsi vata bho Koṇḍañño*” rồi ghép vào phía trước tên Koṇḍañña (ND).

Tôn không? Con có thể tu lên bậc trên không?” Đức Thế Tôn đã nói rằng: - “Này tỳ khuru, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.” Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của vị đại đức ấy.

27. Sau đó, đức Thế Tôn đã giáo huấn, đã chỉ dạy các vị tỳ khuru còn lại bằng bài Pháp thoại. Khi ấy, trong lúc được giáo huấn, được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn bằng bài Pháp thoại, Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến đại đức Vappa và đại đức Bhaddiya: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.” Khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc Đạo Sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, các vị ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?” Đức Thế Tôn đã nói rằng: - “Này các tỳ khuru, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.” Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các đại đức ấy.

28. Sau đó, với bữa ăn đã được mang lại, đức Thế Tôn đã giáo huấn, đã chỉ dạy các vị tỳ khuru còn lại bằng

bài Pháp thoại. Nhóm sáu vị sống bằng vật mà ba vị tỳ khuru đi khất thực và mang về.

29. Khi ấy, trong lúc được giáo huấn, được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn bằng bài Pháp thoại, Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến đại đức Mahānāma và đại đức Assaji: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.” Khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc Đạo Sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, các vị ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?” Đức Thế Tôn đã nói rằng: - “Này các tỳ khuru, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.” Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các đại đức ấy.

30. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru nhóm năm vị rằng: - “Này các tỳ khuru, Sắc là Vô Ngã.¹ Này các tỳ khuru, bởi vì nếu Sắc này là Ngã thì Sắc này không thể

¹ Tốt hơn nên dịch là: ‘Sắc không phải là Ngã’ hoặc ‘Sắc không phải là Ta’ (ND). Các từ Vô Ngã, Sắc, Thọ, v.v... được viết hoa để tiện cho việc nhận diện ý chính (ND).

đi đến bệnh hoạn và có thể đạt được ở Sắc (theo ý muốn) rằng: “Sắc của ta hãy là như vậy, Sắc của ta đừng trở thành như vậy.” Nay các tỳ khuru, chính vì Sắc là Vô Ngã do đó Sắc đi đến bệnh hoạn và không thể đạt được ở Sắc (theo ý muốn) rằng: “Sắc của ta hãy là như vậy, Sắc của ta đừng trở thành như vậy.”

31. Nay các tỳ khuru, Thọ là Vô Ngã. Nay các tỳ khuru, bởi vì nếu Thọ này là Ngã thì Thọ này không thể đi đến bệnh hoạn và có thể đạt được ở Thọ (theo ý muốn) rằng: “Thọ của ta hãy là như vậy, Thọ của ta đừng trở thành như vậy.” Nay các tỳ khuru, chính vì Thọ là Vô Ngã do đó Thọ đi đến bệnh hoạn và không thể đạt được ở Thọ (theo ý muốn) rằng: “Thọ của ta hãy là như vậy, Thọ của ta đừng trở thành như vậy.”

32. Nay các tỳ khuru, Tưởng là Vô Ngã. —nt— Nay các tỳ khuru, các Hành là Vô Ngã. Nay các tỳ khuru, bởi vì nếu các Hành này là Ngã thì các Hành này không thể đi đến bệnh hoạn và có thể đạt được ở các Hành (theo ý muốn) rằng: “Các Hành của ta hãy là như vậy, các Hành của ta đừng trở thành như vậy.” Nay các tỳ khuru, chính vì các Hành là Vô Ngã do đó các Hành đi đến bệnh hoạn và không thể đạt được ở các Hành (theo ý muốn) rằng: “Các Hành của ta hãy là như vậy, các Hành của ta đừng trở thành như vậy.”

33. Nay các tỳ khuru, Thức là Vô Ngã. Nay các tỳ khuru, bởi vì nếu Thức này là Ngã thì Thức này không thể đi đến bệnh hoạn và có thể đạt được ở Thức (theo ý muốn) rằng: “Thức của ta hãy là như vậy, Thức của ta đừng trở thành như vậy.” Nay các tỳ khuru, chính vì Thức là Vô Ngã do đó Thức đi đến bệnh hoạn và không thể đạt được ở Thức (theo ý muốn) rằng: “Thức của ta hãy là như vậy, Thức của ta đừng trở thành như vậy.”

34. “Nay các tỳ khuru, các vị nghĩ gì về Sắc ấy, là thường hay vô thường?” - “Bạch ngài, là vô thường.” - “Vậy cái gì (đã) là vô thường thì cái ấy là khổ hay lạc?” - “Bạch ngài, là khổ.” - “Vậy cái gì (đã) là vô thường, khổ, có trạng thái thay đổi, có phải là hợp lý khi quán xét về cái ấy rằng: “Cái này là của ta, cái này là ta, cái này là tự ngã của ta”?” - “Bạch ngài, điều ấy không (hợp lý).” - “Nay các tỳ khuru, Thọ —nt— Tưởng —nt— các Hành —nt— Thức là thường hay vô thường?” - “Bạch ngài, là vô thường.” - “Vậy cái gì (đã) là vô thường thì cái ấy là khổ hay lạc?” - “Bạch ngài, là khổ.” - “Vậy cái gì (đã) là vô thường, khổ, có trạng thái thay đổi, có phải là hợp lý khi quán xét về cái ấy rằng: “Cái này là của ta, cái này là ta, cái này là tự ngã của ta”? - “Bạch ngài, điều ấy không hợp lý.”

35. Nay các tỳ khuru, như thế trong trường hợp này, bất cứ Sắc nào thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai, là trong thân, hay ngoài thân, hay thô kệch, hay vi tế, hay kém cỏi, hay cao quý, hay ở xa, hay ở gần, nên thấy được

toàn bộ Sắc ấy đúng như bản chất thật sự bằng trí tuệ chân chánh (như vậy): “Cái này không phải là của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải là tự ngã của ta.” Bất cứ Thọ nào —nt— bất cứ Tưởng nào —nt— bất cứ các Hành nào —nt— bất cứ Thức nào thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai, là trong thân, hay ngoài thân, hay thô kệch, hay vi tế, hay kém cỏi, hay cao quý, hay ở xa hay ở gần, nên thấy được toàn bộ Thức ấy đúng như bản chất thật sự bằng trí tuệ chân chánh (như vậy): “Cái này không phải là của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải là tự ngã của ta.”

36. Nay các tỳ khuru, trong khi thấy được như thế, vị Thánh đệ tử có sự học hỏi không còn hứng thú trong Sắc, không còn hứng thú trong Thọ, không còn hứng thú trong Tưởng, không còn hứng thú trong các Hành, không còn hứng thú trong Thức; trong khi không còn hứng thú, vị ấy không còn say đắm; do không còn say đắm vị ấy được giải thoát; trong khi được giải thoát, trí khởi lên rằng: “Đã được giải thoát.” Vị ấy biết được rằng: “Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã hoàn tất, việc cần làm đã làm, không còn gì khác (phải làm) đối với bản thể (A-la-hán) này nữa.”

37. Đức Thế Tôn đã giảng về điều ấy. Các tỳ khuru nhóm năm vị đã vô cùng hoan hỷ với lời dạy của đức Thế Tôn. Hơn thế nữa, trong khi bài kinh này được thuyết giảng, các tâm của các tỳ khuru nhóm năm vị đã

không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

38. Vào lúc bấy giờ, trên thế gian có sáu vị A-la-hán.

Tụng phẩm thứ nhất.

--ooOoo--

1. Vào lúc bấy giờ, ở Bārāṇasī có người con trai gia đình danh giá tên Yasa, là con trai nhà đại phú, có vóc dáng mảnh mai. Chàng trai có ba tòa lầu đài: một dành cho mùa lạnh, một dành cho mùa nóng, một dành cho mùa mưa. Vào bốn tháng mùa mưa ở trong tòa lầu đài dành cho mùa mưa, trong lúc được phục vụ bởi các nữ công tấu nhạc, chàng không bước xuống phía dưới của tòa lầu đài.

2. Khi ấy, trong lúc được phú cho, được thừa hưởng, được phục vụ bởi năm phần dục lạc,¹ người con trai gia đình danh giá Yasa đã nằm xuống ngủ trước rồi sau đó đám hầu thiếp mới nằm xuống ngủ. Và cây đèn dầu được đốt trọn đêm.

3. Khi ấy, người con trai gia đình danh giá Yasa đã thức dậy trước và đã nhìn thấy đám hầu thiếp của mình đang ngủ, cây đàn ở khuỷu tay của nàng nọ, cái trống con ở cổ của nàng kia, cái trống ở đùi của nàng khác,

¹ Khoái lạc sanh lên do năm giác quan: mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân (ND).

nàng nọ có (đầu tóc) xổ ra, nàng kia nhuộm nước dài, các nàng khác thì nói lảm nhảm, chàng nghĩ rằng bãi tha ma đã đến ở trong tầm tay. Sau khi nhìn thấy, chàng trai đã thấy rõ được điều bất lợi và đã thiết lập tâm ở sự chán nản.

4. Khi ấy, người con trai gia đình danh giá Yasa đã thốt lên lời cảm thán rằng: “Thật là chán nản! Thật là khổ sở!”

5. Sau đó, người con trai gia đình danh giá Yasa đã mang vào đôi hài bằng vàng và đi đến cánh cửa lớn của dinh thự. Các phi nhân đã mở cánh cửa ra (nghĩ rằng): “Chớ có ai gây trở ngại đến việc rời nhà xuất gia sống không nhà của người con trai gia đình danh giá Yasa.”

6. Sau đó, người con trai gia đình danh giá Yasa đã đi đến cổng thành phố. Các phi nhân đã mở cánh cửa ra (nghĩ rằng): “Chớ có ai gây trở ngại đến việc rời nhà xuất gia sống không nhà của người con trai gia đình danh giá Yasa.”

7. Sau đó, người con trai gia đình danh giá Yasa đã đi đến Isipatana, chỗ vườn nai. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi thức dậy vào lúc hừng sáng của đêm đang đi kinh hành ở ngoài trời. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã rời đường kinh hành và ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, ở không xa đức Thế Tôn lắm người con trai gia đình danh giá

Yasa đã thốt lên lời cảm thán rằng: “Thật là chán nản! Thật là khổ sở!”

8. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với người con trai gia đình danh giá Yasa điều này: - “Này Yasa, việc này không chán nản, việc này không khổ sở. Này Yasa, hãy đến và ngồi xuống. Ta sẽ thuyết giảng Giáo Pháp cho ngươi.” Khi ấy, người con trai gia đình danh giá Yasa (nghĩ rằng): “Nghe nói việc này không chán nản, việc này không khổ sở” nên mừng rỡ phấn chấn rồi đã cỡi ra đôi hài bằng vàng ròng và đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi người con trai gia đình danh giá Yasa đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến người con trai gia đình danh giá Yasa. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời, sự tai hại sự thấp kém sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được người con trai gia đình danh giá Yasa có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tinh tín, Ngài đã phô bày Pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến người con trai gia đình danh giá Yasa: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

9. Sau đó, mẹ của người con trai gia đình danh giá Yasa đã đi lên tòa lầu đài và không thấy người con trai gia đình danh giá Yasa nên đã đi đến gặp người gia chủ đại phú, sau khi đến đã nói với người gia chủ đại phú điều này: - “Gia chủ ơi, không có nhìn thấy con trai ông là Yasa.” Khi ấy, người gia chủ đại phú đã phân công cho các sứ giả phi ngựa bốn phương, còn chính bản thân đã đi đến Isipatana, chỗ vườn nai. Người gia chủ đại phú đã nhìn thấy dấu vết in (xuống đất) của đôi hài bằng vàng, sau khi nhìn thấy đã đi theo chính dấu vết ấy. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy người gia chủ đại phú từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: “Hay là ta nên thi triển thần thông để cho người gia chủ đại phú ngồi ở đây không thể nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa đang ngồi ở đây.” Rồi đức Thế Tôn đã thi triển thần thông như thế ấy.

10. Sau đó, người gia chủ đại phú đã đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, vậy chớ đức Thế Tôn có thể nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa không?” - “Này gia chủ, như thế thì ông hãy ngồi xuống đi. Có lẽ khi ông ngồi xuống ở đây, ông có thể nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa đang ngồi ở đây.”

11. Khi ấy, người gia chủ đại phú (nghĩ rằng): “Nghe nói khi ta ngồi xuống ở chính nơi đây, ta sẽ nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa đang ngồi ở đây”

nên mừng rỡ phấn chấn rồi đã đánh lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Khi người gia chủ đại phú đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến người gia chủ đại phú. —nt— không còn cần sự trợ duyên của người khác, (người gia chủ đại phú) đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối (nghĩ rằng): ‘Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dáng;’ tương tự như thế, Pháp đã được đức Thế Tôn giảng rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo Pháp, và Hội Chúng tỳ khuru. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Và ông ta đã trở thành vị nam cư sĩ đọc ba câu (nương nhờ)¹ đầu tiên ở thế gian.

12. Sau đó, khi đang được giảng giải Giáo Pháp và trong khi quán sát bản chất như đã được thấy như đã được biết, tâm của người cha của người con trai gia đình danh giá Yasa đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý

¹ Vị nam cư sĩ đọc ba câu (*tevāciko*): Lúc bấy giờ trên thế gian này đã có sáu vị tỳ khuru A-la-hán, tức là hội chúng tỳ khuru đã hiện hữu. Vì thế, khi đi đến nương nhờ vào ba ngôi báu (Tam Bảo) người gia chủ này đã đọc ba câu nương nhờ là: “Con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn. Con đây xin đi đến nương nhờ Giáo Pháp. Con đây xin đi đến nương nhờ Hội Chúng tỳ khuru” (ND).

điều này: “Khi đang được giảng giải Giáo Pháp và trong khi quán sát bản chất như đã được thấy như đã được biết, tâm của người cha của người con trai gia đình danh giá Yasa đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Còn người con trai gia đình danh giá Yasa không thể nào quay trở lại đời sống thấp kém để thọ hưởng các dục lạc giống như trước đây khi còn ở tại gia, hay là ta nên thu hồi sự thi triển thần thông ấy?”

13. Sau đó, đức Thế Tôn đã thu hồi sự thi triển thần thông ấy. Người gia chủ đại phú đã nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa đang ngồi, sau khi nhìn thấy đã nói với người con trai gia đình danh giá Yasa điều này: - “Này Yasa yêu quý, mẹ của con đã phải than vãn và sầu muộn. Hãy đem lại cho mẹ cuộc sống.”

14. Khi ấy, người con trai gia đình danh giá Yasa đã ngược nhìn đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với người gia chủ đại phú điều này: - “Này gia chủ, người nghĩ gì về việc ấy (là việc) người con trai gia đình danh giá Yasa đã thấy đã biết được Pháp bằng trí của vị hữu học, bằng sự hiểu biết của vị hữu học cũng giống người vậy? Chàng trai ấy trong khi quán sát bản chất như đã được thấy như đã được biết, tâm đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Này gia chủ, có thể nào Yasa quay trở lại đời sống thấp kém để thọ hưởng các dục lạc giống như trước đây khi còn ở tại gia hay không?” - “Bạch ngài, điều ấy không thể nào.” - “Này gia chủ, người con trai gia đình danh giá Yasa đã

thấy đã biết được Pháp bằng trí của vị hữu học, bằng sự hiểu biết của vị hữu học cũng giống người vậy. Chàng trai ấy trong khi quán sát bản chất như đã được thấy như đã được biết, tâm đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Nay gia chủ, Yasa không thể nào quay trở lại đời sống thấp kém để thọ hưởng các dục lạc giống như trước đây khi còn ở tại gia.”

15. - “Bạch ngài, thật là lợi ích cho người con trai gia đình danh giá Yasa! Thật khéo thành tựu cho người con trai gia đình danh giá Yasa! Như là việc tâm của người con trai gia đình danh giá Yasa đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về bữa thọ trai ngày mai cùng với người con trai gia đình danh giá Yasa làm Thị giả. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

16. Khi ấy, người gia chủ đại phú hiều được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Sau đó, khi người gia chủ đại phú ra đi không lâu, người con trai gia đình danh giá Yasa đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Con có thể tu lên bậc trên không?” Đức Thế Tôn đã nói rằng: - “Này tỳ khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.” Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của đại đức ấy.

Vào lúc bấy giờ, trên thế gian có bảy vị A-la-hán.

Dứt sự xuất gia của Yasa.

--ooOoo--

1. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, đi đến tư gia của người gia chủ đại phú cùng với đại đức Yasa làm thị giả, sau khi đến đã ngồi xuống chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, người mẹ và người vợ cũ của đại đức Yasa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến các người nữ ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời, sự ô nhiễm hạ liệt tai hại của các dục, và sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được các người nữ ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày Pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng giống như tấm vải sạch chưa bị vết nhơ có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến các người nữ ấy: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.” Sau đó, khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc Đạo Sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, các người nữ ấy đã nói với

đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! —nt— Bạch ngài, chúng con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo Pháp, và Hội chúng tỳ khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nữ cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Và các người nữ ấy đã trở thành những nữ cư sĩ đọc ba câu đầu tiên ở thế gian.

2. Sau đó, khi đã tự tay làm hài lòng và toại ý đức Thế Tôn và đại đức Yasa với thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm, đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, người mẹ người cha và người vợ cũ của đại đức Yasa đã ngồi xuống ở một bên. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho người mẹ người cha và người vợ cũ của đại đức Yasa bằng bài Pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

3. Bốn người bạn tại gia của đại đức Yasa (tên) Vimala, Subāhu, Puṇṇaji, Gavampati là những người con trai của các gia đình đại phú và khá giả ở thành Bārāṇasī đã nghe được rằng: “Nghe nói người con trai gia đình danh giá Yasa đã cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, và rời nhà xuất gia sống không nhà.” Sau khi nghe, các người ấy đã khởi ý điều này: “Pháp và Luật ấy chắc chắn không phải là tầm thường! Việc xuất gia ấy không phải là tầm thường khi mà người con trai gia đình danh giá Yasa đã cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, và rời nhà xuất gia sống không nhà!” Các

người ấy đã đi đến gặp đại đức Yasa, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Yasa rồi đứng ở một bên. Khi ấy, đại đức Yasa đã dẫn bốn người bạn tại gia ấy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Yasa đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, bốn người bạn tại gia này của con (tên) Vimala, Subāhu, Puṇṇaji, Gavampati là những người con trai của các gia đình đại phú và khá giả ở thành Bārāṇasī. Xin đức Thế Tôn hãy giáo huấn và chỉ dạy cho những người này.”

4. Đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến những người ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời, sự ô nhiễm hạ liệt tai hại của các dục, và sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được những người ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày Pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng giống như tấm vải sạch chưa bị vết nhơ có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến những người ấy: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.” Sau đó, khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc Đạo Sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, những

người ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?”

Đức Thế Tôn đã nói rằng: - “Này các tỳ khuru, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.”

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các đại đức ấy. Sau đó, đức Thế Tôn đã giáo huấn, đã chỉ dạy cho các vị tỳ khuru ấy bằng bài Pháp thoại. Trong khi được giáo huấn, được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn bằng bài Pháp thoại, tâm của các vị ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

Vào lúc bấy giờ, trên thế gian có mười một vị A-la-hán.

Dứt sự xuất gia của bốn người bạn tại gia.

--ooOoo--

1. Những người bạn tại gia của đại đức Yasa có số lượng năm mươi (người) là những người con trai của các gia đình đầu tiên hoặc kế tục trong xứ sở đã nghe rằng: “Nghe nói người con trai gia đình danh giá Yasa đã cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, và rời nhà xuất gia sống không nhà.” Sau khi nghe, các người ấy đã khởi ý điều này: “Pháp và Luật ấy chắc chắn không phải

là tâm thường! Việc xuất gia ấy không phải là tâm thường khi mà người con trai gia đình danh giá Yasa đã cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, và rời nhà xuất gia sống không nhà!" Các người ấy đã đi đến gặp đại đức Yasa, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Yasa rồi đứng ở một bên. Khi ấy, đại đức Yasa đã dẫn các người bạn tại gia có số lượng là năm mươi (người) ấy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Yasa đã nói với đức Thế Tôn điều này: - "Bạch ngài, những người bạn tại gia này của con có số lượng năm mươi (người) là những người con trai của các gia đình đầu tiên hoặc kế tục trong xứ sở. Xin đức Thế Tôn hãy giáo huấn và chỉ dạy cho những người này."

2. Đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến những người ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời, sự ô nhiễm hạ liệt tai hại của các dục, và sự lợi ích của việc xuất ly. —nt— Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng giống như tấm vải sạch chưa bị vết nhơ có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến những người ấy: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." Sau đó, khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc Đạo Sư, không còn cần sự trợ duyên

của người khác, những người ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?” Đức Thế Tôn đã nói rằng: - “Này các tỳ khuru, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.” Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của đại đức ấy. Sau đó, đức Thế Tôn đã giáo huấn, đã chỉ dạy cho các vị tỳ khuru ấy bằng bài Pháp thoại. Trong lúc được giáo huấn, được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn bằng bài Pháp thoại, tâm của các vị ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

Vào lúc bấy giờ, trên thế gian có sáu mươi một vị A-la-hán.

3. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các vị tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, ta đã thoát khỏi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Này các tỳ khuru, các ngươi cũng đã thoát khỏi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Này các tỳ khuru, hãy cất bước du hành vì lợi ích của nhiều người, vì an lạc của nhiều người, vì lòng thương xót thế gian, vì sự tiến hóa, sự lợi ích, sự an vui của chư Thiên và nhân loại, chớ đi hai người chung một (đường). Này các tỳ khuru, hãy thuyết giảng Giáo Pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh

một cách trọn vẹn và đầy đủ. Có những hạng người sanh lên bị ít ô nhiễm sẽ là những người hiểu được Giáo Pháp, (nhưng) do việc không nghe Giáo Pháp sẽ bị tha hóa. Nay các tỳ khuru, ta cũng sẽ đi đến ngôi làng của Senāni ở Uruvelā cho việc thuyết giảng Giáo Pháp.”

4. Sau đó, Ma Vương tội lỗi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn bằng những lời kệ này:

- “Ngài đã bị trói buộc bởi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Ngài đã bị trói buộc bởi sự trói buộc lớn lao. Nay vị Sa-môn, Ngài không thoát khỏi ta!”

(Đức Thế Tôn đáp lại rằng):

- “Ta đã được thoát khỏi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Ta đã được thoát khỏi sự trói buộc lớn lao. Nay kẻ gây tử vong, ngươi đã bị thua rồi.”

- “Có sự di chuyển ở khoảng không, sự trói buộc này hoạt động ở trong tâm. Ta sẽ trói buộc ngài lại bằng vật ấy. Nay vị Sa-môn, ngài không thoát khỏi ta!”

- “Các sắc, các thanh, các hương, các vị, và các xúc là các niềm thích thú của tâm. Sự mong muốn của ta ở điều ấy đã không còn. Nay kẻ gây tử vong, ngươi đã bị thua rồi.”

Khi ấy, Ma Vương tội lỗi (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã nhận ra ta rồi! Đấng Thiện Thệ đã nhận ra ta rồi!” nên xấu hổ, bực bội, rồi đã biến mất ngay tại chỗ ấy.

Dứt phần giảng về Ma Vương là phần thứ mười một.

--ooOoo--

1. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru thuộc nhiều phương khác nhau, thuộc nhiều xứ sở khác nhau đã dẫn theo những người có ý muốn xuất gia, những người có ý muốn tu lên bậc trên, (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn sẽ cho họ xuất gia, sẽ cho họ tu lên bậc trên.” Trong trường hợp ấy, chính các vị tỳ khuru luôn cả những người có ý muốn xuất gia và những người có ý muốn tu lên bậc trên đều mệt nhọc. Khi ấy, đức Thế Tôn trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: “Hiện nay, các vị tỳ khuru thuộc nhiều phương khác nhau, thuộc nhiều xứ sở khác nhau đã dẫn theo những người có ý muốn xuất gia, những người có ý muốn tu lên bậc trên, (nghĩ rằng): ‘Đức Thế Tôn sẽ cho họ xuất gia và sẽ cho họ tu lên bậc trên.’ Trong trường hợp ấy, chính các vị tỳ khuru luôn cả những người có ý muốn xuất gia và những người có ý muốn tu lên bậc trên đều mệt nhọc; hay là ta nên cho phép các vị tỳ khuru rằng: ‘Này các tỳ khuru, kể từ nay ở trong mọi phương ở trong mọi xứ sở, chính các người hãy cho xuất gia, hãy cho tu lên bậc trên.’”

2. Sau đó vào lúc chiều tối, đức Thế Tôn đã xuất khỏi thiền tịnh rồi nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại, đã thuyết Pháp thoại, rồi đã bảo các vị tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, ở đây trong lúc ta thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: ‘Hiện nay, các vị tỳ khuru thuộc nhiều phương khác nhau, thuộc nhiều xứ sở khác nhau đã dẫn theo những người có ý muốn xuất gia, những người có ý muốn tu lên bậc trên, (nghĩ rằng): ‘Đức Thế Tôn sẽ cho họ xuất gia, sẽ cho họ tu lên bậc trên.’ Trong trường hợp ấy, chính các vị tỳ khuru luôn cả những người có ý muốn xuất gia và những người có ý muốn tu lên bậc trên đều mệt nhọc; hay là ta nên cho phép các vị tỳ khuru rằng: ‘Này các tỳ khuru, kể từ nay ở trong mọi phương ở trong mọi xứ sở, chính các người hãy cho xuất gia, hãy cho tu lên bậc trên.’”

3. *Này các tỳ khuru, ta cho phép ‘kể từ nay ở trong mọi phương ở trong mọi xứ sở, chính các người hãy cho xuất gia, hãy cho tu lên bậc trên.’* Và này các tỳ khuru, nên cho xuất gia như vậy, nên cho tu lên bậc trên như vậy: Trước tiên, nên bảo cạo bỏ râu tóc, bảo khoác lên các tấm vải màu ca-sa, bảo đắp thượng y một bên vai, bảo đánh lễ ở chân các vị tỳ khuru, bảo ngồi chồm hổm, bảo chấp tay lên, và nên bảo rằng: “Người hãy nói như vậy:

Tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ (Tôi xin quy y Phật).

Tôi đi đến Giáo Pháp là nơi nương nhờ (Tôi xin quy y Pháp).

Tôi đi đến Hội Chúng là nơi nương nhờ (Tôi xin quy y Tăng).¹

Lần thứ nhì, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ.

Lần thứ nhì, tôi đi đến Giáo Pháp là nơi nương nhờ.

Lần thứ nhì, tôi đi đến Hội Chúng là nơi nương nhờ.

Lần thứ ba, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ.

Lần thứ ba, tôi đi đến Giáo Pháp là nơi nương nhờ.

Lần thứ ba, tôi đi đến Hội Chúng là nơi nương nhờ.”

Này các tỳ khuru, ta cho phép sự xuất gia, sự tu lên bậc trên bằng ba sự đi đến nương nhờ này.

¹ *Saṅgha*: được dịch âm thành Tăng-già, nói ngắn gọn là Tăng. *Saṅgha* có ý nghĩa thông thường là hội chúng, tập thể, v.v... và được thiêng liêng hóa khi đề cập đến ba ngôi Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng. Điều cần lưu ý ở đây là từ *saṅgha* cũng được dùng cho tỳ khuru ni: *bhikkhunīsaṅgha* = hội chúng tỳ khuru ni, tỳ khuru ni Tăng (tương tự như ở *bhikkhusaṅgha* = hội chúng tỳ khuru, tỳ khuru Tăng). Tuy nhiên, hiện nay có khuynh hướng dùng chữ ‘Tăng’ chỉ dành riêng cho phái Nam ví dụ như: “Tứ chúng gồm có Tăng, Ni, Thiện Nam, Tín Nữ,” hoặc “Kính bạch chư đại đức Tăng Ni,” hoặc bình dân hơn như “ông Tăng bà Ni,” v.v... Chữ ‘Tăng’ này chỉ tương đương với từ ‘*bhikkhu* = tỳ khuru’ chứ không phải là *saṅgha* như ở trên (ND).

**Đứt phần giảng về sự xuất gia, sự tu lên bậc trên
bằng ba sự đi đến nương nhờ
là phần thứ mười hai.**

--ooOoo--

1. Sau đó, khi đã sống qua mùa mưa, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta có các sự tác ý đúng đắn, có các sự tinh tấn chân chánh đúng đắn, đã đạt đến sự giải thoát vô thượng, đã chứng ngộ sự giải thoát vô thượng. Này các tỳ khưu, ngay cả các người cũng có các sự tác ý đúng đắn, có các sự tinh tấn chân chánh đúng đắn, (các người) hãy đạt đến sự giải thoát vô thượng, hãy chứng ngộ sự giải thoát vô thượng.”

2. Sau đó, Ma Vương tội lỗi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn bằng bài kệ này:

- “Ngài đã bị trói buộc bởi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Ngài đã bị trói buộc bởi sự trói buộc của tử thân. Này vị Sa-môn, Ngài không thoát khỏi ta!”

(Đức Thế Tôn đáp lại rằng):

- “Ta đã được thoát khỏi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Ta đã được thoát khỏi sự trói buộc của tử thân. Này kẻ gây tử vong, người đã bị thua rồi.”

Khi ấy, Ma Vương tội lỗi (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã nhận ra ta rồi! Đấng Thiện Thệ đã nhận ra ta rồi!” nên xấu hổ, bực bội, rồi đã biến mất ngay tại chỗ ấy.

3. Sau đó, khi đã ngự tại thành Bārāṇasī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía Uruvelā. Khi ấy, đức Thế Tôn đã rời đường lộ đi đến khu rừng rậm nọ, sau khi đến đã đi sâu vào trong khu rừng rậm ấy và đã ngồi xuống ở gốc cây nọ.

4. Vào lúc bấy giờ, những người bạn thuộc nhóm các vương tử có số lượng ba mươi (người) cùng với những người vợ đang du ngoạn ở trong khu rừng rậm ấy. Một người không có vợ. Cô gái điếm đã được dẫn đến cho nhu cầu của vị ấy. Rồi trong khi những người ấy đang lo đểnh du ngoạn, cô gái điếm ấy đã cầm lấy gói đồ rồi tẩu thoát.

5. Sau đó, những người bạn ấy trong lúc giúp đỡ bạn bè, trong lúc tìm kiếm người đàn bà ấy, trong khi lang thang ở khu rừng rậm ấy, đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, vậy chớ đức Thế Tôn có nhìn thấy người đàn bà không?” - “Này các vương tử, các vị có chuyện gì với người đàn bà?” - “Bạch ngài, ở đây chúng tôi là những người bạn thuộc nhóm các vương tử có số lượng ba mươi (người) đã cùng với những người vợ du ngoạn ở trong khu rừng rậm này. Một người không có vợ. Cô gái điếm đã được dẫn đến cho nhu cầu của vị ấy.

Bạch ngài, rồi trong khi chúng tôi đang lo đếnh du ngoạn, cô gái điếm ấy đã cầm lấy gói đồ rồi tẩu thoát. Bạch ngài, là những người bạn trong lúc giúp đỡ bạn bè, trong lúc tìm kiếm người đàn bà ấy, chúng tôi đây lang thang đi đến khu rừng rậm này.”

6. - “Này các vương tử, các vị nghĩ thế nào về việc các vị nên tìm kiếm người đàn bà và việc các vị nên tìm kiếm lấy chính mình, đối với các vị việc nào quan trọng hơn?” - “Bạch ngài, đối với chúng tôi việc chúng tôi nên tìm kiếm lấy chính mình là việc quan trọng hơn.” - “Này các vương tử, chính vì việc ấy các vị hãy ngồi xuống, ta sẽ thuyết giảng Giáo Pháp cho các vị.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Rồi những người bạn thuộc nhóm các vương tử ấy đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên.

7. Đức Thế Tôn đã thuyết Pháp theo thứ lớp đến các vị ấy. Tức là ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời, sự ô nhiễm hạ liệt tai hại của các dục, và sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được các vị ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, ngài đã phô bày Pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng giống như tấm vải sạch chưa bị vết nhơ có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến các vị ấy: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.” Sau đó,

khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc Đạo Sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, các vị ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?” Đức Thế Tôn đã nói rằng: - “Này các tỳ khuru, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.” Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của đại đức ấy.

Dứt câu chuyện về những người bạn thuộc nhóm các vương tử.

Tụng phẩm thứ nhì.

--ooOoo--

1. Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngự đến Uruvelā. Vào lúc bấy giờ, có ba vị đạo sĩ bện tóc đang cư trú ở Uruvelā là Uruvela-kassapa, Nadikassapa, và Gayākassapa. Trong số các vị ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa là vị lãnh đạo, vị hướng dẫn, vị quan trọng nhất, vị đứng đầu, vị thủ lĩnh của năm trăm đạo sĩ bện tóc. Đạo sĩ bện tóc Nadikassapa là vị lãnh đạo, vị hướng dẫn, vị quan trọng nhất, vị đứng đầu, vị thủ lĩnh

của ba trăm đạo sĩ bện tóc. Đạo sĩ bện tóc Gayākassapa là vị lãnh đạo, vị hướng dẫn, vị quan trọng nhất, vị đứng đầu, vị thủ lĩnh của hai trăm đạo sĩ bện tóc.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã đi đến khu ẩn cư của đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa, sau khi đến đã nói với đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này: - “Này Kassapa, nếu không trở ngại cho người thì chúng ta có thể ngụ một đêm trong nhà thờ lửa.” - “Này vị đại Sa-môn, quả là không trở ngại cho tôi. (Tuy nhiên) ở đây có con rồng chúa dữ tợn, có pháp thuật, là con rắn có nọc độc khủng khiếp, không thể để cho nó hại ngài được.” Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã nói với đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này: - “Này Kassapa, nếu không trở ngại cho người thì chúng ta có thể ngụ một đêm trong nhà thờ lửa.” - “Này vị đại Sa-môn, quả là không trở ngại cho tôi. (Tuy nhiên) ở đây có con rồng chúa dữ tợn, có pháp thuật, là con rắn có nọc độc khủng khiếp, không thể để cho nó hại ngài được.” Đến lần thứ ba, đức Thế Tôn đã nói với đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này: - “Này Kassapa, nếu không trở ngại cho người thì chúng ta có thể ngụ một đêm trong nhà thờ lửa.” - “Này vị đại Sa-môn, quả là không trở ngại cho tôi. (Tuy nhiên) ở đây có con rồng chúa dữ tợn, có pháp thuật, là con rắn có nọc độc khủng khiếp, không thể để cho nó hại ngài được.” - “Biết đâu nó có thể không hại ta. Này Kassapa, người hãy cho phép (ta cư ngụ) nhà thờ lửa đi.” - “Này vị đại Sa-môn, ngài hãy cư ngụ một cách thoải mái.” Sau đó, đức Thế Tôn đã đi vào nhà thờ lửa, sắp đặt tấm thảm

trái bằng cỏ, rồi ngồi xuống, xếp (chân) thế kiết già, giữ thân thẳng, tập trung niệm ở phía trước.

3. Khi ấy, con rồng ấy đã nhìn thấy đức Thế Tôn đi vào, sau khi nhìn thấy trở nên bức bối nên đã phun khói. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: “Có lẽ ta không nên làm thương tổn đến lớp vỏ, làn da, thịt, gân, xương, tủy của con rồng này mà chỉ nên dùng lửa (của ta) làm cho lửa (của nó) bị kiệt quệ thôi.” Sau đó, đức Thế Tôn đã thi triển phép thần thông có hình thức như thế và đã phun khói. Khi ấy, con rồng không chịu nổi sự khổ sở nên đã phun ra lửa. Đức Thế Tôn cũng đã nhập thiền để mục lửa và đã phun ra lửa. Trong khi cả hai đều có trạng thái rực sáng, ngôi nhà thờ lửa như là bị đốt cháy, bị phát cháy, có trạng thái rực sáng. Khi ấy, những đạo sĩ bện tóc ấy đã vây xung quanh nhà thờ lửa và nói như vậy: - “Quả thật vị đại Sa-môn có vóc dáng xinh đẹp đã bị con rồng hãm hại!” Sau đó, khi trải qua đêm ấy đức Thế Tôn đã không làm thương tổn đến lớp vỏ, làn da, thịt, gân, xương, tủy của con rồng này mà đã dùng lửa (của Ngài) làm cho lửa (của nó) bị kiệt quệ, rồi bỏ vào trong bình bát, và đưa cho đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa xem (nói rằng): - “Này Kassapa, đây là con rồng của người. Lửa của nó đã bị lửa (của ta) làm cho kiệt quệ.” Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: “Vị đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì vị ấy đã dùng lửa (của vị ấy) làm cho lửa của con rồng chúa dữ tợn, có pháp thuật, là con

rắn có nọc độc khủng khiếp bị kiệt quệ, nhưng vì ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây.”

4. Ở Nerañjarā, đức Thế Tôn đã nói với đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rằng: - ‘Này Kassapa, nếu không trở ngại cho người thì đêm nay hãy để ta ngủ ở nơi thờ phụng lửa.’

- ‘Này vị đại Sa-môn, quả chẳng có trở ngại cho tôi. Chỉ vì muốn được yên tâm mà tôi ngăn cản ngài. Nơi đây có con rồng chúa dữ tợn, có pháp thuật, là con rắn có nọc độc khủng khiếp, không thể để cho nó hại ngài được.’

- ‘Biết đâu nó có thể không hại ta. Này Kassapa, người hãy cho phép (ta cư ngụ) nhà thờ lửa đi.’ Sau khi biết được điều ấy là: ‘Đã được cho phép,’ Ngài đã đi vào, không khiếp đảm, đã là nỗi sợ hãi.

Thấy vị ẩn sĩ đã đi vào, con rồng chúa có ý bực bội đã phun khói. Vị chúa của loài người, với tâm hòa dịu, với ý cao cả, tại nơi đó cũng đã phun khói.

Và không nén được nổi bực tức, con rồng chúa đã phun lửa như là cơn hỏa hoạn. Vị chúa của loài người, thiện xảo về các đề mục lửa, tại nơi đó cũng đã phun lửa.

Trong khi cả hai đều có trạng thái rực sáng, các đạo sĩ bện tóc đã vây xung quanh nhà thờ lửa và nói rằng: - ‘Đương nhiên là vị đại Sa-môn có vóc dáng xinh đẹp bị con rồng hãm hại!’

Rồi đêm đã qua đi, các ngọn lửa lửa của rừng chúa chẳng còn, còn các ngọn lửa của vị có thân lực vẫn tồn tại và có nhiều màu sắc.

Các ngọn lửa nhiều màu sắc từ cơ thể của vị Añ gīrasa có các màu sắc trong suốt, xanh, đỏ, tím, vàng.

Sau khi đặt con rồng vào bình bát, Ngài đã đưa ra cho vị Bà-la-môn xem: - ‘Này Bà-la-môn, đây là con rồng của ngươi. Lửa của nó đã bị kiệt quệ vì ngọn lửa (của ta).’”¹

5. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa vô cùng hoan hỷ với sự kỳ diệu của thần thông này của đức Thế Tôn nên đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Này vị đại Sa-môn, hãy cư ngụ ngay tại đây, tôi có thức ăn trường kỳ cho ngài.

Điều kỳ diệu thứ nhất.

--ooOoo--

6. Sau đó, đức Thế Tôn đã cư ngụ trong khu rừng rậm nọ không xa khu ẩn cư của đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa. Khi ấy vào lúc đêm khuya, bốn vị Đại Thiên Vương có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn

¹ Ngài Buddhaghosa cho biết đây là các lời kệ được lưu truyền về sau này (VinA. v, 971).

bộ khu rừng rậm, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở bốn phương giống như là những khối lửa khổng lồ.

Sau đó, khi trải qua đêm ấy đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Này vị đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Này vị đại Sa-môn, trong lúc đêm khuya những ai có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm, rồi đã đi đến gặp ngài, sau khi đến đã đánh lễ ngài rồi đứng ở bốn phương giống như là những khối lửa khổng lồ vậy?” - “Này Kassapa, các vị ấy là bốn vị Đại Thiên Vương đã đi đến gặp ta để nghe Pháp.” Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: “Vị đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả bốn vị Đại Thiên Vương còn đi đến gặp để nghe Pháp, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây.” Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy.

Điều kỳ diệu thứ nhì.

--ooOoo--

7. Sau đó, trong lúc đêm khuya vị chúa của chư Thiên Sakka có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn

bộ khu rừng rậm, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở một bên giống như là khối lửa khổng lồ còn rực rỡ hơn và thù thắng hơn những hào quang đầy màu sắc trước đây nữa.

Sau đó, khi trải qua đêm ấy đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Này vị đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Này vị đại Sa-môn, trong lúc đêm khuya người nào có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm, rồi đã đi đến gặp ngài, sau khi đến đã đánh lễ ngài rồi đứng ở một bên giống như là khối lửa khổng lồ còn rực rỡ hơn và thù thắng hơn những hào quang đầy màu sắc trước đây nữa vậy?”

- “Này Kassapa, vị ấy là chúa của chư Thiên Sakka đã đi đến gặp ta để nghe Pháp.” Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: “Vị đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả chúa của chư Thiên Sakka còn đi đến gặp để nghe Pháp, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây.” Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy.

Điều kỳ diệu thứ ba.

--ooOoo--

8. Sau đó, trong lúc đêm khuya vị Phạm Thiên Sahampati có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở một bên giống như là khối lửa khổng lồ còn rực rỡ hơn và thù thắng hơn những hào quang đầy màu sắc trước đây nữa.

9. Sau đó, khi trải qua đêm ấy đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Này vị đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Này vị đại Sa-môn, trong lúc đêm khuya người nào có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm, rồi đã đi đến gặp ngài, sau khi đến đã đánh lễ ngài rồi đứng ở một bên giống như là khối lửa khổng lồ còn rực rỡ hơn và thù thắng hơn những hào quang đầy màu sắc trước đây nữa vậy?”

- “Này Kassapa, vị ấy là Phạm Thiên Sahampati đã đi đến gặp ta để nghe Pháp.” Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: “Vị đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì vị Phạm Thiên Sahampati còn đi đến gặp để nghe Pháp, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây.” Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy.

Điều kỳ diệu thứ tư.

--ooOoo--

10. Vào lúc bấy giờ, buổi đại lễ cúng tế của đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đến. Toàn bộ dân chúng ở Ànga và Magadha đem lại nhiều thức ăn loại cứng loại mềm với ý định tham dự. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: “Giờ đây buổi đại lễ cúng tế của ta đã đến, toàn bộ dân chúng ở Ànga và Magadha sẽ đem lại nhiều thức ăn loại cứng loại mềm và tham dự. Nếu vị đại Sa-môn thực hiện sự kỳ diệu của thần thông trước đám đông thì lợi lộc và tôn kính sẽ tăng trưởng cho vị đại Sa-môn, còn lợi lộc và tôn kính của ta sẽ bị giảm đi; vậy thì vị đại Sa-môn không thể đi đến vào ngày mai.”

11. Khi ấy, đức Thế Tôn dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa nên đã đi đến xứ Kuru ở phương Bắc, từ nơi ấy đã đem lại đồ ăn khát thực và đã thọ thực ở hồ Anotatta, rồi đã nghỉ trưa ở ngay tại nơi ấy.

12. Sau đó, khi trải qua đêm ấy đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Này vị đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Này vị đại Sa-môn, việc gì khiến ngài đã không đi đến ngày hôm qua?

Tuy nhiên, chúng tôi cũng có nhớ đến ngài rằng: ‘Việc gì khiến vị đại Sa-môn không đi đến?’ Phân chia về thức ăn loại cứng và loại mềm đã được để dành cho ngài.”

13. - “Này Kassapa, thế không phải người đã khởi ý điều này: ‘Giờ đây buổi đại lễ cúng tế của ta đã đến, toàn bộ dân chúng ở Aṅga và Magadha sẽ đem lại nhiều thức ăn loại cứng loại mềm và tham dự. Nếu vị đại Sa-môn thực hiện sự kỳ diệu của thần thông trước đám đông thì lợi lộc và tôn kính sẽ tăng trưởng cho vị đại Sa-môn, còn lợi lộc và tôn kính của ta sẽ bị giảm đi; vậy thì vị đại Sa-môn không thể đi đến vào ngày mai.’

14. Này Kassapa, ta đây dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của người nên đã đi đến xứ Kuru ở phương Bắc, từ nơi ấy đã đem lại đồ ăn khát thực và đã thọ thực ở hồ Anotatta, rồi đã nghỉ trưa ở ngay tại nơi ấy.”

15. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: “Vị đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì vị ấy còn biết được tâm bằng tâm, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây.” Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy.

Điều kỳ diệu thứ năm.

--ooOoo--

1. Vào lúc bấy giờ, có vài *paṃsukūla*¹ đã phát sanh đến đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: “Vay ta có thể giặt vài *paṃsukūla* ở đâu?” Khi ấy, vị chúa của chư Thiên Sakka dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn nên đã dùng tay đào thành cái hồ nước rồi nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy giặt vài *paṃsukūla* ở đây.” Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: “Vay ta có thể nhồi vài *paṃsukūla* ở nơi vật gì?” Khi ấy, vị chúa của chư Thiên Sakka dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn nên đã mang lại tảng đá lớn rồi nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy nhồi vài *paṃsukūla* ở đây.” Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: “Vay ta có thể nắm vào vật gì và bước lên?” Khi ấy, vị Thiên thần ngụ ở cây *Kakudha* dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn nên đã uốn cong cành cây xuống (nói rằng): - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy nắm vào đây và bước lên.” Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: “Vay ta có thể phơi khô vài *paṃsukūla* ở nơi vật gì?” Khi ấy, vị chúa của chư Thiên Sakka dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn nên đã mang lại tảng đá lớn rồi nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy phơi khô vài *paṃsukūla* ở đây.”

¹ Vài *paṃsukūla*: Chủ yếu là vài quần thầy người chết được đem bỏ ở bãi tha ma, hoặc là vài nhặt ở các đồng rác. Ở một vài chỗ, chúng tôi đã dịch là ‘vải dơ bị quăng bỏ’ (ND).

2. Sau đó, khi trải qua đêm ấy đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Này vị đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Này vị đại Sa-môn, có phải trước kia cái hồ nước này không có ở đây, giờ cái hồ nước này đây lại có ở đây? Trước kia hòn đá này không được đem lại, do ai mà hòn đá này đã được đem lại? Trước kia cành của cây *Kakudha* này không bị uốn cong xuống, giờ cành cây này đây đã bị uốn cong xuống?”

3. - “Này Kassapa, trường hợp này là có vài *paṃsukūla* đã phát sanh đến ta. Ta đây đã khởi ý điều này: “Vậy ta có thể giặt vài *paṃsukūla* ở đâu?” Khi ấy, vị chúa của chư Thiên Sakka dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của ta nên đã dùng tay đào thành cái hồ nước rồi nói với ta điều này: “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy giặt vài *paṃsukūla* ở đây.” Cái hồ này đây đã được đào bằng bàn tay bởi hạng không phải là người. Này Kassapa, ta đây đã khởi ý điều này: “Vậy ta có thể nhồi vài *paṃsukūla* ở nơi vật gì?” Khi ấy, vị chúa của chư Thiên Sakka dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của ta nên đã mang lại tảng đá lớn: “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy nhồi vài *paṃsukūla* ở đây.” Hòn đá này đây đã được đem lại bởi hạng không phải là người. Này Kassapa, ta đây đã khởi ý điều này: “Vậy ta có thể nắm vào vật gì và bước lên?” Khi ấy, vị Thiên thần ngụ ở cây *Kakudha* dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của ta nên đã uốn cong cành cây xuống: “Bạch ngài, xin đức Thế

Tôn hãy nắm vào đây và bước lên.” Cây *Kakudha* này đây là vật để tay nắm vào. Nay Kassapa, ta đây đã khởi ý điều này: “Vậy ta có thể phơi khô vải *paṃsukūla* ở nơi vật gì?” Khi ấy, vị chúa của chư Thiên Sakka dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của ta nên đã mang lại tảng đá lớn: “Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy phơi khô vải *paṃsukūla* ở đây.” Hòn đá này đây đã được đem lại bởi hạng không phải là người. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: “Vị đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì vị chúa của chư Thiên Sakka còn phải phục vụ, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây.” Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy.

4. Sau đó, khi trải qua đêm ấy đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Này vị đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.” - “Này Kassapa, người hãy đi rồi ta đến.” Sau khi bảo vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đi, Ngài đã hái trái cây từ cây *Jambu*,¹ do cây *Jambu* mà Jambudīpa² được biết tiếng, rồi đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa. Vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã nhìn thấy đức Thế Tôn ngồi trong nhà thờ lửa, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Này vị đại Sa-môn, ngài đã đi đến bằng con

¹ Trái *Jambu* là trái mận (tiếng miền Nam), hoặc đào đỏ (tiếng miền Trung).

² Jambudīpa, dịch là đảo Jambu, tức là bán đảo Ấn Độ (ND).

đường nào? Tôi đã ra đi trước ngài, vậy mà ngài đây đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa.” - “Này Kassapa, trong trường hợp này, sau khi bảo người đi, ta đã hái trái cây từ cây *Jambu*, do cây *Jambu* mà Jambudīpa được biết tiếng, rồi đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa. Này Kassapa, trái cây *Jambu* này đạt được màu sắc, đạt được hương thơm, đạt được mùi vị, nếu người thích thì hãy ăn đi.” - “Này vị đại Sa-môn, thôi đi. Chính ngài đã mang nó lại thì chính ngài hãy ăn nó.” Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: “Vị đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì sau khi bảo ta đi trước, vị ấy đã hái trái cây từ cây *Jambu*, do cây *Jambu* mà Jambudīpa được biết tiếng, rồi đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây.” Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy.

5. Sau đó, khi trải qua đêm ấy đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Này vị đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.” - “Này Kassapa, người hãy đi rồi ta đến.” Sau khi bảo vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đi, ngài đã hái trái xoài không xa cây *Jambu*, do cây *Jambu* mà Jambudīpa được biết tiếng, —nt— trái *Āmalakī* không xa cây *Jambu*, —nt— trái *Haritakī* không xa cây *Jambu*, —nt— đã đi đến cõi trời Đạo Lợi hái bông hoa của cây san hô, rồi đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa. Vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa

đã nhìn thấy đức Thế Tôn ngồi trong nhà thờ lửa, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Này vị đại Sa-môn, ngài đã đi đến bằng con đường nào? Tôi đã ra đi trước ngài vậy mà ngài đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa.” - “Này Kassapa, trong trường hợp này, sau khi bảo người đi, ta đã đi đến cội trời Đạo Lợi hái bông hoa của cây san hô, rồi đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa. Này Kassapa, bông hoa của cây san hô này đạt được màu sắc, đạt được hương thơm.” Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: “Vị đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì sau khi bảo ta đi trước, vị ấy đã đi đến cội trời Đạo Lợi hái bông hoa của cây san hô, rồi đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây.”

6. Vào lúc bấy giờ, các vị đạo sĩ bện tóc ấy, có ước muốn thờ phụng lửa, không thể chẻ nhỏ các thanh củi được. Khi ấy, các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã khởi ý điều này: “Chắc chắn là do năng lực thần thông của vị đại Sa-môn nên chúng ta không thể nào chẻ nhỏ các thanh củi được!” Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này: - “Này Kassapa, hãy khiến các thanh củi được chẻ nhỏ.” - “Này vị đại Sa-môn, hãy khiến chúng được chẻ nhỏ.” Ngay lập tức, năm trăm thanh củi đã được chẻ nhỏ. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: “Vị đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả các

thanh củi cũng không chẻ nhỏ được, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây.”

7. Vào lúc bấy giờ, các vị đạo sĩ bện tóc ấy, có ước muốn thờ phụng lửa, không thể đốt lên ngọn lửa được. Khi ấy, các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã khởi ý điều này: “Chắc chắn là do năng lực thần thông của vị đại Sa-môn nên chúng ta không thể nào đốt lên ngọn lửa được!” Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này: - “Này Kassapa, hãy khiến các ngọn lửa được đốt lên.” - “Này vị đại Sa-môn, hãy khiến chúng được đốt lên.” Ngay lập tức, năm trăm ngọn lửa đã được đốt lên. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: “Vị đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả các ngọn lửa cũng không đốt lên được, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây.”

8. Vào lúc bấy giờ, các vị đạo sĩ bện tóc ấy sau khi thờ phụng lửa không thể dập tắt ngọn lửa được. Khi ấy, các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã khởi ý điều này: “Chắc chắn là do năng lực thần thông của vị đại Sa-môn nên chúng ta không thể nào dập tắt các ngọn lửa được!” Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này: - “Này Kassapa, hãy khiến các ngọn lửa được dập tắt.” - “Này vị đại Sa-môn, hãy khiến chúng được dập tắt.” Ngay lập tức, năm trăm ngọn lửa đã được dập tắt. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvela-kassapa đã khởi ý

điều này: “Vị đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả các ngọn lửa cũng không dập tắt được, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây.”

9. Vào lúc bấy giờ, trong khoảng thời gian tám đêm của mùa đông lạnh lẽo, vào lúc tuyết rơi các vị đạo sĩ bện tóc ấy sụp xuống và trôi lên trong giòng sông Nerañjarā, rồi lại thực hiện những hành động trôi lên sụp xuống. Khi ấy, đức Thế Tôn đã làm hiện ra các chảo lửa có số lượng năm trăm cái ở chỗ các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã lội lên và sưởi ấm. Khi ấy, các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã khởi ý điều này: “Chắc chắn là do năng lực thần thông của vị đại Sa-môn cho nên các chảo lửa này đã được hiện ra.” Khi ấy, vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: “Vị đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì vị ấy còn làm hiện ra các chảo lửa nhiều đến mức này, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây.”

10. Vào lúc bấy giờ, có đám mây đen lớn sái mùa đã đổ mưa tạo thành trận lũ lụt lớn. Trong khu vực nào đức Thế Tôn cư ngụ thì nước không tràn đến khu vực ấy. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: “Hay là ta nên đẩy nước ra xung quanh rồi đi kinh hành ở khoảng giữa trên mặt đất được phủ đầy bụi?” Sau đó, đức Thế Tôn đã đẩy nước ra xung quanh rồi đi kinh hành ở khoảng giữa trên mặt đất được phủ đầy bụi. Khi ấy, vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa (nghĩ rằng): “Chỉ mong sao vị đại Sa-

môn không bị nước cuốn trôi đi!” rồi đã cùng nhiều vị đạo sĩ bện tóc đi thuyền đến khu vực đức Thế Tôn cư ngụ. Vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi kinh hành ở khoảng giữa trên mặt đất được phủ đầy bụi sau khi đã đẩy nước ra xung quanh, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Này vị đại Sa-môn, ngài có đây không?” - “Này Kassapa, có ta đây.” Đức Thế Tôn đã bay lên không trung và đứng ở tại chiếc thuyền. Khi ấy, vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: “Vị đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả nước (lũ) cũng không làm gì được, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây.”

11. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: “Đã lâu nay, kẻ rồ dại này chỉ khởi ý rằng: ‘Vị đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây.’ Hay là ta nên làm cho vị đạo sĩ bện tóc này phải nao núng?” Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này: - “Này Kassapa, người chẳng phải là A-la-hán và cũng chẳng đạt được con đường đưa đến quả vị A-la-hán. Thậm chí người cũng không có đường lối thực hành để người có thể trở thành A-la-hán hoặc đạt được con đường đưa đến quả vị A-la-hán.”

12. Khi ấy, vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã quỳ xuống đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói

với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Con có thể tu lên bậc trên không?” - “Này Kassapa, người là vị lãnh đạo, vị hướng dẫn, vị quan trọng nhất, vị đứng đầu, vị thủ lĩnh của năm trăm đạo sĩ bện tóc. Người hãy thông báo đến các vị ấy. Các vị ấy sẽ làm theo cách các vị ấy suy tính. các vị suy tính như thế nào thì các vị sẽ làm như thế ấy.”

13. Sau đó, vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp các đạo sĩ bện tóc ấy, sau khi đến đã nói với các đạo sĩ bện tóc ấy điều này: - “Này các ông, ta muốn thực hành Phạm hạnh theo vị đại Sa-môn. Các ông suy tính như thế nào thì các ông hãy làm như thế ấy.” - “Ngài ơi, chúng tôi có niềm tin với vị đại Sa-môn đã lâu nay. Nếu ngài thực hành Phạm hạnh theo vị đại Sa-môn, hết thầy tất cả chúng tôi sẽ thực hành Phạm hạnh theo vị đại Sa-môn.”

14. Sau đó, các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã quăng trôi theo dòng nước các chùm tóc, các bện tóc, các đồ đạc, các dụng cụ thờ lửa rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã quỳ xuống đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?” Đức Thế Tôn đã nói rằng: - “Này các tỳ khuru, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ

đau.” Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của đại đức ấy.

15. Đạo sĩ bện tóc Nadīkassapa đã nhìn thấy các chùm tóc, các bện tóc, các đồ đạc, các dụng cụ thờ lửa ở dòng nước đang trôi chảy, sau khi nhìn thấy, đã khởi ý điều này: “Chớ có việc gì nguy hiểm xảy ra cho anh trai của ta!” rồi đã phái các đạo sĩ bện tóc (nói rằng): “Các vị hãy đi và tìm hiểu xem các anh trai của ta (thế nào)!” Còn bản thân cùng với ba trăm đạo sĩ bện tóc đã đi đến gặp đại đức Uruvelakassapa, sau khi đến đã nói với đại đức Uruvelakassapa điều này: - “Này Kassapa, điều này là tốt hơn hay sao?” - “Này đệ, đúng vậy. Điều này là tốt hơn.” Sau đó, các đạo sĩ bện tóc ấy đã quăng trôi theo dòng nước các chùm tóc, các bện tóc, các đồ đạc, các dụng cụ thờ lửa rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã quỳ xuống đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?” Đức Thế Tôn đã nói rằng: - “Này các tỳ khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.” Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của đại đức ấy.

16. Đạo sĩ bện tóc Gayākassapa đã nhìn thấy các chùm tóc, các bện tóc, các đồ đạc, các dụng cụ thờ lửa ở dòng nước đang trôi chảy, sau khi nhìn thấy, đã khởi ý

điều này: “Chớ có việc gì nguy hiểm xảy ra cho các anh trai của ta!” rồi đã phái các đạo sĩ bện tóc (nói rằng): “Các vị hãy đi và tìm hiểu xem các anh trai của ta (thế nào)!” Còn bản thân cùng với hai trăm đạo sĩ bện tóc đã đi đến gặp đại đức Uruvelakassapa, sau khi đến đã nói với đại đức Uruvelakassapa điều này: - “Này Kassapa, điều này là tốt hơn hay sao?” - “Này đệ, đúng vậy. Điều này là tốt hơn.”

17. Sau đó, các đạo sĩ bện tóc ấy đã quăng trôi theo dòng nước các chùm tóc, các bện tóc, các đồ đạc, các dụng cụ thờ lửa rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã quỳ xuống đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?” Đức Thế Tôn đã nói rằng: - “Này các tỳ khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.” Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của đại đức ấy.

Do nguyên lực của đức Thế Tôn, năm trăm thanh củi đã không chẻ ra được, rồi đã được chẻ ra, các ngọn lửa đã không đốt lên được, rồi đã được đốt lên, đã không dập tắt được, rồi đã được dập tắt, năm trăm chảo lửa đã được làm hiện ra. Theo cách thức ấy, có ba ngàn năm trăm điều kỳ diệu.

18. Sau đó, khi đã ngụ tại Uruvelā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía đỉnh Gayā cùng

với đại chúng tỳ khuru gồm có một ngàn vị tỳ khuru, hết thảy tất cả đều là các đạo sĩ bện tóc trước đây. Tại nơi đó ở Gayā, đức Thế Tôn ngự tại đỉnh Gayā cùng với một ngàn vị tỳ khuru. Tại nơi đó, đức Thế Tôn đã bảo các vị tỳ khuru rằng:

- “Này các tỳ khuru, tất cả đều bị cháy rực. Và này các tỳ khuru, cái gì là tất cả đều bị cháy rực? Này các tỳ khuru, mắt bị cháy rực, các sắc bị cháy rực, sự nhận thức của mắt bị cháy rực, sự tiếp xúc của mắt bị cháy rực, tức là sự cảm thọ được sanh lên do duyên tiếp xúc của mắt là lạc, hay là khổ, hoặc không khổ không lạc cũng đều bị cháy rực. Bị cháy rực bởi điều gì? Ta nói rằng: ‘Bị cháy rực bởi lửa tham, bởi lửa sân, bởi lửa si. Bị cháy rực bởi sanh, bởi già, bởi chết, bởi những nỗi buồn rầu, bởi những điều ta thán, bởi những nỗi khổ đau, bởi những sự bất mãn, bởi những điều thất vọng.’

Tai bị cháy rực, các âm thanh bị cháy rực, —nt— Mũi bị cháy rực, các mùi bị cháy rực, —nt— Lưỡi bị cháy rực, các vị nếm bị cháy rực, —nt— Thân bị cháy rực, các sự xúc chạm bị cháy rực, —nt— Ý bị cháy rực, các pháp bị cháy rực, sự nhận thức của ý bị cháy rực, sự tiếp xúc của ý bị cháy rực, tức là sự cảm thọ được sanh lên do duyên tiếp xúc của ý là lạc, hay là khổ, hoặc không khổ không lạc cũng đều bị cháy rực. Bị cháy rực bởi điều gì? Ta nói rằng: ‘Bị cháy rực bởi lửa tham, bởi lửa sân, bởi lửa si. Bị cháy rực bởi sanh, bởi già, bởi chết, bởi những nỗi buồn rầu, bởi những điều ta thán, bởi những nỗi khổ đau, bởi

những sự bất mãn, bởi những điều thất vọng.’ Nay các tỳ khuru, trong khi thấy như thế vị Thánh đệ tử có sự học hỏi không còn hứng thú đến mắt, không còn hứng thú đến các sắc, không còn hứng thú đến sự nhận thức của mắt, không còn hứng thú đến sự tiếp xúc của mắt, tức là không còn hứng thú đến sự cảm thọ được sanh lên do duyên tiếp xúc của mắt là lạc, hay là khổ, hoặc không khổ không lạc.

(Vị ấy) không còn hứng thú đến tai, không còn hứng thú đến các âm thanh, —nt— không còn hứng thú đến mũi, không còn hứng thú đến các mùi, —nt— không còn hứng thú đến lưỡi, không còn hứng thú đến các vị nếm, —nt— không còn hứng thú đến thân, không còn hứng thú đến các sự xúc chạm, —nt— không còn hứng thú đến ý, không còn hứng thú đến các pháp, không còn hứng thú đến sự nhận thức của ý, không còn hứng thú đến sự tiếp xúc của ý, tức là không còn hứng thú đến sự cảm thọ được sanh lên do duyên tiếp xúc của ý là lạc, hay là khổ, hoặc không khổ không lạc; trong khi không còn hứng thú, vị ấy không còn tham ái; do không còn tham ái vị ấy được giải thoát; trong khi được giải thoát, trí khởi lên rằng: ‘Đã được giải thoát.’ Vị ấy biết được rằng: ‘Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã hoàn tất, việc cần làm đã làm, không còn gì khác (phải làm) đối với bản thể (A-la-hán) này nữa.’”

19. Và trong khi bài kinh này được thuyết giảng, các tâm của một ngàn vị tỳ khưu ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

Dứt phần giảng về ‘Bị Cháy Rực.’

Dứt tụng phẩm ‘Sự Kỳ Diệu ở Uruvelā’ là thứ ba.

--ooOoo--

1. Sau đó, khi đã ngự tại Uruvelā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía thành Rājagaha cùng với đại chúng tỳ khuru gồm có một ngàn vị tỳ khuru, hết thầy tất cả đều là các đạo sĩ bện tóc trước đây. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó ở thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại khu rừng Lat̐hi, nơi điện thờ Suppatit̐ha. Đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nghe được rằng: “Chắc chắn là ngài Sa-môn Gotama, con trai dòng Sakya, từ dòng dõi Sakya đã xuất gia, đã ngự đến thành Rājagaha và trú ở thành Rājagaha, tại khu rừng Lat̐hi, nơi điện thờ Suppatit̐ha. Tiếng tăm tốt đẹp về ngài Gotama ấy đã được lan rộng ra như vậy: ‘Đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Tối Thượng Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.’ Với thắng trí của mình, vị ấy chứng ngộ và công bố về thế gian này tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma Vương, cõi Phạm Thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài người. Vị ấy thuyết giảng Giáo Pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Tốt thay cho việc diện kiến các vị A-la-hán như thế ấy!”

2. Sau đó, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha được tháp tùng bởi một trăm hai mươi ngàn¹ Bà-la-môn

¹ Một trăm hai mươi ngàn (*dvādaśanahuta* = *dvādaśa* + *nahuta* = 12 *nahuta*). Ngài Buddhaghosa giải thích là: 1 *nahuta* = 10.000, như vậy

và gia chủ người xứ Magadha đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Còn một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy, một số đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, một số đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi ngồi xuống ở một bên, một số đã chấp tay cúi chào đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên, một số đã xưng tên họ trước đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên, một số có thái độ im lặng rồi ngồi xuống ở một bên.

3. Khi ấy, một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy đã khởi ý điều này: “Vị đại Sa-môn thực hành Phạm hạnh theo Uruvelakassapa, hay là Uruvelakassapa thực hành Phạm hạnh theo vị đại Sa-môn?” Khi ấy, đức Thế Tôn dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy nên đã nói với đại đức Uruvelakassapa bằng bài kệ này:

4. - “*Kẻ trú ở Uruvelā, người giáo huấn các đạo sĩ khổ hạnh, sau khi đã thấy điều gì, mà đã từ bỏ ngọn lửa? Nay Kassapa, ta hỏi người điều này: “Tại sao việc thờ lửa của người bị từ bỏ?”*”

12 *nahuta* = 120.000 (VinA. v, 972). Trong khi đó từ điển *A dictionary of the Pali Language* của Robert Caesar Childers ghi là: 1 *nahuta* = 10.000.000⁴, tức là 28 con số không (0) sau con số một, như thế 12 *nahuta* là một con số quá lớn, không hợp lý trong trường hợp này.

- “Việc cúng tế đề cập đến các hình ảnh, các âm thanh, và các mùi vị, dục lạc, và đàn bà. Sau khi nhận biết rằng ‘việc ấy là ô nhiễm’ trong các mầm mống tái sanh, vì thế con đã không thích thú các việc hy sinh (hay) các việc cúng tế.”

(Đức Thế Tôn nói với Kassapa): - “Và ở đây tâm của người đã không thích thú đối với các hình ảnh, các âm thanh, và các mùi vị, như thế thì giờ đây, ở thế giới nhân Thiên (cái gì) là được tâm thích thú? Nay Kassapa, hãy nói với ta về điều ấy.”

- “Sau khi đã nhìn thấy đạo lộ thanh tịnh, không mầm mống tái sanh, không có gì (về tham ái), không bị trói buộc trong dục lạc và hiện hữu, không còn những thứ khác (sanh, lão, tử, v.v...), không thể đạt đến bằng đường lối nào khác, vì thế con đã không thích thú các việc hy sinh (hay) các việc cúng tế.”

5. Sau đó, đại đức Uruvelakassapa đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, quỳ xuống lễ đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo Sư của con, con là người đệ tử. Bạch ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo Sư của con, con là người đệ tử.” Khi ấy, một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy đã khởi ý điều này: “Uruvelakassapa thực hành Phạm hạnh theo vị đại Sa-môn.” Sau đó, đức Thế Tôn dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy nên đã

thuyết Pháp theo thứ lớp đến những người ấy. Tức là ngài đã giảng giải bài thuyết về bổ thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời, sự ô nhiễm hạ liệt tai hại của các dục, và sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được những người ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, ngài đã phô bày Pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng giống như tấm vải sạch chưa bị vết nhơ có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy có đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đứng đầu: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.” Mười ngàn người đã tuyên bố bản thân là cư sĩ.

6. Sau đó, khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc Đạo Sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, trước đây khi còn là hoàng tử trăm đã có năm điều ước nguyện, giờ đây các điều ấy đã được thành tựu cho trăm. Bạch ngài, trước đây khi còn là hoàng tử trăm đã khởi ý điều này: ‘Ước gì họ tấn phong ta làm vua!’ Bạch ngài, đó là điều ước nguyện thứ nhất của trăm; giờ đây điều ấy đã được thành tựu cho trăm. ‘Ước gì bậc A-la-

hán, Chánh Đẳng Giác đi vào vương quốc của ta đây!’ Bạch ngài, đó là điều ước nguyện thứ nhì của trăm; giờ đây điều ấy đã được thành tựu cho trăm. ‘Ước gì ta được tỏ lòng tôn kính đến đức Thế Tôn ấy!’ Bạch ngài, đó là điều ước nguyện thứ ba của trăm; giờ đây điều ấy đã được thành tựu cho trăm. ‘Ước gì đức Thế Tôn ấy thuyết giảng Giáo Pháp cho ta!’ Bạch ngài, đó là điều ước nguyện thứ tư của trăm; giờ đây điều ấy đã được thành tựu cho trăm. ‘Ước gì ta có thể hiểu được Giáo Pháp của đức Thế Tôn ấy!’ Bạch ngài, đó là điều ước nguyện thứ năm của trăm; giờ đây điều ấy đã được thành tựu cho trăm. Bạch ngài, trước đây khi còn là hoàng tử, trăm đã có năm điều ước nguyện này; giờ đây các điều ấy đã được thành tựu cho trăm.

7. Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối (nghĩ rằng): ‘Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dáng;’ tương tự như thế, Pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch ngài, trăm đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo Pháp, và Hội Chúng tỳ khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận trăm là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời trăm về bữa thọ trai vào ngày mai cùng với hội chúng tỳ khưu. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

8. Khi ấy, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi. Sau đó, khi trải qua đêm ấy đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã cho người chuẩn bị thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm rồi sai người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: - “Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.” Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, đi vào thành Rājagaha cùng với đại chúng tỳ khuru gồm có một ngàn vị tỳ khuru, hết thấy tất cả đều là các đạo sĩ bện tóc trước đây. Vào lúc bấy giờ, chúa của chư Thiên Sakka đã biến thành hình dáng của người thanh niên đi phía trước hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu ngâm nga những lời kệ này:

9. Vị đã tự rèn luyện, đã hoàn toàn giải thoát, cùng những vị trước đây là các đạo sĩ bện tóc (giò) đã được rèn luyện, đã hoàn toàn giải thoát. Với sắc màu vàng khô, đức Thế Tôn đã đi vào thành Rājagaha.

Vị đã được thanh tịnh, đã hoàn toàn giải thoát, cùng những vị trước đây là các đạo sĩ bện tóc (giò) đã được thanh tịnh, đã hoàn toàn giải thoát. Với sắc màu vàng khô, đức Thế Tôn đã đi vào thành Rājagaha.

Vị đã được tự do, đã hoàn toàn giải thoát, cùng những vị trước đây là các đạo sĩ bện tóc (giò) đã được tự do, đã hoàn toàn giải thoát. Với sắc màu vàng khô, đức Thế Tôn đã đi vào thành Rājagaha.

Vị đã tự vượt qua, đã hoàn toàn giải thoát, cùng những vị trước đây là các đạo sĩ bện tóc (giò) đã được vượt qua, đã hoàn toàn giải thoát. Với sắc màu vàng khô, đức Thế Tôn đã đi vào thành Rājagaha.

Đấng Thập Trú,¹ Thập Lực, bậc thông hiểu mười pháp² và đã thành đạt mười điều,³ đức Thế Tôn ấy được tháp tùng bởi một ngàn vị đã đi vào thành Rājagaha.

Dân chúng sau khi nhìn thấy chúa của chư Thiên Sakka đã nói như vậy: -“Chàng thanh niên trẻ này thật đẹp trai! Chàng thanh niên trẻ này thật duyên dáng! Chàng thanh niên trẻ này thật đáng tin! Chàng thanh niên trẻ này là thuộc về ai vậy?” Khi được nói như thế, chúa của chư Thiên Sakka đã nói với đám người ấy bằng bài kệ này:

¹ Đấng Thập Trú (*dasavāso*): là vị có sự cư trú trong mười pháp của bậc Thánh. H.T. Minh Châu dịch là ‘Mười Thánh cư’ (Xin xem *Kinh Trường Bộ*, kinh Phúng Tụng, phần Mười Pháp, hoặc *Kinh Tăng Chi Bộ*, chương 10 pháp, phẩm 2).

² Thông hiểu mười pháp (*dasadhammavidū*): là vị thông hiểu về mười đường lối tạo nghiệp (liên quan đến thân có 3, liên quan đến khẩu có 4 và liên quan đến ý có 3).

³ Thành đạt mười điều (*dasabhi cupeto*): là thành tựu mười pháp của bậc vô học gồm có: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh cần, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát (*Kinh Tăng Chi Bộ*, chương 10 pháp, phẩm 11). Ba điều này đã được triển khai dựa vào lời giải thích ngắn gọn của Chú Giải (VinA. v, 973).

“Vị nào là bậc trí tuệ, đã được rèn luyện về mọi mặt, là vị trong sạch, không có đôi thủ, là bậc A-la-hán, đấng Thiện Thệ ở thế gian, ta là người phục vụ cho vị ấy.”

10. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến tư dinh của đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng tỳ khuru. Khi ấy, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu với thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, đức vua đã ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn nên ngụ ở nơi nào đây? Đối với ngài, chỗ ấy không nên xa làng mạc lắm, cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có thể đi đến khi nào có ước muốn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít âm thanh, ít tiếng ồn, gió bị hạn chế, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh.” Rồi đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã khởi ý điều này: “Khu vườn Veluvana này của chúng ta là không xa làng mạc lắm, cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có thể đi đến khi nào có ước muốn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít âm thanh, ít tiếng ồn, gió bị hạn chế, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh, hay là ta nên dâng khu vườn Veluvana đến hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu?”

11. Sau đó, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã cầm lấy bình nước làm bằng vàng rưới nước lên (bàn tay của) đức Thế Tôn (nói rằng): - “Bạch ngài, trăm dăng khu vườn Veluvana này đến hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu.” Đức Thế Tôn đã thọ lãnh khu vườn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bằng bài Pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - *“Này các tỳ khưu, ta cho phép khu vườn.”*

12. Vào lúc bấy giờ, vị du sĩ Sañjaya cư trú tại thành Rājagaha cùng với tập thể du sĩ đông đảo gồm có hai trăm năm mươi vị du sĩ. Vào lúc bấy giờ, Sāriputta và Moggallāna thực hành Phạm hạnh theo du sĩ Sañjaya. Họ đã giao ước với nhau rằng: “Người nào chứng đạt sự bất tử trước phải thông báo cho vị kia hay.” Khi ấy vào buổi sáng, đại đức Assaji đã mặc y, rồi cầm y bát đi vào thành Rājagaha để khất thực. Vị ấy có mắt nhìn xuống, đã thành tựu các oai nghi, tạo được niềm tịnh tín khi đi tới bước lui, lúc nhìn ngấm, khi cử động co duỗi.

13. Du sĩ Sāriputta đã nhìn thấy đại đức Assaji, là vị có mắt nhìn xuống, đã thành tựu các oai nghi, tạo được niềm tịnh tín khi đi tới bước lui, lúc nhìn ngấm, khi cử động co duỗi, đang đi khất thực trong thành Rājagaha. Sau khi nhìn thấy đã khởi ý điều này: “Đây chính là vị tỳ khưu trong số các vị thật sự là A-la-hán trên thế gian,

hoặc là đã đạt được con đường đưa đến quả vị A-la-hán. Hay là ta nên đến gần vị tỳ khuru này và hỏi rằng: ‘Thưa đại đức, đại đức đã được xuất gia có liên quan đến vị nào?’ hoặc là ‘Ai là thầy của đại đức?’ hoặc là ‘Đại đức ưa thích pháp của vị nào?’”

14. Khi ấy, du sĩ Sāriputta đã khởi ý điều này: “Không phải lúc để hỏi vị tỳ khuru này, vị ấy đã đi vào xóm nhà và đang đi khát thực. Hay là ta nên đi sát theo sau vị tỳ khuru này là vị biết đạo lộ đang được học tập bởi những kẻ mong cầu sự lợi ích?” Sau đó, khi đã đi khát thực ở trong thành Rājagaha xong đại đức Assaji đã cầm lấy đồ ăn khát thực đi trở về. Khi ấy, du sĩ Sāriputta đã đi đến gần đại đức Assaji, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đại đức Assaji, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng ở một bên. Khi đã đứng ở một bên, du sĩ Sāriputta đã nói với đại đức Assaji điều này: - “Thưa đại đức, các giác quan của ngài thật thanh tịnh, màu sắc cơ thể thật trong sáng và thuần khiết. Thưa đại đức, đại đức đã được xuất gia có liên quan đến vị nào? Ai là thầy của đại đức? Đại đức ưa thích pháp của vị nào?”

15. - “Này đạo hữu, có vị đại Sa-môn con trai dòng Sakya, từ dòng họ Sakya đã xuất gia. Ta đã được xuất gia có liên quan đến đức Thế Tôn ấy. Đức Thế Tôn ấy là đạo sư của ta và ta ưa thích Pháp của đức Thế Tôn ấy.” - “Vị đạo sư của đại đức đã thuyết về điều gì? Đã giảng về điều gì?” - “Này đạo hữu, ta là vị mới tu, được xuất gia chưa bao lâu, vừa mới đến với Pháp và Luật này, ta

không thể thuyết giảng Giáo Pháp một cách chi tiết cho đạo hữu được; tuy nhiên ta sẽ nói cho đạo hữu ý nghĩa một cách tóm tắt.” Khi ấy, du sĩ Sāriputta đã nói với đại đức Assaji điều này: - “Thưa đại đức, hãy là vậy đi.

Xin hãy nói ít hoặc nhiều, xin hãy giảng thuận ý nghĩa cho tôi. Tôi chỉ cần ý nghĩa thôi, ngài nói nhiều từ làm chi?”

Khi ấy, đại đức Assaji đã nói với du sĩ Sāriputta lời dạy này thuộc về Giáo Pháp:

“Các pháp nào có nguồn sanh khởi do nhân, đức Như Lai đã nói về nhân của chúng và về sự diệt tắt của chúng, bậc Đại Sa-môn đã có lời dạy như thế.”

Sau đó, khi đã nghe được lời dạy thuộc về Giáo Pháp này thì Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến du sĩ Sāriputta: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

“Đây chính là Giáo Pháp, nếu chỉ bấy nhiêu thôi mà đã thấu triệt được Niết Bàn không sâu muộn (là pháp) đã không được nhìn thấy, đã trôi qua hàng vạn kiếp.”

16. Sau đó, du sĩ Sāriputta đã đi đến gặp du sĩ Moggallāna. Du sĩ Moggallāna đã nhìn thấy du sĩ Sāriputta từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với du sĩ Sāriputta điều này: - “Này bạn, các giác quan của bạn thật thanh tịnh, màu sắc cơ thể thật trong sáng

và thuần khiết. Này bạn, chắc hẳn là bạn đã chứng đạt sự bất tử?" - "Này bạn, đúng vậy. Tôi đã chứng đạt sự bất tử." - "Này bạn, bạn đã chứng đạt sự bất tử bằng cách như thế nào?" - "Này bạn, ở đây tôi đã nhìn thấy vị tỳ khuru Assaji, là vị có mắt nhìn xuống, đã thành tựu các oai nghi, tạo được niềm tịnh tín khi đi tới bước lui, lúc nhìn ngắm, khi cử động co duỗi, đang đi khát thực trong thành Rājagaha. Sau khi nhìn thấy đã khởi ý điều này: 'Đây chính là vị tỳ khuru trong số các vị thật sự là A-la-hán trên thế gian, hoặc là đã đạt được con đường đưa đến quả vị A-la-hán. Hay là ta nên đến gần vị tỳ khuru này và hỏi rằng: Thừa đại đức, đại đức đã được xuất gia có liên quan đến vị nào? hoặc là: Ai là thầy của đại đức? hoặc là: Đại đức ưa thích pháp của vị nào?' Này bạn, khi ấy tôi đây đã khởi ý điều này: 'Không phải lúc để hỏi vị tỳ khuru này, vị ấy đã đi vào xóm nhà và đang đi khát thực, hay là ta nên đi sát theo sau vị tỳ khuru này là vị biết đạo lộ đang được học tập bởi những kẻ mong cầu sự lợi ích?'

17. Này bạn, sau khi đi khát thực ở trong thành Rājagaha xong, vị tỳ khuru Assaji đã cầm lấy đồ ăn khát thực đi trở về. Này bạn, khi ấy tôi đã đi đến gần vị tỳ khuru Assaji, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với vị tỳ khuru Assaji, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng ở một bên. Này bạn, khi đã đứng một bên tôi đã nói với vị tỳ khuru Assaji điều này: 'Thưa đại đức, các giác quan của ngài thật thanh tịnh, màu sắc cơ thể thật trong sáng và thuần khiết. Thưa đại đức, đại đức đã

được xuất gia có liên quan đến vị nào? Ai là thầy của đại đức? Đại đức ưa thích pháp của vị nào?’

‘Này đạo hữu, có vị đại Sa-môn con trai dòng Sakya, từ dòng họ Sakya đã xuất gia. Ta đã được xuất gia có liên quan đến đức Thế Tôn ấy. Đức Thế Tôn ấy là đạo sư của ta và ta ưa thích Pháp của đức Thế Tôn ấy.’ ‘Vị đạo sư của đại đức đã thuyết về điều gì? Đã giảng về điều gì?’ ‘Này đạo hữu, ta là vị mới tu, được xuất gia chưa bao lâu, vừa mới đến với Pháp và Luật này, ta không thể thuyết giảng Giáo Pháp một cách chi tiết cho đạo hữu được; tuy nhiên ta sẽ nói cho đạo hữu ý nghĩa một cách tóm tắt.’ Này bạn, khi ấy tôi đã nói với đại đức Assaji điều này: ‘Thưa đại đức, hãy là vậy đi.

Xin hãy nói ít hoặc nhiều, xin hãy giảng thuận ý nghĩa cho tôi. Tôi chỉ cần ý nghĩa thôi, ngài nói nhiều thì làm chi?’

Này bạn, khi ấy vị tỳ khưu Assaji đã nói với tôi lời dạy này thuộc về Giáo Pháp:

“Các pháp nào có nguồn sanh khởi do nhân, đức Như Lai đã nói về nhân của chúng và về sự diệt tắt của chúng, bậc Đại Sa-môn đã có lời dạy như thế.”

Sau đó, khi đã nghe được lời dạy thuộc về Giáo Pháp này thì Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến du sĩ Moggallāna: ‘Điều gì có bản tánh

được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.’

“Đây chính là Giáo Pháp, nếu chỉ bấy nhiêu thôi mà đã thấu triệt được Niết Bàn không sâu muộn (là pháp) đã không được nhìn thấy, đã trôi qua hàng vạn kiếp.”

18. Sau đó, du sĩ Moggallāna đã nói với du sĩ Sāriputta điều này: - “Này bạn, chúng ta hãy đi đến với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo Sư của chúng ta.” - “Này bạn, hai trăm năm mươi du sĩ này sống ở đây đang nương tựa vào chúng ta, và đang trông nom chúng ta, chúng ta hãy thông báo đến các vị ấy, các vị suy tính như thế nào thì các vị sẽ làm như thế ấy.”

19. Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đi đến gặp các vị du sĩ ấy, sau khi đến đã nói với các vị du sĩ ấy điều này: - “Này các đạo hữu, chúng tôi đi đến với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo Sư của chúng tôi.” - “Chúng tôi sống ở đây nương tựa vào các đại đức, và đang trông nom các đại đức, nếu các đại đức sẽ thực hành Phạm hạnh theo vị đại Sa-môn hết thấy tất cả chúng tôi sẽ thực hành Phạm hạnh theo vị đại Sa-môn.”

Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đi đến gặp du sĩ Sañjaya, sau khi đến đã nói với du sĩ Sañjaya điều này: - “Này đại đức, chúng tôi đi đến với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo Sư của chúng tôi.” - “Này các đại

đức, thôi đủ rồi. Chớ có đi. Chính tất cả ba chúng ta sẽ quản trị nhóm người này.”

Đến lần thứ nhì, —nt— Đến lần thứ ba, Sāriputta và Moggallāna đã nói với du sĩ Saṅgya điều này: - “Này đại đức, chúng tôi đi đến với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo Sư của chúng tôi.” - “Này các đại đức, thôi đủ rồi. Chớ có đi. Chính tất cả ba chúng ta sẽ quản trị nhóm người này.”

20. Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đưa hai trăm năm mươi du sĩ ấy đi đến Veluvana. Về phần du sĩ Saṅgya, ngay tại chỗ ấy máu nóng đã ứa ra từ miệng.

Đức Thế Tôn đã nhìn thấy Sāriputta và Moggallāna từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, họ là hai người bạn, Kolita và Upatissa, đang đi đến. Họ sẽ trở thành một cặp đệ tử của ta, một cặp (đệ tử) xuất sắc, đứng đầu.

Khi hai vị có lãnh vực trí tuệ thâm sâu, (đã chứng) Niết Bàn vô thượng, đã được giải thoát, còn chưa đến được Veluvana, bậc Đạo Sư đã nói với các vị (tỳ khuru) ấy rằng:

Họ là hai người bạn, Kolita và Upatissa, đang đi đến. Họ sẽ trở thành một cặp đệ tử của ta, một cặp (đệ tử) xuất sắc, đứng đầu.”

21. Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã quỳ xuống đê đầu đánh lễ

ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?” Đức Thế Tôn đã nói rằng: - “Này các tỳ khuru, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.” Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các đại đức ấy.

22. Vào lúc bấy giờ, những người con trai gia đình danh giá ở xứ Magadha là những người có nhiều tiếng tăm thực hành Phạm hạnh theo đức Thế Tôn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Sa-môn Gotama đã tạo ra khuynh hướng không con cái, Sa-môn Gotama đã gây nên cảnh vợ không chồng, Sa-môn Gotama đã gây nên sự đổ vỡ của các gia đình. Hiện nay, cùng với ông ta một ngàn vị đạo sĩ bện tóc đã xuất gia, hai trăm năm mươi du sĩ này của Sañjaya đã xuất gia, và những người con trai gia đình danh giá này ở xứ Magadha là những người có nhiều tiếng tăm đang thực hành Phạm hạnh theo Sa-môn Gotama.” Hơn nữa, khi gặp các vị tỳ khuru họ đã quở trách bằng bài kệ này:

“Quả là vị đại Sa-môn đã đi đến thành Giribbaja thuộc xứ Magadha. Sau khi đã dẫn đi toàn bộ Sañjaya, giờ đây sẽ dẫn người nào đi?”

23. Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã

trình sự việc ấy lên đức Thế tôn. - “Này các tỳ khuru, tiếng đồn đại ấy sẽ không tồn tại lâu, sẽ tồn tại chỉ được bảy ngày, khi trải qua bảy ngày thì sẽ biến mất. Này các tỳ khuru, chính vì việc ấy những người nào quở trách các người bằng bài kệ này:

“Quả là vị đại Sa-môn đã đi đến thành Giribbaja thuộc xứ Magadha. Sau khi đã dẫn đi toàn bộ Sañjaya, giờ đây sẽ dẫn người nào đi?”

Các người hãy quở trách lại họ bằng bài kệ này:

“Đúng vậy, các bậc Đại Hùng các đức Như Lai dẫn dắt bằng Chánh Pháp. Những người có sự nhận thức thì có điều ganh tỵ gì với những vị đang dẫn đi bằng Chánh Pháp?”

Vào lúc bấy giờ, dân chúng khi gặp các vị tỳ khuru đã quở trách bằng bài kệ này:

“Quả là vị đại Sa-môn đã đi đến thành Giribbaja thuộc xứ Magadha. Sau khi đã dẫn đi toàn bộ Sañjaya, giờ đây sẽ dẫn người nào đi?”

Các vị tỳ khuru đã quở trách lại những người ấy bằng bài kệ này:

“Đúng vậy, các bậc Đại Hùng các đức Như Lai dẫn dắt bằng Chánh Pháp. Những người có sự nhận thức thì có điều ganh tỵ gì với những vị đang dẫn đi bằng Chánh Pháp?”

24. Dân chúng nghĩ rằng: - “Nghe nói các Sa-môn Thích tử dẫn dắt bằng Chánh Pháp không phải bằng Phi Pháp.” Tiếng đồn ấy đã tồn tại chỉ có bảy ngày, sau khi trải qua bảy ngày đã biến mất.

Dứt sự xuất gia của Sāriputta và Moggallāna.

Dứt tụng phẩm thứ tư.

--ooOoo--

1. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu không có thầy tế độ, trong khi không được giáo huấn và không được chỉ dạy nên mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực. Trong khi dân chúng đang ăn, các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm, các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng, các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn có hương vị, các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức uống, các vị còn tự mình yêu cầu xúp và com rồi thọ thực, các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn.

2. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực? Trong khi dân chúng đang ăn các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại

cứng, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn có hương vị, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức uống, các vị còn tự mình yêu cầu xúp và com rồi thọ thực, các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn giống như các Bà-la-môn trong bữa ăn của các Bà-la-môn vậy?”

3. Các tỳ khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hồi hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các vị tỳ khưu lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực? Trong khi dân chúng đang ăn, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn có hương vị, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức uống, các vị còn tự mình yêu cầu xúp và com rồi thọ thực, các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn vậy?” Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

4. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và hỏi các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực? Trong khi dân chúng đang ăn, các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm, các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên

thức ăn loại cứng, các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn có hương vị, các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức uống, các vị còn tự mình yêu cầu xúp và cơm rồi thọ thực, các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn, có đúng không vậy?”

5. - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này các tỳ khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khát thực? Trong khi dân chúng đang ăn, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn có hương vị, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức uống, các vị còn tự mình yêu cầu xúp và cơm rồi thọ thực, các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn? Này các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các tỳ khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.”

6. Sau đó, khi đã khiển trách các vị tỳ khưu ấy bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê trách về sự khó

khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cấp dưỡng, sự dễ dàng trong việc ăn uống, sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn. Ngài đã nói Pháp thoai thích đáng và phù hợp cho các tỳ khuru rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- “Này các tỳ khuru, ta cho phép vị thầy tế độ. Này các tỳ khuru, vị thầy tế độ sẽ gọi lên ở người đệ tử ¹ tâm của người con và người đệ tử sẽ gọi lên ở vị thầy tế độ tâm của người cha. Như thế, trong khi sống cùng nhau có sự tôn kính, có sự phục tùng, có sự cư xử hài hòa với nhau, họ sẽ đạt đến sự lớn mạnh, sự tăng trưởng, sự phát triển trong Pháp và Luật này.

Và này các tỳ khuru, vị thầy tế độ nên được xác định như vậy: (Người đệ tử) nên đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, và nên nói như vậy: “Bạch ngài, xin ngài hãy là thầy tế độ của con. Bạch ngài, xin ngài hãy là thầy tế độ của con. Bạch ngài, xin ngài hãy là thầy tế độ của con.” (Vị thầy tế độ nên nói rằng): “Tốt rồi!” hay là “Được nhẹ nhàng rồi!” hay là “Đúng rồi!” hay là “Được phù hợp rồi!” hay là “Hãy được thành tựu sự hoan hỷ!” (Nếu) vị (thầy tế độ) bày tỏ bằng thân, bày tỏ bằng lời nói, bày tỏ bằng thân và lời

¹ *saddhivihārika*: dịch sát theo từ là: ‘vị sống chung trú xá.’

nói, thì vị thầy tế độ đã được xác định. (Nếu) vị ấy không bày tỏ bằng thân, không bày tỏ bằng lời nói, không bày tỏ bằng thân và lời nói, vị thầy tế độ đã không được xác định.

9. Nay các tỳ khuru, người đệ tử nên thực hành phận sự đúng đắn đối với vị thầy tế độ. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này: Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cởi dép ra, đắp thượng y một bên vai, rồi nên dâng gỗ chà răng, nên dâng nước súc miệng, và nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa sạch tô rồi đem cháo lại. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nên nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không làm trầy, rồi đem cất.

10. Khi thầy tế độ đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy tế độ có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, và nhận lại y lót trong (đã thay đổi), nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi dâng lên. Nên trao bình bát còn ấm nước sau khi đã rửa sạch. Nếu thầy tế độ muốn có thị giả đi theo, (người đệ tử) nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, gấp y hai lớp thành nếp rồi đắp lên, thắt lại dây buộc, rửa và ôm lấy bình bát, rồi nên đi theo làm thị giả cho thầy tế độ. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần. Nên nhận lấy bình bát được (vị thầy) hoán đổi.

11. Khi thầy tế độ đang nói, không nên cắt ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy tế độ có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên ngăn lại. Khi quay trở về, nên đi về trước tiên và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Nên đi ra rước y và bình bát. Nên trao y lót trong (trước đây), nên nhận lại y lót trong (mặc lúc đi). Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Trong khi gấp y nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại (nghĩ rằng): “Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa.”¹ Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại.

12. Nếu có đồ ăn khát thực và thầy tế độ có ý muốn thọ dụng thì nên dâng nước (rửa) rồi đem đồ ăn khát thực lại. Nên hỏi ý thầy tế độ về nước uống. Khi thầy ăn xong nên dâng nước (rửa), nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi treo y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc

¹ Nếu gấp đôi y lại sẽ có đường gấp ở chính giữa, và trong khi thường xuyên làm như vậy thì phần chính giữa này sẽ bị sờn. Cách gấp y như vậy để hạn chế điều ấy (VinA. v, 979).

dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi treo y.

13. Khi thầy tế độ đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy tế độ có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng.

14. Nếu thầy tế độ có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tắm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi rồi đi đến từ phía sau lưng và trao ghế ngồi của nhà tắm hơi cho thầy tế độ, nên nhận lấy y và để ở một bên, nên trao bột tắm, nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên đắp lên cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào (chỗ) các tỳ khuru trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các tỳ khuru mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho thầy tế độ. Khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi.

15. Lúc ở trong nước nên kỳ cọ cho thầy tế độ. Khi tắm xong nên đi ra trước, lau khô nước ở thân thể của mình, quần y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của thầy tế độ. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước, và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân,

tắm chà chân. Nên hỏi ý thầy tế độ về nước uống. Nếu có ý muốn thỉnh (thầy) đọc tụng, nên thỉnh (thầy) đọc tụng. Nếu có ý muốn vấn đạo, nên thỉnh (thầy) vấn đạo.

16. Ở trú xá nào thầy tế độ cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác rưởi, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem vật lót ngồi và tấm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn hoặc khung cửa rồi để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn hoặc khung cửa rồi để xuống ở một góc, nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc.

17. Nên đem ống nhỏ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên xem xét tấm trải nên được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc. Nếu có mạng nhện ở trú xá, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ và bị đốm loang lỗ nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nên được sơn màu đen và bị đốm loang lỗ nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu phần nền không được thực

hiện, nên rải nước rồi quét (nghĩ rằng): “Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm.”

18. Sau khi gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc. Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn hoặc khung cửa, và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn hoặc khung cửa, và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng vật lót ngời và tấm trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ.

19. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được

trải lót. Trong khi treo y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi treo y.

20. Nếu các con gió có bụi thổi từ hướng đông, các cửa sổ hướng đông nên được khép lại. Nếu các con gió có bụi thổi từ hướng tây, các cửa sổ hướng tây nên được khép lại. Nếu các con gió có bụi thổi từ hướng bắc, các cửa sổ hướng bắc nên được khép lại. Nếu các con gió có bụi thổi từ hướng nam, các cửa sổ hướng nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

21. Nếu phòng có rác rưởi, nên quét phòng. Nếu cổng có rác rưởi, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác rưởi, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác rưởi, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác rưởi, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

22. Nếu sự bực bội sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu nổi nghi hoặc sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên làm

cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu tà kiến sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy.

23. Nếu thầy tế độ bị phạm tội nặng xứng đáng hình phạt *parivāsa*, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *parivāsa* cho thầy tế độ?”

24. Nếu thầy tế độ xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể cho thầy tế độ (thực hành) trở lại từ đầu?”

25. Nếu thầy tế độ xứng đáng hình phạt *mānatta*, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *mānatta* cho thầy tế độ?”

26. Nếu thầy tế độ xứng đáng sự giải tội, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho thầy tế độ?”

27. Nếu hội chúng có ý định tiến hành hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đôi với thầy tế độ, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi tiến hành hành sự đối với thầy tế độ, hoặc đổi thành nhẹ hơn?”

Khi hội chúng đã tiến hành hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy tế độ, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để thầy tế độ có thể làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, và hội chúng có thể thâm hồi hành sự này?”

28. Nếu y của thầy tế độ cần phải giặt, người đệ tử nên giặt hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để y của thầy tế độ được giặt?” Nếu y của thầy tế độ cần phải may, người đệ tử nên may hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để y của thầy tế độ được may?” Nếu thuốc nhuộm của thầy tế độ cần phải nấu, người đệ tử nên nấu hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để thuốc nhuộm của thầy tế độ được nấu?” Nếu y của thầy tế độ cần phải nhuộm, người đệ tử nên nhuộm hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để y của thầy tế độ được nhuộm?” Trong khi nhuộm y, nên nhuộm bằng cách đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng.

29. Không có phép của thầy tế độ, không nên cho bình bát đến người khác, không nên thọ lãnh bình bát của người khác, không nên cho y đến người khác, không nên thọ lãnh y của người khác, không nên cho vật dụng đến người khác, không nên thọ lãnh vật dụng của người khác, không nên cạo tóc cho người khác, không nên bảo người khác cạo tóc, không nên kỳ cọ người khác, không nên bảo người khác kỳ cọ, không nên hầu hạ người

khác, không nên bảo người khác hầu hạ, không nên làm thị giả người khác, không nên nhận người khác làm thị giả, không nên mang đồ ăn khát thực lại dùm người khác, không nên nhờ người khác mang dùm đồ ăn khát thực lại.

30. Chưa xin phép thầy tế độ không nên đi vào làng, không nên đi đến mộ địa, không nên bỏ đi hướng khác. Nếu thầy tế độ bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời. Nên đợi cho đến khi vị thầy khỏe lại.

Dứt phạm sự đối với thầy tế độ.

--ooOoo--

1. Nay các tỳ khuru, vị thầy tế độ nên thực hành phạm sự đúng đắn đối với người đệ tử. Đây là phạm sự đúng đắn trong trường hợp này: Nay các tỳ khuru, thầy tế độ nên quan tâm đến người đệ tử, nên giúp đỡ bằng sự đọc tụng, bằng sự vấn hỏi, bằng sự giáo huấn, bằng sự chỉ dạy.

2. Nếu thầy tế độ có bình bát và người đệ tử không có bình bát, thầy tế độ nên cho bình bát đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến đệ tử?”

3. Nếu thầy tế độ có y và người đệ tử không có y, thầy tế độ nên cho y đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để y có thể phát sanh đến đệ tử?”

4. Nếu thầy tế độ có vật dụng và người đệ tử không có vật dụng, thầy tế độ nên cho vật dụng đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để vật dụng có thể phát sanh đến đệ tử?”

5. Nếu người đệ tử bị bệnh, (vị thầy tế độ) nên thức dậy vào lúc sáng sớm. Nên trao gối chà răng. Nên trao nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa sạch tô rồi đem cháo lại. Khi người đệ tử đã uống cháo xong, nên trao nước (rửa), nên nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không làm trầy, rồi đem cất. Khi người đệ tử đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác rưởi thì nên quét khu vực ấy.

6. Nếu người đệ tử có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, và nhận lại y lót trong (đã thay đổi), nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trao cho. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. (Nghĩ rằng): “Đến lúc vị ấy sắp trở về,” nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Nên đi ra rước y và bình bát. Nên trao y lót trong (trước đây) và nhận lại y lót trong (mặc lúc đi). Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên phơi y ở chỗ nắng quá lâu. Nên gấp y lại. Khi gấp y nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại

(nghĩ rằng): “Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa.” Nên đặt dây thắt lưng ở bên trong phần gấp lại.

7. Nếu có đồ ăn khát thực và người đệ tử có ý muốn thọ dụng thì nên trao nước (rửa) rồi đem đồ ăn khát thực lại. Nên hỏi ý người đệ tử về nước uống. Khi người đệ tử ăn xong nên trao nước (rửa). Nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng.

8. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi treo y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi treo y.

9. Khi người đệ tử đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác rưởi thì nên quét khu vực ấy. Nếu người đệ tử có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng.

10. Nếu người đệ tử có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tắm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi đến, trao ghế ngồi của nhà tắm hơi,

nhận lấy y, rồi nên đem để ở một bên. Nên trao bột tắm. Nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên đắp lên cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào (chỗ) các tỳ khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các tỳ khưu mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho người đệ tử. Khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi.

11. Lúc ở trong nước nên kỳ cọ cho người đệ tử. Khi tắm xong nên đi ra trước, lau khô nước ở thân thể của mình, quần y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của người đệ tử. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước, và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân. Nên hỏi ý người đệ tử về nước uống. Ở trú xá nào người đệ tử cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác rưởi, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ.

12. Khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem vật lót ngồi và tắm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn hoặc khung cửa rồi để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy (mặt

đất), không va chạm vào cánh cửa lớn hoặc khung cửa rồi để xuống ở một góc, nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc.

13. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên xem xét tấm trải nên được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc. Nếu có mạng nhện ở trú xá, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ và bị đốm loang lổ nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen và bị đốm loang lổ nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được thực hiện, nên rải nước rồi quét (nghĩ rằng): “Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm.”

14. Sau khi gom rác lại rồi nên đem đồ bỏ ở một góc. Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn hoặc khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn hoặc khung

cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng vật lót ngời và tấm trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng ống nhỏ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ.

15. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi treo y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi treo y.

16. Nếu các con gió có bụi thổi từ hướng đông, các cửa sổ hướng đông nên được khép lại. Nếu các con gió có bụi thổi từ hướng tây, các cửa sổ hướng tây nên được khép lại. Nếu các con gió có bụi thổi từ hướng bắc, các cửa sổ hướng bắc nên được khép lại. Nếu các con gió có bụi thổi từ hướng nam, các cửa sổ hướng nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

17. Nếu phòng có rác rưởi, nên quét phòng. Nếu cổng có rác rưởi, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác rưởi, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác rưởi, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác rưởi, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

18. Nếu sự bức bối sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu nổi nghi hoặc sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu tà kiến sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy.

19. Nếu người đệ tử bị phạm tội nặng xứng đáng hình phạt *parivāsa*, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *parivāsa* cho đệ tử?”

20. Nếu người đệ tử xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể cho đệ tử (thực hành) trở lại từ đầu?”

21. Nếu người đệ tử xứng đáng hình phạt *mānatta*, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *mānatta* cho đệ tử?”

22. Nếu người đệ tử xứng đáng sự giải tội, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho đệ tử?”

24. Nếu hội chúng có ý định tiến hành hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người đệ tử, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể khởi tiến hành hành sự đối với đệ tử, hoặc đổi thành nhẹ hơn?” Khi hội chúng đã tiến hành hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người đệ tử, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để đệ tử có thể làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, và hội chúng có thể thâm hồi hành sự này?”

25. Nếu y của người đệ tử cần phải giặt, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: “Người nên giặt như vậy,” hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để y của đệ tử được giặt?” Nếu y của người đệ tử cần phải may, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: “Người nên may như vậy,” hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để y của đệ tử được may?” Nếu thuốc nhuộm của người đệ tử cần phải nấu, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: “Người nên nấu như vậy,” hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để thuốc nhuộm của đệ tử được nấu?” Nếu y của người đệ tử cần phải nhuộm, vị

thầy tế độ nên chỉ dẫn: “Người nên nhuộm như vậy,” hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để y của đệ tử được nhuộm?” Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Nếu người đệ tử bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời. Nên đợi cho đến khi người đệ tử khỏe lại.

Dứt phận sự đối với đệ tử.

--ooOoo--

1. Vào lúc bấy giờ, các người đệ tử không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ. Các tỳ khuru nào ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các người đệ tử lại không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ?”

2. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, nghe nói các người đệ tử không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, người đệ tử không nên không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ; vị nào không thực hành đúng đắn thì phạm tội *dukkat a*.”

(Các người đệ tử) vẫn không thực hành phạm sự đúng đắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép đuổi đi người (đệ tử) không thực hành phạm sự đúng đắn. Và này các tỳ khuru, nên đuổi đi như vậy: “Ta đuổi người đi,” hay là “Đừng có quay trở lại đây,” hay là “Hãy đem đi y bát của người,” hay là “Ta không giúp đỡ người nữa.” (Nếu) vị (thầy tế độ) bày tỏ bằng thân, bày tỏ bằng lời nói, bày tỏ bằng thân và lời nói, thì người đệ tử đã bị đuổi đi. (Nếu) vị ấy không bày tỏ bằng thân, không bày tỏ bằng lời nói, không bày tỏ bằng thân và lời nói, thì người đệ tử không bị đuổi đi.

3. Vào lúc bấy giờ, những người đệ tử bị đuổi đi đã không xin lỗi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “*Này các tỳ khuru, ta cho phép xin lỗi.*” Các người (đệ tử) vẫn không xin lỗi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “*Này các tỳ khuru, người (đệ tử) bị đuổi đi không nên không xin lỗi; vị nào không xin lỗi thì phạm tội dukkaṭ a.*”

4. Vào lúc bấy giờ, khi được xin lỗi các vị thầy tế độ không tha thứ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “*Này các tỳ khuru, ta cho phép tha thứ.*” Các vị (thầy tế độ) vẫn không tha thứ. Những người đệ tử rời đi, (hoặc) hoàn tục, (hoặc) theo ngoại đạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “*Này các tỳ khuru, khi được xin lỗi không nên không tha thứ; vị nào không tha thứ thì phạm tội dukkaṭ a.*”

5. Vào lúc bấy giờ, các vị thầy tế độ đuổi đi những người (đệ tử) thực hành phận sự đúng đắn, không đuổi đi những người (đệ tử) không thực hành phận sự đúng đắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “*Này các tỳ khuru, không nên đuổi đi người (đệ tử) thực hành phận sự đúng đắn; vị nào đuổi đi thì phạm tội dukkaṭ a.* Và này các tỳ khuru, không nên không đuổi đi người (đệ tử) không thực hành phận sự đúng đắn; vị nào không đuổi đi thì phạm tội dukkaṭ a.”

6. Này các tỳ khuru, nên đuổi đi người đệ tử hội đủ năm yếu tố: Đối với thầy tế độ không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều niềm tin, không có nhiều nể nang, không có nhiều kính trọng, (và) không có nhiều sự rèn

luyện.¹ Nay các tỳ khuru, nên đuổi đi người đệ tử hội đủ năm yếu tố này.

7. Nay các tỳ khuru, không nên đuổi đi người đệ tử hội đủ năm yếu tố: Đối với thầy tế độ có nhiều lòng yêu mến, có nhiều niềm tin, có nhiều nỗ lực, có nhiều kính trọng, (và) có nhiều sự rèn luyện. Nay các tỳ khuru, không nên đuổi đi người đệ tử hội đủ năm yếu tố này.

8. Nay các tỳ khuru, người đệ tử là đáng bị đuổi đi khi hội đủ năm yếu tố: Đối với thầy tế độ không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều niềm tin, không có nhiều nỗ lực, không có nhiều kính trọng, (và) không có nhiều sự rèn luyện. Nay các tỳ khuru, người đệ tử là đáng bị đuổi đi khi hội đủ năm yếu tố này.

9. Nay các tỳ khuru, người đệ tử là không đáng bị đuổi đi khi hội đủ năm yếu tố: Đối với thầy tế độ có nhiều lòng yêu mến, có nhiều niềm tin, có nhiều nỗ lực, có nhiều kính trọng, (và) có nhiều sự rèn luyện. Nay các tỳ khuru, người đệ tử là không đáng bị đuổi đi khi hội đủ năm yếu tố này.

10. Nay các tỳ khuru, vị thầy tế độ là vượt qua quy định khi không đuổi đi, không vượt qua quy định khi đuổi đi người đệ tử hội đủ năm yếu tố: Đối với thầy tế độ không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều niềm

¹ Ngài Buddhaghosa giải thích là sự rèn luyện về tâm từ (VinA. v, 983).

tin, không có nhiều nỗ lực, không có nhiều kính trọng, (và) không có nhiều sự rèn luyện. Nay các tỳ khưu, vị thầy tế độ là vượt qua quy định khi không đuổi đi, không vượt qua quy định khi đuổi đi người đệ tử hội đủ năm yếu tố này.

11. Nay các tỳ khưu, vị thầy tế độ là vượt qua quy định khi đuổi đi, không vượt qua quy định khi không đuổi đi người đệ tử hội đủ năm yếu tố: Đối với thầy tế độ có nhiều lòng yêu mến, có nhiều niềm tin, có nhiều nỗ lực, có nhiều kính trọng, (và) có nhiều sự rèn luyện. Nay các tỳ khưu, vị thầy tế độ là vượt qua quy định khi đuổi đi, không vượt qua quy định khi không đuổi đi người đệ tử hội đủ năm yếu tố này.”

12. Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ (tên Rādha) đã đi đến gặp các tỳ khưu và cầu xin sự xuất gia. Các tỳ khưu đã không ưng thuận cho người ấy xuất gia. Người ấy trong khi không đạt được sự xuất gia ở nơi các tỳ khưu đã trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân.

13. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy người Bà-la-môn ấy ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân, sau khi nhìn thấy đã bảo các tỳ khưu rằng: - “Nay các tỳ khưu, việc gì khiến người Bà-la-môn ấy ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân vậy?” - “Bạch ngài, người Bà-la-môn ấy đã đi đến gặp các tỳ khưu và cầu xin sự xuất gia. Các tỳ khưu đã không ưng thuận cho người ấy xuất gia. Người ấy trong

khi không đạt được sự xuất gia ở nơi các tỳ khưu đã trở nên ốm o, cần cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân.”

14. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, có vị nào nhớ được điều tốt đẹp của người Bà-la-môn ấy?” Khi được nói như vậy, đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, con nhớ được điều tốt đẹp của người Bà-la-môn ấy.” - “Này Sāriputta, người nhớ được điều tốt đẹp gì của người Bà-la-môn ấy?” - “Bạch ngài, trường hợp này là khi con đang đi khất thực ở trong thành Rājagaha, người Bà-la-môn ấy đã sai người cho một muống vật thực. Bạch ngài, đó là điều tốt đẹp của người Bà-la-môn ấy mà con nhớ được.” - “Này Sāriputta, tốt lắm, tốt lắm! Này Sāriputta, bởi vì những người tốt là những người biết ơn và nhớ ơn đã thọ. Này Sāriputta, chính vì điều ấy người hãy cho người Bà-la-môn ấy xuất gia và tu lên bậc trên.” - “Bạch ngài, con cho người Bà-la-môn ấy xuất gia và tu lên bậc trên như thế nào?”

15. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, việc tu lên bậc trên bằng ba sự đi đến nương nhờ (Tam Quy) đã được ta cho phép, kể từ nay ta hủy bỏ việc ấy. Này các tỳ khưu, ta cho phép tu lên bậc trên bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư. Và này các tỳ khưu, nên cho tu lên bậc trên như vậy. Hội

chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

16. *“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức tên (như vậy). Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho vị tên (như vậy) tu lên bậc trên với thầy tế độ tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.*

17. *Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức tên (như vậy). Hội chúng cho vị tên (như vậy) tu lên bậc trên với thầy tế độ tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của vị tên (như vậy) với thầy tế độ tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

18. *Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức tên (như vậy). Hội chúng cho vị tên (như vậy) tu lên bậc trên với thầy tế độ tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của vị tên (như vậy) với thầy tế độ tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

19. *Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức tên (như vậy). Hội chúng cho vị tên (như vậy) tu lên bậc trên với thầy tế độ tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của vị tên (như*

vây) với thầy tế độ tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

20. Vị tên (như vậy) đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với thầy tế độ tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

21. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ thực hiện hành động sai trái liền ngay sau khi được tu lên bậc trên. Các vị tỳ khuru đã nói như vậy: - "Này đại đức, chớ có hành động như thế, điều ấy không được phép." Vị ấy đã nói như vậy: - "Tôi đâu có cầu xin các đại đức rằng: 'Các đại đức hãy cho tôi tu lên bậc trên.' Tại sao các ngài khi chưa được tôi cầu xin mà đã cho tu lên bậc trên?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - "Này các tỳ khuru, không nên cho tu lên bậc trên người không cầu xin; vị nào ban phép tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkat a*. Này các tỳ khuru, ta cho phép ban phép tu lên bậc trên đối với người đã cầu xin. Và này các tỳ khuru, nên được cầu xin như vậy: Vị có ý muốn tu lên bậc trên ấy nên đi đến hội chúng tỳ khuru, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân các vị tỳ khuru, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, và nên nói với hội chúng như vậy: - '*Bạch các ngài, tôi cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, vì lòng thương xót xin hội chúng hãy tế độ tôi.*' Nên được cầu xin đến lần thứ nhì. —nt— Nên được cầu xin đến lần thứ ba. —nt— Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức tên (như vậy). Vị tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên (như vậy). Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho vị tên (như vậy) tu lên bậc trên với thầy tế độ tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức tên (như vậy). Vị tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên (như vậy). Hội chúng cho vị tên (như vậy) tu lên bậc trên với thầy tế độ tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của vị tên (như vậy) với thầy tế độ tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Vị tên (như vậy) đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với thầy tế độ tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

22. Vào lúc bấy giờ, ở trong thành Rājagaha sự tuân tự của các bữa trai phạn gồm các thức ăn hảo hạng được tiến hành đều đặn. Khi ấy, có người Bà-la-môn nọ đã khởi ý điều này: “Những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon rồi nằm ngủ ở những cái giường kín gió, hay là ta nên xuất gia nơi các Sa-môn Thích tử này?”

23. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã đi đến gặp các tỳ khuru cầu xin sự xuất gia. Các tỳ khuru đã cho người ấy xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Khi người ấy đã được xuất gia, sự tuần tự của các bữa ăn đã hết. Các vị tỳ khuru đã nói như vậy: - “Này đại đức, hãy đến. Hôm nay chúng ta sẽ đi khất thực.” Vị ấy đã nói như vậy: - “Này các đại đức, tôi đã không xuất gia vì nguyên nhân này: ‘Ta sẽ đi khất thực.’ Nếu các vị cho tôi thì tôi sẽ ăn, nếu các vị không cho tôi thì tôi sẽ hoàn tục.” - “Này đại đức, có phải ngài đã xuất gia vì nguyên nhân của bao tử?” - “Này các đại đức, đúng vậy.”

24. Các tỳ khuru nào ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao vị tỳ khuru lại xuất gia trong Pháp và Luật khéo được thuyết giảng như vậy vì nguyên nhân của bao tử?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

25. - “Này tỳ khuru, nghe nói người đã xuất gia vì nguyên nhân của bao tử, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này kẻ rồ dại, vì sao người lại xuất gia trong Pháp và Luật khéo được thuyết giảng như vậy vì nguyên nhân của bao tử? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

26. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép vị đang ban phép tu lên bậc trên chỉ dẫn về bốn pháp nương nhờ: Việc xuất gia nương vào thức ăn do khát thực, trong trường hợp ấy người nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời. Vật thọ lãnh ngoại lệ là: bữa ăn dâng hội chúng, bữa ăn được chỉ định, sự mời thỉnh, bữa ăn theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào ngày *Uposatha*, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng.

Việc xuất gia nương vào y làm bằng vải dơ bị quăng bỏ, trong trường hợp ấy người nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời. Vật thọ lãnh ngoại lệ là: (y làm bằng) sợi lanh, bông vải, tơ lụa, sợi len, gai thô, chỉ bố.

Việc xuất gia nương vào chỗ trú ngụ là gốc cây, trong trường hợp ấy người nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời. Vật thọ lãnh ngoại lệ là: trú xá, nhà một mái, tòa nhà dài, khu nhà lớn, hang động.

Việc xuất gia nương vào dược phẩm là nước tiểu gia súc, trong trường hợp ấy người nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời. Vật thọ lãnh ngoại lệ là: bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía.”

Dứt tụng phẩm về phạm sự đối với thầy tế độ là thứ năm.

--ooOoo--

1. Vào lúc bấy giờ, có chàng thanh niên nọ đã đi đến gặp các tỳ khuru và cầu xin sự xuất gia. Các tỳ khuru đã chỉ dẫn cho chàng trai về các vật nương nhờ trước. Chàng trai đã nói như vậy: - “Thưa các ngài, nếu khi tôi đã được xuất gia các ngài mới chỉ dẫn về các vật nương nhờ thì tôi còn có thể thích thú. Thưa các ngài, giờ đây tôi sẽ không xuất gia, đối với tôi các vật nương nhờ là ghê tởm đáng ghét.”

2. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên chỉ dẫn về các vật nương nhờ trước; vị nào chỉ dẫn thì phạm tội *dukkaṭa*. Này các tỳ khuru, ta cho phép chỉ dẫn về các vật nương nhờ liền ngay sau khi đã được tu lên bậc trên.”

3. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đã ban phép tu lên bậc trên với tập thể là nhóm hai vị, nhóm ba vị. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên ban phép tu lên bậc trên với tập thể là nhóm ít hơn mười vị; vị nào ban phép tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa*. Này các tỳ khuru, ta cho phép ban phép tu lên bậc trên với tập thể là nhóm mười vị hoặc nhóm trên mười vị.”

4. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru chỉ được một năm, hai năm đã cho đệ tử tu lên bậc trên. Ngay cả đại đức Upasena con trai của Vaṅganta được một năm đã cho người đệ tử tu lên bậc trên. Khi đã sống qua mùa (an cư)

mưa là được hai năm, vị ấy đã đưa người đệ tử được một năm đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở với các tỳ khưu đi đến.

5. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với đại đức Upasena con trai của Vaṅganta điều này: - “Này các tỳ khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các người đi đến đường xa có được ít mệt nhọc không?” - “Bạch Thế Tôn, sức khoẻ có khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch ngài, chúng con đi đường xa ít có mệt nhọc.”

6. Các đấng Như Lai đều biết vấn đề, đều biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi, có liên quan đến lợi ích các đấng Như Lai mới hỏi và không (hỏi việc) không có liên quan đến lợi ích, khi không có liên quan đến lợi ích các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các tỳ khưu với hai lý do: “Chúng ta sẽ thuyết giảng Giáo Pháp hoặc là chúng ta sẽ quy định điều học cho các đệ tử.”

7. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với đại đức Upasena con trai của Vaṅganta điều này: - “Này tỳ khưu, người được bao nhiêu năm?” - “Bạch Thế Tôn, con được hai năm.” - “Còn vị tỳ khưu này được bao nhiêu năm?” -

“Bạch Thế Tôn, được một năm.” - “Vị tỳ khuru này là gì của người?” - “Bạch Thế Tôn, là đệ tử của con.”

8. Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, vì sao (trong khi) người còn cần được những người khác giáo huấn chỉ dạy lại nghĩ đến giáo huấn chỉ dạy người khác? Này kẻ rồ dại, người trở thành đa đoan quá nhanh chóng tức là việc kết nạp đồ chúng. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, vị dưới mười năm không nên ban phép tu lên bậc trên; vị nào ban phép tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭ* a. Này các tỳ khuru, ta cho phép vị mười năm hoặc trên mười năm được ban phép tu lên bậc trên.”

9. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru ngu dốt thiếu kinh nghiệm (nghĩ rằng): “Ta được mười năm! Ta được mười năm!” rồi ban phép tu lên bậc trên. (Các trường hợp) những thầy tế độ ngu dốt và các đệ tử sáng trí được phát hiện, những thầy tế độ thiếu kinh nghiệm và các đệ tử có kinh nghiệm được phát hiện, những thầy tế độ nghe ít và các đệ tử nghe nhiều được phát hiện, những thầy tế độ trí kém và các đệ tử trí tuệ được phát hiện.

10. Có vị nọ trước đây theo ngoại đạo trong khi được thầy tế độ nói về vấn đề thuộc Giáo Pháp đã bắt bẻ lời dạy của thầy tế độ rồi chuyển sang (tu tập ở) lãnh vực của chính ngoại đạo ấy.

11. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các vị tỳ khưu ngu dốt thiếu kinh nghiệm (nghĩ rằng): ‘Ta được mười năm! Ta được mười năm!’ rồi ban phép tu lên bậc trên khiến (các trường hợp) những thầy tế độ ngu dốt và các đệ tử sáng trí được phát hiện, những thầy tế độ thiếu kinh nghiệm và các đệ tử có kinh nghiệm được phát hiện, những thầy tế độ nghe ít và các đệ tử nghe nhiều được phát hiện, những thầy tế độ trí kém và các đệ tử trí tuệ được phát hiện?”

12. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, nghe nói các vị tỳ khưu ngu dốt thiếu kinh nghiệm (nghĩ rằng): ‘Ta được mười năm! Ta được mười năm!’ rồi ban phép tu lên bậc trên khiến (các trường hợp) những thầy tế độ ngu dốt và các đệ tử sáng trí được phát hiện, những thầy tế độ thiếu kinh nghiệm và các đệ tử có kinh nghiệm được phát hiện, những thầy tế độ nghe ít và các đệ tử nghe nhiều được phát hiện, những thầy tế độ trí kém và các đệ tử trí tuệ được phát hiện, có đúng không vậy?”

13. - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy là ngu dốt thiếu kinh nghiệm lại (nghĩ rằng): ‘Ta

được mười năm! Ta được mười năm!” rồi ban phép tu lên bậc trên khiến (các trường hợp) những thầy tế độ ngu dốt —nt— và các đệ tử trí tuệ được phát hiện? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - *“Này các tỳ khuru, vị ngu dốt thiếu kinh nghiệm không nên ban phép tu lên bậc trên; vị nào ban phép tu lên bậc trên thì phạm tội dukkaṭ a. Nay các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru có kinh nghiệm đủ năng lực với mười năm hoặc trên mười năm được ban phép tu lên bậc trên.”*

14. Vào lúc bấy giờ, trong khi các vị thầy tế độ rời đi, hoàn tục, từ trần, qua bên nhóm khác, các tỳ khuru trở thành không có thầy dạy học, và trong khi không được giáo huấn, không được chỉ dạy (nên đã) mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực.

15. Trong khi dân chúng đang ăn, các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm, các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng, ở phía trên thức ăn có hương vị, ở phía trên thức uống, các vị còn tự mình yêu cầu súp và cơm rồi thọ thực, các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn.

16. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - *“Tại sao các Sa-môn Thích tử lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực, và Trong khi dân chúng đang ăn, các vị lại*

đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng, ở phía trên thức ăn có hương vị, ở phía trên thức uống, các vị còn tự mình yêu cầu súp và com rồi thọ thực, các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn giống như các Bà-la-môn trong bữa ăn của các Bà-la-môn vậy?”

17. Các tỳ khuru đã nghe được dân chúng phản nản, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt—

18. - “Này các tỳ khuru, nghe nói —nt— có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, ta cho phép vị thầy dạy học. Này các tỳ khuru, vị thầy dạy học sẽ gọi lên ở người học trò tâm của người con và người học trò sẽ gọi lên ở vị thầy dạy học tâm của người cha. Như thế, trong khi sống cùng nhau có sự tôn kính, có sự phục tùng, có sự cư xử hài hòa với nhau, họ sẽ đạt đến sự lớn mạnh, sự tăng trưởng, sự phát triển trong Pháp và Luật này.

19. *Này các tỳ khuru, ta cho phép sống nương nhờ mười năm và vị mười năm được ban cho sự nương nhờ.* Và này các tỳ khuru, vị thầy dạy học nên được xác định như vậy: (Người học trò) nên đắp thượng y một bên vai, đánh lễ ở chân, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, và nên nói như vậy: “Bạch ngài, xin ngài hãy là thầy dạy học của con. Con sẽ sống nương nhờ vào đại đức. Bạch ngài, xin ngài hãy là

thầy dạy học của con. Con sẽ sống nương nhờ vào đại đức. Bạch ngài, xin ngài hãy là thầy dạy học của con. Con sẽ sống nương nhờ vào đại đức.” (Vị thầy dạy học nên nói rằng): “Tốt rồi!” hay là “Được nhẹ nhàng rồi!” hay là “Đúng rồi!” hay là “Được phù hợp rồi!” hay là “Hãy được thành tựu sự hoan hỷ!” (Nếu) vị (thầy dạy học) bày tỏ bằng thân, bày tỏ bằng lời nói, bày tỏ bằng thân và lời nói, thì vị thầy dạy học đã được xác định. (Nếu) vị ấy không bày tỏ bằng thân, không bày tỏ bằng lời nói, không bày tỏ bằng thân và lời nói, vị thầy dạy học đã không được xác định.

20. Này các tỳ khuru, người học trò nên thực hành phận sự đúng đắn đối với vị thầy dạy học. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này: Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cời dép ra, đắp thượng y một bên vai, rồi nên dâng gỗ chà răng, nên dâng nước súc miệng, nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa sạch tô rồi đem cháo lại. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không làm chảy, rồi đem cất.

21. Khi thầy dạy học đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác rưởi thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy dạy học có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, và nhận lại y lót trong (đã thay đổi), nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi dâng lên. Nên trao bình bát còn ấm nước sau khi đã rửa sạch. Nếu thầy dạy học muốn có thị giả đi theo, vị ấy nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây

thắt lưng, sửa sang cho tề chỉnh rồi trùm y hai lớp lên, thắt lại dây buộc, rửa và ôm lấy bình bát, rồi nên đi theo làm thị giả cho thầy dạy học. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần. Nên nhận lấy bình bát được (vị thầy) hoán đổi.

22. Khi thầy dạy học đang nói, không nên cắt ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy dạy học có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên ngăn lại. Khi quay trở về, nên đi về trước tiên và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân. Nên đi ra rước y và bình bát. Nên trao y lót trong (trước đây), nên nhận lại y lót trong (mặc lúc đi). Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Trong khi gấp y nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại (nghĩ rằng): “Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa.” Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại.

23. Nếu có đồ ăn khất thực và thầy dạy học có ý muốn thọ dụng thì nên dâng nước (rửa) rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý thầy dạy học về nước uống. Khi thầy ăn xong nên dâng nước (rửa), nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót.

Trong khi treo y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi treo y.

24. Khi thầy dạy học đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác rưởi thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy dạy học có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu (thầy dạy học) có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng.

25. Nếu thầy dạy học có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tắm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi rồi đi đến từ phía sau lưng và trao ghế ngồi của nhà tắm hơi cho thầy dạy học, nên nhận lấy y, và để ở một bên, nên trao bột tắm, nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên đắp lên cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào (chỗ) các tỳ khuru trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các tỳ khuru mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho thầy dạy học. Khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi.

26. Lúc ở trong nước nên kỳ cọ cho thầy dạy học. Khi tắm xong nên đi ra trước, lau khô nước ở thân thể của mình, quần y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của

thầy dạy học. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước, và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Nên hỏi ý thầy dạy học về nước uống. Nếu có ý muốn thỉnh (thầy) đọc tụng, nên thỉnh (thầy) đọc tụng. Nếu có ý muốn vấn đạo, nên thỉnh (thầy) vấn đạo.

27. Ở trú xá nào thầy dạy học cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác rưởi, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem vật lót ngồi và tấm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn hoặc khung cửa rồi để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn hoặc khung cửa rồi để xuống ở một góc, nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc.

28. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc. Nếu có mạng nhện ở trú xá, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ và bị đốm loang lỗ nên

thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nên được sơn màu đen và bị đốm loang lổ nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nên không được thực hiện, nên rải nước rồi quét (nghĩ rằng): “Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm.”

29. Sau khi gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc. Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn hoặc khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn hoặc khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và đồ trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng ống nhỏ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ.

30. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía

dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi treo y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi treo y.

31. Nếu các con gió có bụi thổi từ hướng đông, các cửa sổ hướng đông nên được khép lại. Nếu các con gió có bụi thổi từ hướng tây, các cửa sổ hướng tây nên được khép lại. Nếu các con gió có bụi thổi từ hướng bắc, các cửa sổ hướng bắc nên được khép lại. Nếu các con gió có bụi thổi từ hướng nam, các cửa sổ hướng nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

32. Nếu phòng có rác rưởi, nên quét phòng. Nếu cổng có rác rưởi, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác rưởi, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác rưởi, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác rưởi, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

33. Nếu sự bức bối sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu

nổi nghi hoặc sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu tà kiến sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy.

34. Nếu thầy dạy học bị phạm tội nặng xứng đáng hình phạt *parivāsa*, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *parivāsa* cho thầy dạy học?”

35. Nếu thầy dạy học xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể cho thầy dạy học (thực hành) trở lại từ đầu?”

36. Nếu thầy dạy học xứng đáng hình phạt *mānatta*, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *mānatta* cho thầy dạy học?”

37. Nếu thầy dạy học xứng đáng sự giải tội, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho thầy dạy học?”

38. Nếu hội chúng có ý định tiến hành hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy dạy học, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể khởi tiến

hành hành sự đối với thầy dạy học, hoặc đối thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã tiến hành hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với vị thầy dạy học, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thầy dạy học có thể làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, và hội chúng có thể thấu hiểu hành sự này?"

39. Nếu y của thầy dạy học cần phải giặt, người học trò nên giặt hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy dạy học được giặt?" Nếu y của thầy dạy học cần phải may, người học trò nên may hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy dạy học được may?" Nếu thuốc nhuộm của thầy dạy học cần phải nấu, người học trò nên nấu hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của thầy dạy học được nấu?" Nếu y của thầy dạy học cần phải nhuộm, người học trò nên nhuộm hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy dạy học được nhuộm?" Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng.

40. Không có phép của thầy dạy học, không nên cho bình bát đến người khác. Không nên thọ lãnh bình bát của người khác. Không nên cho y đến người khác. Không nên thọ lãnh y của người khác. Không nên cho vật dụng đến người khác. Không nên thọ lãnh vật dụng của người khác. Không nên cạo tóc cho người khác. Không nên bảo người khác cạo tóc. Không nên kỳ cạo

người khác. Không nên bảo người khác kỳ cộ. Không nên hùa hạ người khác. Không nên bảo người khác hùa hạ. Không nên làm thị giả người khác. Không nên nhận người khác làm thị giả. Không nên mang đồ ăn khát thực lại dùm người khác. Không nên nhờ người khác mang dùm đồ ăn khát thực lại.

41. Chưa xin phép thầy dạy học không nên đi vào làng, không nên đi đến mộ địa, không nên bỏ đi hướng khác. Nếu thầy dạy học bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời. Nên đợi cho đến khi vị thầy khỏe lại.

Dứt phận sự đối với thầy dạy học.

--ooOoo--

1. Nay các tỳ khưu, vị thầy dạy học nên thực hành phận sự đúng đắn đối với người học trò. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này: Nay các tỳ khưu, thầy dạy học nên quan tâm đến người học trò, nên giúp đỡ bằng sự đọc tụng, bằng sự vấn hỏi, bằng sự giáo huấn, bằng sự chỉ dạy.

2. Nếu thầy dạy học có bình bát và người học trò không có bình bát, thầy dạy học nên cho bình bát đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến học trò?”

3. Nếu thầy dạy học có y và người học trò không có y, thầy dạy học nên cho y đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để y có thể phát sanh đến học trò?”

4. Nếu thầy dạy học có vật dụng và người học trò không có vật dụng, thầy dạy học nên cho vật dụng đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để vật dụng có thể phát sanh đến học trò?”

5. Nếu người học trò bị bệnh, (vị thầy dạy học) nên thức dậy vào lúc sáng sớm. Nên trao gối chà răng. Nên trao nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa sạch tô rồi đem cháo lại. Khi người học trò đã uống cháo xong, nên cho nước, nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không làm trầy, rồi đem cất.

6. Khi người học trò đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác rưởi thì nên quét khu vực ấy. Nếu người học trò có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, và nhận lại y lót trong (đã thay đổi), nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trao cho. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. (Nghĩ rằng): “Đến lúc vị ấy sắp trở về,” nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Nên đi ra rước y và bình bát. Nên trao y lót trong (trước đây) và nhận lại y lót trong (mặc lúc đi). Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên phơi y ở chỗ nắng quá lâu. Nên gấp y lại. Khi gấp y nên lúi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại

(nghĩ rằng): “Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa.” Nên đặt dây thắt lưng ở bên trong phần gấp lại.

7. Nếu có đồ ăn khát thực và người học trò có ý muốn thọ dụng thì nên trao nước (rửa) rồi đem đồ ăn khát thực lại. Nên hỏi ý người học trò về nước uống. Khi người học trò ăn xong nên trao nước (rửa). Nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Không nên phơi bình bát ở chỗ nắng quá lâu.

8. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi treo y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi treo y.

9. Khi người học trò đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác rưởi thì nên quét khu vực ấy. Nếu người học trò có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu (người học trò) có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng.

10. Nếu người học trò có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tắm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi

của nhà tắm hơi, đi đến, trao ghế ngồi của nhà tắm hơi, nhận lấy y, rồi để ở một bên. Nên trao bột tắm. Nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên đắp lên cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào (chỗ) các tỳ khuru trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các tỳ khuru mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho người học trò. Khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi.

11. Lúc ở trong nước nên kỳ cọ cho người học trò. Khi tắm xong nên đi ra trước, nên lau khô nước ở thân thể của mình, quần y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của người học trò. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước, và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân. Nên hỏi ý người học trò về nước uống.

12. Ở trú xá nào người học trò cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác rưởi, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem vật lót ngồi và tắm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo không làm trầy (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn hoặc khung cửa rồi để

xuống ở một góc, nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn hoặc khung cửa rồi để xuống ở một góc, nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc.

13. Nếu có mạng nhện ở trú xá, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ và bị đốm loang lổ nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen và bị đốm loang lổ nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được thực hiện, nên rải nước rồi quét (nghĩ rằng): “Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm.” Sau khi gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc.

14. Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn hoặc khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm

trây (mặt đất), không va chạm vào cánh cửa lớn hoặc khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng vật lót ngôi và tấm trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây).

15. Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi treo y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi treo y.

16. Nếu các con gió có bụi thổi từ hướng đông, các cửa sổ hướng đông nên được khép lại. Nếu các con gió có bụi thổi từ hướng tây, các cửa sổ hướng tây nên được khép lại. Nếu các con gió có bụi thổi từ hướng bắc, các cửa sổ hướng bắc nên được khép lại. Nếu các con gió có bụi thổi từ hướng nam, các cửa sổ hướng nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng,

các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

17. Nếu phòng có rác rưởi, nên quét phòng. Nếu cổng có rác rưởi, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác rưởi, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác rưởi, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác rưởi, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

18. Nếu sự bực bội sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu nổi nghi hoặc sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy. Nếu tà kiến sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy.

19. Nếu người học trò bị phạm tội nặng xứng đáng hình phạt *parivāsa*, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *parivāsa* cho học trò?”

20. Nếu người học trò xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể cho học trò (thực hành) trở lại từ đầu?”

21. Nếu người học trò xứng đáng hình phạt *mānatta*, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *mānatta* cho học trò?”

22. Nếu người học trò xứng đáng sự giải tội, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho học trò?”

23. Nếu hội chúng có ý định tiến hành hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người học trò, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể khởi tiến hành hành sự đối với học trò, hoặc đổi thành nhẹ hơn?” Khi hội chúng đã tiến hành hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người học trò, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để học trò có thể làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, và hội chúng có thể thấu hiểu hành sự này?”

24. Nếu y của người học trò cần phải giặt, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: “Người nên giặt như vậy,” hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để y của học trò được

giặt?” Nếu y của học trò cần phải may, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: “Người nên may như vậy,” hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để y của học trò được may?” Nếu thuốc nhuộm của người học trò cần phải nấu, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: “Người nên nấu như vậy,” hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để thuốc nhuộm của học trò được nấu?” Nếu y của người học trò cần phải nhuộm, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: “Người nên nhuộm như vậy,” hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để y của học trò được nhuộm?” Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Nếu người học trò bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời. Nên đợi cho đến khi người học trò khỏe lại.

Dứt phận sự đối với học trò.

--ooOoo--

1. Vào lúc bấy giờ, các người học trò không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy dạy học. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỷ khuru, người học trò nên thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy dạy học; vị nào không thực hành đúng đắn thì phạm tội *dukkat a.*” (Các người học trò) vẫn không thực hành phận sự đúng đắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỷ khuru, ta cho phép đuổi đi người (học trò) không thực hành phận sự

đúng đắn. Và này các tỳ khuru, nên đuổi đi như vậy: “Ta đuổi người đi,” hay là “Đừng có quay trở lại đây,” hay là “Hãy đem đi y bát của người,” hay là “Ta không giúp đỡ người nữa.” (Nếu) vị (thầy dạy học) bày tỏ bằng thân, bày tỏ bằng lời nói, bày tỏ bằng thân và lời nói, thì người học trò đã bị đuổi đi. (Nếu) vị ấy không bày tỏ bằng thân, không bày tỏ bằng lời nói, không bày tỏ bằng thân và lời nói, thì người học trò không bị đuổi đi.

2. Vào lúc bấy giờ, những người học trò bị đuổi đi không xin lỗi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “*Này các tỳ khuru, ta cho phép xin lỗi.*” Các người (học trò) vẫn không xin lỗi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “*Này các tỳ khuru, người (học trò) bị đuổi đi không nên không xin lỗi; vị nào không xin lỗi thì phạm tội dukkaṭa.*”

3. Vào lúc bấy giờ, trong khi được xin lỗi các vị thầy dạy học không tha thứ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “*Này các tỳ khuru, ta cho phép tha thứ.*” Các vị (thầy dạy học) vẫn không tha thứ. Những người học trò rời đi, (hoặc) hoàn tục, (hoặc) theo ngoại đạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “*Này các tỳ khuru, trong khi được xin lỗi không nên không tha thứ; vị nào không tha thứ thì phạm tội dukkaṭa.*”

4. Vào lúc bấy giờ, các vị thầy dạy học đuổi đi những người (học trò) thực hành phận sự đúng đắn, không đuổi đi những người (học trò) không thực hành phận sự

đúng đắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên đuổi đi người (học trò) thực hành phạm sự đúng đắn; vị nào đuổi đi thì phạm tội *dukkaṭa*. Này các tỳ khuru, không nên không đuổi đi người (học trò) không thực hành phạm sự đúng đắn; vị nào không đuổi đi thì phạm tội *dukkaṭa* a.

5. Này các tỳ khuru, nên đuổi đi người học trò hội đủ năm yếu tố: Đối với thầy dạy học không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều đức tin, không có nhiều nỗ lực, không có nhiều kính trọng, (và) không có nhiều sự rèn luyện. Này các tỳ khuru, nên đuổi đi người học trò hội đủ năm yếu tố này.

6. Này các tỳ khuru, không nên đuổi đi người học trò hội đủ năm yếu tố: Đối với thầy dạy học có nhiều lòng yêu mến, có nhiều đức tin, có nhiều nỗ lực, có nhiều kính trọng, (và) có nhiều sự rèn luyện. Này các tỳ khuru, không nên đuổi đi người học trò hội đủ năm yếu tố này.

7. Này các tỳ khuru, người học trò là đáng bị đuổi đi khi hội đủ năm yếu tố: Đối với thầy dạy học không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều đức tin, không có nhiều nỗ lực, không có nhiều kính trọng, (và) không có nhiều sự rèn luyện. Này các tỳ khuru, người học trò là đáng bị đuổi đi khi hội đủ năm yếu tố này.

8. Này các tỳ khuru, người học trò là không đáng bị đuổi đi khi hội đủ năm yếu tố: Đối với thầy dạy học có nhiều lòng yêu mến, có nhiều đức tin, có nhiều nỗ lực,

có nhiều kính trọng, (và) có nhiều sự rèn luyện. Nay các tỳ khuru, người học trò là không đáng bị đuổi đi khi hội đủ năm yếu tố này.

9. Nay các tỳ khuru, vị thầy dạy học là vượt qua quy định khi không đuổi đi, không vượt qua quy định khi đuổi đi người học trò hội đủ năm yếu tố: Đối với thầy dạy học không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều đức tin, không có nhiều nỗ lực, không có nhiều kính trọng, (và) không có nhiều sự rèn luyện. Nay các tỳ khuru, vị thầy dạy học là vượt qua quy định khi không đuổi đi, không vượt qua quy định khi đuổi đi người học trò hội đủ năm yếu tố này.

10. Nay các tỳ khuru, vị thầy dạy học là vượt qua quy định khi đuổi đi, không vượt qua quy định khi không đuổi đi người học trò hội đủ năm yếu tố: Đối với thầy dạy học có nhiều lòng yêu mến, có nhiều đức tin, có nhiều nỗ lực, có nhiều kính trọng, (và) có nhiều sự rèn luyện. Nay các tỳ khuru, vị thầy dạy học là vượt qua quy định khi đuổi đi, không vượt qua quy định khi không đuổi đi người học trò hội đủ năm yếu tố này.

11. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru ngu dốt thiếu kinh nghiệm (nghĩ rằng): “Ta được mười năm! Ta được mười năm!” rồi ban cho sự nương nhờ. (Các trường hợp) những thầy dạy học ngu dốt và các học trò sáng trí được phát hiện, những thầy dạy học thiếu kinh nghiệm và các học trò có kinh nghiệm được phát hiện, những thầy dạy học nghe ít và các học trò nghe nhiều được phát hiện,

những thầy dạy học trí kém và các học trò trí tuệ được phát hiện.

12. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các vị tỳ khưu ngu dốt thiếu kinh nghiệm (nghĩ rằng): ‘Ta được mười năm! Ta được mười năm!’ rồi ban cho sự nương nhờ khiến (các trường hợp) những thầy dạy học ngu dốt và các học trò sáng trí được phát hiện, những thầy dạy học thiếu kinh nghiệm và các học trò có kinh nghiệm được phát hiện, những thầy dạy học nghe ít và các học trò nghe nhiều được phát hiện, những thầy dạy học trí kém và các học trò trí tuệ được phát hiện?”

13. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, nghe nói —nt— có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “*Này các tỳ khưu, vị ngu dốt thiếu kinh nghiệm không nên ban cho sự nương nhờ; vị nào ban cho thì phạm tội dukkaṭa. Này các tỳ khưu, ta cho phép vị tỳ khưu có kinh nghiệm đủ năng lực với mười năm hoặc trên mười năm được ban cho sự nương nhờ.*”

Dứt tụng phẩm về phận sự đối với thầy dạy học là thứ sáu.

--ooOoo--

1. Vào lúc bấy giờ, trong khi các vị thầy dạy học và thầy tế độ rời đi, hoàn tục, từ trần, chuyển qua nhóm khác, các vị tỳ khuru không biết các trường hợp đình chỉ sự nương nhờ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, đây là năm trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy tế độ: Thầy tế độ rời đi, hoặc hoàn tục, hoặc từ trần, hoặc chuyển qua nhóm khác, hoặc sự ra lệnh (đuổi đi) là thứ năm. Này các tỳ khuru, đây là năm trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy tế độ.

2. Này các tỳ khuru, đây là sáu trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy dạy học: Thầy dạy học rời đi, hoặc hoàn tục, hoặc từ trần, hoặc chuyển qua nhóm khác, hoặc sự ra lệnh (đuổi đi) là thứ năm, hoặc đã được gặp lại thầy tế độ. Này các tỳ khuru, đây là sáu trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy dạy học.

3. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không thành tựu vô học giới uẩn, không thành tựu vô học định uẩn, không thành tựu vô học tuệ uẩn, không thành tựu vô học giải thoát uẩn, không thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

4. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để

cho sa di phục vụ: Là vị thành tựu vô học giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn, thành tựu vô học giải thoát uẩn, thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

5. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị bản thân không thành tựu vô học giới uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giới uẩn, bản thân không thành tựu vô học định uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học định uẩn, bản thân không thành tựu vô học tuệ uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học tuệ uẩn, bản thân không thành tựu vô học giải thoát uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giải thoát uẩn, bản thân không thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giải thoát tri kiến uẩn. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

6. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị bản thân thành tựu vô học giới uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giới

uẩn, bản thân thành tựu vô học định uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học định uẩn, bản thân thành tựu vô học tuệ uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học tuệ uẩn, bản thân thành tựu vô học giải thoát uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giải thoát uẩn, bản thân thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giải thoát tri kiến uẩn. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

7. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không có đức tin, không có sự hổ thẹn (tội lỗi), không có sự ghê sợ (tội lỗi), biếng nhác, có niệm bị quên lãng. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

8. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị có đức tin, có sự hổ thẹn (tội lỗi), có sự ghê sợ (tội lỗi), có nhiệt tâm, có sự ra sức tinh tấn, có niệm được thiết lập. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

9. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên

cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới,¹ bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh,² bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan,³ ít học hỏi, trí kém. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

10. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, nghe nhiều, có trí tuệ. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

11. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không có khả năng để phục vụ hoặc kiếm người phục vụ cho đệ tử hay học trò bị bệnh, để làm cho dịu đi hoặc

¹ Ngài Buddhaghosa giải thích rằng tăng thượng giới (*adhisīla*) gồm có bốn tội *pārājika* và mười ba tội *sarī ghādisesa*. (VinA. v, 989).

² Tăng thượng hạnh (*ajjhācāra*) là các tội khác thuộc về năm nhóm tội của giới bốn *Pātimokkha* (Sđd.).

³ Tri kiến cực đoan (*atidiṭṭhi*) là từ bỏ chánh kiến và chấp nhận hữu biên kiến (Sđd.). Xem phần giải thích về hữu biên kiến (*antaggāhikā diṭṭhi*) ở *Paṭiṣambhidāmagga - Phân Tích Đạo* tập 1 (TTPV 37, trang 286-295).

nhờ người làm cho đi sự bức bối (ở đệ tử hay học trò), để làm cho tan biến hoặc nhờ người làm cho tan biến đúng theo Pháp nổi nghi hoặc đã sanh khởi (ở đệ tử hay học trò), không biết về sự phạm tội, không biết cách thoát khỏi tội. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

12. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị có khả năng để phục vụ hoặc kiếm người phục vụ cho đệ tử hay học trò bị bệnh, để làm cho đi hoặc nhờ người làm cho đi sự bức bối (ở đệ tử hay học trò), để làm cho tan biến hoặc nhờ người làm cho tan biến đúng theo Pháp nổi nghi hoặc đã sanh khởi (ở đệ tử hay học trò), biết về sự phạm tội, biết cách thoát khỏi tội. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

13. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phạm sự căn bản,¹ để hướng dẫn các điều học thuộc về

¹ Ngài Buddhaghosa giải thích về các điều học thuộc về phạm sự căn bản (*abhisamācārikā sikkhā*) là các phạm sự được quy định ở trong *Khandhaka* tức là *Mahāvagga* - *Đại Phẩm* và *Cullavagga* - *Tiểu Phẩm* (VinA. v, 990).

phần đầu của Phạm hạnh,¹ để hướng dẫn về Thắng Pháp, để hướng dẫn về Thắng Luật,² để phân tách đúng theo Pháp xu hướng tà kiến đã sanh khởi cho đệ tử hay học trò. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

14. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phần sự căn bản, để hướng dẫn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, để hướng dẫn về Thắng Pháp, để hướng dẫn về Thắng Luật, để phân tách đúng theo Pháp xu hướng tà kiến đã sanh khởi cho đệ tử hay học trò. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

15. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự

¹ Còn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh (*āḍibrahmacariyikā sikkhā*) là phần quy định dành cho bậc hữu học, tức là hai phần giới bốn *Pātimokkha* đã được quy định cho tỳ khuru và tỳ khuru ni (Sđd.).

² Hướng dẫn về Thắng Pháp là có khả năng hướng dẫn về sự phân biệt Danh Sắc, và hướng dẫn về Thắng Luật là hướng dẫn về toàn bộ Tăng Luật (Sđd.).

phạm tội nặng, hơn nữa đối với vị này hai bộ giới bốn *Pātimokkha* không khéo được truyền thừa một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo thuộc nằm lòng, không khéo được xác định theo từng điều học và từng phần phụ thuộc. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

16. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng, hơn nữa đối với vị này hai bộ giới bốn *Pātimokkha* khéo được truyền thừa một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo thuộc nằm lòng, khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

17. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng, chưa đủ mười năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này không nên ban phép tu

lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

18. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu hội đủ năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng, được mười năm hoặc hơn mười năm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu hội đủ năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

**Dứt mười sáu nhóm năm
của phần ‘Nên ban phép tu lên bậc trên.’**

--ooOoo--

1. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu hội đủ sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không thành tựu vô học giới uẩn, không thành tựu vô học định uẩn, không thành tựu vô học tuệ uẩn, không thành tựu vô học giải thoát uẩn, không thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn, chưa đủ mười năm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu hội đủ sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

2. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu hội đủ sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để

cho sa di phục vụ: Là vị thành tựu vô học giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn, thành tựu vô học giải thoát uẩn, thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn, được mười năm hoặc hơn mười năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

3. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị bản thân không thành tựu vô học giới uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giới uẩn, bản thân không thành tựu vô học định uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học định uẩn, bản thân không thành tựu vô học tuệ uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học tuệ uẩn, bản thân không thành tựu vô học giải thoát uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giải thoát uẩn, bản thân không thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giải thoát tri kiến uẩn, chưa đủ mười năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

4. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị bản thân thành tựu vô học giới

uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giới uẩn, bản thân thành tựu vô học định uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học định uẩn, bản thân thành tựu vô học tuệ uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học tuệ uẩn, bản thân thành tựu vô học giải thoát uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giải thoát uẩn, bản thân thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được vô học giải thoát tri kiến uẩn, được mười năm hoặc hơn mười năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

5. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không có đức tin, không có sự hổ thẹn (tội lỗi), không có sự ghê sợ (tội lỗi), biếng nhác, có niệm bị quên lãng, chưa đủ mười năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

6. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị có đức tin, có sự hổ thẹn (tội lỗi), có sự ghê sợ (tội lỗi), có nhiệt tâm, có sự ra sức tinh tấn, có niệm được thiết lập, được mười năm hoặc hơn mười năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này

nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

7. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, ít học hỏi, trí kém, chưa đủ mười năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

8. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, nghe nhiều, có trí tuệ, được mười năm hoặc hơn mười năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

9. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không có khả năng để phục vụ hoặc kiếm người phục vụ cho đệ tử hay học trò bị bệnh, để làm cho đi hoặc nhờ người làm cho đi sự bức bối (ở đệ tử hay học trò), để làm cho tan biến hoặc nhờ người làm cho tan

biến đúng theo Pháp nổi nghi hoặc đã sanh khởi (ở đệ tử hay học trò), không biết về tội, không biết cách thoát khỏi tội, chưa đủ mười năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

10. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru có sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị có khả năng để phục vụ hoặc kiếm người phục vụ cho đệ tử hay học trò bị bệnh, để làm cho dịu đi hoặc nhờ người làm cho dịu đi sự bức bối (ở đệ tử hay học trò), để làm cho tan biến hoặc nhờ người làm cho tan biến đúng theo Pháp nổi nghi hoặc đã sanh khởi (ở đệ tử hay học trò), biết về tội, biết cách thoát khỏi tội, được mười năm hoặc hơn mười năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

11. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phạm sự căn bản, để hướng dẫn các điều học thuộc về phân đầu của Phạm hạnh, để hướng dẫn về Thắng Pháp, để hướng dẫn về Thắng Luật, để phân tách đúng theo Pháp xu hướng tà kiến đã sanh khởi cho đệ tử hay học trò, chưa đủ mười năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội

đủ sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

12. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phần sự căn bản, để hướng dẫn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, để hướng dẫn về Thắng Pháp, để hướng dẫn về Thắng Luật, để phân tách đúng theo Pháp xu hướng tà kiến đã sanh khởi cho đệ tử hay học trò, được mười năm hoặc hơn mười năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

13. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng, hơn nữa đối với vị này hai bộ giới bốn *Pātimokkha* không khéo được truyền thừa một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo thuộc nằm lòng, không khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc, chưa đủ mười năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho sa di phục vụ.

14. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng, hơn nữa đối với vị này hai bộ giới bốn *Pātimokkha* khéo được truyền thừa một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo thuộc nằm lòng, khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc, được mười năm hoặc hơn mười năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho sa di phục vụ.

**Dứt mười bốn nhóm sáu
của phần ‘Nên ban phép tu lên bậc trên.’**

--ooOoo--

1. Vào lúc bấy giờ, có người trước đây theo ngoại đạo trong khi được thầy tế độ nói về vấn đề thuộc Giáo Pháp đã bắt bẻ lời dạy của thầy tế độ rồi chuyển qua địa phận của chính ngoại đạo ấy. Người ấy đã quay trở lại lần nữa và cầu xin các tỳ khuru sự tu lên bậc trên. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Nay các tỳ khuru, người nào trước đây theo ngoại đạo trong khi được thầy tế độ nói về vấn đề thuộc Giáo Pháp đã bắt bẻ lời dạy của thầy tế độ rồi chuyển qua địa phận của chính ngoại đạo ấy, người ấy đi đến thì không nên cho tu lên bậc trên.

2. Nay các tỳ khuru, còn có hạng người khác, trước đây theo ngoại đạo, mong mỗi sự xuất gia trong Pháp và Luật này, mong mỗi việc tu lên bậc trên, nên ban cho vị ấy bốn tháng *parivāsa*.¹ Nay các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Trước tiên, nên bảo cạo bỏ râu tóc, bảo khoác lên các tấm vải màu ca-sa, bảo đắp thượng y một bên vai, bảo đánh lễ ở chân các vị tỳ khuru, bảo ngồi chồm hổm, bảo chấp tay lên, và nên bảo rằng: “Ngươi hãy nói như vậy: ‘Tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ (Tôi xin quy y Phật). Tôi đi đến Giáo Pháp là nơi nương nhờ (Tôi xin quy y Pháp). Tôi đi đến Hội Chúng là nơi nương nhờ (Tôi xin quy y Tăng). Lần thứ nhì, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Lần thứ nhì, tôi đi đến Giáo Pháp là nơi nương nhờ. Lần thứ nhì, tôi đi đến Hội Chúng là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đến Giáo Pháp là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đến Hội Chúng là nơi nương nhờ.’”

3. Nay các tỳ khuru, người trước đây theo ngoại đạo ấy nên đi đến hội chúng, nên đắp thượng y một bên vai, nên đánh lễ ở chân các tỳ khuru, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói như vậy: “Bạch các ngài, tôi tên (như vậy) trước đây theo ngoại đạo mong mỗi việc tu lên bậc trên trong Pháp và Luật này. Bạch các ngài, tôi đây cầu

¹ *Parivāsa*: Trường hợp vị tỳ khuru phạm tội *saṅghādisesa* có che giấu muốn được trong sạch trở lại phải xin hình phạt cũng có tên là *parivāsa*. Tuy có tên gọi giống nhau nhưng phạm sự thực hành không giống nhau (ND).

xin hội chúng bốn tháng *parivāsa*.” Nên được cầu xin lần thứ nhì. Nên được cầu xin lần thứ ba.

4. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực: *“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên (như vậy) trước đây theo ngoại đạo mong mỗi việc tu lên bậc trên trong Pháp và Luật này. Vị ấy cầu xin hội chúng bốn tháng parivāsa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho vị tên (như vậy) trước đây theo ngoại đạo bốn tháng parivāsa. Đây là lời đề nghị.*

5. *Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên (như vậy) trước đây theo ngoại đạo mong mỗi việc tu lên bậc trên trong Pháp và Luật này. Vị ấy cầu xin hội chúng bốn tháng parivāsa. Hội chúng ban cho vị tên (như vậy) trước đây theo ngoại đạo bốn tháng parivāsa. Đại đức nào đồng ý việc ban cho bốn tháng parivāsa đến vị tên (như vậy) trước đây theo ngoại đạo xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.*

6. *Bốn tháng parivāsa đã được hội chúng ban cho vị tên (như vậy) trước đây theo ngoại đạo. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”*

7. *Này các tỳ khuru, người trước đây theo ngoại đạo như thế này là người đạt yêu cầu, như thế này là người không đạt yêu cầu. Này các tỳ khuru, người trước đây theo ngoại đạo như thế nào là người không đạt yêu cầu?*

Này các tỳ khuru, trường hợp người trước đây theo ngoại đạo đi vào làng quá sớm và trở về quá trễ. Này các tỳ khuru, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người không đạt yêu cầu.

8. Này các tỳ khuru còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo lai vãng với dĩ điểm, hoặc lai vãng với góa phụ, hoặc lai vãng với gái lỡ thời, hoặc lai vãng với người vô căn, hoặc lai vãng với tỳ khuru ni. Này các tỳ khuru, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người không đạt yêu cầu.

9. Này các tỳ khuru còn có điều khác nữa, có những công việc lớn nhỏ gì đó cần phải làm đối với các vị có Phạm hạnh, trong những trường hợp ấy người trước đây theo ngoại đạo lại không khéo léo, không năng động, không có sự tìm tòi cách giải quyết các vấn đề ấy, không đủ khả năng làm, không đủ khả năng hướng dẫn (người khác làm). Này các tỳ khuru, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người không đạt yêu cầu.

10. Này các tỳ khuru còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo không có ước muốn mãnh liệt đối với việc đọc tụng, đối với việc học hỏi, đối với tăng thượng giới, đối với tăng thượng tâm, đối với tăng

thượng tuệ.¹ Nay các tỳ khuru, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người không đạt yêu cầu.

11. Nay các tỳ khuru còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo trở nên giận dữ, không hoan hỷ, không hài lòng với lời chê bai nói về vị thầy, về quan điểm, về điều chấp nhận, về điều ưa thích, về điều nắm giữ của phái ngoại đạo mà từ đó người ấy đã chuyển sang; trở nên hoan hỷ, phấn chấn, hài lòng với lời chê bai nói về đức Phật, về Giáo Pháp, hoặc về Hội Chúng; trở nên hoan hỷ, phấn chấn, hài lòng với lời khen ngợi nói về vị thầy, về quan điểm, về điều chấp nhận, về điều ưa thích, về điều nắm giữ của phái ngoại đạo mà từ đó người ấy đã chuyển sang; trở nên giận dữ, không hoan hỷ, không hài lòng với lời khen ngợi nói về đức Phật, về Giáo Pháp, hoặc về Hội Chúng. Nay các tỳ khuru, đây là điểm chủ yếu trong việc không đạt yêu cầu của người trước đây theo ngoại đạo. Nay các tỳ khuru, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người không đạt yêu cầu. Nay các tỳ khuru, người trước đây theo ngoại đạo đã đi đến (nếu) là người không đạt yêu cầu như thế ấy thì không nên cho tu lên bậc trên.

12. Nay các tỳ khuru, người trước đây theo ngoại đạo như thế nào là người đạt yêu cầu? Nay các tỳ khuru,

¹ Ngài Buddhaghosa giải thích về tăng thượng giới (*adhisīla*) là giới bốn *Pātimokkha*, tăng thượng tâm (*adhicitta*) là sự tu tập các loại định hợp thể, tăng thượng tuệ (*adhipaññā*) là sự tu tập (các tâm) Đạo Siêu Thế (VinA. v, 993).

trường hợp người trước đây theo ngoại đạo đi vào làng không quá sớm và trở về không quá trễ. Nay các tỳ khuru, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người đạt yêu cầu.

13. Nay các tỳ khuru còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo không lai vãng với dĩ điểm, không lai vãng với góa phụ, không lai vãng với gái lỡ thời, không lai vãng với người vô căn, không lai vãng với tỳ khuru ni. Nay các tỳ khuru, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người đạt yêu cầu.

14. Nay các tỳ khuru còn có điều khác nữa, có những công việc lớn nhỏ gì đó cần phải làm đối với các vị có Phạm hạnh, trong những trường hợp ấy người trước đây theo ngoại đạo là khéo léo, năng động, có sự tìm tòi cách giải quyết các vấn đề ấy, có đủ khả năng làm, có đủ khả năng hướng dẫn (người khác làm). Nay các tỳ khuru, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người đạt yêu cầu.

15. Nay các tỳ khuru còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo có ước muốn mãnh liệt đối với việc đọc tụng, đối với việc học hỏi, đối với tăng thượng giới, đối với tăng thượng tâm, đối với tăng thượng tuệ. Nay các tỳ khuru, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người đạt yêu cầu.

16. Nay các tỳ khuru còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo trở nên hoan hỷ, phấn chấn,

hài lòng với lời chê bai nói về vị thầy, về quan điểm, về điều chấp nhận, về điều ưa thích, về điều nắm giữ của phái ngoại đạo mà từ đó người ấy đã chuyển sang; trở nên giận dữ, không hoan hỷ, không hài lòng với lời chê bai nói về đức Phật, về Giáo Pháp, hoặc về Hội Chúng; trở nên giận dữ, không hoan hỷ, không hài lòng với lời khen ngợi nói về vị thầy, về quan điểm, về điều chấp nhận, về điều ưa thích, về điều nắm giữ của phái ngoại đạo mà từ đó người ấy đã chuyển sang; trở nên hoan hỷ, phấn chấn, hài lòng với lời khen ngợi nói về đức Phật, về Giáo Pháp, hoặc về Hội Chúng. Đây các tỳ khuru, đây là điểm chủ yếu trong việc đạt yêu cầu của người trước đây theo ngoại đạo. Đây các tỳ khuru, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người đạt yêu cầu. Đây các tỳ khuru, người trước đây theo ngoại đạo đã đi đến (nếu) là người đạt yêu cầu như thế ấy thì nên cho tu lên bậc trên.

17. Đây các tỳ khuru, nếu người trước đây theo ngoại đạo là trần truồng đi đến, y là trách nhiệm thuộc về thầy tế độ cần được tìm kiếm. Nếu người có tóc chưa được cắt đi đến thì hội chúng nên được thông báo về việc cạo tóc. Đây các tỳ khuru, những người nào là các vị thờ lửa là các đạo sĩ bện tóc, (nếu) các vị ấy đã đi đến thì nên cho tu lên bậc trên, không cần ban cho *parivāsa* đến những người ấy. Lý do của điều ấy là gì? Đây các tỳ khuru, những người ấy là những người thuyết về Nghiệp, là những người thuyết về Nhân Quả. Đây các tỳ khuru, nếu người trước đây theo ngoại đạo là người thuộc dòng

Sakya đi đến, (nếu) người ấy đã đi đến thì nên cho tu lên bậc trên, không cần ban cho *parivāsa* đến người ấy. Này các tỳ khưu, ta ban cho đặc ân ngoại lệ này đến các thân quyến.”

Dứt phần giảng về người trước đây theo ngoại đạo.

Tụng phẩm thứ bảy.

--ooOoo--

1. Vào lúc bấy giờ, có năm thứ bệnh phát triển rộng khắp trong dân chúng xứ Magadha là: bệnh cùi, bệnh ung nhọt, bệnh chàm, bệnh lao phổi, bệnh động kinh. Những người mắc phải năm thứ bệnh đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca và nói như vậy: - “Thưa thầy, tốt đẹp thay thầy hãy điều trị cho chúng tôi.” - “Các ngài ơi, tôi có nhiều phận sự, có nhiều việc cần phải làm. Và tôi còn phải phục vụ đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, các cung phi, và hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu nữa; tôi không thể điều trị (các ngài) được.” - “Thưa thầy, tất cả tài sản hãy là của thầy và chúng tôi sẽ là đầy tớ của thầy. Tốt đẹp thay thầy hãy điều trị cho chúng tôi.” - “Các ngài ơi, tôi có nhiều phận sự, có nhiều việc cần phải làm. Và tôi còn phải phục vụ đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, các cung phi, và hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu nữa; tôi không thể điều trị (các ngài) được.”

2. Khi ấy, những người dân ấy đã khởi ý điều này: “Những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon rồi nằm ngủ ở những cái giường kín gió, hay là chúng ta nên xuất gia nơi các Sa-môn Thích tử? Trong trường hợp ấy, chính các vị tỳ khuru sẽ chăm sóc (chúng ta) và Jīvaka Komārabhacca sẽ điều trị.”

3. Sau đó, những người dân ấy đã đi đến gặp các tỳ khuru và cầu xin sự xuất gia. Các tỳ khuru đã cho họ xuất

gia, đã cho tu lên bậc trên. Và chính các tỳ khuru đã chăm sóc họ và Jīvaka Komārabhacca đã điều trị.

4. Vào lúc bấy giờ, trong lúc chăm sóc nhiều tỳ khuru bị bệnh các vị tỳ khuru sống có nhiều sự xin xỏ, có nhiều sự yêu cầu: “Hãy bố thí vật thực dành cho người bệnh, hãy bố thí vật thực dành cho người chăm sóc bệnh, hãy bố thí dược phẩm dành cho người bệnh.” Ngay cả Jīvaka Komārabhacca, trong lúc điều trị nhiều tỳ khuru bị bệnh, đã xao lãng phận sự nào đó đối với đức vua.

5. Và có người đàn ông nọ cũng mắc phải năm thứ bệnh đã đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca và đã nói điều này: - “Thưa thầy, tốt đẹp thay thầy hãy điều trị cho tôi.” - “Ngài ơi, tôi có nhiều phận sự, có nhiều việc cần phải làm. Và tôi còn phải phục vụ đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, các cung phi, và hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu nữa; tôi không thể điều trị (ngài) được.” - “Thưa thầy, tất cả tài sản hãy là của thầy và tôi sẽ là đầy tớ của thầy. Tốt đẹp thay thầy hãy điều trị cho tôi.” - “Ngài ơi, tôi có nhiều phận sự, có nhiều việc cần phải làm. Và tôi còn phải phục vụ đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, các cung phi, và hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu nữa; tôi không thể điều trị (ngài) được.”

6. Khi ấy, người đàn ông ấy đã khởi ý điều này: “Những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon rồi nằm ngủ ở những cái giường kín gió, hay là ta nên xuất

gia nơi các Sa-môn Thích tử? Trong trường hợp ấy, chính các vị tỳ khuru sẽ chăm sóc (ta) và Jīvaka Komārabhacca sẽ điều trị, khi khỏi bệnh ta đây sẽ hoàn tục.”

7. Sau đó, người đàn ông ấy đã đi đến gặp các tỳ khuru và cầu xin sự xuất gia. Các tỳ khuru đã cho người ấy xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Và chính các tỳ khuru đã chăm sóc người ấy và Jīvaka Komārabhacca đã điều trị. Người ấy khi khỏi bệnh đã hoàn tục.

8. Jīvaka Komārabhacca đã nhìn thấy người đàn ông hoàn tục ấy, sau khi nhìn thấy đã nói với người đàn ông ấy điều này: - “Thưa ngài, có phải ngài đã xuất gia nơi các tỳ khuru không?” - “Thưa thầy, đúng vậy.” - “Thưa ngài, điều gì khiến ngài đã làm việc như thế?”

9. Khi ấy, người đàn ông ấy đã kể lại sự việc ấy cho Jīvaka Komārabhacca. Jīvaka Komārabhacca phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các đại đức lại cho người bị mắc phải năm thứ bệnh xuất gia?”

10. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, tốt đẹp thay các ngài đại đức không cho người bị mắc phải năm thứ bệnh xuất gia.”

11. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho Jīvaka Komārabhacca bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, Jīvaka Komārabhacca đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

12. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, không nên cho người bị mắc phải năm chứng bệnh xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *dukkatā* a.”

13. Vào lúc bấy giờ, vùng biên địa của đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bị (trộm cướp) dấy loạn. Khi ấy, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra lệnh cho các quan đại thần lãnh đạo quân đội rằng: - “Này các khanh, hãy đi và thu hồi lại vùng biên địa.” - “Tâu bệ hạ, xin vâng.” Các quan đại thần lãnh đạo quân đội đã đáp lại đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

14. Khi ấy, các chiến sĩ danh tiếng lẫy lừng đã khởi ý điều này: “Là những người say mê chiến trận, trong khi đi (đánh trận) chúng ta tạo nghiệp ác và gây ra nhiều điều bất thiện. Vói phương kế gì chúng ta có thể tránh được việc ác và có thể làm việc lành?”

15. Khi ấy, các chiến sĩ ấy đã khởi ý điều này: “Những vị Sa-môn Thích tử này là những vị thực hành

Giáo Pháp, thực hành sự bình thản, thực hành Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp, nếu chúng ta có thể xuất gia nơi các Sa-môn Thích tử, như vậy chúng ta có thể tránh được việc ác và có thể làm việc lành.”

16. Sau đó, các chiến sĩ ấy đã đi đến gặp các tỳ khưu và cầu xin sự xuất gia. Các tỳ khưu đã cho họ xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Các quan đại thần lãnh đạo quân đội đã hỏi các binh sĩ của đức vua rằng: - “Này các khanh, sao các chiến sĩ tên (như vậy) và tên (như vậy) lại không hiện diện?” - “Thưa tướng quân, các chiến sĩ tên (như vậy) và tên (như vậy) đã xuất gia nơi các vị tỳ khưu.” Các quan đại thần lãnh đạo quân đội phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho binh sĩ của đức vua xuất gia?” Các quan đại thần lãnh đạo quân đội đã trình sự việc ấy lên đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

17. Khi ấy, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã hỏi các quan đại thần phụ trách tòa án rằng: - “Này các khanh, người cho binh sĩ của đức vua xuất gia phạm vào điều gì?” - “Tâu bệ hạ, đầu của thầy tế độ nên bị chặt đi, lưỡi của vị đọc tuyên ngôn nên bị rút ra, một phần xương sườn của nhóm (các vị chứng minh) nên bị bẻ gãy.”

18. Sau đó, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một

bên, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, có những vị vua không có đức tin, không có mộ đạo, những vị ấy có thể hãm hại các tỳ khuru chỉ vì chuyện không đáng gì. Bạch ngài, tốt đẹp thay các ngài đại đức không cho binh sĩ của đức vua xuất gia.”

19. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

20. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, không nên cho binh sĩ của đức vua xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *dukkat a.*”

21. Vào lúc bấy giờ, kẻ cướp có mang chuỗi ngón tay¹ đã được xuất gia ở nơi các tỳ khuru. Dân chúng khi nhìn

¹ *Coro añgulimālo*: mới xem qua dễ lầm tưởng với kẻ cướp tên Aṅgulimāla trong bài kệ tụng về Tám Phật Lực. Dịch giả I.B. Horner đã nêu lên điều này với lý do không có chữ ‘*nāma* = tên là’ hoặc ‘*iti*’ như được thường dùng trong trường hợp danh từ riêng; hơn nữa ở đây vị này được xuất gia ở nơi các tỳ khuru còn vị kia được xuất gia theo lối ‘*ehi bhikkhu*’ với đức Phật. Thêm vào đó, sự biến đổi từ nữ

thấy trở nên sợ hãi, hoảng hốt, bỏ chạy, rẽ sang hướng khác, quay mặt chỗ khác, đóng cửa lại. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ cướp có mang biểu tượng xuất gia?” Các tỳ khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên cho kẻ cướp có mang biểu tượng xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

22. Vào lúc bấy giờ, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra thông báo rằng: “Những người nào đã xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, không được phép làm bất cứ điều gì đến những người ấy. Giáo Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy để các vị thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn ngõ hầu chấm dứt khổ đau.”

23. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nợ sau khi thực hiện vụ trộm đã bị giam trong ngục. Người ấy đã phá ngục tẩu thoát và đã được xuất gia ở nơi các tỳ khưu. Dân chúng sau khi nhìn thấy đã nói như vậy: - “Chính người này là kẻ cướp phá ngục. Nào, chúng ta hãy dẫn gã ấy đi.” Một số người đã nói như vậy: - “Này các ngài, chớ có nói như thế. Đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra thông báo rằng: ‘Những người nào đã

tánh sang nam tánh của *mālā* trong cụm từ *aṇḍulimālō* xác định đây là trường hợp *bahubbhi* làm phạm sự của tính từ (ND).

xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, không được phép làm bất cứ điều gì đến những người ấy. Giáo Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy để các vị thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn ngõ hầu chấm dứt khổ đau.”

24. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Các vị Sa-môn Thích tử này không phải lo sợ nữa rồi. Không được phép làm bất cứ điều gì đến các vị này! Nhưng tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ cướp phá ngục xuất gia?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên cho kẻ cướp phá ngục xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *dukkatā* a.”

25. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nợ sau khi thực hiện vụ trộm đã tẩu thoát và đã được xuất gia ở nơi các tỳ khuru. Người ấy đã bị cáo thị tâm nã ở hoàng cung rằng: “Được nhìn thấy tại đâu thì được giết tại đấy.” Dân chúng đã nói như vậy: - “Chính người này là kẻ cướp bị cáo thị tâm nã. Nào, chúng ta hãy giết gã ấy đi.” Một số người đã nói như vậy: - “Này các ngài, chớ có nói như thế. Đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra thông báo rằng: “Những người nào đã xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, không được phép làm bất cứ điều gì đến những người ấy. Giáo Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy để các vị thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn ngõ hầu chấm dứt khổ đau.”

26. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Các vị Sa-môn Thích tử này không phải lo sợ nữa rồi.

Không được phép làm bất cứ điều gì đến các vị này! Nhưng tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ cướp bị cáo thị tằm nã xuất gia?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - "Này các tỳ khuru, không nên cho kẻ cướp bị cáo thị tằm nã xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *dukkaṭa* a."

27. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nợ bị xử hình phạt đánh bằng roi đã được xuất gia ở nơi các tỳ khuru. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ bị xử hình phạt đánh bằng roi xuất gia?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - "Này các tỳ khuru, không nên cho kẻ bị xử hình phạt đánh bằng roi xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *dukkaṭa* a."

28. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nợ bị xử hình phạt đóng dấu đã được xuất gia ở nơi các tỳ khuru. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ bị xử hình phạt đóng dấu xuất gia?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - "Này các tỳ khuru, không nên cho kẻ bị xử hình phạt đóng dấu xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *dukkaṭa* a."

29. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nợ là kẻ thiếu nợ đã bỏ trốn và đã được xuất gia ở nơi các tỳ khuru. Những người chủ nợ đã nhìn thấy và nói như vậy: - "Chính người này là kẻ thiếu nợ của chúng ta. Nào, chúng ta hãy dẫn gã ấy đi." Một số người đã nói như

vậy: - “Này các ngài, chớ có nói như thế. Đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra thông báo rằng: “Những người nào đã xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, không được phép làm bất cứ điều gì đến những người ấy. Giáo Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy để các vị thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn ngõ hầu chấm dứt khổ đau.”

30. Dân chúng phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Các vị Sa-môn Thích tử này không phải lo sợ nữa rồi. Không được phép làm bất cứ điều gì đến các vị này! Nhưng tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ thiếu nợ xuất gia?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên cho kẻ thiếu nợ xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *dukkat a*.”

31. Vào lúc bấy giờ, có người nô tỳ nợ đã bỏ trốn và đã được xuất gia ở nơi các tỳ khưu. Những người chủ đã nhìn thấy và nói như vậy: - “Chính người này là kẻ nô tỳ của chúng ta. Nào chúng ta hãy dẫn gã ấy đi.” Một số người đã nói như vậy: - “Này các ngài, chớ có nói như thế. Đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra thông báo rằng: ‘Những người nào đã xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, không được phép làm bất cứ điều gì đến những người ấy. Giáo Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy để các vị thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn ngõ hầu chấm dứt khổ đau.’”

32. Dân chúng phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Các vị Sa-môn Thích tử này không phải lo sợ nữa rồi.

Không được phép làm bất cứ điều gì đến các vị này! Nhưng tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ nô tỳ xuất gia?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - "Này các tỳ khuru, không nên cho kẻ nô tỳ xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *dukkaṭa* a."

33. Vào lúc bấy giờ, có người thợ bạc bị sói đầu nọ sau khi cãi vã với cha mẹ đã đi đến tu viện và đã được xuất gia ở nơi các tỳ khuru. Sau đó, cha mẹ của người thợ bạc bị sói đầu ấy, trong khi tìm kiếm người thợ bạc bị sói đầu ấy, đã đi đến tu viện và đã hỏi các tỳ khuru rằng: - "Thưa các ngài, vậy chớ các ngài có nhìn thấy người trai trẻ hình dáng như thế này không?" Các vị tỳ khuru trong khi không biết nên đã nói rằng: - "Chúng tôi không biết," trong khi không nhìn thấy nên đã nói rằng: - "Chúng tôi không nhìn thấy."

34. Sau đó, cha mẹ của người thợ bạc bị sói đầu ấy, trong lúc tìm kiếm người thợ bạc bị sói đầu ấy, nhìn thấy (người ấy) đã được xuất gia ở nơi các tỳ khuru nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - "Những Sa-môn Thích tử này thật vô liêm sỉ, giới hạnh xấu xa, là những kẻ nói láo, trong khi biết lại nói rằng: 'Chúng tôi không biết,' trong khi nhìn thấy lại nói rằng: 'Chúng tôi không nhìn thấy.' Người trai trẻ này đã được xuất gia ở nơi các tỳ khuru."

35. Các tỳ khuru đã nghe được cha mẹ của người thợ bạc bị sói đầu ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -

“Này các tỳ khuru, ta cho phép thông báo đến hội chúng về việc cạo tóc.”

36. Vào lúc bấy giờ, trong thành Rājagaha có nhóm mười bảy thiếu niên là bạn bè. Thiếu niên Upāli là thủ lĩnh của họ. Khi ấy, cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: “Có phương kế gì để sau khi chúng ta từ trần, Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc?”

37. Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: “Nếu Upāli có thể học chữ viết, như thế sau khi chúng ta từ trần Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc.”

38. Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: “Nếu Upāli học chữ viết thì các ngón tay sẽ bị đau. Nếu Upāli có thể học tính toán, như thế sau khi chúng ta từ trần Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc.”

39. Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: “Nếu Upāli học tính toán thì ngực sẽ bị đau. Nếu Upāli có thể học hội họa, như thế sau khi chúng ta từ trần Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc.”

40. Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: “Nếu Upāli học hội họa thì các con mắt sẽ bị đau. Còn những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon rồi nằm ngủ ở những cái giường kín gió, nếu Upāli có thể xuất gia nơi các Sa-môn Thích tử, như thế sau khi chúng ta từ trần Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc.”

41. Thiếu niên Upāli đã nghe được cuộc nói chuyện trao đổi ấy của cha mẹ. Sau đó, thiếu niên Upāli đã đi đến gặp những thiếu niên ấy, sau khi đến đã nói với những thiếu niên ấy điều này: - “Này các bạn, hãy đi. Chúng ta sẽ xuất gia noi các Sa-môn Thích tử.”

42. Sau đó, những thiếu niên ấy từng người một đã đi đến gặp cha mẹ của mình và đã nói điều này: - “Hãy cho phép con rời nhà xuất gia sống không nhà.” Khi ấy, cha mẹ của những thiếu niên ấy (nghĩ rằng): “Tất cả những đứa trẻ này có ước muốn giống nhau, có ý định tốt đẹp” nên đã chấp thuận. Chúng đã đi đến gặp các tỳ khưu và cầu xin sự xuất gia. Các tỳ khưu đã cho chúng xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Những thiếu niên ấy sau khi thức dậy vào lúc hùng sáng của đêm đã khóc lóc: - “Hãy cho cháo, hãy cho thức ăn, hãy cho vật nhai.”

43. Các tỳ khưu đã nói như vậy: - “Này các sư đệ, hãy chờ đến khi trời sáng, nếu có cháo thì các đệ sẽ húp cháo, nếu có thức ăn thì các đệ sẽ ăn, nếu có vật nhai thì các đệ sẽ nhai; còn nếu không có cháo, hoặc thức ăn, hoặc vật nhai, thì các đệ sẽ ăn sau khi đi khát thực.”

44. Trong khi được nói như thế bởi các tỳ khưu, các tỳ khưu (thiếu niên) ấy vẫn khóc lóc: - “Hãy cho cháo, hãy cho thức ăn, hãy cho vật nhai,” rồi đại tiện tiểu tiện ở chỗ nằm ngồi.

45. Đức Thế Tôn sau khi thức dậy vào lúc hùng sáng của đêm đã nghe tiếng của các đứa trẻ, sau khi nghe đã

bảo đại đức Ānanda rằng: - “Này Ānanda, tiếng của các đứa trẻ ấy là gì vậy?”

46. Khi ấy, đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru trong khi biết vẫn cho tu lên bậc trên người chưa đến hai mươi tuổi, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khuru, vì sao những kẻ rồ dại ấy trong khi biết vẫn cho tu lên bậc trên người chưa đến hai mươi tuổi? Này các tỳ khuru, người chưa đến hai mươi tuổi không có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng, và các loài bò sát, các lời nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng không cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi.

47. Này các tỳ khuru, người đã được hai mươi tuổi có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng, và các loài bò sát, các lời nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, Ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, người chưa đến hai mươi tuổi, trong khi biết, không nên

cho tu lên bậc trên; vị nào cho tu lên bậc trên thì nên được hành xử theo Pháp.”¹

48. Vào lúc bấy giờ, có gia đình nọ bị chết bởi bệnh dịch hạch. Người cha và người con trai của gia đình ấy là (những người) còn sót lại. Họ đã xuất gia nơi các tỳ khuru rồi đi khất thực chung với nhau. Khi ấy, lúc đồ ăn khất thực được bố thí đến người cha, đứa trẻ ấy đã chạy lại gần và nói điều này: - “Cha yêu quý, hãy cho con với. Cha yêu quý, hãy cho con với.” Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Những Sa-môn Thích tử này không có Phạm hạnh. Đứa trẻ này đã được sanh ra bởi tỳ khuru ni.”

49. Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, đứa trẻ dưới mười lăm tuổi không nên cho xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *dukkat a*.”

50. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ có đức tin mộ đạo của đại đức Ānanda bị chết bởi bệnh dịch hạch. Và có hai đứa trẻ trai là (những người) còn sót lại. Khi nhìn thấy các vị tỳ khuru, chúng theo thói quen được phép trước đây đã chạy đến gần. Các tỳ khuru đã đuổi (chúng) đi. Trong khi bị các vị tỳ khuru đuổi đi, chúng đã khóc.

¹ Liên quan đến tội *pācittiya* 65 về cho tu lên bậc trên người kém hai mươi tuổi (ND).

51. Khi ấy, đại đức Ānanda đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Đứa trẻ dưới mười lăm tuổi không nên cho xuất gia;’ và những đứa trẻ này dưới mười lăm tuổi, vậy bằng phương cách gì để những đứa trẻ này không thể bị tiêu hoại đây?” Sau đó, đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này Ānanda, những đứa trẻ ấy có khả năng để đuổi các con quạ bay đi không?” - “Bạch Thế Tôn, chúng có khả năng.” Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép xuất gia đứa trẻ dưới mười lăm tuổi là trẻ (có thể) đuổi được quạ.”

52. Vào lúc bấy giờ, đại đức Upananda con trai dòng Sakya có hai sa di là Kaṇṭhaka và Mahaka. Chúng đã làm điều đồi bại với nhau. Các vị tỳ khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các sa di lại thực hành điều sai trái có hình thức như thế ấy?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, một vị không nên để cho hai sa di phục vụ; vị nào để cho phục vụ thì phạm tội *dukkatā* a.”

53. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đã sống mùa mưa ở ngay tại nơi ấy trong thành Rājagaha, mùa lạnh ở tại nơi ấy, mùa nóng ở tại nơi ấy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Các hướng đi của các Sa-môn Thích tử bị tắc nghẽn, tầm tối. Các hướng đi không còn được các vị này nhận ra nữa.”

54. Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: - “Này Ānanda, hãy đi, cầm lấy chìa khóa, và thông báo cho các vị tỳ khuru ở đây phòng rằng: ‘Này các đại đức, đức Thế Tôn muốn ra đi du hành ở đến núi Dakkhiṇāgiri.¹ Đại đức nào có ý thích thì hãy đi.’” - “Bạch Thế Tôn, xin vâng.” Nghe theo lời đức Thế Tôn, đại đức Ānanda đã cầm lấy chìa khóa và đã thông báo cho các vị tỳ khuru ở đây phòng rằng: - “Này các đại đức, đức Thế Tôn muốn ra đi du hành đến núi Dakkhiṇāgiri. Đại đức nào có ý thích thì hãy đi.” Các vị tỳ khuru đã nói như vậy: - “Này đại đức Ānanda, đức Thế Tôn đã quy định là sống nương nhờ mười năm, vị mười năm được cho nương nhờ. Và (nếu) chúng tôi đi đến nơi ấy thì sự nương nhờ sẽ cần được xác định (ở nơi ấy). Và việc cư trú sẽ là ngăn ngủi và sẽ quay trở về lại, rồi sự nương nhờ sẽ cần được xác định lại. Nếu các thầy tế độ hoặc thầy dạy học của chúng tôi sẽ đi thì chúng tôi cũng sẽ đi, nếu các thầy tế độ hoặc thầy dạy học của chúng tôi sẽ không đi thì chúng tôi cũng sẽ không đi. Này đại đức Ānanda, chúng tôi hành xử với tâm tư nhẹ nhàng là điều sẽ được nhận biết.”

55. Sau đó, đức Thế Tôn đã ra đi du hành đến núi Dakkhiṇāgiri với nhóm số lượng ít ỏi. Sau đó, khi đã ngự

¹ *Dakkhiṇāgiri* nghĩa là ‘ngọn núi ở phía Nam.’ Tuy nhiên, ở phía nam của thành Rājagaha có ngọn núi tên là *Dakkhiṇāgiri*, vì là địa danh cho nên giữ nguyên không dịch (ND).

tại núi Dakkhiṇāgiri theo như ý thích, đức Thế Tôn đã quay trở về lại thành Rājagaha. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: - “Này Ānanda, vì sao Như Lai đã ra đi du hành đến núi Dakkhiṇāgiri với hội chúng tỳ khuru là nhóm số lượng ít ỏi?” Khi ấy, đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru có kinh nghiệm đủ năng lực sống nương nhờ năm năm, vị không có kinh nghiệm thì trọn đời.”

56. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố không nên sống không nương nhờ: Là vị không thành tựu vô học giới uẩn, không thành tựu vô học định uẩn, không thành tựu vô học tuệ uẩn, không thành tựu vô học giải thoát uẩn, không thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

57. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị thành tựu vô học giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn, thành tựu vô học giải thoát uẩn, thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này được sống không nương nhờ.

58. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị không có đức tin, không có sự hổ thẹn (tội lỗi), không có sự ghê sợ (tội lỗi), biếng nhác, có niệm bị quên lãng. Này

các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

59. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị có đức tin, có sự hổ thẹn (tội lỗi), có sự ghê sợ (tội lỗi), có nhiệt tâm, có sự ra sức tinh tấn, có niệm được thiết lập. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này được sống không nương nhờ.

60. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, ít học hỏi, trí kém. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

61. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, nghe nhiều, có trí tuệ. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này được sống không nương nhờ.

62. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm

tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng, hơn nữa đối với vị này hai bộ giới bốn *Pātimokkha* không khéo được truyền thừa một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo thuộc nằm lòng, không khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

63. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng, đối với vị này hơn nữa đối với vị này hai bộ giới bốn *Pātimokkha* khéo được truyền thừa một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo thuộc nằm lòng, khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này được sống không nương nhờ.

64. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng, chưa đủ năm năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

65. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết

về sự phạm tội nặng, được năm năm hoặc hơn năm năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ năm yếu tố này được sống không nương nhờ.

66. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này không nên sống không nương nhờ: Là vị không thành tựu vô học giới uẩn, không thành tựu vô học định uẩn, không thành tựu vô học tuệ uẩn, không thành tựu vô học giải thoát uẩn, không thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn, chưa đủ năm năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

67. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này được sống không nương nhờ: Là vị thành tựu vô học giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn, thành tựu vô học giải thoát uẩn, thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn, được năm năm hoặc hơn năm năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này được sống không nương nhờ.

68. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị không có đức tin, không có sự hổ thẹn (tội lỗi), không có sự ghê sợ (tội lỗi), biếng nhác, có niệm bị quên lãng, chưa đủ năm năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

69. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị có đức tin, có sự hổ

thẹn (tội lỗi), có sự ghê sợ (tội lỗi), có nhiệt tâm, có sự ra sức tinh tấn, có niệm được thiết lập, được năm năm hoặc hơn năm năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này được sống không nương nhờ.

70. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, ít học hỏi, trí kém, chưa đủ năm năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

71. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, nghe nhiều, có trí tuệ, được năm năm hoặc hơn năm năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này được sống không nương nhờ.

72. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng, đối với vị này hơn nữa đối với vị này hai bộ giới bốn *Pātimokkha* không khéo được truyền thừa một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo thuộc nằm lòng, không khéo được xác định theo

từng điều và từng phần phụ thuộc, chưa đủ năm năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

73. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng, hơn nữa đối với vị này hai bộ giới bốn *Pātimokkha* khéo được truyền thừa một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo thuộc nằm lòng, khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc, được năm năm hoặc hơn năm năm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hội đủ sáu yếu tố này được sống không nương nhờ.

Dứt tụng phẩm ‘Không Phải Lo Sợ’ là thứ tám.

--ooOoo--

1. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía thành Kapilavatthu. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngự đến thành Kapilavatthu.

2. Tại nơi đó giữa dân chúng dòng Sakya, đức Thế Tôn ngự ở thành Kapilavatthu, tại tu viện Nigrodha. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, đi đến tư dinh của Suddhodana (Tịnh Phạn) dòng Sakya, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

3. Khi ấy, hoàng hậu mẹ của Rāhula đã nói với hoàng tử Rāhula (La Hầu La) điều này: - “Này Rāhula, người kia là cha của con. Hãy đi và cầu xin phần thừa kế.” Khi ấy, hoàng tử Rāhula đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đứng ở phía trước đức Thế Tôn (nói rằng): - “Này vị Sa-môn, bóng che của ngài thật an lạc.”

4. Sau đó, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Khi ấy, hoàng tử Rāhula đã theo sát phía sau của đức Thế Tôn (nói rằng): - “Này vị Sa-môn, hãy ban cho con phần thừa kế. Này vị Sa-môn, hãy ban cho con phần thừa kế.” Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Sāriputta rằng: - “Này Sāriputta, như thế thì người hãy cho hoàng tử Rāhula xuất gia.” - “Bạch ngài, con cho hoàng tử Rāhula xuất gia như thế nào?”

5. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép việc xuất gia sa di bằng ba sự đi đến nương nhờ (Tam Quy). Và này các tỳ khưu, nên cho xuất gia như vậy: Trước tiên, nên cho cạo bỏ râu tóc, cho choàng lên các tấm vải màu ca-sa, cho đắp thượng y một bên vai, bảo đánh lễ ở chân các vị tỳ khưu, bảo ngồi chồm hổm, bảo chấp tay lên, và nên bảo rằng: ‘Người hãy nói như vậy: Tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ (Tôi xin quy y Phật). Tôi đi đến Giáo Pháp là nơi nương nhờ (Tôi xin quy y Pháp). Tôi đi đến Hội Chúng là nơi nương nhờ (Tôi xin quy y Tăng). Lần thứ nhì, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Lần thứ nhì, tôi đi đến Giáo

Pháp là nơi nương nhờ. Lần thứ nhì, tôi đi đến Hội Chúng là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đến Giáo Pháp là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đến Hội Chúng là nơi nương nhờ.’ Nay các tỳ khuru, ta cho phép việc xuất gia sa di bằng ba sự đi đến nương nhờ này.”

6. Khi ấy, đại đức Sāriputta đã cho hoàng tử Rāhula xuất gia. Sau đó, Suddhodana dòng Sakya¹ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Suddhodana dòng Sakya đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, trăm cầu xin đức Thế Tôn một điều ước muốn.” - “Này vị Gotama, các đấng Như Lai đã vượt khỏi các điều ước muốn.” - “Bạch ngài, điều ấy là hợp lý, điều ấy không bị chê trách.” - “Này vị Gotama, hãy nói đi.”

- “Bạch ngài, khi đức Thế Tôn đã xuất gia, đau khổ đã khởi lên ở trăm không phải là ít, tương tự như vậy trong việc Nandā,² (nhưng là sự đau khổ) vô cùng mãnh liệt trong việc Rāhula. Bạch ngài, lòng thương yêu đối

¹ Suddhodana dòng Sakya: tức là đức vua Tịnh Phạn dòng Thích Ca. Tịnh Phạn là từ dịch nghĩa của Suddhodana (*suddha* = trong sạch + *odana* = cơm). Thích Ca là từ dịch âm của Sakya. Một số tên gọi khác cũng đã được dịch âm như là: Sĩ Đạt Ta - Siddhattha, Da Du Đà La - Yasodharā, La Hưu La - Rāhula, Ma Da - Mayā, Kiều Đàm Di - Gotamī (ND).

² Nandā là con trai của đức vua Suddhodana và bà Mahāpajāpati Gotamī, tức em cùng cha khác mẹ với đức Phật (ND).

với người con trai cắt vào da; sau khi cắt vào da, nó cắt vào lớp da trong; sau khi cắt vào lớp da trong, nó cắt vào thịt; sau khi cắt vào thịt, nó cắt vào gân; sau khi cắt vào gân, nó cắt vào xương; sau khi cắt vào xương, nó đạt đến tủy xương rồi trú (ở đó). Bạch ngài, tốt đẹp thay các ngài đại đức không nên cho người con trai chưa được phép của cha mẹ xuất gia.”

7. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho Suddhodana dòng Sakya bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, Suddhodana dòng Sakya đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

8. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, không nên cho người con trai chưa được phép của cha mẹ xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *dukkaṭṭa* a.”

Dứt phần giảng về câu chuyện của Rāhula.

--ooOoo--

1. Sau đó, khi đã ngụ tại thành Kapilavatthu theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía thành

Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó trong thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự ở Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ của đại đức Sāriputta đã gọi đứa trẻ trai đến đại đức Sāriputta (nói rằng): “Xin ngài trưởng lão hãy cho đứa trẻ này xuất gia.”

2. Khi ấy, đại đức Sāriputta đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Một vị không nên để cho hai sa di phục vụ,’ và ta đây đã có sa di Rāhula. Vậy ta nên thực hành như thế nào?” Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép vị tỳ khưu có kinh nghiệm đủ năng lực một mình được để cho hai sa di phục vụ, hoặc để cho nhiều (sa di) phục vụ với số lượng mà vị ấy vẫn có đủ khả năng để giáo huấn và chỉ dạy.”

3. Sau đó, các vị sa di đã khởi ý điều này: “Chúng ta có bao nhiêu điều học? Và chúng ta nên học tập về vấn đề gì?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép mười điều học đến các sa di và (cho phép) các sa di học tập về các điều học ấy: Việc tránh xa sự giết hại mạng sống, việc tránh xa sự lấy vật không được cho, việc tránh xa điều phi Phạm hạnh (sự hành dâm), việc tránh xa sự nói dối, việc tránh xa trường hợp dễ duôi uống chất say là rượu và chất lên men, việc tránh xa sự ăn phi thời, việc tránh xa sự múa hát đờn và xem trình diễn, việc tránh xa trường hợp đeo vòng hoa thoa vật thơm và tô điểm bằng đồ trang sức,

việc tránh xa chỗ nằm ngời cao và rộng lớn, việc tránh xa sự thọ lãnh vàng bạc. Nay các tỳ khuru, ta cho phép mười điều học này đến các sa di và (cho phép) các sa di học tập về các điều học này.

4. Vào lúc bấy giờ, các sa di sống không tôn kính, không vâng lời, có lỗi cư xử không hòa nhã đối với các tỳ khuru. Các vị tỳ khuru phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các sa di lại sống không tôn kính, không vâng lời, có lỗi cư xử không hòa nhã đối với các tỳ khuru?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Nay các tỳ khuru, ta cho phép thực thi hình phạt đối với vị sa di có năm yếu tố: Là vị ra sức làm cho các tỳ khuru không được lợi lộc, ra sức làm cho các tỳ khuru không được sự lợi ích, ra sức làm cho các tỳ khuru không có chỗ ngụ, mắng nhiếc gièm pha các tỳ khuru, chia rẽ các tỳ khuru (này) với các tỳ khuru (khác). Nay các tỳ khuru, ta cho phép thực thi hình phạt đối với vị sa di có năm yếu tố này.”

5. Khi ấy, các tỳ khuru đã khởi ý điều này: “Hình phạt gì nên được thực hiện?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Nay các tỳ khuru, ta cho phép thực hiện sự ngăn cấm.”

6. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru thực hiện sự ngăn cấm toàn bộ khu vực tu viện của hội chúng đối với các sa di. Các sa di trong khi không thể đi vào tu viện nên rời đi, hoàn tục, chuyển sang ngoại đạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Nay các tỳ khuru, không

nên thực hiện sự ngăn cấm toàn bộ khu vực tu viện của hội chúng; vị nào thực hiện thì phạm tội *dukkaṭa* a. Nay các tỳ khưu, ta cho phép thực hiện sự ngăn cấm ở chỗ (tỳ khưu) sinh sống hoặc ở chỗ (tỳ khưu) lui tới.”

7. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu thực hiện sự ngăn cấm thức ăn theo đường miệng đối với các sa di. Dân chúng trong lúc làm nước cháo và bữa ăn dâng hội chúng nói với các sa di như vậy: - “Này các ngài, hãy đến và húp cháo. Này các ngài, hãy đến và thọ dụng bữa ăn.” Các vị sa di nói như vậy: - “Này các đạo hữu, không thể được. Các tỳ khưu đã thực hiện sự ngăn cấm.” Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các đại đức lại thực hiện sự ngăn cấm thức ăn theo đường miệng đối với các sa di?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên thực hiện sự ngăn cấm thức ăn theo đường miệng, vị nào thực hiện thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

Dứt câu chuyện về hình phạt.

--ooOoo--

1. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư không hỏi các vị thầy tế độ lại thực hiện sự ngăn cấm đối với các sa di. Các vị thầy tế độ tìm kiếm (hỏi rằng): “Vì sao các sa di của chúng tôi lại không được nhìn thấy?” Các tỳ khuru đã nói như vậy: - “Này các đại đức, các vị tỳ khuru nhóm Lục Sư đã thực hiện sự ngăn cấm.” Các vị thầy tế độ phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư không hỏi chúng tôi lại thực hiện sự ngăn cấm đối với các sa di của chúng tôi? Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, chưa hỏi các vị thầy tế độ không nên thực hiện sự ngăn cấm; vị nào thực hiện thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

2. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã dụ dỗ các sa di của các tỳ khuru trưởng lão. Các vị trưởng lão bị mê nhọc trong khi tự mình lấy gỗ chà răng và nước súc miệng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên dụ dỗ tập thể của vị khác; vị nào dụ dỗ thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

3. Vào lúc bấy giờ, sa di tên Kaṇṭhaka của đại đức Upananda con trai dòng Sakya đã làm nhơ tỳ khuru ni tên Kaṇṭhaki. Các tỳ khuru phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao vị sa di lại thực hành điều sai trái có hình thức như thế?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép trục xuất sa di có mười yếu tố này: Là kẻ giết hại mạng sống, là kẻ lấy vật không được cho, là kẻ phi Phạm hạnh (hành dâm), là kẻ nói dối, là kẻ uống chất say, là kẻ phi báng đức Phật, phi

báng Giáo Pháp, phỉ báng Hội Chúng, là kẻ có tri kiến sai trái, là kẻ làm nhơ tỳ khuru ni. Nay các tỳ khuru, ta cho phép trục xuất vị sa di có mười yếu tố này.”

4. Vào lúc bấy giờ, có người vô căn nọ đã được xuất gia ở nơi các tỳ khuru. Người ấy đi đến gặp các vị tỳ khuru trẻ rồi nói như vậy: - “Này các đại đức, hãy đi đến. Hãy làm điều nhơ nhớp với tôi.” Các vị tỳ khuru đuổi đi: - “Này kẻ vô căn, tiêu mất đi! Này kẻ vô căn, biến mất đi! Ai mà cần đến ngươi?” Bị các tỳ khuru xua đuổi, người ấy đi đến gặp các sa di to bự lớn xác rồi nói như vậy: - “Này các đại đức, hãy đi đến. Hãy làm điều nhơ nhớp với tôi.” Các vị sa di đuổi đi: - “Này kẻ vô căn, tiêu mất đi! Này kẻ vô căn, biến mất đi! Ai mà cần đến ngươi?”

5. Người ấy khi bị các vị sa di xua đuổi lại đi đến gặp những người chăn voi, những người giữ ngựa rồi nói như vậy: - “Này các đạo hữu, hãy đi đến. Hãy làm điều nhơ nhớp với tôi.” Những người chăn voi, những người giữ ngựa đã làm điều nhơ nhớp. Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Những Sa-môn Thích tử này là những kẻ vô căn. Những người nào trong bọn họ không phải là những kẻ vô căn thì những người ấy làm điều nhơ nhớp với những kẻ vô căn. Như vậy, chính tất cả những người này không có Phạm hạnh.”

6. Các tỳ khuru đã nghe được những người chăn voi những người giữ ngựa phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau

đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, kẻ vô căn chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trực xuất.” (1)

7. Vào lúc bấy giờ, có người con trai của gia đình bị khánh tận không còn gia quyến nọ là người mảnh mai. Khi ấy, người con trai của gia đình bị khánh tận không còn gia quyến ấy đã khởi ý điều này: “Ta là người mảnh mai, không đủ khả năng để đạt đến tài sản chưa có hoặc làm tăng trưởng tài sản đã có, với phương kế gì để ta có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc?”

8. Rồi người con trai của gia đình bị khánh tận không còn gia quyến ấy đã khởi ý điều này: “Những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon rồi nằm ngủ ở những cái giường kín gió, hay là ta nên tự mình chuẩn bị y bát, cạo bỏ râu tóc, khoác lên các mảnh vải màu ca-sa, đi đến tu viện, và chung sống với các tỳ khuru?”

9. Sau đó, người con trai của gia đình bị khánh tận không còn gia quyến ấy đã tự mình chuẩn bị y bát, cạo bỏ râu tóc, khoác lên các mảnh vải màu ca-sa, đi đến tu viện, và đánh lễ các vị tỳ khuru. Các vị tỳ khuru đã nói như vậy: - “Này đại đức, đại đức được bao nhiêu năm?” - “Được bao nhiêu năm? Này các đại đức, điều ấy là gì vậy?” - “Này đại đức, ai là thầy tế độ của đại đức?” - “Thầy tế độ? Này các đại đức, điều ấy là gì vậy?” Các vị

tỳ khuru đã nói với đại đức Upāli điều này: “ - “Này đại đức Upāli, hãy thẩm tra người đã xuất gia này đi.”

10. Sau đó, trong khi được đại đức Upāli thẩm tra người con trai của gia đình bị khánh tận không còn gia quyến ấy đã kể lại sự việc ấy. Đại đức Upāli đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, kẻ trộm tướng mạo (tỳ khuru)¹ chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. Này các tỳ khuru, kẻ đã đi theo ngoại đạo chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất.” (2 - 3)

11. Vào lúc bấy giờ, có con rồng nọ lo ngại, xấu hổ, và chán ghét với sự xuất thân là loài rồng. Sau đó, con rồng ấy đã khởi ý điều này: “Với phương kế gì ta có thể hoàn toàn thoát khỏi sự xuất thân là loài rồng và có thể thành tựu bản thể của loài người một cách nhanh chóng?” Khi ấy, con rồng ấy đã khởi ý điều này: “Những vị Sa-môn Thích tử này là những vị thực hành Giáo Pháp, thực hành sự bình đẳng, thực hành Phạm hạnh, nói lời chân

¹ *Theyyasaṃvāsaka* nghĩa là kẻ sống chung theo lối trộm cắp. Chú Giải đề cập 3 loại *theyyasaṃvāsaka*: *liṇḍagatthenaka* (kẻ trộm tướng mạo) nghĩa là kẻ tự mình xuất gia rồi đi đến tu viện và không biết gì về các điều quy định, *saṃvāsathenaka* (kẻ trộm trong việc cộng trú) nghĩa là vị sa di đã hoàn tục rồi đi đến tu viện nói dối là tỳ khuru và có biết về các điều quy định, hạng thứ ba *ubhayatthenaka* (kẻ trộm theo cả hai cách) nghĩa là kẻ tự mình xuất gia rồi đi đến tu viện và có biết về các điều quy định (VinA. v, 1016-1017).

thật, có giới hạnh, có thiện pháp; nếu ta có thể xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, như thế ta có thể hoàn toàn thoát khỏi sự xuất thân là loài rồng và có thể thành tựu bản thể của loài người một cách nhanh chóng.”

12. Sau đó, con rồng ấy với hình dáng của người thanh niên đã đi đến gặp các vị tỳ khuru và cầu xin sự xuất gia. Các vị tỳ khuru đã cho người ấy xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Vào lúc bấy giờ, con rồng ấy cùng với vị tỳ khuru khác ngụ trong trú xá ở chỗ giáp ranh. Khi ấy vào lúc hừng sáng của đêm, vị tỳ khuru ấy thức dậy và đi kinh hành ở ngoài trời.

13. Sau đó, trong khi vị tỳ khuru ấy đã đi ra ngoài con rồng ấy hết lo âu nên đã chìm vào giấc ngủ. Toàn bộ trú xá đã bị tràn ngập bởi (thân của) con rồng và các vòng thân còn lộ ra khỏi các cửa sổ. Sau đó, vị tỳ khuru ấy (nghĩ rằng): “Ta sẽ đi vào trú xá,” trong lúc đẩy cánh cửa đã nhìn thấy toàn bộ trú xá bị tràn ngập bởi (thân của) con rồng và các vòng thân đang lộ ra khỏi các cửa sổ, sau khi nhìn thấy (trở nên) sợ hãi và đã kêu thét lên. Các vị tỳ khuru đã chạy lại và nói với vị tỳ khuru ấy điều này: - “Này đại đức, vì sao đại đức lại kêu thét lên vậy?” - “Này các đại đức, toàn bộ trú xá này bị tràn ngập bởi (thân của) con rồng và các vòng thân còn lộ ra khỏi các cửa sổ.

14. Khi ấy, con rồng ấy sau khi thức giấc bởi tiếng động ấy đã ngồi xuống trên chỗ ngồi của mình. Các vị tỳ

khuru đã nói như vậy: - “Này đê, người là ai vậy?” - “Thưa các ngài, tôi là rồng.” - “Này đê, vì sao người lại biến thành hình dạng như thế này?”

15. Khi ấy, con rồng ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và nói với con rồng ấy điều này: - “Các người là loài rồng không có được pháp tiến bộ trong Pháp và Luật này. Này rồng, người hãy đi đi. Và hãy tiến hành *Uposatha*¹ vào ngày mười bốn, ngày mười lăm và ngày thứ tám của mỗi nửa tháng ở ngay nơi ấy, như thế người sẽ hoàn toàn thoát khỏi sự xuất thân là loài rồng và sẽ thành tựu bản thể của loài người một cách nhanh chóng.”

16. Khi ấy, con rồng ấy (nghĩ rằng): “Nghe nói ta không có được pháp tiến bộ trong Pháp và Luật này” (trở nên) đau khổ, rầu rĩ, trong khi đang trào ra nước mắt đã khóc rống lên, rồi bỏ đi. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, đây là hai lý do đưa đến việc hiện ra bản thể thật của loài rồng là khi nó thực hiện việc lừa dối với rồng cái và khi nó hết lo âu rồi chìm vào giấc ngủ. Này các tỳ khuru, hai lý do này đưa đến việc hiện ra bản thể thật của loài rồng. Này các tỳ khuru, loài thú chưa được tu lên bậc trên thì không

¹ Vào các ngày này, các cư sĩ thường thọ trì tám giới hoặc mười giới một ngày đêm (ND).

nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trực xuất. (4)

17. Vào lúc bấy giờ, có người thanh niên nọ là kẻ đã đoạt đi mạng sống của người mẹ. Người ấy lo ngại, xấu hổ, và chán ghét với hành động ác độc ấy. Sau đó, người thanh niên ấy đã khởi ý điều này: “Vội phương kế gì ta có thể thực hiện sự thoát ly đối với nghiệp ác ấy?” Khi ấy, người thanh niên ấy đã khởi ý điều này: “Những vị Sa-môn Thích tử này là những vị thực hành Giáo Pháp, thực hành sự bình đẳng, thực hành Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp; nếu ta có thể xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, như thế ta có thể thực hiện sự thoát ly đối với nghiệp ác ấy.”

18. Sau đó, người thanh niên ấy đã đi đến gặp các tỷ khuru và cầu xin sự xuất gia. Các tỷ khuru đã nói với đại đức Upāli điều này: - “Này đại đức Upāli, cũng trước đây con rồng với hình dáng của người thanh niên đã được xuất gia ở nơi các tỷ khuru. Này đại đức Upāli, hãy thẩm tra người thanh niên này.”

19. Sau đó, trong khi được đại đức Upāli thẩm tra người thanh niên ấy đã kể lại sự việc ấy. Đại đức Upāli đã kể lại sự việc ấy cho các tỷ khuru. Các tỷ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỷ khuru, kẻ giết mẹ chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trực xuất.” (5)

20. Vào lúc bấy giờ, có người thanh niên nọ là kẻ đã đoạt đi mạng sống của người cha. Người ấy lo ngại, xấu hổ, và chán ghét với nghiệp ác ấy. Sau đó, người thanh niên ấy đã khởi ý điều này: “Với phương kế gì ta có thể thực hiện sự thoát ly đối với nghiệp ác ấy?” Khi ấy, người thanh niên ấy đã khởi ý điều này: “Những vị Sa-môn Thích tử này là những vị thực hành Giáo Pháp, thực hành sự bình đẳng, thực hành Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp; nếu ta có thể xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, như thế ta có thể thực hiện sự thoát ly đối với nghiệp ác ấy.”

21. Sau đó, người thanh niên ấy đã đi đến gặp các tỳ khuru và cầu xin sự xuất gia. Các tỳ khuru đã nói với đại đức Upāli điều này: - “Này đại đức Upāli, cũng trước đây con rồng với hình dáng của người thanh niên đã được xuất gia ở nơi các tỳ khuru. Này đại đức Upāli, hãy thẩm tra người thanh niên này.”

22. Sau đó, trong khi được đại đức Upāli thẩm tra người thanh niên ấy đã kể lại sự việc ấy. Đại đức Upāli đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, kẻ giết cha chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất.” (6)

23. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ khuru đi đường xa từ Sāketa đến thành Sāvattthi. Giữa đường bọn cướp đã xuất hiện; chúng đã cướp bóc một số tỳ khuru và đã giết chết một số tỳ khuru. Các binh lính của đức vua phát

xuất từ thành Sāvattthi đã bắt được một số kẻ cướp. Một số kẻ cướp đã tẩu thoát. Những kẻ tẩu thoát ấy đã xuất gia ở nơi các tỳ khuru. Những kẻ nào đã bị bắt thì bị đưa đi tử hình.

24. Những kẻ đã được xuất gia ấy đã nhìn thấy những kẻ cướp ấy đang bị đưa đi tử hình, sau khi nhìn thấy đã nói như vậy: - “May mắn thay chúng ta đã tẩu thoát, nếu hôm nay chúng ta bị bắt, chúng ta cũng có thể bị giết y như thế này.” Các vị tỳ khuru đã nói như vậy: - “Này các đại đức, các vị đã nói điều gì vậy?” Khi ấy, những kẻ đã được xuất gia ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, các vị tỳ khuru ấy là các vị A-la-hán. Này các tỳ khuru, kẻ giết A-la-hán chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất.” (7)

25. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ khuru ni đi đường xa từ Sāketa đến thành Sāvattthi. Giữa đường, bọn cướp đã xuất hiện; chúng đã cướp bóc một số tỳ khuru ni, đã làm nhor nhóp một số tỳ khuru ni. Các binh lính của đức vua phát xuất từ thành Sāvattthi đã bắt được một số kẻ cướp. Một số kẻ cướp đã tẩu thoát. Những kẻ tẩu thoát ấy đã xuất gia ở nơi các tỳ khuru. Những kẻ nào đã bị bắt thì bị đưa đi tử hình.

26. Những kẻ đã được xuất gia ấy đã nhìn thấy những kẻ cướp ấy đang bị đưa đi tử hình, sau khi nhìn thấy đã nói như vậy: - “May mắn thay chúng ta đã tẩu

thoát. Nếu hôm nay chúng ta bị bắt, chúng ta cũng có thể bị giết y như thế này.” Các vị tỳ khưu đã nói như vậy: - “Này các đại đức, các vị đã nói điều gì vậy?” Khi ấy, những kẻ đã được xuất gia ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khưu. Các tỳ khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, kẻ làm như tỳ khưu ni chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. Này các tỳ khưu, kẻ làm chia rẽ hội chúng chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. Này các tỳ khưu, kẻ làm chảy máu (đức Phật) chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất.” (8 - 9 - 10)

27. Vào lúc bấy giờ, có người lưỡng căn nọ¹ đã được xuất gia ở nơi các tỳ khưu. Người ấy hành động (như người nam) rồi bảo (người nam khác) hành động (với mình). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, người lưỡng căn chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất.” (11)

Dứt mười một câu chuyện về người chưa được tu lên bậc trên.

--ooOoo--

¹ Người có cả hai bộ phận sinh dục nam và nữ (ND).

1. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru cho tu lên bậc trên người không có thầy tế độ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên cho tu lên bậc trên người không có thầy tế độ; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭ a.*” (1)

2. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru cho tu lên bậc trên với hội chúng là thầy tế độ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên cho tu lên bậc trên với hội chúng là thầy tế độ; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭ a.*” (2)

3. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru cho tu lên bậc trên với nhóm (hai hoặc ba vị tỳ khuru) là thầy tế độ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên cho tu lên bậc trên với nhóm (hai hoặc ba vị tỳ khuru) là thầy tế độ; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭ a.*” (3)

4. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru cho tu lên bậc trên với kẻ vô căn là thầy tế độ. —nt— cho tu lên bậc trên với kẻ trộm tướng mạo (tỳ khuru) là thầy tế độ. —nt— cho tu lên bậc trên với kẻ đã đi theo ngoại đạo là thầy tế độ. —nt— cho tu lên bậc trên với loài thú là thầy tế độ. —nt— cho tu lên bậc trên với kẻ giết mẹ là thầy tế độ. —nt— cho tu lên bậc trên với kẻ giết cha là thầy tế độ. —nt— cho tu lên bậc trên với kẻ giết A-la-hán là thầy tế độ. —nt— cho tu lên bậc trên với kẻ làm nhơ tỳ khuru ni

là thầy tế độ. —nt— cho tu lên bậc trên với kẻ chia rẽ hội chúng là thầy tế độ. —nt— cho tu lên bậc trên với kẻ làm chảy máu (đức Phật) là thầy tế độ. —nt— cho tu lên bậc trên với kẻ lường căn là thầy tế độ.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khuru, không nên cho tu lên bậc trên với kẻ vô căn là thầy tế độ. —nt— Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ trộm tướng mạo (tỳ khuru) là thầy tế độ. —nt— Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ đã đi theo ngoại đạo là thầy tế độ. —nt— Không nên cho tu lên bậc trên với loài thú là thầy tế độ. —nt— Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ giết mẹ là thầy tế độ. —nt— Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ giết cha là thầy tế độ. —nt— Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ giết A-la-hán là thầy tế độ. —nt— Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ làm nhơ tỳ khuru ni là thầy tế độ. —nt— Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ chia rẽ hội chúng là thầy tế độ. —nt— Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ làm chảy máu (đức Phật) là thầy tế độ. —nt— Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ lường căn là thầy tế độ; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa* a.” (4 - 14)

6. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru cho tu lên bậc trên người không có bình bát. Các vị đi khát thực bằng hai tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như là những kẻ ngoại đạo.” Các vị đã trình sự

việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên cho tu lên bậc trên người không có bình bát; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa* a.” (15)

7. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru cho tu lên bậc trên người không có y. Các vị lỏa thể đi khát thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như là những kẻ ngoại đạo.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên cho tu lên bậc trên người không có y; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa* a.” (16)

8. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru cho tu lên bậc trên người không có y và bình bát. Các vị lỏa thể đi khát thực bằng hai tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như là những kẻ ngoại đạo.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên cho tu lên bậc trên người không có y và bình bát; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭa* a.” (17)

9. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru cho tu lên bậc trên với bình bát (mượn) của người đã được yêu cầu (trước). Khi đã được tu lên bậc trên, các vị trả lại bình bát. Các vị đi khát thực bằng hai tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như là những kẻ ngoại đạo.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên cho tu lên bậc trên với bình bát

mượn; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭ a.*" (18)

10. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu cho tu lên bậc trên với y (mượn) của người đã được yêu cầu (trước). Khi đã được tu lên bậc trên, các vị trả lại y. Các vị lỏa thể đi khát thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - "Giống như là những kẻ ngoại đạo." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - "Này các tỳ khưu, không nên cho tu lên bậc trên với y mượn; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭ a.*" (19)

11. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu cho tu lên bậc trên với y và bình bát (mượn) của người đã được yêu cầu (trước). Khi đã được tu lên bậc trên, các vị trả lại y và bình bát. Các vị lỏa thể đi khát thực bằng hai tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - "Giống như là những kẻ ngoại đạo." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - "Này các tỳ khưu, không nên cho tu lên bậc trên với y và bình bát mượn; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *dukkaṭ a.*" (20)

**Dứt hai mươi trường hợp
về người không nên cho tu lên bậc trên.**

--ooOoo--

1. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu cho người bị đứt cánh tay xuất gia. —nt— cho người bị đứt bàn chân xuất gia. ... cho người bị đứt cánh tay và bàn chân xuất gia. ... cho người bị sút tai xuất gia. ... cho người bị sút mũi xuất gia. ... cho người bị sút tai và mũi xuất gia. ... cho người bị đứt ngón tay xuất gia. ... cho người bị đứt móng tay xuất gia. ... cho người bị đứt gân chân xuất gia. ... cho người có bàn tay dính liền giống cánh dơi xuất gia. ... cho người gù lưng xuất gia. ... cho người lùn tịt xuất gia. ... cho người có bướu cổ xuất gia. ... cho người bị xử hình phạt đóng dấu xuất gia. ... cho người bị xử hình phạt đánh bằng roi xuất gia. ... cho người bị cáo thị tầm nã xuất gia. ... cho người phù chân voi xuất gia. ... cho người có bệnh trầm trọng xuất gia. ... cho người bơi lội tập thể xuất gia. ... cho người chột mắt xuất gia. ... cho người có tứ chi bị co rút xuất gia. ... cho người què xuất gia. ... cho người bị liệt nửa thân xuất gia. ... cho người đi khập khiễng xuất gia. ... cho người già yếu xuất gia. ... cho người mù xuất gia. ... cho người câm xuất gia. ... cho người điếc xuất gia. ... cho người mù và câm xuất gia. ... cho người mù và điếc xuất gia. ... cho người câm và điếc xuất gia. ... cho người mù câm điếc xuất gia.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. - “Này các tỳ khưu, không nên cho người bị đứt cánh tay xuất gia. —nt— Không nên cho người bị đứt bàn chân xuất gia. ... Không nên cho người bị đứt cánh tay và bàn chân xuất gia. ... Không nên cho người sút tai

xuất gia. ... Không nên cho người bị sút mũi xuất gia. ... Không nên cho người bị sút tai và mũi xuất gia. ... Không nên cho người bị đứt ngón tay xuất gia. ... Không nên cho người bị đứt móng tay xuất gia. ... Không nên cho người bị đứt gân chân xuất gia. ... Không nên cho người có bàn tay dính liền giống cánh dơi xuất gia. ... Không nên cho người gù lưng xuất gia. ... Không nên cho người lùn tịt xuất gia. ... Không nên cho người có bướu cổ xuất gia. ... Không nên cho người bị xử hình phạt đóng dấu xuất gia. ... Không nên cho người bị xử hình phạt đánh bằng roi xuất gia. ... Không nên cho người bị cáo thị tầm nã xuất gia. ... Không nên cho người phù chân voi xuất gia. ... Không nên cho người có bệnh trầm trọng kinh niên xuất gia. ... Không nên cho người bồi nhọ tập thể xuất gia. ... Không nên cho người chợt mắt xuất gia. ... Không nên cho người có tứ chi bị co rút xuất gia. ... Không nên cho người què xuất gia. ... Không nên cho người bị liệt nửa thân xuất gia. ... Không nên cho người đi khập khiễng xuất gia. ... Không nên cho người già yếu xuất gia. ... Không nên cho người mù xuất gia. ... Không nên cho người câm xuất gia. ... Không nên cho người điếc xuất gia. ... Không nên cho người mù và câm xuất gia. ... Không nên cho người mù và điếc xuất gia. ... Không nên cho người câm và điếc xuất gia. ... Không nên cho người mù câm điếc xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *dukkaṭa* a."

Đứt ba mươi hai trường hợp không nên cho xuất gia.

Dứt tụng phẩm ‘Phần Thừa Kế’ là thứ chín.

--ooOoo--

1. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư ban cho sự nương nhờ đến những vị không có liêm sỉ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên ban cho sự nương nhờ đến những vị không có liêm sỉ; vị nào ban cho thì phạm tội *dukkaṭa a.*” Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu sống (với pháp) nương nhờ vào những vị không có liêm sỉ. Chẳng bao lâu sau, các vị ấy cũng trở thành các tỳ khưu ác xấu, không có liêm sỉ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên sống (với pháp) nương nhờ vào những vị không có liêm sỉ; vị nào sống thì phạm tội *dukkaṭa a.*”

2. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Không nên ban cho sự nương nhờ đến những vị không có liêm sỉ và không nên sống (với pháp) nương nhờ vào những vị không có liêm sỉ,’ vậy làm thế nào chúng ta biết được (vị nào) là có liêm sỉ hoặc không có liêm sỉ?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép chờ đợi bốn năm ngày đến khi (xác định rằng): “Ta biết được bản chất của vị tỳ khưu.”

3. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ du hành đường xa trong xứ Kosala. Khi ấy, vị tỳ khưu ấy đã khởi ý điều

này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Không nên sống không nương nhờ,’ và ta là cần có sự nương nhờ nhưng đang du hành đường xa, vậy ta nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép vị tỳ khưu đang du hành đường xa trong khi không đạt được sự nương nhờ thì được sống không nương nhờ.”

4. Vào lúc bấy giờ, có hai vị tỳ khưu du hành đường xa trong xứ Kosala. Họ đã đi đến gần trú xứ nọ. Tại đó, một vị tỳ khưu đã bị lâm bệnh. Khi ấy, vị tỳ khưu bị bệnh ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Không nên sống không nương nhờ,’ và ta là cần có sự nương nhờ nhưng bị bệnh, vậy ta nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép vị tỳ khưu bị bệnh trong khi không đạt được sự nương nhờ thì được sống không nương nhờ.”

5. Khi ấy, vị tỳ khưu chăm sóc vị bị bệnh ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Không nên sống không nương nhờ,’ và ta là cần có sự nương nhờ nhưng vị tỳ khưu này thì bị bệnh, vậy ta nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép vị tỳ khưu chăm

sóc vị bị bệnh trong khi không đạt được sự nương nhờ thì được sống không nương nhờ (dầu) được yêu cầu.”¹

6. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ trú ngụ ở rừng. Và ở chỗ trú ngụ ấy có được sự thoải mái cho vị ấy (trong việc tiến tu). Khi ấy, vị tỳ khưu ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Không nên sống không nương nhờ,’ và ta là cần có sự nương nhờ nhưng ta trú ngụ ở trong rừng. Và ở chỗ trú ngụ này có được sự thoải mái cho ta (trong việc tiến tu), vậy ta nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khưu, ta cho phép vị tỳ khưu ở rừng đang quan tâm đến việc trú ngụ thoải mái trong khi không đạt được sự nương nhờ thì được sống không nương nhờ (nghĩ rằng): “Khi nào có vị ban pháp nương nhờ thích đáng đi đến thì ta sẽ sống nương nhờ vào vị ấy.”

7. Vào lúc bấy giờ, có người có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức Mahākassapa. Khi ấy, đại đức Mahākassapa đã phái sứ giả đến gặp đại đức Ānanda nhắn rằng: “Ānanda hãy đi đến và tuyên ngôn cho người này.” Đại đức Ānanda đã nói như vậy: - “Tôi không thể nêu lên tên của ngài trưởng lão, ngài trưởng lão là bậc trưởng thượng của tôi.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế

¹ Được vị bị bệnh yêu cầu hãy sống nương nhờ vào vị ấy (VinA. v, 1032).

Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép tuyên ngôn với tên của dòng họ.”

8. Vào lúc bấy giờ, có hai người có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức Mahākassapa. Họ tranh cãi rằng: “Tôi sẽ tu lên bậc trên trước, tôi sẽ tu lên bậc trên trước.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.” - “Này các tỳ khuru, ta cho phép thực hiện hai (người) trong một lần tuyên ngôn.”

9. Vào lúc bấy giờ, có những người có ý muốn tu lên bậc trên với nhiều vị trưởng lão. Họ tranh cãi rằng: “Tôi sẽ tu lên bậc trên trước tiên, tôi sẽ tu lên bậc trên trước tiên.” Các vị trưởng lão đã nói như vậy: - “Này các đại đức, chúng ta hãy thực hiện hết thầy tất cả trong một lần tuyên ngôn đi.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép thực hiện hai hoặc ba (người) trong một lần tuyên ngôn. Và điều ấy là với cùng một thầy tế độ chứ không phải với thầy tế độ khác nhau.”

10. Vào lúc bấy giờ, đại đức Kumārakassapa là hai mươi (tuổi) tính theo thai bào đã được tu lên bậc trên. Sau đó, đại đức Kumārakassapa đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Không nên cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi,’ và ta là hai mươi (tuổi) tính theo thai bào đã được tu lên bậc trên, vậy thì ta đã được tu lên bậc trên hay là chưa được tu lên bậc trên?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, khi tâm đầu tiên sanh khởi trong bụng của

người mẹ thì thức đầu tiên đã xuất hiện; do điều ấy nên chính thời điểm đó là sự sanh ra của người ấy. Nay các tỳ khuru, ta cho phép cho tu lên bậc trên người hai mươi (tuổi) tính theo thai bào.”

11. Vào lúc bấy giờ, các vị đã tu lên bậc trên được phát hiện là có (liên quan đến) bệnh cùi, bệnh ung nhọt, bệnh chàm, bệnh lao phổi, bệnh động kinh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép vị đang ban phép tu lên bậc trên được hỏi về mười ba pháp chương ngại. Và này các tỳ khuru, nên hỏi như vậy: “Người có các bệnh như vậy không: Bệnh cùi? Bệnh ung nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Người là loài người? Người là người nam? Người là người được tự do (không phải nô lệ)? Người không bị thiếu nợ? Người không phải là lính của đức vua? Người đã được cha mẹ cho phép? Người đã tròn hai mươi tuổi? Người có đầy đủ y bát không? Người tên gì? Vị thầy tế độ của người tên gì?”

12. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru hỏi các pháp chương ngại đến các người có ý muốn tu lên bậc trên chưa được chỉ bảo trước. Các người có ý muốn tu lên bậc trên đã bị bối rối, trở nên mắc cỡ, rồi không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép chỉ bảo trước rồi hỏi các pháp chương ngại sau.” Các vị đã chỉ bảo ngay tại chỗ ấy, ở giữa hội chúng. Như thế ấy, các người có ý muốn tu lên bậc trên đã bị bối rối, trở nên mắc cỡ, rồi không thể trả lời. Các vị đã

trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép chỉ bảo ở một góc rồi hỏi các pháp chương ngại ở giữa hội chúng. Và này các tỳ khuru, nên chỉ bảo như vậy: Trước tiên, nên bảo chọn vị thầy tế độ. Sau khi đã bảo chọn vị thầy tế độ rồi nên chỉ dẫn về y và bình bát: “Đây là bình bát của người, đây là y hai lớp của người, đây là thượng y của người, đây là y nội của người. Hãy đi đến đứng ở chỗ trống đằng kia.”

13. Các vị (tỳ khuru) ngu dốt, thiếu kinh nghiệm đã chỉ bảo. Những người có ý muốn tu lên bậc trên do được chỉ bảo tồi nên đã bị bối rối, trở nên mắc cỡ, rồi không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, vị (tỳ khuru) ngu dốt thiếu kinh nghiệm không nên chỉ bảo; vị nào chỉ bảo thì phạm tội *dukkaṭa*. Này các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ khả năng được chỉ bảo.”

14. Những vị (tỳ khuru) không được chỉ định đã chỉ bảo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, vị không được chỉ định không nên chỉ bảo; vị nào chỉ bảo thì phạm tội *dukkaṭa*. Này các tỳ khuru, ta cho phép chỉ bảo đối với vị đã được chỉ định. Và này các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Tự mình chỉ định cho chính mình, hoặc người khác chỉ định cho người khác.

15. Thế nào là tự mình chỉ định cho chính mình? Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc

trên với đại đức tên (như vậy). Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ chỉ bảo cho người tên (như vậy).” Như vậy là tự mình chỉ định cho chính mình.

16. Thế nào là người khác chỉ định cho người khác? Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức tên (như vậy). Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, vị tên (như vậy) sẽ chỉ bảo cho người tên (như vậy).” Như vậy là người khác chỉ định cho người khác.

17. Vị tỳ khuru đã được chỉ định ấy nên đi đến gần người có ý muốn tu lên bậc trên và nên nói như vậy: “Này người tên (như vậy), hãy lắng nghe. Đối với người, bây giờ là thời điểm của sự thật, là thời điểm của bản chất. Trong khi được hỏi ở giữa hội chúng, điều gì được đề cập đến, nếu điều ấy là đúng thì nên nói: ‘Đúng;’ nếu không đúng, nên nói: ‘Không đúng.’ Chớ nên bối rối, chớ nên mắc cỡ. Các vị sẽ hỏi người như vậy: ‘Người có các bệnh như thế này không: Bệnh cùi? Bệnh ung nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Người là loài người? Người là người nam? Người là người được tự do (không phải nô lệ)? Người không thiếu nợ? Người không phải là lính của đức vua? Người đã được cha mẹ cho phép? Người đã tròn hai mươi tuổi? Người có đầy đủ y bát không? Người tên gì? Vị thầy tế độ của người tên gì?’”

18. Họ đi đến cùng một lúc. - “Này các tỳ khuru, không nên đi đến cùng một lúc. Vị chỉ bảo nên đi đến trước và thông báo cho hội chúng:

19. “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức tên (như vậy). Tôi đã chỉ bảo cho người ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, thì người tên (như vậy) có thể đi đến.” Và nên nói rằng: “Người hãy đi đến.”

21. Nên bảo (người ấy) đắp thượng y một bên vai, bảo đánh lễ ở chân các tỳ khuru, bảo ngồi chồm hổm, bảo chắp tay lên, và bảo cầu xin sự tu lên bậc trên:

21. *“Bạch các ngài, tôi cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch các ngài, tôi cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch các ngài, tôi cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót.”*

22. Hội chúng nên được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức tên (như vậy). Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi người tên (như vậy) về các pháp chương ngại.” “Này người tên (như vậy), hãy lắng nghe. Đối với người, bây giờ là thời điểm

của sự thật, là thời điểm của bản chất. Ta hỏi về việc đã sanh khởi, nếu điều ấy là đúng thì nên nói: ‘Có;’ nếu không đúng, nên nói: ‘Không có.’ Ngươi có các bệnh như thế này không: Bệnh cùi? Bệnh ung nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Ngươi là loài người? Ngươi là người nam? Ngươi là người được tự do (không phải nô lệ)? Ngươi không thiếu nợ? Ngươi không phải là lính của đức vua? Ngươi đã được cha mẹ cho phép? Ngươi đã tròn hai mươi tuổi? Ngươi có đầy đủ y bát không? Ngươi tên gì? Vị thầy tế độ của ngươi tên gì?”

23. Hội chúng nên được thông báo bởi vị tỳ khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bach các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức tên (như vậy), là người trong sạch về các pháp chương ngại, là người có đầy đủ y bát. Người tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên (như vậy). Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho người tên (như vậy) tu lên bậc trên với thầy tế độ tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

24. *Bach các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức tên (như vậy), là người trong sạch về các pháp chương ngại, là người có đầy đủ y bát. Người tên (như vậy) cầu xin hội chúng*

sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên (như vậy). Hội chúng cho người tên (như vậy) tu lên bậc trên với thầy tế độ tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của người tên (như vậy) với thầy tế độ tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

25. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức tên (như vậy), là người trong sạch về các pháp chương ngại, là người có đầy đủ y bát. Người tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên (như vậy). Hội chúng cho người tên (như vậy) tu lên bậc trên với thầy tế độ tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của người tên (như vậy) với thầy tế độ tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

26. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người này tên (như vậy) có ý muốn tu lên bậc trên với đại đức tên (như vậy), là người trong sạch về các pháp chương ngại, là người có đầy đủ y bát. Người tên (như vậy) cầu xin hội chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên (như vậy). Hội chúng cho người tên (như vậy) tu lên bậc trên với thầy tế độ tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của người tên (như vậy) với thầy tế độ tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

27. Người tên (như vậy) đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với thầy tế độ tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hành sự tu lên bậc trên.

--ooOoo--

1. Ngay khi ấy, bóng nắng cần được đo đạc, việc xác định mùa tiết nên được chỉ dạy, việc phân chia ngày (giờ) nên được chỉ dạy, điều đã được kết tập lại nên được chỉ dạy, bốn vật nương nhờ nên được chỉ dạy:

2. “Việc xuất gia nương vào thức ăn do khát thực, trong trường hợp ấy người nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời; phần thọ lãnh ngoại lệ là bữa ăn dâng hội chúng, bữa ăn được chỉ định, sự mời thỉnh, bữa ăn theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào ngày *Uposatha*, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng. (1)

3. Việc xuất gia nương vào y làm bằng vải dơ bị quăng bỏ; trong trường hợp ấy người nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời; phần thọ lãnh ngoại lệ là (y làm bằng) sợi lanh, bông vải, tơ lụa, sợi len, gai thô, chỉ bố. (2)

4. Việc xuất gia nương vào chỗ trú ngụ là gốc cây; trong trường hợp ấy người nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời; phần thọ lãnh ngoại lệ là trú xá, nhà một mái, tòa nhà dài, khu nhà lớn, hang động. (3)

5. Việc xuất gia nương vào được phẩm là nước tiểu gia súc, trong trường hợp ấy người nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời; phần thọ lãnh ngoại lệ là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật, đường mía.” (4)

Dứt bốn vật nương nhờ.

--ooOoo--

1. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru sau khi cho tu lên bậc trên vị tỳ khuru nọ đã bỏ lại (vị ấy) mỗi một mình rời ra đi. Sau đó trong khi đang đi chỉ mỗi một mình, giữa đường vị ấy đã gặp lại người vợ cũ. Cô ta đã nói như vậy: - “Nay chàng đã xuất gia rồi sao?” - “Đúng vậy, tôi đã xuất gia.” - “Đối với các vị xuất gia việc đôi lứa là khó đạt được. Hãy đến và thực hiện việc đôi lứa đi.” Vị ấy sau khi thực hiện việc đôi lứa với nàng ta đã đi về trễ. Các vị tỳ khuru đã nói như vậy: - “Này sư đệ, vì sao sư đệ đã đi về trễ như vậy?” Khi ấy, vị ấy đã kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép ban cho người cộng sự và chỉ dạy bốn điều không nên làm ngay sau khi cho tu lên bậc trên:

2. “Vị đã được tu lên bậc trên trở thành tỳ khuru không nên thực hành việc đôi lứa, thậm chí với loài thú cái. Vị tỳ khuru nào thực hành việc đôi lứa thì không còn là Sa-môn không còn là Thích tử nữa. Cũng giống như người đàn ông đã bị chặt đầu không thể sống với việc gắn lại cái đầu ấy vào thân; tương tự như thế, vị tỳ khuru sau khi thực hiện việc đôi lứa thì không còn là Sa-môn không còn là Thích tử nữa. Người không nên làm điều ấy cho đến hết đời. (1)

3. Vị đã được tu lên bậc trên trở thành tỳ khuru không nên lấy vật không được cho được xem là sự trộm cắp, thậm chí có liên quan đến cộng cỏ. Vị tỳ khuru nào lấy vật không được cho là một *pāda* hoặc tương đương một

pāda hoặc hơn một *pāda* được xem là sự trộm cắp thì không còn là Sa-môn không còn là Thích tử nữa. Cũng giống như chiếc lá vàng đã lìa khỏi cành không thể trở lại màu xanh; tương tự như thế, vị tỳ khuru sau khi lấy vật không được cho là một *pāda* hoặc tương đương một *pāda* hoặc hơn một *pāda* được xem là sự trộm cắp thì không còn là Sa-môn không còn là Thích tử nữa. Người không nên làm điều ấy cho đến hết đời. (2)

4. Vị đã được tu lên bậc trên trở thành tỳ khuru không nên tước đoạt lấy mạng sống của chúng sanh một cách cố tình thậm chí có liên quan đến loài kiến, mối. Vị tỳ khuru nào tước đoạt lấy mạng sống khỏi cơ thể con người một cách cố tình thậm chí có liên quan đến việc phá thai thì không còn là Sa-môn không còn là Thích tử nữa. Cũng giống như tảng đá lớn đã bị vỡ làm hai mảnh không gắn liền lại được; tương tự như thế, vị tỳ khuru sau khi tước đoạt lấy mạng sống khỏi cơ thể con người một cách cố tình thì không còn là Sa-môn không còn là Thích tử nữa. Người không nên làm điều ấy cho đến hết đời. (3)

5. Vị đã được tu lên bậc trên trở thành tỳ khuru không nên khẳng định về pháp của bậc thượng nhân thậm chí (nói rằng): ‘Tôi thỏa thích trong ngôi nhà trống vắng.’ Vị tỳ khuru nào có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, rồi khẳng định về pháp của bậc thượng nhân (mà bản thân) không có, không thực chứng, là pháp thiên, hoặc là pháp giải thoát, hoặc là sự nhập định, hoặc là sự

chứng đắc, hoặc là Đạo, hoặc là Quả thì không còn là Sa-môn không còn là Thích tử nữa. Cũng giống như cây thốt nốt bị chặt ngọn không thể đâm chồi lại được nữa; tương tự như thế, vị tỳ khuru có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, sau khi khẳng định về pháp của bậc thượng nhân (mà bản thân) không có, không thực chứng thì không còn là Sa-môn không còn là Thích tử nữa. Người không nên làm điều ấy cho đến hết đời.” (4)

Dứt bốn điều không nên làm.

--ooOoo--

1. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ là người bị án treo trong việc không nhìn nhận tội đã hoàn tục. Vị ấy đã quay trở lại và cầu xin các tỳ khuru sự tu lên bậc trên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. - “Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru là người bị án treo trong việc không nhìn nhận tội lại hoàn tục. Vị ấy quay trở lại và cầu xin các tỳ khuru sự tu lên bậc trên. Vị ấy nên được nói như vậy: “Người sẽ nhìn nhận tội ấy?” Nếu (trả lời): “Tôi sẽ nhìn nhận” thì nên cho xuất gia. Nếu (trả lời): “Tôi sẽ không nhìn nhận” thì không nên cho xuất gia. Sau khi cho xuất gia, nên nói rằng: “Người sẽ nhìn nhận tội ấy?” Nếu (trả lời): “Tôi sẽ nhìn nhận” thì nên cho tu lên bậc trên. Nếu (trả lời): “Tôi sẽ không nhìn nhận” thì không nên cho tu lên bậc trên. Sau khi đã cho tu lên bậc trên, nên nói rằng: “Người sẽ nhìn nhận tội ấy?” Nếu (trả lời): “Tôi sẽ nhìn nhận” thì nên

phục hồi. Nếu (trả lời): “Tôi sẽ không nhìn nhận” thì không nên phục hồi. Sau khi đã phục hồi nên nói rằng: “Người nhìn nhận tội ấy?” Nếu vị ấy nhìn nhận thì việc ấy được tốt đẹp, nếu vị ấy không nhìn nhận thì trong khi đạt được sự hợp nhất (của hội chúng) nên phạt án treo lại. Nếu không đạt được sự hợp nhất thì không phạm tội trong việc thọ hưởng chung, cư ngụ chung (với vị ấy).

3. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru là người bị án treo trong việc không sửa chữa lỗi lại hoàn tục. Vị ấy quay trở lại và cầu xin các tỳ khuru sự tu lên bậc trên. Vị ấy nên được nói như vậy: “Người sẽ sửa chữa lỗi ấy?” Nếu (trả lời): “Tôi sẽ sửa chữa” thì nên cho xuất gia. Nếu (trả lời): “Tôi sẽ không sửa chữa” thì không nên cho xuất gia. Sau khi cho xuất gia, nên nói rằng: “Người sẽ sửa chữa lỗi ấy?” Nếu (trả lời): “Tôi sẽ sửa chữa” thì nên cho tu lên bậc trên. Nếu (trả lời): “Tôi sẽ không sửa chữa” thì không nên cho tu lên bậc trên. Sau khi đã cho tu lên bậc trên, nên nói rằng: “Người sẽ sửa chữa lỗi ấy?” Nếu (trả lời): “Tôi sẽ sửa chữa” thì nên phục hồi. Nếu (trả lời): “Tôi sẽ không sửa chữa,” thì không nên phục hồi. Sau khi đã phục hồi nên nói rằng: “Người sửa chữa lỗi ấy?” Nếu vị ấy sửa chữa thì việc ấy được tốt đẹp, nếu vị ấy không sửa chữa thì trong khi đạt được sự hợp nhất (của hội chúng) nên phạt án treo lại. Nếu không đạt được sự hợp nhất thì không phạm tội trong việc thọ hưởng chung, cư ngụ chung (với vị ấy).

4. Đây các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru là người bị án treo trong việc không chịu từ bỏ tà kiến ác lại hoàn tục. Vị ấy quay trở lại và cầu xin các tỳ khuru sự tu lên bậc trên. Vị ấy nên được nói như vậy: “Người sẽ từ bỏ tà kiến ác ấy?” Nếu (trả lời): “Tôi sẽ từ bỏ” thì nên cho xuất gia. Nếu (trả lời): “Tôi sẽ không từ bỏ” thì không nên cho xuất gia. Sau khi cho xuất gia, nên nói rằng: “Người sẽ từ bỏ tà kiến ác ấy?” Nếu (trả lời): “Tôi sẽ từ bỏ” thì nên cho tu lên bậc trên. Nếu (trả lời): “Tôi sẽ không từ bỏ” thì không nên cho tu lên bậc trên. Sau khi đã cho tu lên bậc trên, nên nói rằng: “Người sẽ từ bỏ tà kiến ác ấy?” Nếu (trả lời): “Tôi sẽ từ bỏ” thì nên phục hồi. Nếu (trả lời): “Tôi sẽ không từ bỏ” thì không nên phục hồi. Sau khi đã phục hồi nên nói rằng: “Người từ bỏ tà kiến ác ấy?” Nếu vị ấy từ bỏ thì việc ấy được tốt đẹp, nếu vị ấy không từ bỏ thì trong khi đạt được sự hợp nhất (của hội chúng) nên phạt án treo lại. Nếu không đạt được sự hợp nhất thì không phạm tội trong việc thọ hưởng chung, cư ngụ chung (với vị ấy).

Chương Trọng Yếu là thứ nhất.

--ooOoo--

Trong chương này có một trăm bảy hai sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY

1. Luật, về các ý nghĩa quan trọng, là nguồn đem đến sự an lạc cho các tỳ khưu hiền thiện có sự ngăn chặn các ước muốn về việc ác và có sự khiêm nhường trong những việc ra sức.

Và còn là sự nâng đỡ của Giáo Pháp, là hành xú của các đấng Toàn Tri và các bậc Chiến Thắng, là lãnh vực không xa lạ, được an toàn, đã khéo được quy định, không có điều nghi hoặc.

Tương tự như người làm điều lợi ích, (vị tỳ khưu) tốt thực hành một cách đúng đắn về Luật ở bộ Hợp Phần (Đại Phẩm và Tiểu Phẩm), luôn cả bộ Tập Yếu và các tiêu đề (bộ Đại Phân Tích).

2. Người không hiểu biết về loài bò không chăn giữ đàn bò được. Như vậy, trong khi không biết giới, làm sao vị ấy có thể gìn giữ sự thu thúc?

3. Cho đến khi Kinh và Vi Diệu Pháp bị quên lãng mà Luật chưa bị tiêu hoại thì Giáo Pháp vẫn còn tồn tại.

4. Vì điều đó, với việc kết tập là nguyên nhân, tôi sẽ tuân tự nói về phần tóm lược theo như sự hiểu biết, xin các vị hãy lắng nghe tôi nói.

5. Câu chuyện, phân duyên khởi, tội vi phạm, phương thức, và luôn cả phần trùng lặp. Để không giản lược thì việc ấy thật khó làm. Các vị hãy hiểu rõ điều ấy đúng theo phương pháp.”

6. Sự giác ngộ, và cội cây Rājayatana, cội cây người chăn dê, vị Sahampati, đấng Phạm Thiên, vị Aḷ āra, và vị Uddaka, (năm) tỳ khuru, và ẩn sĩ Upaka.

7. Kọṇ đañña, Bhaddiya, Vappa, Mahānāma, và Assaji, Yasa, bốn (người bạn), năm mươi (người bạn), Ngài đã phái đi tất cả, (việc xuất gia ở) các phương.

8. Câu chuyện với các Ma Vương, và ba mươi (vị vương tử), ba đạo sĩ bện tóc ở Uruvelā, nhà thờ lửa, vị đại vương Sakka, Phạm Thiên, và toàn thể (dân chúng).

9. Y paṃsukūla, hồ nước, tảng đá, và (cành cây) Kakudha, khô đá (phơi y), trái Jambu, trái xoài, trái Āmalakī, và Ngài đã mang lại bông hoa san hô.

10. Nay Kassapa, hãy chẻ ra, hãy đốt lên, và hãy dập tắt đi. Các vị hụp (xuống nước), chảo lửa, đám mây đen, (đỉnh) Gayā, (khu rừng) Laṭ ṭ hi, và vua xir Magadha.

11. Rồi Upatissa và Kolita danh tiếng đã xuất gia. Các vị mặc y luộm thuộm, (cho phép) việc đuổi đi, và vị Bà-la-môn bị ốm o cần cỗi.

12. Vị làm hành động sai trái, (vì) bao tử, chàng trai trẻ, hội chúng (là mười vị). (Bao nhiêu) năm, với các vị ngu dốt, trong khi (thầy) ra đi, mười năm, việc nương nhờ.

13. Các vị không thực hành, để đui đi, các vị ngu dốt, sự đình chỉ, năm, sáu (điều kiện), vị nào là ngoại đạo, lừa dối, tóc chưa cắt, đạo sĩ bên tóc, và dòng Sakya.

14. Ở xứ Magadha, năm thứ bệnh, một (trường hợp), (lính của) đức vua, và (kẻ cướp đeo) ngón tay, và vua Magadha đã cho phép, kẻ (phá) ngục, án ghi, bị phạt roi.

15. Các dấu hiệu, kẻ nợ và nô tỳ, kẻ sói đầu, (thiếu niên) Upāli, bệnh dịch, gia đình có đức tin, sa di Kaṇṭhaka, và luôn cả chuyện bị tắc nghẽn (hướng đi).

16. Về việc nương nhờ, đứa trẻ trai, các điều học, chúng sống, và điều gì nữa? (việc ngăn cấm) toàn bộ, miệng, các thầy tế độ, việc dụ dỗ, chuyện Kaṇṭhaka.

17. Kẻ vô căn, trộm (tướng mạo), chuyển sang (ngoại đạo), con rồng, và (kẻ giết) mẹ, cha, A-la-hán, (làm nhờ) tỳ khưu ni, chia rẽ, (làm chảy) máu, và kẻ lưỡng căn.

18. Thầy tế độ không có, với hội chúng, hoặc nhóm, kẻ vô căn, không bình bát, không y, hoặc cả hai, với đồ mượn là ba.

19. Các người (bị đứt) bàn tay, bàn chân, bàn tay và bàn chân, lỗ tai và lỗ mũi, hoặc cả hai điều ấy, các ngón, móng tay, và gân chân, tay có màng, gù lưng, và người lùn.

20. Người bị bấu cổ, và luôn cả người bị đóng dấu, bị phạt roi, bị tâm nã, phù chân voi, bệnh nặng, kẻ bơi nhỏ hội chúng, người chột mắt và bị bệnh co rút, là tương tự như thế.

21. Người què, và luôn cả người bị liệt nửa thân, người có tướng đi khắp khiêng, người già yếu, người mù, người câm, người điếc, người mù và câm là ở nơi ấy.

22. Người mù và điếc đã được nói đến, và luôn cả người bị câm và điếc, người bị mù câm điếc, và việc nương nhờ của những kẻ không liên sĩ.

23. Có thể sống, và đi đường xa là tương tự, với vị yêu cầu, những người mong muốn, hãy đi đến, chúng tranh cãi, với cùng thầy tế độ, vị Kumārakassapa.

24. Và được thấy những vị đã tu lên bậc trên bị khổ sở vì các thứ bệnh, chưa được chỉ dạy, các vị bị bối rối, việc chỉ dạy ở ngay chính nơi ấy.

25. Rồi ở nơi hội chúng, kẻ ngu, chưa được chỉ định, cùng một lúc, xin hãy tế độ, sự tu lên bậc trên, vật nương nhờ, mỗi một mình, ba (trường hợp).

Dứt phần tóm lược của chương Trọng Yếu.

--ooOoo--

II. CHƯƠNG UPOSATHA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, ở núi Gijjhakūṭa. Vào lúc bấy giờ, các du sĩ ngoại đạo tụ hội lại và giảng pháp vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm, và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng. Dân chúng đi đến gần họ để nghe pháp. Họ có lòng mến chuộng, có niềm tin vào các du sĩ ngoại đạo; các du sĩ ngoại đạo có được đồ chúng.

2. Khi ấy, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: “Hiện nay, các du sĩ ngoại đạo tụ hội lại và giảng pháp vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm, và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng. Dân chúng đi đến gần họ để nghe pháp. Họ có lòng mến chuộng, có niềm tin vào các du sĩ ngoại đạo; các du sĩ ngoại đạo có được đồ chúng. Hay là các ngài đại đức cũng nên tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm, và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng?”

3. Sau đó, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với đức Thế Tôn điều này:

4. - “Bạch ngài, trường hợp trầm trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: ‘Hiện nay, các du sĩ ngoại đạo tụ hội lại và giảng

pháp vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm, và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng. Dân chúng đi đến gần họ để nghe pháp. Họ có lòng mến chuộng, có niềm tin vào các du sĩ ngoại đạo; các du sĩ ngoại đạo có được đồ chúng. Hay là các ngài đại đức cũng nên tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm, và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng?’ Bạch ngài, tốt đẹp thay các ngài đại đức cũng nên tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm, và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng.”

5. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

6. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm, và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng.”

7. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cho phép tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm, và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng,” nên sau khi tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm, và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng, các

vị ấy ngồi im lặng. Dân chúng đi đến gần họ để nghe Pháp. Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử sau khi tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm, và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng lại ngồi im lặng giống như là các con heo đần độn vậy? Sao các vị đã tụ hội lại mà không chịu giảng Pháp?”

8. Các tỳ khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

9. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, ta cho phép giảng Pháp sau khi tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm, và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng.”

10. Khi ấy, đức Thế Tôn trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: “Hay là ta nên cho phép các vị ấy việc đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* gồm các điều học đã được ta quy định cho các tỳ khưu, việc ấy sẽ là hành sự *Uposatha* cho các vị ấy?”

11. Sau đó vào lúc chiều tối, đức Thế Tôn đã xuất khỏi thiền tịnh rồi nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, trường hợp ta trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: ‘Hay là ta nên cho

phép các vị ấy việc đọc tụng *Pātimokkha* gồm các điều học đã được ta quy định cho các tỳ khuru, việc ấy sẽ là hành sự *Uposatha* cho các vị ấy?’ Nay các tỳ khuru, ta cho phép đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Và nay các tỳ khuru, nên đọc tụng như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

12. “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Uposatha*, nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Phận sự trước tiên của hội chúng là gì? Các đại đức hãy tuyên bố sự trong sạch rồi tôi sẽ đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Hết thầy tất cả các vị hiện diện (chúng ta) hãy nghiêm chỉnh lắng nghe và hãy chú tâm đến điều ấy. Nếu vị nào có phạm tội, vị ấy nên bày tỏ; vị không có phạm tội thì nên im lặng. Do thái độ im lặng, tôi sẽ nhận biết về các đại đức rằng: ‘(Các vị) được trong sạch.’ Giống như đối với mỗi lần được hỏi đến thì có câu trả lời; tương tự như thế, trong hội chúng như thế này (câu hỏi) được thông báo đến lần thứ ba. Trong khi đang được thông báo đến lần thứ ba, vị tỳ khuru nào nhớ ra mà không bày tỏ tội đang có thì vị ấy cố tình nói dối. Bạch chư đại đức, việc cố tình nói dối là pháp chương ngại đã được đức Thế Tôn đề cập đến; do đó, vị tỳ khuru bị phạm tội mà nhớ ra và có ý muốn được trong sạch thì nên bày tỏ ra tội đang có. Bởi vì khi (tội) đã được bày tỏ thì vị ấy sẽ được thoải mái.”

13. **Pātimokkha**: điều này là đầu tiên, điều này là lối đưa vào, điều này là đứng đầu của các thiện pháp, do đó được gọi là “Pātimokkha.”

14. **Các đại đức**: điều này là lời nói quý mến, điều này là lời nói kính trọng, điều này là lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng, tức là “các đại đức.”

15. **Tôi sẽ đọc tụng**: Tôi sẽ chỉ ra, tôi sẽ giảng, tôi sẽ cho biết, tôi sẽ bày ra, tôi sẽ khai triển, tôi sẽ phân tích, tôi sẽ làm rõ ràng, tôi sẽ cho thấy rõ.

16. **Điều ấy** nghĩa là giới bốn Pātimokkha được nói đến.

17. **Hết thảy tất cả các vị hiện diện**: trong hội chúng ấy cho đến các vị trưởng lão, các vị mới tu, hoặc các vị trung niên, các vị này được gọi là “hết thảy tất cả các vị hiện diện.”

18. **(Chúng ta) hãy nghiêm chỉnh lắng nghe**: Sau khi định thân, sau khi chú tâm, sau khi tập trung tất cả tâm ý.

19. **(Chúng ta) hãy chú tâm**: (chúng ta) hãy chăm chú với tâm trú vào một điểm, với tâm không bị xao lãng, với tâm không bị rối loạn.

20. **Nếu vị nào có phạm tội**: Bất cứ tội nào thuộc nhóm năm tội hoặc bất cứ tội nào thuộc nhóm bảy tội của vị trưởng lão, của vị mới tu, hoặc của vị trung niên.

21. **Vị ấy nên bày tỏ:** vị ấy nên sám hối, vị ấy nên khai ra, vị ấy nên làm rõ ràng, vị ấy nên cho thấy rõ ở giữa hội chúng, hoặc ở giữa nhóm, hoặc nơi một cá nhân.

22. **Không có phạm tội:** nghĩa là vị ấy không phạm tội, hoặc là sau khi phạm tội đã được thoát khỏi tội.

23. **Nên im lặng:** nên ưng thuận, không nên phát biểu.

24. **Tôi sẽ nhận biết rằng: ‘(Các vị) được trong sạch’:** Tôi sẽ biết được, tôi sẽ ghi nhận.

25. **Giống như đối với mỗi lần được hỏi đến thì có câu trả lời:** Giống như việc một người được một người khác hỏi thì nên trả lời, tương tự như thế đối với hội chúng ấy, điều cần được biết là: “Vị ấy hỏi tôi.” **Hội chúng như thế** này nghĩa là hội chúng các tỳ khưu được nói đến.

26. **Được thông báo đến lần thứ ba:** Được thông báo một lần, được thông báo đến lần thứ nhì, được thông báo đến lần thứ ba.

27. **(Vị ấy) nhớ ra:** (vị ấy) đang biết được, đang nhận ra được.

28. **Tội đang có:** nghĩa là tội đã vi phạm, hoặc là tội sau khi đã vi phạm còn chưa được thoát ra.

29. **Không bày tỏ:** (vị ấy) không sám hối, không khai ra, không làm rõ ràng, không cho thấy rõ ở giữa hội chúng, hoặc ở giữa nhóm, hoặc nơi một cá nhân.

30. **Vị ấy cố tình nói dối:** Là điều gì trong việc cố tình nói dối? Là đã làm điều sai trái.

31. **Pháp chương ngại đã được đức Thế Tôn đề cập đến:** Chương ngại của điều gì? Là chương ngại cho việc chứng đắc sơ thiền, chương ngại cho việc chứng đắc nhị thiền, chương ngại cho việc chứng đắc tam thiền, chương ngại cho việc chứng đắc tứ thiền, chương ngại cho việc chứng đắc của các thiền, của các sự giải thoát, của các sự thể nhập định, của các sự xuất ly, của các sự ra khỏi (luân hồi), của các sự tịch tịnh, của các thiện pháp.

32. **Do đó:** Vì nguyên nhân ấy.

33. **(Vói) vị nhớ ra được:** (Vói) vị đang biết được, (vói) vị đang nhận ra được.

34. **Có ý muốn được trong sạch:** có sự mong muốn được thoát ra, có sự mong muốn được làm cho trong sạch.

35. **Tội đang có:** nghĩa là tội đã vi phạm, hoặc là tội sau khi đã vi phạm còn chưa được thoát ra.

36. **Nên bày tỏ ra:** Nên được bày tỏ ra ở giữa hội chúng, hoặc ở giữa nhóm, hoặc nơi một cá nhân.

37. Bởi vì khi (tội) đã được bày tỏ thì vị ấy sẽ được thoải mái: Thoải mái của điều gì? Là sự thoải mái trong việc chứng đắc sơ thiên, là sự thoải mái trong việc chứng đắc nhị thiên, là sự thoải mái trong việc chứng đắc tam thiên, là sự thoải mái trong việc chứng đắc tứ thiên, là sự thoải mái trong việc chứng đắc của các thiên, của các sự giải thoát, của các sự thể nhập vào các tầng định, của các sự xuất ly, của các sự ra khỏi (luân hồi), của các sự tịch tịnh, của các thiện pháp.

38. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu (nghĩ rằng): “Việc đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* đã được đức Thế Tôn cho phép” nên đã đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* hàng ngày. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* hàng ngày; vị nào đọc tụng thì phạm tội *dukkaṭa* a. Này các tỳ khưu, ta cho phép đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* vào ngày *Uposatha*.”

39. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu (nghĩ rằng): “Việc đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* đã được đức Thế Tôn cho phép vào ngày *Uposatha*” nên đã đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* ba lần trong nửa tháng vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm, và vào ngày thứ tám của nửa tháng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* ba lần trong nửa tháng; vị nào đọc tụng thì phạm tội *dukkaṭa* a. Này các tỳ khưu, ta cho phép đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* một lần vào ngày mười bốn hoặc ngày mười lăm của nửa tháng.

40. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* theo tập thể, nghĩa là theo từng tập thể riêng của mình. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* theo tập thể, nghĩa là theo từng tập thể riêng của mình; vị nào đọc tụng thì phạm tội *dukkaṭṭa*. Này các tỳ khuru, ta cho phép hành sự *Uposatha* hợp nhất.

41. Khi ấy, các vị tỳ khuru đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định ‘hành sự *Uposatha* hợp nhất,’ vậy sự hợp nhất có phạm vi đến tận đâu, cho đến phạm vi một trú xứ hay toàn bộ trái đất?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép sự hợp nhất cho đến phạm vi một trú xứ.”

42. Vào lúc bấy giờ, đại đức Mahākappina ngụ tại Rājagaha, ở Maddakucchi, nơi vườn nai. Khi ấy, đại đức Mahākappina trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tâm như vậy đã sanh khởi: “Ta nên đi (tham dự) lễ *Uposatha* hay là không nên đi, ta nên đi (tham dự) hành sự của hội chúng hay là không nên đi, trong khi ta đã được thanh tịnh với sự thanh tịnh tối thượng?”

43. Khi ấy, đức Thế Tôn dùng tâm biết được ý nghĩ suy tâm của đại đức Mahākappina, rồi giống như người đàn ông có sức mạnh có thể đuổi ra cánh tay đã được co lại hoặc có thể co lại cánh tay đã được đuổi ra, tương tự như thế (đức Thế Tôn) đã biến mất tại núi Gijjhakūṭa rồi

hiện ra trước mặt đại đức Mahākappina ở Maddakucchi, nơi vườn nai. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Đại đức Mahākappina đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đại đức Mahākappina đã ngồi xuống ở một bên, đức Thế Tôn đã nói với đại đức Mahākappina điều này:

44. - “Này Kappina, có phải ngươi trong lúc thiên tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: ‘Ta nên đi (tham dự) lễ *Uposatha* hay là không nên đi, ta nên đi (tham dự) hành sự của hội chúng hay là không nên đi, trong khi ta đã được thanh tịnh với sự thanh tịnh tối thượng?’” - “Bạch ngài, đúng vậy.” - “Nếu các ngươi là những người có Phạm hạnh không tôn trọng, không kính trọng, không quý trọng, không cúng dường lễ *Uposatha* thì còn ai sẽ tôn trọng, sẽ kính trọng, sẽ quý trọng, sẽ cúng dường lễ *Uposatha* nữa? Này người có Phạm hạnh, ngươi hãy đi (tham dự) lễ *Uposatha*, chớ có không đi. Ngươi hãy đi (tham dự) hành sự của hội chúng, chớ có không đi.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Đại đức Mahākappina đã đáp lời đức Thế Tôn.

45. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho đại đức Mahākappina bằng bài Pháp thoại rồi giống như người đàn ông có sức mạnh có thể đuổi ra cánh tay đã được co lại hoặc có thể co lại cánh tay đã được đuổi ra, tương tự như thế (đức Thế Tôn) đã biến mất trước mặt đại đức Mahākappina ở Maddakucchi nơi vườn nai rồi hiện ra tại núi Gijjhakūṭa.

46. Khi ấy, các vị tỳ khuru đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã cho phép sự hợp nhất cho đến phạm vi một trú xứ, vậy (phạm vi của) một trú xứ là đến tận đâu?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép ấn định ranh giới. Và này các tỳ khuru, nên ấn định như vậy: Trước tiên, các điểm mốc cần được định danh: điểm mốc là ngọn núi, điểm mốc là tảng đá, điểm mốc là khu rừng, điểm mốc là cội cây, điểm mốc là đường đi, điểm mốc là gò mồi, điểm mốc là con sông, điểm mốc là vũng nước. Sau khi định danh các điểm mốc, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

47. *Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các điểm mốc xung quanh (phạm vi) đã được định danh. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ấn định ranh giới với các điểm mốc ấy là (khu vực) đồng cộng trú chung một lễ Uposatha. Đây là lời đề nghị.*

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các điểm mốc xung quanh (phạm vi) đã được định danh. Hội chúng ấn định ranh giới với các điểm mốc ấy là (khu vực) đồng cộng trú chung một lễ Uposatha. Đại đức nào đồng ý việc ấn định ranh giới với các điểm mốc ấy là (khu vực) đồng cộng trú chung một lễ Uposatha xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Ranh giới với các điểm mốc ấy đã được hội chúng ấn định là (khu vực) đồng cộng trú chung một lễ Uposatha. Sự việc

được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

48. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cho phép việc ấn định ranh giới” rồi ấn định các ranh giới quá rộng lớn bốn do tuần,¹ năm do tuần, sáu do tuần. Các vị tỳ khưu đi (tham dự) lễ *Uposatha* đi đến trong khi giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng, đi đến khi vừa mới được đọc tụng xong, (hoặc) đã trú ngụ ở khoảng giữa (đường đi). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên ấn định ranh giới quá rộng lớn bốn do tuần, năm do tuần, hoặc sáu do tuần; vị nào ấn định thì phạm tội *dukkaṭa*. Này các tỳ khưu, ta cho phép ấn định ranh giới tối đa ba do tuần.”

49. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu nhóm Lục Sư ấn định ranh giới đến bờ bên kia của dòng sông. Trong khi đi đến lễ *Uposatha*, các vị tỳ khưu đã bị cuốn trôi đi, các bình bát cũng đã bị cuốn trôi đi, các y cũng đã bị cuốn trôi đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên ấn định ranh giới đến bờ bên kia của dòng sông; vị nào ấn định thì phạm tội *dukkaṭa*. Này các tỳ khưu, ở nơi nào có thuyền bè thường trực hoặc có cầu cố định ta cho phép ấn định

¹ Theo từ điển *Pali-English Dictionary* của hội *Pali Text Society* thì 1 *yojana* có chiều dài khoảng 7 miles, từ điển của Childers thì 12 miles, còn tài liệu *The Buddhist Monastic Code* cho biết là 10 miles tức vào khoảng 16 km (ND).

ranh giới đến bờ bên kia của dòng sông theo hình thức như thế.”

50. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* ở dãy phòng. Do không được quy định nên các vị tỳ khuru vắng lai không biết được: “Hôm nay lễ *Uposatha* sẽ được thực hiện ở đâu?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* ở dãy phòng không được quy định; vị nào đọc tụng thì phạm tội *dukkaṭa*. Này các tỳ khuru, ta cho phép thực hiện lễ *Uposatha* sau khi chỉ định nhà hành lễ *Uposatha* tùy theo hội chúng mong muốn là trú xá, hoặc nhà một mái, hoặc tòa nhà dài, hoặc khu nhà lớn, hoặc hang động. Và này các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

51. *Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định trú xá tên (như vậy) làm nhà hành lễ Uposatha. Đây là lời đề nghị.*

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định trú xá tên (như vậy) làm nhà hành lễ Uposatha. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định trú xá tên (như vậy) làm nhà hành lễ Uposatha xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Trú xá tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định làm nhà hành lễ Uposatha. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

52. Vào lúc bấy giờ, trong trú xứ nọ có hai nhà hành lễ Uposatha được chỉ định. Các tỳ khưu tụ hội ở cả hai nơi (nghĩ rằng): “Lễ Uposatha sẽ được thực hiện ở đây. Lễ Uposatha sẽ được thực hiện ở đây.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên chỉ định hai nhà hành lễ Uposatha ở trong một trú xứ; vị nào chỉ định thì phạm tội *dukkaṭa*. Này các tỳ khưu, ta cho phép sau khi hủy bỏ một rồi thực hiện lễ Uposatha ở một nơi (còn lại). Và này các tỳ khưu nên hủy bỏ như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

53. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên hủy bỏ nhà hành lễ Uposatha tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng hủy bỏ nhà hành lễ Uposatha tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc hủy bỏ nhà hành lễ Uposatha tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Nhà hành lễ Uposatha tên (như vậy) đã được hội chúng hủy bỏ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

54. Vào lúc bấy giờ, ở tại trú xứ nọ nhà hành lễ *Uposatha* được ấn định quá nhỏ. Vào ngày *Uposatha*, có đại chúng tỳ khuru đã tụ hội lại. Các vị tỳ khuru đã ngồi xuống ở khu vực không được ấn định và nghe giới bốn *Pātimokkha*. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Lễ *Uposatha* nên được thực hiện sau khi chỉ định nhà hành lễ *Uposatha*,’ còn chúng ta đây đã ngồi ở khu vực không được ấn định và nghe giới bốn *Pātimokkha*, như thế thì lễ *Uposatha* của chúng ta đã được thực hiện hay đã không được thực hiện?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khuru, vị ngồi ở khu vực đã được ấn định hay không được ấn định và lắng nghe giới bốn *Uposatha* thì từ chỗ đó lễ *Uposatha* của vị ấy đã được thực hiện. Này các tỳ khuru, như thế thì hội chúng mong muốn mặt tiền của chỗ hành lễ *Uposatha* rộng tới mức nào thì hội chúng hãy ấn định mặt tiền của chỗ hành lễ *Uposatha* rộng tới mức ấy. Và này các tỳ khuru, nên ấn định như vậy: Trước tiên, các điểm mốc cần được định danh. Sau khi định danh các điểm mốc, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

55. “*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các điểm mốc xung quanh (phạm vi) đã được định danh. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ấn định mặt tiền của chỗ hành lễ Uposatha với các điểm mốc ấy. Đây là lời đề nghị.*

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các điểm mốc xung quanh (phạm vi) đã được định danh. Hội chúng ấn định mặt tiền của chỗ hành lễ Uposatha với các điểm mốc ấy. Đại đức nào đồng ý việc ấn định mặt tiền của chỗ hành lễ Uposatha với các điểm mốc ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Mặt tiền của chỗ hành lễ Uposatha với các điểm mốc ấy đã được hội chúng ấn định. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

56. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ vào ngày lễ Uposatha các vị tỳ khưu mới tu đã tụ hội trước tiên (nghĩ rằng): “Các vị trưởng lão vẫn chưa có đến” nên đã bỏ đi. Lễ Uposatha đã bị thiếu sót. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép các tỳ khưu trưởng lão tụ hội trước nhất vào ngày lễ Uposatha.”

57. Vào lúc bấy giờ, trong thành Rājagaha có nhiều trú xứ là cùng chung ranh giới. Các vị tỳ khưu ở đó tranh cãi rằng: “Lễ Uposatha hãy được thực hiện ở trú xứ của chúng tôi. Lễ Uposatha hãy được thực hiện ở trú xứ của chúng tôi.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, trong trường hợp có nhiều trú xứ là cùng chung ranh giới và các vị tỳ khưu ở đó tranh cãi rằng: “Lễ Uposatha hãy được thực hiện ở trú xứ của chúng tôi. Lễ Uposatha hãy được thực hiện ở trú xứ của chúng tôi.” Này các tỳ khưu, toàn bộ tất cả các tỳ khưu ấy nên tụ hội lại một chỗ rồi thực hiện lễ Uposatha, nơi

nào có vị tỳ khuru trường lão cư ngụ thì nên tụ hội ở nơi ấy rồi thực hiện lễ *Uposatha*. Và lễ *Uposatha* không được thực hiện bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *dukkat a*.”

58. Vào lúc bấy giờ, đại đức Mahākassapa từ Andhakavinda đang đi đến lễ *Uposatha* ở thành Rājagaha, trên đường đi trong khi vượt qua con sông đã suýt bị nước cuốn trôi. Các y của vị ấy bị ướt. Các tỳ khuru đã nói với đại đức Mahākassapa điều này: - “Thưa ngài, vì sao các y của ngài bị ướt?” - “Này các đại đức, trường hợp tôi từ Andhakavinda đang đi đến lễ *Uposatha* ở thành Rājagaha, trên đường đi trong khi vượt qua con sông tôi đã suýt bị nước cuốn trôi; vì thế các y của tôi bị ướt.”¹ Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha* thì hội chúng nên ấn định ranh giới ấy là không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y.”² Và này các tỳ khuru, nên ấn định

¹ Theo ngài Buddhaghosa, từ chỗ ngài Mahākassapa trú ngụ đến thành Rājagaha là 3 *gāvuta* (1 *gāvuta* = 1/4 *yojana*), như vậy vào khoảng 12 km. Trong thành Rājagaha có 18 trú xá lớn nhưng có cùng chung một ranh giới do ngài Sāriputta thực hiện. Và Veluvana là chỗ các vị tỳ khuru ở trong ranh giới ấy tụ hội để thực hiện lễ *Uposatha*. Con sông được đề cập tên là Sippinī phát xuất từ núi Gijjhakūṭa và có dòng chảy rất mạnh (VinA. v, 1049).

² *avippavāso*: (từ phủ định) *a* + *vippavāso* (sự xa cách, sự vắng mặt) = sự không xa lìa. Nếu dịch sát từ sẽ là: ‘Ranh giới ấy là nơi vị tỳ khuru không xa lìa ba y’ như bản dịch tiếng Anh của học giả I. B. Horner sẽ khiến cho ý nghĩa bị lầm lẫn. Mặt khác, nếu nói theo thói quen là

như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

59. *Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ Uposatha, nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ấn định ranh giới ấy là không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y. Đây là lời đề nghị.*

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ Uposatha, hội chúng ấn định ranh giới ấy là không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y. Đại đức nào đồng ý việc ấn định ranh giới ấy là không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Ranh giới ấy đã được hội chúng ấn định là không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

60. Vào lúc bảy giờ, các vị tỳ khuru (nghĩ rằng): "Sự ấn định về việc không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y đã được Đức Thế Tôn cho phép" nên đề các y trong xóm

'sīmā xa lìa tam y, sīmā được phép xa lìa tam y' cũng không chính xác vì đã bỏ rơi tiếp đầu ngữ phủ định 'a.' Muốn giải thích trường hợp này phải trở lại điều học nissaggiya pācittiya thứ 2: '... ce bhikkhu ticīvarena vippavaseyya...' và xem 'vippavāsa' có ý nghĩa một cách tổng quát là 'sự phạm tội vì xa lìa ba y.' Và 'a + vippavāsa' sẽ trở thành 'không có + sự phạm tội vì xa lìa ba y' ở trong ranh giới ấy. Cũng cần nói thêm là việc 'không có phạm tội vì xa lìa ba y' và việc 'được phép xa lìa ba y' có sự khác biệt rõ rệt về ý nghĩa (ND).

nhà. Các y ấy bị mất, bị cháy, bị chuột gặm nhấm. Các vị tỳ khuru trở nên ăn mặc bê bối, y phục luộm thuộm. Các vị tỳ khuru đã nói như vậy: - “Này các đại đức, vì sao các vị ăn mặc bê bối, y phục luộm thuộm?” - “Này các đại đức, trường hợp chúng tôi (nghĩ rằng): ‘Sự ấn định về việc không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y đã được Đức Thế Tôn cho phép’ nên đã để các y trong xóm nhà. Các y ấy đã bị mất, đã bị cháy, đã bị chuột gặm nhấm; do đó, chúng tôi trở nên ăn mặc bê bối, y phục luộm thuộm.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha* thì hội chúng nên ấn định ranh giới ấy là không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y, ngoại trừ làng và vùng ven làng. Và này các tỳ khuru, nên ấn định như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

61. *Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ Uposatha, nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ấn định ranh giới ấy là không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y, ngoại trừ làng và vùng ven làng. Đây là lời đề nghị.*

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ Uposatha, hội chúng ấn định ranh giới ấy là không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y, ngoại trừ làng và vùng ven làng. Đại đức nào đồng ý việc ấn định ranh giới ấy là không (bị phạm tội vì)

xa lìa ba y, ngoại trừ làng và vùng ven làng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Ranh giới ấy đã được hội chúng ấn định là không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y, ngoại trừ làng và vùng ven làng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

62. Nay các tỳ khuru, trong khi ấn định ranh giới, trước tiên nên ấn định ranh giới đồng cộng trú, sau đó nên ấn định việc không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y. Nay các tỳ khuru, trong khi hủy bỏ ranh giới, trước tiên nên hủy bỏ việc không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y, sau đó nên hủy bỏ ranh giới đồng cộng trú. Và nay các tỳ khuru, việc không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y nên được hủy bỏ như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

63. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Việc không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y nào đã được hội chúng ấn định, nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng hội chúng nên hủy bỏ việc không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Việc không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y nào đã được hội chúng ấn định, hội chúng hủy bỏ việc không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y ấy. Đại đức nào đồng ý sự hủy bỏ việc không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Việc không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y ấy đã được hội chúng hủy bỏ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

64. Và này các tỳ khuru, ranh giới đồng cộng trú nên được hủy bỏ như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ Uposatha, nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên hủy bỏ ranh giới ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ Uposatha, hội chúng hủy bỏ ranh giới đồng cộng trú chung một lễ Uposatha ấy. Đại đức nào đồng ý việc hủy bỏ của ranh giới đồng cộng trú chung một lễ Uposatha ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Ranh giới đồng cộng trú chung một lễ Uposatha ấy đã được hội chúng hủy bỏ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

65. Này các tỳ khuru, khi ranh giới chưa được ấn định chưa được thiết lập, vị (tỳ khuru) sống nương tựa vào ngôi làng hoặc thị trấn nào, trong trường hợp ấy ranh giới làng của ngôi làng ấy hoặc ranh giới thị trấn của thị trấn ấy là (ranh giới) đồng cộng trú chung một lễ Uposatha.

66. Này các tỳ khuru, nếu ở nơi không phải là làng, ở trong rừng, trong trường hợp ấy (khu vực) bảy *abbhantara*¹ ở xung quanh là (ranh giới) đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*.

67. Này các tỳ khuru, toàn bộ dòng sông không phải là ranh giới, toàn bộ biển cả không phải là ranh giới, toàn bộ hồ thiên nhiên không phải là ranh giới. Này các tỳ khuru, trong dòng sông, trong biển cả, trong hồ thiên nhiên, (khu vực) do việc ném nước ra xung quanh của người đàn ông (có sức mạnh) trung bình là (ranh giới) đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha* trong trường hợp ấy

68. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru nhóm Lục Sư làm ranh giới (mới) gởi lên ranh giới (đã có). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ranh giới của các vị nào đã được ấn định trước, ranh giới ấy của các vị ấy là đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các tỳ khuru, ranh giới của các vị nào được ấn định sau, ranh giới ấy của các vị ấy là sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Này các tỳ khuru, không

¹ *abbhantara*: Ngài Buddhaghosa giải thích 1 *abbhantara* là 28 *hattha* (VinA. v, 1052). Từ Điển của Childers giải thích *hattha* là chiều dài tính từ cùi chỏ của cánh tay đến đầu ngón tay út. Tài liệu *Buddhist Monastic Code* của Ven. Thanissaro cho biết khoảng cách của 7 *abbhantara* = 98 m. Như vậy có thể kết luận là 1 *abbhantara* = 14 m, 1 *hattha* = 0.5 mét.

nên làm ranh giới (mới) gồi lên ranh giới (đã có); vị nào làm gồi lên thì phạm tội *dukkaṭ a.*”

69. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru nhóm Lục Sư làm ranh giới (mới) trùm lên ranh giới (đã có). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ranh giới của các vị nào đã được ấn định trước, ranh giới ấy của các vị ấy là đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các tỳ khuru, ranh giới của các vị nào được ấn định sau, ranh giới ấy của các vị ấy là sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Này các tỳ khuru, không nên làm ranh giới (mới) trùm lên ranh giới (đã có); vị nào làm trùm lên thì phạm tội *dukkaṭ a.* Này các tỳ khuru, ta cho phép vị ấn định ranh giới được ấn định ranh giới sau khi đã chừa ra khoảng cách giữa các ranh giới.”¹

70. Sau đó, các vị tỳ khuru đã khởi ý điều này: “Có bao nhiêu lễ *Uposatha*?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, đây là hai lễ *Uposatha*: Lễ ngày mười bốn và lễ ngày mười lăm. Này các tỳ khuru, đây là hai lễ *Uposatha*.”

71. Khi ấy, các vị tỳ khuru đã khởi ý điều này: “Có bao nhiêu hành sự *Uposatha*?” Các vị đã trình sự việc ấy

¹ Chừa ra khoảng cách giữa các ranh giới: Theo ngài Buddhaghosa, khoảng cách chung quanh được chừa ra giữa các ranh giới là khoảng cách của một cánh tay (VinA. v, 1056)

lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, đây là bốn hành sự *Uposatha*: Hành sự *Uposatha* sai Pháp theo phe nhóm, hành sự *Uposatha* sai Pháp có sự hợp nhất, hành sự *Uposatha* đúng Pháp theo phe nhóm, hành sự *Uposatha* đúng Pháp có sự hợp nhất.

72. Này các tỳ khuru, trường hợp này tức là hành sự *Uposatha* sai Pháp theo phe nhóm, này các tỳ khuru, không nên thực hiện hành sự *Uposatha* có hình thức như thế và hành sự *Uposatha* có hình thức như thế không được ta cho phép.

73. Này các tỳ khuru, trường hợp này tức là hành sự *Uposatha* sai Pháp có sự hợp nhất, này các tỳ khuru, không nên thực hiện hành sự *Uposatha* có hình thức như thế và hành sự *Uposatha* có hình thức như thế không được ta cho phép.

74. Này các tỳ khuru, trường hợp này tức là hành sự *Uposatha* đúng Pháp theo phe nhóm, này các tỳ khuru, không nên thực hiện hành sự *Uposatha* có hình thức như thế và hành sự *Uposatha* có hình thức như thế không được ta cho phép.

75. Này các tỳ khuru, trường hợp này tức là hành sự *Uposatha* đúng Pháp có sự hợp nhất, này các tỳ khuru, nên thực hiện hành sự *Uposatha* có hình thức như thế và hành sự *Uposatha* có hình thức như thế được ta cho phép. Này các tỳ khuru, do đó ở đây chúng ta sẽ thực hiện hành sự *Uposatha* có hình thức như thế tức là ‘đúng

Pháp có sự hợp nhất.’ Nay các tỳ khuru, các người nên học tập theo đúng như thế.”

76. Sau đó, các vị tỳ khuru đã khởi ý điều này: “Có bao nhiêu cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Nay các tỳ khuru, đây là năm cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*: Sau khi đọc tụng phần mở đầu, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* thứ nhất.

77. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *pārājika*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* thứ hai.

78. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *pārājika*, sau khi đọc tụng mười ba điều *saṅghādisesa*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* thứ ba.

79. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *pārājika*, sau khi đọc tụng mười ba điều *saṅghādisesa*, sau khi đọc tụng hai điều *anīyata*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* thứ tư.

80. (Đọc tụng) một cách chi tiết là cách thứ năm. Nay các tỳ khuru, đây là năm cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*.

81. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn đã cho phép cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* một cách tóm tắt” rồi mọi lúc đều đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* một cách tóm tắt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* một cách tóm tắt; vị nào đọc tụng thì phạm tội *dukkat a.*”

82. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ trong nước Kosala vào ngày *Uposatha* có sự sợ hãi vì đám lục lâm. Các vị tỳ khuru không thể đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* một cách chi tiết. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* một cách tóm tắt khi có sự nguy hiểm.”

83. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru nhóm Lục Sư đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* một cách tóm tắt ngay cả khi không có sự nguy hiểm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* một cách tóm tắt khi không có sự nguy hiểm; vị nào đọc tụng thì phạm tội *dukkat a.* Này các tỳ khuru, ta cho phép đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* một cách tóm tắt khi có sự nguy hiểm. Đây là mười sự nguy hiểm trong trường hợp ấy: Sự nguy hiểm từ đức vua, sự nguy hiểm vì trộm cướp, sự nguy hiểm vì hỏa hoạn, sự nguy hiểm vì nước ngập, sự nguy hiểm vì loài người, sự nguy hiểm vì phi nhân, sự nguy hiểm vì thú dữ, sự nguy hiểm vì rắn, sự nguy hiểm cho mạng sống, sự nguy hiểm cho Phạm hạnh. Này các tỳ khuru, ta cho phép đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* một cách tóm tắt

trong những (trường hợp) nguy hiểm có hình thức như thế và (đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*) một cách chi tiết khi không có sự nguy hiểm.”

84. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thuyết Pháp ở giữa hội chúng khi không được thỉnh mời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, vị không được thỉnh mời không nên thuyết Pháp ở giữa hội chúng; vị nào thuyết Pháp thì phạm tội *dukkat a*. Này các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru trưởng lão đích thân thuyết Pháp hoặc thỉnh mời vị khác.”

85. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư khi chưa được chỉ định vẫn hỏi Luật ở giữa hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, vị không được chỉ định không nên hỏi Luật ở giữa hội chúng; vị nào hỏi thì phạm tội *dukkat a*. Này các tỳ khuru, ta cho phép vị được chỉ định hỏi Luật ở giữa hội chúng.

86. Và này các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Tự mình chỉ định cho chính mình, hoặc người khác chỉ định cho người khác.

87. Thế nào là tự mình chỉ định cho chính mình? Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi vị tên (như vậy) về Luật.”

Như vậy là tự mình chỉ định cho chính mình.

88. Thế nào là người khác chỉ định cho người khác? Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, vị tên (như vậy) sẽ hỏi vị tên (như vậy) về Luật.”

Như vậy là người khác chỉ định cho người khác.

89. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru hiền thiện đã được chỉ định rồi hỏi Luật ở giữa hội chúng. Các vị tỳ khuru nhóm Lục Sư có sự giận dữ, có sự bức bối, hăm dọa hăm hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép vị đã được chỉ định quan sát tập thể và cân nhắc từng cá nhân rồi mới hỏi Luật ở giữa hội chúng.”

90. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư trả lời về Luật ở giữa hội chúng đều không được chỉ định. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, vị không được chỉ định không nên trả lời về Luật ở giữa hội chúng; vị nào trả lời thì phạm tội *dukkaṭa* a.

Này các tỳ khưu, ta cho phép vị đã được chỉ định trả lời về Luật ở giữa hội chúng.

91. Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy: Tự mình chỉ định cho chính mình, hoặc người khác chỉ định cho người khác.

92. Thế nào là tự mình chỉ định cho chính mình? Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ trả lời khi được vị tên (như vậy) hỏi về Luật.”

Như vậy là tự mình chỉ định cho chính mình.

93. Thế nào là người khác chỉ định cho người khác? Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

- “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, vị tên (như vậy) sẽ trả lời khi được vị tên (như vậy) hỏi về Luật.”

Như vậy là người khác chỉ định cho người khác.

94. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu hiền thiện, đã được chỉ định, trả lời Luật ở giữa hội chúng. Các vị tỳ khưu nhóm Lục Sư có sự giận dữ, có sự bức bối, hăm dọa hãm hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khuru, ta cho phép vị đã được chỉ định quan sát tập thể và cân nhắc từng cá nhân rồi mới trả lời về Luật ở giữa hội chúng.

95. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư buộc tội vị tỳ khuru chưa được thỉnh ý trước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên buộc tội vị tỳ khuru chưa được thỉnh ý trước; vị nào buộc tội thì phạm tội *dukkaṭa* a. Này các tỳ khuru, ta cho phép buộc tội sau khi đã thỉnh ý trước rằng: “Này đại đức, hãy cho phép. Tôi muốn nói với ngài.”

96. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru thỉnh ý trước các tỳ khuru nhóm Lục Sư rồi buộc tội. Các vị tỳ khuru nhóm Lục Sư có sự giận dữ, có sự bức bối, hăm dọa hăm hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, mặc dầu đã thỉnh ý rồi, ta cho phép cân nhắc về nhân vật (ấy) rồi mới buộc tội.”

97. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): “Các vị tỳ khuru hiền thiện (sẽ) thỉnh ý chúng ta trước tiên” liền ngay trước đó (đã) thỉnh ý (để buộc tội) các vị tỳ khuru trong sạch không phạm tội khi không có sự việc, không có nguyên do. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên thỉnh ý (để buộc tội) các vị tỳ khuru trong sạch không phạm tội khi không có sự việc, không có nguyên do; vị nào thỉnh ý thì phạm tội *dukkaṭa* a. Này các tỳ khuru, ta cho phép cân nhắc về nhân vật (ấy) trước rồi mới thỉnh ý (để buộc tội).”

98. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư thực hiện hành sự sai Pháp ở giữa hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên thực hiện hành sự sai Pháp; vị nào thực hiện thì phạm tội *dukkaṭa* a.” Các vị vẫn thực hiện hành sự sai Pháp. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, trong khi hành sự sai Pháp đang được tiến hành, ta cho phép phản đối.”

99. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu hiền thiện phản đối trong khi hành sự sai Pháp đang được tiến hành bởi các tỳ khưu nhóm Lục Sư. Các vị tỳ khưu nhóm Lục Sư có sự giận dữ, có sự bức bối, hăm dọa hăm hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép bày tỏ quan điểm.” Các vị bày tỏ quan điểm trong sự hiện diện của chính các vị kia. Các vị tỳ khưu nhóm Lục Sư có sự giận dữ, có sự bức bối, hăm dọa hăm hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép phản đối với bốn năm vị, bày tỏ quan điểm với hai ba vị, còn một vị thì khẳng định rằng: “Tôi không đồng ý việc này.”

100. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu nhóm Lục Sư trong lúc đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* ở giữa hội chúng cố ý không cho nghe được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, vị đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* không nên cố ý làm cho không nghe được; vị nào làm cho không nghe được thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

101. Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi là vị đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* của hội chúng có giọng (nói) như loài quạ. Khi ấy, đại đức Udāyi đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Vị đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* nên làm cho nghe được,’ còn ta có giọng (nói) như loài quạ, vậy ta nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép vị đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* nỗ lực (nghĩ rằng): ‘Bằng cách nào ta có thể làm cho (các vị) nghe được?’ Đối với vị đang nỗ lực thì vô tội.”

102. Vào lúc bấy giờ, Devadatta đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* ở hội chúng có sự hiện diện của cư sĩ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* ở hội chúng có sự hiện diện của cư sĩ; vị nào đọc tụng thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

103. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru nhóm Lục Sư đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* ở giữa hội chúng đều không được mời thỉnh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, vị không được mời thỉnh không nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* ở giữa hội chúng; vị nào đọc tụng thì phạm tội *dukkaṭa* a. Này các tỳ khuru, ta cho phép giới bốn *Pātimokkha* là trách nhiệm của vị trưởng lão.”

Dứt tụng phẩm về các ngoại đạo.

--ooOoo--

1. Sau đó, khi đã ngụ tại thành Rājagaha theo như ý thích đức Thế Tôn đã ra đi du hành đến Codanāvattthu. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngụ đến Codanāvattthu. Tại nơi ấy, đức Thế Tôn đã trú ngụ ở Codanāvattthu. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ có nhiều vị tỳ khuru cư ngụ. Ở đó, vị tỳ khuru trưởng lão là ngu dốt thiếu kinh nghiệm. Vị ấy không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là giới bốn *Pātimokkha*, hay là việc đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*.

2. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Giới bốn *Pātimokkha* là trách nhiệm của vị trưởng lão,’ và vị trưởng lão này của chúng ta thì ngu dốt thiếu kinh nghiệm, không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là giới bốn *Pātimokkha*, hay là việc đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*, vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép ở nơi đó vị tỳ khuru nào có kinh nghiệm, đủ năng lực thì giới bốn *Pātimokkha* là trách nhiệm của vị ấy.”

3. Vào lúc bấy giờ, vào ngày lễ *Uposatha* tại trú xứ nọ có nhiều vị tỳ khuru ngu dốt thiếu kinh nghiệm cư ngụ. Các vị ấy không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là giới bốn *Pātimokkha*, hay là việc đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Các vị ấy đã thỉnh mời vị trưởng lão rằng: - “Thưa ngài, xin trưởng lão hãy đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*.” Vị ấy đã nói như vậy: - “Này các đại đức, tôi không làm được.” Các vị đã thỉnh mời vị trưởng lão thứ nhì: - “Thưa ngài, xin trưởng lão hãy đọc tụng giới

bốn *Pātimokkha*.” Vị ấy cũng đã nói như vậy: - “Này các đại đức, tôi không làm được.” Các vị đã thỉnh mời vị trưởng lão thứ ba: - “Thưa ngài, xin trưởng lão hãy đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*.” Vị ấy cũng đã nói như vậy: - “Này các đại đức, tôi không làm được.” Bằng chính phương thức ấy, các vị đã thỉnh mời đến vị mới tu của hội chúng: - “Xin đại đức hãy đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*.” Vị ấy cũng đã nói như vậy: - “Thưa các ngài, tôi không làm được.”

4. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, trường hợp vào ngày lễ *Uposatha* tại trú xứ nọ có nhiều vị tỳ khưu ngu dốt thiếu kinh nghiệm cư ngụ. Các vị ấy không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là giới bốn *Pātimokkha*, hay là việc đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Các vị ấy thỉnh mời vị trưởng lão rằng: “Thưa ngài, xin trưởng lão hãy đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*.” Vị ấy nói như vậy: “Này các đại đức, tôi không làm được.” Các vị thỉnh mời đến vị trưởng lão thứ nhì: “Thưa ngài, xin trưởng lão hãy đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*.” Vị ấy cũng nói như vậy: “Này các đại đức, tôi không làm được.” Các vị thỉnh mời đến vị trưởng lão thứ ba: “Thưa ngài, xin trưởng lão hãy đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*.” Vị ấy cũng nói như vậy: “Này các đại đức, tôi không làm được.” Bằng chính phương thức ấy, các vị thỉnh mời đến vị mới tu của hội chúng: “Xin đại đức hãy đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*.” Vị ấy cũng nói như vậy: “Thưa các ngài, tôi không làm được.”

Này các tỳ khuru, ngay trong hôm ấy một vị tỳ khuru nên được các vị tỳ khuru ấy phái đi đến trú xứ lân cận (bảo rằng): “Này đại đức, hãy đi và học thuộc lòng giới bốn *Pātimokkha* một cách tóm tắt hoặc chi tiết rồi trở về.”

5. Khi ấy, các vị tỳ khuru đã khởi ý điều này: “Nên được phái đi bởi vị nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.” - “Này các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru trưởng lão ra lệnh cho vị tỳ khuru mới tu.” Được ra lệnh bởi vị trưởng lão, các vị tỳ khuru mới tu vẫn không đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, khi được ra lệnh bởi vị trưởng lão, vị không bệnh không nên không đi; vị nào không đi thì phạm tội *dukkat* a.”

6. Sau đó, khi đã ngụ tại Codanāvattthu theo như ý thích đức Thế Tôn đã trở về lại thành Rājagaha. Vào lúc bấy giờ, dân chúng hỏi các vị tỳ khuru đang đi khát thực rằng: - “Thưa ngài, là ngày thứ mấy của nửa tháng?” Các vị tỳ khuru đã nói như vậy: - “Này các đạo hữu, chúng tôi không biết.” Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Các Sa-môn Thích tử này không biết đến việc tính toán (ngày) của nửa tháng thì những người này còn biết được điều tốt đẹp gì khác nữa đây?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép học cách tính toán (ngày) của nửa tháng.” Khi ấy, các vị tỳ khuru đã khởi ý điều này: “Vị nào nên học cách tính toán (ngày) của nửa tháng?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép toàn bộ tất cả đều học cách tính toán (ngày) của nửa tháng.”

7. Vào lúc bấy giờ, dân chúng hỏi các vị tỳ khuru đang đi khất thực rằng: - “Thưa ngài, có đến bao nhiêu vị tỳ khuru?” Các vị tỳ khuru đã nói như vậy: - “Này các đạo hữu, chúng tôi không biết.” Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Các Sa-môn Thích tử này không biết lẫn nhau thì những người này còn biết được điều tốt đẹp gì khác nữa đây?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép đếm số các vị tỳ khuru.” Khi ấy, các vị tỳ khuru đã khởi ý điều này: “Khi nào thì nên đếm số các vị tỳ khuru?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* ta cho phép hoặc là đếm số bằng cách gọi tên, hoặc là cho rút thẻ.”

8. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru không biết: “Hôm nay là ngày lễ *Uposatha*” nên đi khất thực ở làng xa. Các vị ấy trở lại trong khi giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng, trở lại khi giới bốn *Pātimokkha* vừa mới đọc tụng xong. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép thông báo: ‘Hôm nay là ngày lễ *Uposatha*.’” Khi ấy, các vị tỳ khuru đã khởi ý điều này: “Nên được thông báo bởi vị nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru trưởng lão thông báo vào sáng sớm.”

9. Vào lúc bấy giờ, có vị trưởng lão nọ vào sáng sớm đã không nhớ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép thông báo vào lúc thọ thực.” Ngay cả vào lúc thọ thực, vị ấy cũng đã không nhớ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này

các tỳ khuru, ta cho phép lúc nào nhớ thì thông báo vào lúc ấy.”

10. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ nhà hành lễ *Uposatha* bị rác rưởi. Các tỳ khuru vãng lai phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru lại không quét nhà hành lễ *Uposatha*?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép quét nhà hành lễ *Uposatha*.” Khi ấy, các vị tỳ khuru đã khởi ý điều này: “Vị nào nên quét nhà hành lễ *Uposatha*?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru trưởng lão ra lệnh cho vị tỳ khuru mới tu.” Được ra lệnh bởi vị trưởng lão, các vị tỳ khuru mới tu vẫn không quét. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, khi được ra lệnh bởi vị trưởng lão, vị không bệnh không nên không quét; vị nào không quét thì phạm tội *dukkat a*.”

11. Vào lúc bấy giờ, chỗ ngồi không được xếp đặt trong nhà hành lễ *Uposatha*. Các tỳ khuru ngồi trên nền nhà. Các phần thân thể và các y bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép xếp đặt chỗ ngồi trong nhà hành lễ *Uposatha*.” Khi ấy, các vị tỳ khuru đã khởi ý điều này: “Vị nào nên xếp đặt chỗ ngồi trong nhà hành lễ *Uposatha*?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru trưởng lão ra lệnh cho vị tỳ khuru mới tu.” Được ra lệnh bởi vị trưởng lão, các vị tỳ khuru mới tu vẫn không xếp đặt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, khi được ra lệnh bởi vị

trưởng lão, vị không bệnh không nên không xếp đặt; vị nào không xếp đặt thì phạm tội *dukkaṭa* a."

12. Vào lúc bấy giờ, trong nhà hành lễ *Uposatha* không có đèn. Trong bóng tối, các vị tỳ khuru đạp nhăm cơ thể và luôn cả y nữa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - "Này các tỳ khuru, ta cho phép thắp sáng đèn trong nhà hành lễ *Uposatha*." Khi ấy, các vị tỳ khuru đã khởi ý điều này: "Vị nào nên thắp sáng đèn trong nhà hành lễ *Uposatha*?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - "Này các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru trưởng lão ra lệnh cho vị tỳ khuru mới tu." Được ra lệnh bởi vị trưởng lão, các vị tỳ khuru mới tu vẫn không thắp sáng đèn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - "Này các tỳ khuru, khi được ra lệnh bởi vị trưởng lão, vị không bệnh không nên không thắp sáng đèn; vị nào không thắp sáng đèn thì phạm tội *dukkaṭa* a."

13. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ các tỳ khuru thường trú không cung ứng nước uống, không cung ứng nước rửa. Các tỳ khuru vãng lai phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - "Vì sao các tỳ khuru thường trú lại không cung ứng nước uống, không cung ứng nước rửa?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - "Này các tỳ khuru, ta cho phép cung ứng nước uống, nước rửa." Khi ấy, các vị tỳ khuru đã khởi ý điều này: "Vị nào nên cung ứng nước uống, nước rửa?"

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - "Này các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru trưởng lão ra lệnh

cho vị tỳ khuru mới tu.” Được ra lệnh bởi vị trưởng lão, các vị tỳ khuru mới tu vẫn không cung ứng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, khi được ra lệnh bởi vị trưởng lão, vị không bệnh không nên không cung ứng; vị nào không cung ứng thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

14. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ khuru ngu dốt, thiếu kinh nghiệm lên đường đi xa đã không xin phép các vị thầy tế độ và thầy dạy học. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, trường hợp nhiều vị tỳ khuru ngu dốt, thiếu kinh nghiệm lên đường đi xa không xin phép các vị thầy tế độ và thầy dạy học. Này các tỳ khuru, các vị thầy tế độ và thầy dạy học nên hỏi các vị ấy rằng: “Các người sẽ đi đâu? Các người sẽ đi với ai?”

15. Này các tỳ khuru, nếu các vị ngu dốt, thiếu kinh nghiệm ấy nêu ra các vị ngu dốt, thiếu kinh nghiệm khác, này các tỳ khuru, các vị thầy tế độ và thầy dạy học không nên cho phép; nếu các vị cho phép thì phạm tội *dukkaṭa* a. Và này các tỳ khuru, (nếu) các vị ngu dốt, thiếu kinh nghiệm ấy không được các vị thầy tế độ và thầy dạy học cho phép mà vẫn đi thì phạm tội *dukkaṭa* a.

16. Này các tỳ khuru, trường hợp nhiều vị tỳ khuru ngu dốt, thiếu kinh nghiệm sống tại trú xứ nọ. Các vị ấy không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là giới bốn *Pātimokkha*, hay là việc đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Nơi ấy có vị tỳ khuru khác đi đến là vị nghe

nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hồi hận, ưa thích sự học tập. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru nọ nên được các vị tỳ khuru ấy tiếp đón nồng hậu, nên được quan tâm, nên được chăm sóc, nên được cung ứng bột tắm, đất sét (để tắm), gỗ chà răng, nước rửa mặt. Nếu các vị không tiếp đón nồng hậu, quan tâm, chăm sóc, cung ứng bột tắm, đất sét (để tắm), gỗ chà răng, nước rửa mặt thì phạm tội *dukkaṭa*.

17. Nay các tỳ khuru, trường hợp nhiều vị tỳ khuru ngu dốt, thiếu kinh nghiệm sống tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha*. Các vị ấy không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là giới bốn *Pātimokkha*, hay là việc đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Nay các tỳ khuru, các vị tỳ khuru ấy ngay trong hôm ấy nên phái một vị tỳ khuru đi đến trú xứ lân cận (bảo rằng): “Này đại đức, hãy đi và học thuộc lòng giới bốn *Pātimokkha* một cách tóm tắt hoặc chi tiết rồi trở về.” Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nay các tỳ khuru, nếu không đạt được (như thế) thì nơi nào có các vị biết về lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là giới bốn *Pātimokkha*, hay là việc đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*, toàn bộ tất cả các vị tỳ khuru ấy nên đi đến trú xứ ấy; nếu các vị không đi thì phạm tội *dukkaṭa*.

18. Nay các tỳ khuru, trường hợp nhiều vị tỳ khuru ngu dốt, thiếu kinh nghiệm cư trú mùa mưa tại trú xứ nọ. Các vị ấy không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là giới bốn *Pātimokkha*, hay là việc đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Nay các tỳ khuru, các vị tỳ khuru ấy ngay trong hôm ấy nên phái một vị tỳ khuru đi đến trú xứ lân cận (bảo rằng): “Này đại đức, hãy đi và học thuộc lòng giới bốn *Pātimokkha* một cách tóm tắt hoặc chi tiết rồi trở về.” Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nay các tỳ khuru, nếu không đạt được (như thế) thì nên phái đi một vị tỳ khuru trong thời hạn bảy ngày (bảo rằng): “Này đại đức, hãy đi và học thuộc lòng giới bốn *Pātimokkha* một cách tóm tắt hoặc chi tiết rồi trở về.” Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nay các tỳ khuru, nếu không đạt được (như thế) thì các tỳ khuru ấy không nên cư trú mùa mưa tại trú xứ ấy. Nếu các vị ấy cư trú thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

19. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, hãy tụ hội lại, hội chúng sẽ thực hiện lễ *Uposatha*.” Khi được nói như thế, có vị tỳ khuru nọ đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, có vị tỳ khuru bị bệnh. Vị ấy không đến.” - “Này các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru bị bệnh được trao ra sự trong sạch. Và nay các tỳ khuru, nên trao ra như vậy: Vị tỳ khuru bị bệnh ấy nên đi đến gặp một vị tỳ khuru, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vậy: ‘Tôi xin trao ra sự trong sạch. Hãy chuyển đạt sự trong sạch của tôi. Hãy thông báo về sự trong

sạch của tôi.’ (Nếu) vị ấy thể hiện bằng thân, thể hiện bằng lời nói, thể hiện bằng thân và lời nói, thì sự trong sạch đã được trao ra. (Nếu) vị ấy không thể hiện bằng thân, không thể hiện bằng lời nói, không thể hiện bằng thân và lời nói, thì sự trong sạch đã không được trao ra. Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nay các tỳ khuru, nếu không đạt được (như thế) thì nên dùng cái giường hoặc cái ghế khiêng vị tỳ khuru bị bệnh ấy đến giữa hội chúng rồi thực hiện lễ *Uposatha*. Nay các tỳ khuru, nếu các vị tỳ khuru chăm sóc bệnh khỏi ý như vậy: ‘Nếu chúng ta di chuyển vị bị bệnh dời khỏi vị trí thì bệnh sẽ trầm trọng hơn, hoặc sẽ gây tử vong,’ nay các tỳ khuru, không nên di chuyển vị bị bệnh khỏi vị trí. Hội chúng nên đi đến và thực hiện lễ *Uposatha* ở nơi ấy. Nhưng không nên thực hiện lễ *Uposatha* bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *dukkaṭa*.

20. Nay các tỳ khuru, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch từ chính chỗ ấy ra đi (đến nơi khác) thì sự trong sạch nên được trao ra đến vị khác. Nay các tỳ khuru, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch ngay tại chỗ ấy hoàn tục, từ trần, được biết là vị (xuống lại) sa di, được biết là người đã từ bỏ điều học, được biết là vị phạm tội cực nặng, được biết là vị bị điên, được biết là vị loạn trí, được biết là vị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo trong việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo trong việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo

trong việc không chịu từ bỏ tà kiến ác, được biết là kẻ vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo (tỳ khuru), được biết là kẻ đã chuyển sang ngoại đạo, được biết là loài thú, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ tỳ khuru ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu (đức Phật), được biết là kẻ lường căn thì sự trong sạch nên được trao ra đến vị khác.

21. Nay các tỳ khuru, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch ở khoảng giữa đường lại ra đi (đến nơi khác) thì sự trong sạch vẫn chưa được chuyển đạt. Nay các tỳ khuru, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch ở khoảng giữa đường lại hoàn tục, từ trần, —nt— được biết là kẻ lường căn thì sự trong sạch vẫn chưa được chuyển đạt.

22. Nay các tỳ khuru, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch đã đến được hội chúng rồi ra đi (đến nơi khác) thì sự trong sạch đã được chuyển đạt. Nay các tỳ khuru, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch đã đến được hội chúng rồi hoàn tục, từ trần, —nt— được biết là kẻ lường căn thì sự trong sạch đã được chuyển đạt.

23. Nay các tỳ khuru, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch đã đến được hội chúng rồi ngủ quên nên không thông báo, rồi lơ đãng nên không thông báo, rồi nhập định nên không thông

báo thì sự trong sạch đã được chuyển đạt. Vị chuyển đạt sự trong sạch không bị phạm tội.

24. Nay các tỳ khuru, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch đã đến được hội chúng rồi cố ý không thông báo thì sự trong sạch đã được chuyển đạt, và vị chuyển đạt sự trong sạch bị phạm tội *dukkaṭa* a.”

25. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, hãy tụ hội lại, hội chúng sẽ thực hiện hành sự.” Khi được nói như thế, có vị tỳ khuru nọ đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, có vị tỳ khuru bị bệnh. Vị ấy không đến.” - “Này các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru bị bệnh được trao ra sự tùy thuận. Và này các tỳ khuru, nên trao ra như vậy: Vị tỳ khuru bị bệnh ấy nên đi đến gặp một vị tỳ khuru, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, chấp tay lên và nên nói như vậy: “Tôi xin trao ra sự tùy thuận. Hãy chuyển đạt sự tùy thuận của tôi. Hãy thông báo về sự tùy thuận của tôi.” (Nếu) vị ấy thể hiện bằng thân, thể hiện bằng lời nói, thể hiện bằng thân và lời nói, thì sự tùy thuận đã được trao ra. (Nếu) vị ấy không thể hiện bằng thân, không thể hiện bằng lời nói, không thể hiện bằng thân và lời nói, thì sự tùy thuận đã không được trao ra. Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nay các tỳ khuru, nếu không đạt được (như thế) thì nên dùng cái giường hoặc cái ghế khiêng vị tỳ khuru bị bệnh

ấy đến giữa hội chúng rồi thực hiện hành sự. Nay các tỳ khưu, nếu các vị tỳ khưu chăm sóc bệnh khỏi ý như vậy: “Nếu chúng ta di chuyển vị bị bệnh dời khỏi chỗ thì bệnh sẽ trầm trọng hơn hoặc sẽ gây tử vong,” nay các tỳ khưu, không nên di chuyển vị bị bệnh dời khỏi chỗ. Hội chúng nên đi đến và thực hiện hành sự ở nơi ấy. Nhưng không nên thực hiện hành sự bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *dukkaṭa* a.

26. Nay các tỳ khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận từ chính chỗ ấy ra đi (đến nơi khác) thì sự tùy thuận nên được trao ra đến vị khác. Nay các tỳ khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận ngay tại chỗ ấy hoàn tục, từ trần, được biết là vị (xuống lại) sa di, được biết là người đã từ bỏ điều học, được biết là vị phạm tội cực nặng, được biết là vị bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo trong việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo trong việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo trong việc không chịu từ bỏ tà kiến ác, được biết là kẻ vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo (tỳ khưu), được biết là kẻ đã chuyển sang ngoại đạo, được biết là loài thú, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ tỳ khuru ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu (đức Phật), được biết là kẻ lường căn thì sự tùy thuận nên được trao ra đến vị khác.

27. Nay các tỳ khuru, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận ở khoảng giữa đường lại ra đi (đến nơi khác) thì sự tùy thuận vẫn chưa được chuyển đạt. Nay các tỳ khuru, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận ở khoảng giữa đường lại hoàn tục, từ trần, —nt— được biết là kẻ lường căn thì sự tùy thuận vẫn chưa được chuyển đạt.

28. Nay các tỳ khuru, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận đã đến được hội chúng rồi ra đi (đến nơi khác) thì sự tùy thuận đã được chuyển đạt. Nay các tỳ khuru, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận đã đến được hội chúng rồi hoàn tục, từ trần, —nt— được biết là kẻ lường căn thì sự tùy thuận đã được chuyển đạt.

29. Nay các tỳ khuru, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận đã đến được hội chúng rồi ngủ quên nên không thông báo, rồi lơ đãng nên không thông báo, rồi nhập định nên không thông báo thì sự tùy thuận đã được chuyển đạt. Vị chuyển đạt sự tùy thuận không bị phạm tội.

30. Nay các tỳ khuru, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận đã đến được hội chúng rồi cố ý không thông báo thì sự tùy thuận đã được chuyển đạt và vị chuyển đạt sự tùy thuận bị phạm tội *dukkatā*. Nay các tỳ khuru, ta cho phép vào ngày lễ *Uposatha* vị trao ra sự trong sạch (đồng thời) trao ra sự

tùy thuận (phòng khi) hội chúng có hành sự cần được thực hiện.”

31. Vào lúc bấy giờ, nhằm ngày lễ *Uposatha* các thân quyến đã nắm giữ lại vị tỳ khuru nọ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, trường hợp vào ngày lễ *Uposatha* các thân quyến nắm giữ vị tỳ khuru lại. Các thân quyến ấy nên được các tỳ khuru nói như vậy: ‘Này các ngài, các ngài hãy trả tự do cho vị tỳ khuru này trong chốc lát đến khi nào vị tỳ khuru này thực hiện lễ *Uposatha* xong.’ Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được (như thế), các thân quyến ấy nên được các tỳ khuru nói như vậy: ‘Này các ngài, các ngài hãy tránh sang một bên trong chốc lát đến khi nào vị tỳ khuru này trao ra sự trong sạch xong.’ Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được (như thế), các thân quyến ấy nên được các tỳ khuru nói như vậy: ‘Này các ngài, các ngài hãy dẫn vị tỳ khuru này ra khỏi ranh giới trong chốc lát đến khi nào hội chúng thực hiện lễ *Uposatha* xong.’ Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được (như thế), vẫn không nên thực hiện lễ *Uposatha* bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *dukkaṭṭa* a.

32. Này các tỳ khuru, trường hợp vào ngày lễ *Uposatha* các đức vua nắm giữ vị tỳ khuru lại. —nt— Các kẻ trộm cướp nắm giữ —nt— Những kẻ bất lương nắm giữ —nt— Những kẻ đối nghịch tỳ khuru nắm giữ vị tỳ khuru lại. Những kẻ đối nghịch tỳ khuru ấy nên được các tỳ

khuru nói như vậy: ‘Này các ngài, các ngài hãy trả tự do cho vị tỳ khuru này trong chốc lát đến khi nào vị tỳ khuru này thực hiện lễ *Uposatha* xong.’ Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được (như thế), những kẻ đối nghịch tỳ khuru ấy nên được các tỳ khuru nói như vậy: ‘Này các ngài, các ngài hãy tránh sang một bên trong chốc lát đến khi nào vị tỳ khuru này trao ra sự trong sạch xong.’ Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không thể đạt được (như thế), những kẻ đối nghịch tỳ khuru ấy nên được các tỳ khuru nói như vậy: ‘Này các ngài, các ngài hãy dẫn vị tỳ khuru này ra khỏi ranh giới trong chốc lát đến khi nào hội chúng thực hiện lễ *Uposatha* xong.’ Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không thể đạt được (như thế), vẫn không nên thực hiện lễ *Uposatha* bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

33. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, hãy tụ hội lại, hội chúng có việc cần phải làm.” Khi được nói như thế, có vị tỳ khuru nọ đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, có vị tỳ khuru tên Gagga bị điên. Vị ấy không đến.”

34. - “Này các tỳ khuru, đây là hai trường hợp bị điên. Có vị tỳ khuru điên có khi nhớ đến lễ *Uposatha* có khi không nhớ, có khi nhớ đến hành sự của hội chúng có khi không nhớ; và có vị hoàn toàn không nhớ. (Có vị) có khi đi đến lễ *Uposatha* có khi không đi đến, có khi đi đến

hành sự của hội chúng có khi không đi đến; và có vị không bao giờ đi đến.

35. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị bị điên nào có khi nhớ đến lễ Uposatha có khi không nhớ, có khi nhớ đến hành sự của hội chúng có khi không nhớ, có khi đi đến lễ Uposatha có khi không đi đến, có khi đi đến hành sự của hội chúng có khi không đi đến; nay các tỳ khuru, ta cho phép ban cho sự đồng ý về bệnh điên đến vị bị điên có hình thức như thế. Và nay các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

36. “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Gagga này bị điên có khi nhớ đến lễ Uposatha có khi không nhớ, có khi nhớ đến hành sự của hội chúng có khi không nhớ, có khi đi đến lễ Uposatha có khi không đi đến, có khi đi đến hành sự của hội chúng có khi không đi đến. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về bệnh điên đến tỳ khuru Gagga là vị bị điên — vị tỳ khuru Gagga có thể nhớ đến lễ Uposatha hoặc có thể không nhớ, có thể nhớ đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không nhớ, có thể đi đến lễ Uposatha hoặc có thể không đi đến, có thể đi đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không đi đến — hội chúng đều có Gagga hay không có Gagga vẫn có thể thực hiện lễ Uposatha, vẫn có thể thực hiện hành sự của hội chúng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Gagga này bị điên có khi nhớ đến lễ Uposatha có khi không

nhớ, có khi nhớ đến hành sự của hội chúng có khi không nhớ, có khi đi đến lễ Uposatha có khi không đi đến, có khi đi đến hành sự của hội chúng có khi không đi đến. Hội chúng ban cho sự đồng ý về bệnh điên đến tỳ khuru Gagga là vị bị điên — vị tỳ khuru Gagga có thể nhớ đến lễ Uposatha hoặc có thể không nhớ, có thể nhớ đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không nhớ, có thể đi đến lễ Uposatha hoặc có thể không đi đến, có thể đi đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không đi đến — hội chúng đều có Gagga hay không có Gagga sẽ thực hiện lễ Uposatha, sẽ thực hiện hành sự của hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về bệnh điên đến tỳ khuru Gagga là vị bị điên — vị tỳ khuru Gagga có thể nhớ đến lễ Uposatha hoặc có thể không nhớ, có thể nhớ đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không nhớ, có thể đi đến lễ Uposatha hoặc có thể không đi đến, có thể đi đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không đi đến — hội chúng đều có Gagga hay không có Gagga sẽ thực hiện lễ Uposatha, sẽ thực hiện hành sự của hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

38. Sự đồng ý về bệnh điên đã được hội chúng ban đến tỳ khuru Gagga là vị bị điên — vị tỳ khuru Gagga có thể nhớ đến lễ Uposatha hoặc có thể không nhớ, có thể nhớ đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không nhớ, có thể đi đến lễ Uposatha hoặc có thể không đi đến, có thể đi đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không đi đến — hội chúng đều có Gagga hay không có Gagga sẽ thực hiện lễ Uposatha, sẽ thực hiện hành sự của hội chúng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

39. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có bốn vị tỳ khuru cư ngụ. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Nên thực hiện lễ *Uposatha*’ và chúng ta là bốn người, vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Uposatha* như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* đối với bốn vị.”

40. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có ba vị tỳ khuru cư ngụ. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã cho phép đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* đối với bốn vị và chúng ta là ba người, vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Uposatha* như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép thực hiện lễ *Uposatha* - bày tỏ sự trong sạch đối với ba vị. Và này các tỳ khuru, nên thực hiện như vậy: Các vị tỳ khuru ấy cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

41. “Xin các đại đức hãy lắng nghe tôi, hôm nay là ngày lễ *Uposatha* (vào ngày mười lăm). Nếu là thời điểm thích hợp cho các đại đức, chúng ta nên thực hiện lễ *Uposatha* - bày tỏ sự trong sạch (với nhau).” Vị tỳ khuru trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói với các vị tỳ khuru ấy như vậy: “Này các sư đệ, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi nhận về tôi: ‘Là vị trong sạch.’ Này các sư đệ, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi nhận về tôi: ‘Là vị trong sạch.’

Này các sư đệ, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi nhận về tôi: ‘Là vị trong sạch.’”

42. Vị tỳ khưu mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói với các vị tỳ khưu ấy như vậy: “Bạch các ngài, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi nhận về tôi: ‘Là vị trong sạch.’ Bạch các ngài, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi nhận về tôi: ‘Là vị trong sạch.’ Bạch các ngài, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi nhận về tôi: ‘Là vị trong sạch.’”

43. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có hai vị tỳ khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị tỳ khưu ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã cho phép đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* đối với bốn vị, (cho phép) thực hiện lễ *Uposatha* - bày tỏ sự trong sạch đối với ba vị, và chúng ta là hai người, vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Uposatha* như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép thực hiện lễ *Uposatha* - bày tỏ sự trong sạch đối với hai vị. Và này các tỳ khưu, nên thực hiện như vậy: Vị tỳ khưu trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói với vị tỳ khưu mới tu như vậy: “Này sư đệ, tôi được trong sạch, sư đệ hãy ghi nhận về tôi: ‘Là vị trong sạch.’ Này sư đệ, tôi được trong sạch, sư đệ hãy ghi nhận về tôi: ‘Là vị trong sạch.’ Này sư đệ, tôi được trong sạch, sư đệ hãy ghi nhận về tôi: ‘Là vị trong sạch.’”

44. Vị tỳ khưu mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói với vị tỳ khưu

trưởng lão như vậy: “Bạch ngài, tôi được trong sạch, ngài hãy ghi nhận về tôi: ‘Là vị trong sạch.’ Bạch ngài, tôi được trong sạch, ngài hãy ghi nhận về tôi: ‘Là vị trong sạch.’ Bạch ngài, tôi được trong sạch, ngài hãy ghi nhận về tôi: ‘Là vị trong sạch.’”

45. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có một vị tỳ khuru cư ngụ. Khi ấy, vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã cho phép đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* đối với bốn vị, (cho phép) thực hiện lễ *Uposatha* - bày tỏ sự trong sạch đối với ba vị, (cho phép) thực hiện lễ *Uposatha* - bày tỏ sự trong sạch đối với hai vị và ta chỉ có một mình, vậy ta nên thực hiện lễ *Uposatha* như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

46. - “Này các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có một vị tỳ khuru cư ngụ. Này các tỳ khuru, chỗ nào các vị tỳ khuru thường quay trở về là ở giảng đường, hoặc ở mái che, hoặc ở gốc cây, vị tỳ khuru ấy nên quét khu vực ấy, nên đem lại nước uống, nước rửa, nên sắp đặt chỗ ngồi, nên thắp sáng đèn, rồi nên ngồi xuống. Nếu có các tỳ khuru khác đi đến thì nên thực hiện lễ *Uposatha* với các vị ấy; nếu không có ai đi đến thì nên chú nguyện rằng: “Hôm nay là lễ *Uposatha* của tôi;” nếu không chú nguyện thì phạm tội *dukkatā* a.

47. Này các tỳ khuru, trường hợp ở nơi có bốn vị tỳ khuru cư ngụ, không nên chuyển đặt sự trong sạch của một vị rồi đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* bởi ba vị; nếu các

vị đọc tụng thì phạm tội *dukkat a*. Nay các tỳ khuru, trường hợp ở nơi có ba vị tỳ khuru cư ngụ, không nên chuyển đặt sự trong sạch của một vị rồi thực hiện lễ *Uposatha* - bày tỏ sự trong sạch bởi hai vị; nếu các vị thực hiện thì phạm tội *dukkat a*. Nay các tỳ khuru, trường hợp ở nơi có hai vị tỳ khuru cư ngụ, không nên chuyển đặt sự trong sạch của một vị rồi chú nguyện bởi một vị; nếu chú nguyện thì phạm tội *dukkat a*."

48. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị phạm tội vào ngày lễ *Uposatha*. Khi ấy, vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Vị bị phạm tội không nên tiến hành lễ *Uposatha*' và ta thì bị phạm tội, vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

49. - "Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru bị phạm tội vào ngày lễ *Uposatha*. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến gặp một vị tỳ khuru, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, nên chắp tay lên, và nên nói như vậy: - "Bạch đại đức, tôi đã phạm tội tên (như vậy), tôi xin sám hối tội ấy." Vị kia nên nói rằng: - "(Đại đức) có thấy (tội ấy) không?" - "Thưa có, tôi thấy." - "(Đại đức) hãy thu thúc trong tương lai."

50. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru có nghi ngờ về sự phạm tội vào ngày lễ *Uposatha*. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến gặp một vị tỳ khuru, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, nên chắp tay lên, và nên nói như vậy: - "Bạch đại đức, tôi có

nghe về sự phạm (một) tội tên (như vậy), khi nào tôi dứt khỏi hoài nghi khi ấy tôi sẽ sửa chữa tội ấy.” Nói xong thì lễ *Uposatha* nên được tiến hành, nên lắng nghe giới bốn *Pātimokkha*, nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ *Uposatha* chỉ vì nguyên nhân ấy.”

51. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru nhóm Lục Sư sám hối tội (đã phạm) giống nhau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không được sám hối tội (đã phạm) giống nhau; vị nào sám hối thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

52. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru nhóm Lục Sư ghi nhận tội (đã phạm) giống nhau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không được ghi nhận tội (đã phạm) giống nhau; vị nào ghi nhận thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

53. Vào lúc bấy giờ, trong lúc giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng có vị tỳ khuru nọ nhớ ra tội. Khi ấy, vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Vị bị phạm tội không nên tiến hành lễ *Uposatha*’ và ta thì bị phạm tội, vậy ta nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

54. - “Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru nhớ ra tội trong lúc giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên nói với vị tỳ khuru bên cạnh như vậy: “Bạch đại đức, tôi đã phạm tội tên (như vậy), sau khi đứng dậy khỏi đây tôi sẽ sửa chữa tội

ấy.” Nói xong, thì lễ *Uposatha* nên được tiến hành, nên lắng nghe giới bốn *Pātimokkha*, nhưng không nên làm chuông ngại cho lễ *Uposatha* chỉ vì nguyên nhân ấy.

55. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru có nghi ngờ về sự phạm tội trong lúc giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên nói với vị tỳ khuru bên cạnh như vậy: “Bạch đại đức, tôi có nghi ngờ về sự phạm (một) tội tên (như vậy), khi nào tôi dứt khỏi hoài nghi khi ấy tôi sẽ sửa chữa tội ấy.” Nói xong, thì lễ *Uposatha* nên được tiến hành, nên lắng nghe giới bốn *Pātimokkha*, nhưng không nên làm chuông ngại cho lễ *Uposatha* chỉ vì nguyên nhân ấy.”

56. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Không nên sám hối tội (đã phạm) giống nhau, không nên ghi nhận tội (đã phạm) giống nhau’ và toàn bộ hội chúng này đã phạm tội giống nhau, vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

57. - “Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Nay các tỳ khuru, ngay trong hôm ấy các vị tỳ khuru ấy nên phái một vị tỳ khuru đi đến trú xứ lân cận (bảo rằng): “Nay đại đức, hãy đi và sau khi sửa chữa tội ấy hãy quay trở về, chúng tôi sẽ sửa chữa lại tội ấy trong sự hiện diện của đại đức.” Nếu việc ấy đạt được như thế,

việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nay các tỳ khuru, nếu không đạt được (như thế) thì hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

58. “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Toàn bộ hội chúng này đã phạm tội giống nhau, khi nào (hội chúng) nhìn thấy vị tỳ khuru khác trong sạch không phạm tội khi ấy (hội chúng) sẽ sửa chữa tội ấy trong sự hiện diện của vị ấy.” Nói xong, thì lễ *Uposatha* nên được tiến hành, giới bốn *Pātimokkha* nên được đọc tụng, nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ *Uposatha* chỉ vì nguyên nhân ấy.

59. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* toàn bộ hội chúng có nghi ngờ về sự phạm tội giống nhau. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Toàn bộ hội chúng này có nghi ngờ về sự phạm tội giống nhau, khi nào dứt khỏi hoài nghi khi ấy (hội chúng) sẽ sửa chữa tội ấy.” Nói xong, thì lễ *Uposatha* nên được tiến hành, giới bốn *Pātimokkha* nên được đọc tụng, nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ *Uposatha* chỉ vì nguyên nhân ấy.

60. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ khi đã vào mùa an cư mưa, hội chúng đã phạm tội giống nhau. Nay các tỳ khuru, các vị tỳ khuru ấy nên phái một vị tỳ khuru ngay trong hôm ấy đi đến trú xứ lân cận (bảo rằng): “Này đại đức, hãy đi và sau khi sửa chữa tội ấy hãy quay trở về, chúng tôi sẽ sửa chữa lại tội ấy trong sự

hiện diện của đại đức.” Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nay các tỳ khuru, nếu không đạt được (như thế) thì nên phái đi một vị tỳ khuru trong thời hạn bảy ngày (bảo rằng): “Này đại đức, hãy đi và sau khi sửa chữa tội ấy hãy quay trở về, chúng tôi sẽ sửa chữa lại tội ấy trong sự hiện diện của đại đức.”

61. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Hội chúng ấy không biết tên và loại của tội ấy. Ở đó, có vị tỳ khuru khác đi đến là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hồi hận, ưa thích sự học tập. Có vị tỳ khuru nọ đã đi đến gặp vị tỳ khuru ấy, sau khi đến đã nói với vị tỳ khuru ấy điều này:

62. - “Thưa đại đức, vị hành động như vậy và như vậy thì vị ấy phạm tội tên gì? Vị ấy đã nói như vậy: - “Này đại đức, vị hành động như vậy và như vậy thì vị ấy phạm tội tên này. Này đại đức, người đã phạm tội tên này, người hãy sửa chữa tội ấy.” Vị nọ đã nói như vậy: - “Thưa đại đức, không phải chỉ mình tôi đã phạm tội ấy. Toàn bộ hội chúng này đã phạm tội ấy.” Vị ấy đã nói như vậy: - “Này đại đức, người khác phạm tội hay không phạm tội thì điều gì sẽ xảy ra cho người? Này đại đức, người hãy tự thoát khỏi tội của bản thân mình đi.”

63. Khi ấy, vị tỳ khuru nọ sau khi đã sửa chữa tội ấy theo lời khuyên của vị tỳ khuru ấy rồi đã đi đến gặp các vị tỳ khuru kia, sau khi đến đã nói với các vị tỳ khuru kia

điều này: - “Này các đại đức, nghe nói vị hành động như vậy và như vậy thì vị ấy phạm tội tên này. Này các đại đức, các vị đã phạm tội tên này, các vị hãy sửa chữa tội ấy.” Khi ấy, các vị tỳ khuru kia đã không muốn sửa chữa tội ấy theo lời khuyên của vị tỳ khuru nọ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

64. - “Này các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Hội chúng ấy không biết tên và loại của tội ấy. Ở đó, có vị tỳ khuru khác đi đến là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Có vị tỳ khuru nọ đã đi đến gặp vị tỳ khuru ấy, sau khi đến nói với vị tỳ khuru ấy như vậy: “Thưa đại đức, vị hành động như vậy và như vậy thì vị ấy phạm tội tên gì?” Vị ấy nói như vậy: “Này đại đức, vị hành động như vậy và như vậy thì vị ấy phạm tội tên này. Này đại đức, người đã phạm tội tên này, người hãy sửa chữa tội ấy.” Vị nọ nói như vậy: “Thưa đại đức, không phải chỉ mình tôi đã phạm tội ấy. Toàn bộ hội chúng này đã phạm tội ấy.” Vị ấy nói như vậy: “Này đại đức, người khác phạm tội hay không phạm tội thì điều gì sẽ xảy ra cho người? Này đại đức, người hãy tự thoát khỏi tội của bản thân mình đi.” Này các tỳ khuru, nếu sau khi sửa chữa tội theo lời khuyên của vị tỳ khuru ấy, vị tỳ khuru nọ đã đi đến gặp các vị tỳ khuru kia, sau khi đến đã nói với các vị tỳ khuru kia như vậy: “Này các đại đức, nghe nói vị hành động như vậy

và như vậy thì vị ấy phạm tội tên này. Nay các đại đức, các vị đã phạm tội tên này, các vị hãy sửa chữa tội ấy.” Nay các tỳ khuru, nếu các vị tỳ khuru kia sửa chữa tội ấy theo lời khuyên của vị tỳ khuru nọ, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nay các tỳ khuru, nếu các vị không chịu sửa chữa, vị tỳ khuru nọ không nên khuyên các vị tỳ khuru ấy (vì họ) không có mong muốn.”

Dứt tụng phẩm Codanāvatthu.

--ooOoo--

1. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều vị tỳ khuru thường trú đã tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy đã không biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi đã thực hiện lễ *Uposatha* và đã đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Trong khi giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đã đi đến. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. - “Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới

bốn *Pātimokkha*. Trong khi giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khuru, giới bốn *Pātimokkha* nên được đọc tụng lại bởi các vị tỳ khuru ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (1)

3. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Trong khi giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (2)

4. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Trong khi giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (3)

5. Này các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Này các tỳ khuru, giới bốn *Pātimokkha* nên được đọc tụng lại bởi các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (4)

6. Này các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (5)

7. Này các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy tưởng là

đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (6)

8. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khuru, giới bốn *Pātimokkha* nên được đọc tụng lại bởi các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (7)

9. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pāti-mokkha* vừa được đọc

tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (8)

10. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (9)

11. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số thuộc tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khuru, giới bốn *Pātimokkha* nên

được đọc tụng lại bởi các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (10)

12. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pāti-mokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số thuộc tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (11)

13. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số thuộc tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (12)

14. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khuru, giới bốn *Pātimokkha* nên được đọc tụng lại bởi các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (13)

15. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (14)

16. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy tưởng là

đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các tỳ khưu thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (15)

Dứt mười lăm trường hợp vô tội.

--ooOoo--

1. Nay các tỳ khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khưu thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Trong khi giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các tỳ khưu thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khưu, giới bốn *Pātimokkha* nên được đọc tụng lại bởi các vị tỳ khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *dukkaṭa* a. (1)

2. Nay các tỳ khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khưu thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự

nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Trong khi giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *dukkaṭa* a. (2)

3. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Trong khi giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *dukkaṭa* a. (3)

4. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, —nt— trong khi tập thể chưa đứng lên —nt— một số thuộc tập thể đã đứng lên —nt— toàn bộ tập thể đã đứng lên thì có các tỳ khuru

thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn —nt— (có số lượng) tương đương —nt— (có số lượng) ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *dukkaṭa* a. (4-15)

**Dứt mười lăm trường hợp
là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm.**

1. Nay các tỳ khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khưu thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: ‘Lễ *Uposatha* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?’ rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Trong khi giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các tỳ khưu thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khưu, giới bốn *Pātimokkha* nên được đọc tụng lại bởi các vị tỳ khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *dukkaṭa* a. (1)

2. Nay các tỳ khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khưu thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: ‘Lễ *Uposatha* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?’ rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Trong khi giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các tỳ

khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *dukkaṭa* a. (2)

3. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: ‘Lễ *Uposatha* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?’ rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Trong khi giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *dukkaṭa* a. (3)

4. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: ‘Lễ *Uposatha* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?’ rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy —nt— trong khi tập thể chưa đứng lên —nt— một số thuộc tập thể đã đứng lên —nt— toàn bộ tập thể đã đứng lên thì có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn —nt—

(có số lượng) tương đương —nt— (có số lượng) ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *dukkat a.* (4-15)

Dứt mười lăm trường hợp có sự nghi ngờ.

--ooOoo--

1. Này các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ (Nghĩ rằng): ‘Lễ *Uposatha* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta,’ các vị bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Trong khi giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Này các tỳ khuru, giới bốn *Pātimokkha* nên được đọc tụng lại bởi các vị tỳ khuru ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *dukkat a.* (1)

2. Này các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ (Nghĩ rằng): ‘Lễ *Uposatha* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta,’ các vị bỏ

qua sự ngăn ngại rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Trong khi giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *dukkaṭa a.* (2)

3. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ (Nghĩ rằng): ‘Lễ *Uposatha* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta,’ các vị bỏ qua sự ngăn ngại rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Trong khi giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *dukkaṭa a.* (3)

4. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ (Nghĩ rằng): ‘Lễ *Uposatha* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta,’ các vị bỏ qua sự ngăn ngại rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy —nt— trong khi tập thể

chưa đứng lên —nt— một số vị ở tập thể đã đứng lên —nt— toàn bộ tập thể đã đứng lên thì có các tỳ khưu thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn —nt— (có số lượng) tương đương —nt— (có số lượng) ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *dukkaṭa* a. (4-15)

Dứt mười lăm trường hợp ‘bỏ qua sự ngăn ngại.’

--ooOoo--

1. Nay các tỳ khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khưu thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): ‘Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?’ rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Trong khi giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các tỳ khưu thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khưu, giới bốn *Pātimokkha* nên được đọc tụng lại bởi các vị tỳ khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *thullaccaya*.

2. Nay các tỳ khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ

khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): ‘Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?’ rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Trong khi giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *thullaccaya*.

3. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): ‘Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?’ rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Trong khi giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *thullaccaya*.

4. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): ‘Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?’ rồi thực hiện lễ

Uposatha và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các tỳ khưu thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khưu, giới bốn *Pātimokkha* nên được đọc tụng lại bởi các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *thullaccaya*.

5. Nay các tỳ khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khưu thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): ‘Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?’ rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các tỳ khưu thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *thullaccaya*.

6. Nay các tỳ khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khưu thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): ‘Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?’ rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các tỳ khưu thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự

trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *thullaccaya*.

7. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): ‘Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?’ rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khuru, giới bốn *Pātimokkha* nên được đọc tụng lại bởi các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *thullaccaya*.

8. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): ‘Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?’ rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *thullaccaya*.

9. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): ‘Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?’ rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *thullaccaya*.

10. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): ‘Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?’ rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số thuộc tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khuru, giới bốn *Pātimokkha* nên được đọc tụng lại bởi các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *thullaccaya*.

11. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại

là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): ‘Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?’ rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số thuộc tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *thullaccaya*.

12. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): ‘Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?’ rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số thuộc tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *thullaccaya*.

13. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ

khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): ‘Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?’ rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khuru, giới bốn *Pātimokkha* nên được đọc tụng lại bởi các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *thullaccaya*.

14. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): ‘Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?’ rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *thullaccaya*.

15. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): ‘Các vị này tiêu mất đi! Các vị này

biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?’ rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Khi giới bốn *Pātimokkha* vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các tỳ khưu thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *thullaccaya*.

Dứt mười lăm trường hợp có dự tính chia rẽ.

Dứt hai mươi lăm nhóm ba.

--ooOoo--

1. Nay các tỳ khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha* có nhiều tỳ khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: ‘Các vị tỳ khưu thường trú khác đang đi vào trong ranh giới,’ —nt— Các vị ấy không biết rằng: ‘Các vị tỳ khưu thường trú khác đã đi vào trong ranh giới,’ —nt— Các vị ấy không nhìn thấy các vị tỳ khưu thường trú khác đang đi vào trong ranh giới, —nt— Các vị ấy không nhìn thấy các vị tỳ khưu thường trú khác đã đi vào trong ranh giới, —nt— Các vị ấy không nghe rằng: ‘Các vị tỳ khưu thường trú khác đang đi vào trong ranh giới,’ —nt— Các vị ấy không nghe rằng: ‘Các vị tỳ khưu thường trú khác

đã đi vào trong ranh giới,’ —nt— Theo phương thức của một trăm bảy mươi lăm nhóm ba về vị thường trú với vị thường trú, về vị vãng lai với vị thường trú, về vị thường trú với vị vãng lai, về vị vãng lai với vị vãng lai, bằng cách thức thêm vào những phân tương tự thì tạo ra được bảy trăm nhóm ba.

2. Nay các tỳ khuru, trường hợp ngày mười bốn là của các tỳ khuru thường trú, ngày mười lăm là của các tỳ khuru vãng lai. Nếu các vị thường trú (có số lượng) nhiều hơn thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu (có số lượng) tương đương thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu các vị vãng lai (có số lượng) nhiều hơn thì các vị thường trú nên thuận theo các vị vãng lai.

3. Nay các tỳ khuru, trường hợp ngày mười lăm là của các tỳ khuru thường trú, ngày mười bốn là của các tỳ khuru vãng lai. Nếu các vị thường trú (có số lượng) nhiều hơn thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu (có số lượng) tương đương thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu các vị vãng lai (có số lượng) nhiều hơn thì các vị thường trú nên thuận theo các vị vãng lai.

4. Nay các tỳ khuru, trường hợp ngày đầu tháng là của các tỳ khuru thường trú, ngày mười lăm là của các tỳ khuru vãng lai. Nếu các vị thường trú (có số lượng) nhiều hơn và các vị thường trú không mong muốn thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vãng lai; các vị vãng

lai nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ *Uposatha*. Nếu (có số lượng) tương đương và các vị thường trú không mong muốn thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vắng lai; các vị vắng lai nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ *Uposatha*. Nếu các vị vắng lai (có số lượng) nhiều hơn thì các vị thường trú nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vắng lai hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới.

5. Ngày các tỳ khuru, trường hợp ngày mười lăm là của các tỳ khuru thường trú, ngày đầu tháng là của các tỳ khuru vắng lai. Nếu các vị thường trú (có số lượng) nhiều hơn thì các vị vắng lai nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới. Nếu (có số lượng) tương đương thì các vị vắng lai nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới. Nếu các vị vắng lai (có số lượng) nhiều hơn và các vị vắng lai không mong muốn thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú; các vị thường trú nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ *Uposatha*.

6. Ngày các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru vắng lai nhìn thấy sự biểu hiện của việc cư trú, đặc điểm của việc cư trú, hiện tượng của việc cư trú, dấu hiệu của việc cư trú của các tỳ khuru thường trú (như là) giường ghế nệm gối được sắp xếp cẩn thận, nước uống nước rửa khéo được bố trí, phòng ốc được quét dọn sạch sẽ, sau khi nhìn thấy khởi lên nghi ngờ: ‘Có các tỳ khuru thường trú hay không có?’ Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *dukkaṭa* a. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi

tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì phạm tội *dukkat a*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy có dự tính chia rẽ (nói rằng): ‘Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?’ rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *thullaccaya*.

7. Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru vắng lai nghe được sự biểu hiện của việc cư trú, đặc điểm của việc cư trú, hiện tượng của việc cư trú, dấu hiệu của việc cư trú của các tỳ khuru thường trú (như là) tiếng bước chân của những vị đang đi kinh hành, tiếng học bài, tiếng đảnh hắng, tiếng hắt hơi, sau khi nghe khởi lên nghi ngờ: ‘Có các tỳ khuru thường trú hay không có?’ Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *dukkat a*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì phạm tội *dukkat a*. Các vị

nghe rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy có dự tính chia rẽ (nói rằng): ‘Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?’ rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *thullaccaya*.

8. Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru thường trú nhìn thấy sự biểu hiện của việc đi đến, đặc điểm của việc đi đến, hiện tượng của việc đi đến, dấu hiệu của việc đi đến của các tỳ khuru vắng lai (như là) bình bát khác lạ, y khác lạ, vật lót ngồi khác lạ, sự vung vãi nước rửa các bàn chân, sau khi nhìn thấy khởi lên nghi ngờ: ‘Có các vị tỳ khuru vắng lai hay không có?’ Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì phạm tội *dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy có dự tính chia rẽ (nói rằng): ‘Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?’ rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *thullaccaya*.

9. Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru thường trú nghe được sự biểu hiện của việc đi đến, đặc điểm của

việc đi đến, hiện tướng của việc đi đến, dấu hiệu của việc đi đến của các tỳ khuru vắng lai (như là) tiếng bước chân của các vị đang đi đến, tiếng động gây nên bởi các đôi dép, tiếng đàng hắng, tiếng hắt hơi, sau khi nghe khởi lên nghi ngờ: ‘Có các vị tỳ khuru vắng lai hay không có?’ Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì phạm tội *dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy có dự tính chia rẽ (nói rằng): ‘Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?’ rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *thullaccaya*.

10. Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru vắng lai nhìn thấy các tỳ khuru thường trú thuộc nhóm cộng trú khác. Các vị ấy nhận lầm là thuộc cùng nhóm cộng trú, sau khi nhận lầm là thuộc cùng nhóm cộng trú rồi không hỏi, sau khi không hỏi rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết lại tiến hành lễ *Uposatha* chung thì phạm tội *dukkaṭa*. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi

vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết rồi tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì vô tội.

11. Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru vắng lai nhìn thấy các tỳ khuru thường trú thuộc cùng nhóm cộng trú. Các vị ấy nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác, sau khi nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác rồi không hỏi, sau khi không hỏi lại tiến hành lễ *Uposatha* chung thì phạm tội *dukkaṭa*. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết lại tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì phạm tội *dukkaṭa*. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội.

12. Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru thường trú nhìn thấy các tỳ khuru vắng lai thuộc nhóm cộng trú khác. Các vị ấy nhận lầm thuộc cùng nhóm cộng trú, sau khi nhận lầm thuộc cùng nhóm cộng trú rồi không hỏi, sau khi không hỏi rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết lại tiến hành lễ *Uposatha* chung thì phạm tội *dukkaṭa*. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết rồi tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì vô tội.

13. Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru thường trú nhìn thấy các tỳ khuru vắng lai thuộc cùng nhóm cộng trú. Các vị ấy nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác, sau khi nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác rồi không hỏi, sau khi không hỏi lại tiến hành lễ *Uposatha* chung thì

phạm tội *dukkat* a. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết lại tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì phạm tội *dukkat* a. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội.

14. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* từ chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ khuru trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

15. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* từ chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khuru trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

16. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* từ chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khuru trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

17. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ khuru trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

18. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khuru trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

19. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khuru trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

20. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ khuru trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

21. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khuru trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

22. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khuru trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

23. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* từ chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru nhưng các tỳ khuru ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

24. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* từ chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nhưng các tỳ khuru ở nơi ấy là thuộc

nhóm cộng trú khác trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

25. Này các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* từ chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nhưng các tỳ khuru ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

26. Này các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru nhưng các tỳ khuru ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

27. Này các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nhưng các tỳ khuru ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

28. Này các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nhưng các tỳ khuru ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

29. Này các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru nhưng các tỳ

khuru ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

30. Này các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nhưng các tỳ khuru ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

31. Này các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nhưng các tỳ khuru ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

32. Này các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* từ chỗ trú ngụ có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru và các tỳ khuru ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’

33. Này các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* từ chỗ trú ngụ có tỳ khuru có thể đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru —nt— chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru và các tỳ khuru ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’

34. Này các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* vị tỳ khuru từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru có thể đi

đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru —nt— nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru —nt— chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru và các tỳ khuru ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’

35. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Uposatha* vị tỳ khuru từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru —nt— nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru —nt— chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru và các tỳ khuru ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’

36. Nay các tỳ khuru, không nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* đến hội chúng đã ngồi xuống có vị tỳ khuru ni; vị nào đọc tụng thì phạm tội *dukkat a*.

37. Nay các tỳ khuru, không nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* đến hội chúng đã ngồi xuống có cô ni tu tập sự —nt— có vị sa di —nt— có vị sa di ni —nt— có người đã từ bỏ điều học —nt— có vị đã phạm tội cực nặng; vị nào đọc tụng thì phạm tội *dukkat a*.

38. Không nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* đến hội chúng đã ngồi xuống có vị bị án treo trong việc không nhìn nhận tội; vị nào đọc tụng thì nên được hành xử theo pháp.

39. Không nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* đến hội chúng đã ngồi xuống có vị bị án treo trong việc không sửa chữa lỗi —nt— đến hội chúng đã ngồi xuống có vị bị án treo trong việc không chịu từ bỏ tà kiến ác; vị nào đọc tụng thì nên được hành xử theo pháp.

40. Này các tỳ khưu, không nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* đến hội chúng đã ngồi xuống có kẻ vô căn; vị nào đọc tụng thì phạm tội *dukkaṭa*.

41. Không nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha* đến hội chúng đã ngồi xuống có kẻ trộm tướng mạo (tỳ khưu) —nt— có kẻ đã đi theo ngoại đạo —nt— có loài thú —nt— có kẻ giết mẹ —nt— có kẻ giết cha —nt— có kẻ giết A-la-hán —nt— có kẻ làm nhơ tỳ khưu ni —nt— có kẻ chia rẽ hội chúng —nt— có kẻ làm chảy máu (đức Phật) —nt— có kẻ lường căn; vị nào đọc tụng thì phạm tội *dukkaṭa*.

42. Này các tỳ khưu, không nên tiến hành lễ *Uposatha* với việc trao ra sự trong sạch của vị hành *parivāsa*, trừ phi tập thể còn chưa đứng lên.

43. Này các tỳ khưu, không nên tiến hành lễ *Uposatha* không nhằm ngày *Uposatha* trừ phi vào lúc hợp nhất hội chúng.

Dứt chương *Uposatha* là chương thứ nhì.

Tụng phẩm thứ ba.

--ooOoo--

Trong chương này có tám mươi sáu sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY

1. Những người ngoại đạo, và đức vua Bimbisāra, (cho phép) tụ hội, (ngồi) im lặng, (giảng) Giáo Pháp, nơi thanh vắng, giới bốn Pātimokkha, (đọc tụng) hàng ngày, rồi một lần.

2. Tùy theo tập thể, của các vị hợp nhất, có sự hợp nhất, và ở Maddakucchi, ranh giới lớn, dòng sông, ở dãy phòng, tại hai chỗ, và các (ranh giới) nhỏ.

3. Các vị mới tu, và ở Rājagaha nữa, ranh giới với sự không xa lìa, điều làm trước trong việc ấn định ranh giới, và điều làm sau trong việc hủy bỏ ranh giới.

4. Ranh giới làng là không ấn định, ở sông, ở biển, ở ao hồ, việc ném ra bụm nước, các vị làm gôi lên, và tương tự như thế ấy các vị làm trùn lên.

5. Bao nhiêu cách hành sự? Việc đọc tụng, các kẻ lục lâm, và lúc không có, Pháp, Luật, các vị hăm dọa, lại thêm sự hăm dọa vì Luật.

6. Việc kết tội, khi đã thỉnh ý, việc phản đôi (hành sự) sai Pháp, bốn năm vị, các vị khác bày tỏ (quan điểm), nếu cố ý (không cho nghe), trong sự nỗ lực.

7. Có sự hiện diện của cư sĩ, các vị chưa được mời thỉnh, ở Codanā, vị không biết, nhiều vị không biết, ngay trong hôm ấy, và các vị không đi.

8. (Là ngày) thứ mấy? Có bao nhiêu? (Khất thực) ở vùng xa, và đã không nhớ để thông báo, có rác rưởi, chỗ ngồi, đèn, (đi) phương xa, vị khác là vị nghe nhiều.

9. Ngay hôm ấy, lễ Uposatha của mùa (an cư) mưa, trong sạch và hành sự, các thân quyến, vị Gagga, (lễ Uposatha của) bốn, ba, hai, một vị, sự phạm tội, tội đồng phạm, đã nhớ ra.

10. Toàn bộ hội chúng có sự nghi ngờ, các vị không biết, vị nghe nhiều, (có số lượng) nhiều hơn, tương đương, ít hơn, tập thể, và khi chưa đứng lên.

11. Một số đã đứng lên, tất cả (đã đứng lên), các vị biết, và có sự nghi ngờ, có sự ngăn ngại rằng: 'vẫn là được phép,' trong khi biết, trong khi nhìn thấy, và các vị nghe được.

12. Về vị vắng lai với vị thường trú, thêm nữa là ngày mười bốn và mười lăm, ngày đầu tháng, ngày mười lăm, hiện tượng và việc đồng cộng trú, ở cả hai (trường hợp).

13. Vị thực hành parivāsa, không nhằm ngày Uposatha, trừ phi vào lúc họp nhất hội chúng. Những điều tóm tắt được chia sẻ này là đầu mỗi làm rõ các sự việc."

--ooOoo--

III. CHƯƠNG VÀO MÙA MƯA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc.

2. Vào lúc bấy giờ, việc cư trú mùa mưa chưa được đức Thế Tôn quy định cho các tỳ khưu.

3. Trong trường hợp này, các vị tỳ khưu ấy đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng, và cả trong mùa mưa nữa.

4. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng, và cả trong mùa mưa nữa? Các vị đang dẫm đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống của loài chỉ có một giác quan, và đang gây nên việc giết hại hàng loạt nhiều chúng sanh nhỏ nhoi. Ngay cả các ngoại đạo này có giáo lý được thuyết tồi tệ vẫn bám víu và sống cố định trong mùa cư trú mưa. Ngay cả những con chim này sau khi làm tổ trên các ngọn cây cũng bám víu và sống cố định trong mùa cư trú mưa. Còn các Sa-môn Thích tử này lại đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng, và cả trong mùa mưa nữa. Các vị đang dẫm đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống của loài chỉ có một giác quan, và đang gây nên việc giết hại hàng loạt nhiều chúng sanh nhỏ nhoi.”

5. Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phản nân, phê phán, chê bai.

6. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

7. Khi ấy, đức Thế tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, ta cho phép vào mùa (an cư) mưa.”

8. Khi ấy, các tỳ khuru đã khởi ý điều này: “Khi nào thì nên vào mùa (an cư) mưa?”

9. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép vào mùa (an cư) mưa trong mùa mưa.”

10. Sau đó, các tỳ khuru đã khởi ý điều này: “Có bao nhiêu thời điểm vào mùa (an cư) mưa?”

11. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, đây là hai thời điểm vào mùa (an cư) mưa: thời điểm trước và thời điểm sau. Thời điểm trước thì nên vào nhằm ngày kế của (ngày trăng tròn) tháng *Āsāḷ ha*, thời điểm sau thì nên vào khi (ngày trăng tròn) tháng *Āsāḷ ha* đã trôi qua một tháng.¹ Này các tỳ khuru, đây là hai thời điểm vào mùa (an cư) mưa.”

¹ Tính theo âm lịch của Việt Nam nếu không có tháng nhuận thì thời điểm trước là ngày 16 tháng 6, thời điểm sau là ngày 16 tháng 7 (ND).

12. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư sau khi đã vào mùa (an cư) mưa vẫn đi du hành trong mùa (an cư) mưa.

13. Dân chúng lại phàn nàn, phê phán, chê bai giống y như thế: - “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng, và cả trong mùa mưa nữa? Các vị đang dẫm đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống của loài chỉ có một giác quan, và đang gây nên việc giết hại hàng loạt nhiều chúng sanh nhỏ nhoi. Ngay cả các ngoại đạo này có giáo lý được thuyết tối tệ vẫn bám víu và sống cố định trong mùa cư trú mưa, ngay cả những con chim này sau khi làm tổ trên các ngọn cây cũng bám víu và sống cố định trong mùa cư trú mưa; còn các Sa-môn Thích tử này lại đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng, và cả trong mùa mưa nữa. Các vị đang dẫm đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống của loài chỉ có một giác quan, và đang gây nên việc giết hại hàng loạt nhiều chúng sanh nhỏ nhoi.”

14. Các tỳ khuru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư sau khi đã vào mùa (an cư) mưa vẫn đi du hành trong mùa (an cư) mưa?”

15. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

16. Khi ấy, đức Thế tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, sau khi đã vào mùa (an cư) mưa, không nên không cư trú ba tháng thuộc thời điểm trước hoặc ba tháng thuộc thời điểm sau, và không nên ra đi du hành; vị nào ra đi thì phạm tội *dukkaṭa a.*”

17. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư không chịu vào mùa (an cư) mưa.

18. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên không vào mùa (an cư) mưa; vị nào không vào thì phạm tội *dukkaṭa a.*”

19. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư có ý định không vào mùa (an cư) mưa nên cố tình bỏ đi khỏi chỗ trú ngụ vào ngày (đầu tiên) của thời điểm vào mùa (an cư) mưa.

20. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, vào ngày (đầu tiên) của thời điểm vào mùa (an cư) mưa vị có ý định không vào mùa (an cư) mưa không nên cố tình bỏ đi khỏi chỗ trú ngụ; vị nào bỏ đi thì phạm tội *dukkaṭa a.*”

21. Vào lúc bấy giờ, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha có ý định dời lại mùa (an cư) mưa nên đã phái sứ giả đến gặp các tỳ khưu nói rằng: - “Nếu các ngài đại đức có thể vào mùa (an cư) mưa nhằm vào ngày rằm sắp đến?”

22. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép thuận theo các vị vua.”

23. Sau đó, khi đã ngụ tại thành Rājagaha theo như ý thích đức Thế Tôn đã ra đi du hành đến thành Sāvattthi. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngụ đến thành Sāvattthi. Tại nơi đó ở Sāvattthi, đức Thế Tôn ngụ tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

24. Vào lúc bấy giờ, ở trong xứ Kosala, trú xá được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi nam cư sĩ Udena.

25. Vị ấy đã phái sứ giả đến gặp các tỳ khuru nói rằng: - “Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe Pháp, và muốn nhìn thấy các vị tỳ khuru.”

26. Các tỳ khuru đã nói như vậy: - “Này đạo hữu, đức Thế Tôn đã quy định rằng: “Sau khi đã vào mùa (an cư) mưa, không nên không an cư ba tháng thuộc thời điểm trước hoặc ba tháng thuộc thời điểm sau, và không nên ra đi du hành.” Nam cư sĩ Udena hãy chờ đợi trong khi các tỳ khuru sống mùa (an cư) mưa, khi đã sống qua mùa (an cư) mưa rồi (các vị) sẽ đi đến. Nếu vị ấy có việc cấp bách cần làm thì hãy cho thiết lập trú xá trong sự hiện diện của các tỳ khuru thường trú ở ngay tại nơi ấy.”

27. Nam cư sĩ Udena phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các ngài đại đức khi đã được tôi phái người đi (thỉnh mời) lại không đi đến? Chính tôi là

người thí chủ, là người phục vụ, và là người hộ độ hội chúng mà.”

28. Các tỳ khuru đã nghe được nam cư sĩ Udena phàn nàn, phê phán, chê bai.

29. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, ta cho phép đi khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của bảy hạng người là tỳ khuru, tỳ khuru ni, cô ni tu tập sự, sa di, sa di ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, nhưng không (nên đi) khi không được thỉnh mời. Này các tỳ khuru, ta cho phép đi khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của bảy hạng người này, nhưng không (nên đi) khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

30. Này các tỳ khuru, trường hợp trú xá được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi vị nam cư sĩ. Nếu vị ấy phái sứ giả đến gặp các tỳ khuru nói rằng: “Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe Pháp, và muốn nhìn thấy các vị tỳ khuru.” Này các tỳ khuru, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không (nên đi) khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

31. Này các tỳ khưu, trường hợp nhà một mái được cho xây ... tòa nhà dài được cho xây ... khu nhà lớn được cho xây ... hang động được cho xây ... phòng ở được cho xây ... cổng ra vào được cho xây ... nhà phục vụ được cho xây ... nhà đốt lửa được cho xây ... nhà làm thành được phép được cho xây ... nhà vệ sinh được cho xây ... đường kinh hành được cho xây ... gian nhà ở đường kinh hành được cho xây ... giếng nước được cho xây ... gian nhà ở giếng nước được cho xây ... phòng tắm hơi được cho xây ... gian nhà ở phòng tắm hơi được cho xây ... hồ trữ nước được cho xây ... mái che được cho xây ... tu viện được cho xây ... khuôn viên của tu viện được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi vị nam cư sĩ. Nếu vị ấy phái sứ giả đến gặp các tỳ khưu nói rằng: “Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe Pháp, và muốn nhìn thấy các vị tỳ khưu.” Này các tỳ khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không (nên đi) khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

32. Này các tỳ khưu, trường hợp trú xá được cho xây, nhà một mái được cho xây, tòa nhà dài được cho xây, khu nhà lớn được cho xây, hang động được cho xây, phòng ở được cho xây, cổng ra vào được cho xây, nhà phục vụ được cho xây, nhà đốt lửa được cho xây, nhà làm thành được phép được cho xây, nhà vệ sinh được cho xây, đường kinh hành được cho xây, gian nhà ở đường kinh hành được cho xây, giếng nước được cho

xây, gian nhà ở giếng nước được cho xây, phòng tắm hơi được cho xây, gian nhà ở phòng tắm hơi được cho xây, hồ trữ nước được cho xây, mái che được cho xây, tu viện được cho xây, khuôn viên của tu viện được cho xây dựng dành cho nhiều vị tỳ khuru —nt— dành cho một vị tỳ khuru bởi vị nam cư sĩ. Nếu vị ấy phái sứ giả đến gặp các tỳ khuru nói rằng: “Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe Pháp, và muốn nhìn thấy các vị tỳ khuru.” Nay các tỳ khuru, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không (nên đi) khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

33. Nay các tỳ khuru, trường hợp trú xá được cho xây, nhà một mái được cho xây, tòa nhà dài được cho xây, khu nhà lớn được cho xây, hang động được cho xây, phòng ở được cho xây, cổng ra vào được cho xây, nhà phục vụ được cho xây, nhà đốt lửa được cho xây, nhà làm thành được phép được cho xây, đường kinh hành được cho xây, gian nhà ở đường kinh hành được cho xây, giếng nước được cho xây, gian nhà ở giếng nước được cho xây, hồ trữ nước được cho xây, mái che được cho xây, tu viện được cho xây, khuôn viên của tu viện được cho xây dựng dành cho hội chúng tỳ khuru ni ... dành cho nhiều vị tỳ khuru ni ... dành cho một vị tỳ khuru ni ... dành cho nhiều cô ni tu tập sự ... dành cho một cô ni tu tập sự ... dành cho nhiều vị sa di ... dành cho một vị sa di ... dành cho nhiều vị sa di ni ... dành cho một vị sa di

ni bởi vị nam cư sĩ. Nếu vị ấy phái sứ giả đến gặp các tỳ khuru nói rằng: “Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe Pháp, và muốn nhìn thấy các vị tỳ khuru.” Nay các tỳ khuru, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không (nên đi) khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

34. Nay các tỳ khuru, trường hợp căn nhà được cho xây ... phòng ngủ được cho xây ... kho chứa đồ được cho xây ... tháp ngấm được cho xây ... tòa nhà bốn góc được cho xây ... cửa hiệu được cho xây ... gian hàng được cho xây ... tòa nhà dài được cho xây ... khu nhà lớn được cho xây ... hang động được cho xây ... phòng ở được cho xây ... cổng ra vào được cho xây ... nhà phục vụ được cho xây ... nhà đốt lửa được cho xây ... nhà bếp được cho xây ... nhà vệ sinh được cho xây ... đường kinh hành được cho xây ... gian nhà ở đường kinh hành được cho xây ... giếng nước được cho xây ... gian nhà ở giếng nước được cho xây ... phòng tắm hơi được cho xây ... gian nhà ở phòng tắm hơi được cho xây ... hồ trữ nước được cho xây ... mái che được cho xây ... khu vườn được cho xây ... khuôn viên của khu vườn được cho xây dựng vì nhu cầu của bản thân bởi vị nam cư sĩ ... hoặc có đám cưới của con trai ... hoặc có đám cưới của con gái ... hoặc vị ấy bị bệnh ... hoặc vị ấy đọc lại bài kinh nổi tiếng. Nếu vị ấy phái sứ giả đến gặp các tỳ khuru nói rằng: “Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Các vị sẽ học bài kinh này trước khi bài kinh này bị quên lãng.” Hoặc vị ấy có công việc gì

khác cần phải làm. Nếu vị ấy phái sứ giả đến gặp các tỳ khuru nói rằng: “Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe Pháp, và muốn nhìn thấy các vị tỳ khuru.” Này các tỳ khuru, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không (nên đi) khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

35. Này các tỳ khuru, trường hợp trú xá được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi vị nữ cư sĩ. Nếu người nữ ấy phái sứ giả đến gặp các tỳ khuru nói rằng: “Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe Pháp, và muốn nhìn thấy các vị tỳ khuru.” Này các tỳ khuru, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không (nên đi) khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

36. Này các tỳ khuru, trường hợp nhà một mái được cho xây, tòa nhà dài được cho xây, khu nhà lớn được cho xây, hang động được cho xây, phòng ở được cho xây, cổng ra vào được cho xây, nhà phục vụ được cho xây, nhà đốt lửa được cho xây, nhà làm thành được phép được cho xây, nhà vệ sinh được cho xây, đường kinh hành được cho xây, gian nhà ở đường kinh hành được cho xây, giếng nước được cho xây, gian nhà ở giếng nước được cho xây, phòng tắm hơi được cho xây, gian nhà ở phòng tắm hơi được cho xây, hồ trữ nước được cho xây, mái che được cho xây, tu viện được cho xây,

khuôn viên của tu viện được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi vị nữ cư sĩ. Nếu người nữ ấy phái sứ giả đến gặp các tỳ khuru nói rằng: “Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe Pháp, và muốn nhìn thấy các vị tỳ khuru.” Nay các tỳ khuru, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không (nên đi) khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

37. Nay các tỳ khuru, trường hợp căn nhà được cho xây, phòng ngủ được cho xây, kho chứa đồ được cho xây, tháp ngấm được cho xây, tòa nhà bốn góc được cho xây, cửa hiệu được cho xây, gian hàng được cho xây, tòa nhà dài được cho xây, khu nhà lớn được cho xây, hang động được cho xây, phòng ở được cho xây, cổng ra vào được cho xây, nhà phục vụ được cho xây, nhà đốt lửa được cho xây, nhà bếp được cho xây, nhà vệ sinh được cho xây, đường kinh hành được cho xây, gian nhà ở đường kinh hành được cho xây, giếng nước được cho xây, gian nhà ở giếng nước được cho xây, phòng tắm hơi được cho xây, gian nhà ở phòng tắm hơi được cho xây, hồ trữ nước được cho xây, mái che được cho xây, khu vườn được cho xây, khuôn viên của khu vườn được cho xây dựng dành cho nhiều vị tỳ khuru ... dành cho một vị tỳ khuru ... dành cho hội chúng tỳ khuru ni ... dành cho nhiều vị tỳ khuru ni ... dành cho một vị tỳ khuru ni ... dành cho nhiều cô ni tu tập sự ... dành cho một cô ni tu tập sự ... dành cho nhiều vị sa di ... dành cho một vị sa di

... dành cho nhiều vị sa di ni ... dành cho một vị sa di ni ... vì nhu cầu của bản thân bởi vị nữ cư sĩ. Hoặc có đám cưới của con trai. Hoặc có đám cưới của con gái. Hoặc vị ấy bị bệnh. Hoặc vị ấy đọc lại bài kinh nổi tiếng. Nếu người nữ ấy phải sứ giả đến gặp các tỳ khưu nói rằng: “Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Các vị sẽ học bài kinh này trước khi bài kinh này bị quên lãng.” Hoặc người nữ ấy có công việc gì khác cần phải làm. Nếu người nữ ấy phải sứ giả đến gặp các tỳ khưu nói rằng: “Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe Pháp, và muốn nhìn thấy các vị tỳ khưu.” Đây các tỳ khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không (nên đi) khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

38. Đây các tỳ khưu, trường hợp trú xá được cho xây, nhà một mái được cho xây, tòa nhà dài được cho xây, khu nhà lớn được cho xây, hang động được cho xây, phòng ở được cho xây, cổng ra vào được cho xây, nhà phục vụ được cho xây, nhà đốt lửa được cho xây, nhà làm thành được phép được cho xây, đường kinh hành được cho xây, gian nhà ở đường kinh hành được cho xây, giếng nước được cho xây, gian nhà ở giếng nước được cho xây, hồ trữ nước được cho xây, mái che được cho xây, tu viện được cho xây, khuôn viên của tu viện được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi vị tỳ khưu ... dành cho hội chúng bởi vị tỳ khưu ni ... dành cho hội chúng bởi cô ni tu tập sự ... dành cho hội chúng bởi vị sa

di ... dành cho hội chúng bởi vị sa di ni ... dành cho nhiều vị tỳ khuru ... dành cho một vị tỳ khuru ... dành cho hội chúng tỳ khuru ni ... dành cho nhiều vị tỳ khuru ni ... dành cho một vị tỳ khuru ni ... dành cho nhiều cô ni tu tập sự ... dành cho một cô ni tu tập sự ... dành cho nhiều vị sa di ... dành cho một vị sa di ... dành cho nhiều vị sa di ni ... dành cho một vị sa di ni ... vì nhu cầu của bản thân bởi vị sa di ni. Nếu cô ấy phái sứ giả đến gặp các tỳ khuru nói rằng: “Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe Pháp, và muốn nhìn thấy các vị tỳ khuru.” Nay các tỳ khuru, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không (nên đi) khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

39. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị bệnh. Vị ấy đã phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các vị tỳ khuru hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các tỳ khuru.”

40. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của năm hạng người là tỳ khuru, tỳ khuru ni, cô ni tu tập sự, sa di, sa di ni, ta cho phép đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt. Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của năm hạng người này, ta cho phép đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

41. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru bị bệnh. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các vị tỳ khuru hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các tỳ khuru.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

42. Nay các tỳ khuru, trường hợp có sự bức bối sanh khởi đến vị tỳ khuru. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Có sự bức bối đã sanh khởi đến tôi. Xin các vị tỳ khuru hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các tỳ khuru.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Ta sẽ làm dịu đi sự bức bối, hoặc ta sẽ nhờ người làm dịu đi, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

43. Nay các tỳ khuru, trường hợp có nổi nghi hoặc sanh khởi đến vị tỳ khuru. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): ‘Có nổi nghi hoặc đã sanh khởi đến tôi. Xin các vị tỳ khuru hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các tỳ khuru.’ Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dẫu

không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ làm cho tan biến nổi nghi hoặc, hoặc ta sẽ nhờ người làm cho tan biến, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy.’ Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

44. Nay các tỳ khưu, trường hợp có tà kiến sanh khởi đến vị tỳ khưu. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khưu (nói rằng): “Có tà kiến đã sanh khởi đến tôi. Xin các vị tỳ khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các tỳ khưu.” Nay các tỳ khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Ta sẽ phân giải tà kiến, hoặc ta sẽ nhờ người phân giải, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng Pháp cho vị ấy.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

45. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu phạm tội nặng và là xứng đáng hình phạt *parivāsa*. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khưu (nói rằng): “Bởi vì tôi đã phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt *parivāsa*. Xin các vị tỳ khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các tỳ khưu.” Nay các tỳ khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Ta sẽ nỗ lực về việc ban cho hình phạt *parivāsa*, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

46. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru là xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Bởi vì tôi xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu. Xin các vị tỳ khuru hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các tỳ khuru.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi đầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Ta sẽ nỗ lực về việc ban cho sự (thực hành) trở lại từ đầu, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

47. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru là xứng đáng hình phạt *mānatta*. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Bởi vì tôi xứng đáng hình phạt *mānatta*. Xin các vị tỳ khuru hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các tỳ khuru.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi đầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Ta sẽ nỗ lực về việc ban cho hình phạt *mānatta*, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

48. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru là xứng đáng sự giải tội. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Bởi vì tôi xứng đáng sự giải tội. Xin các vị tỳ khuru hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các tỳ khuru.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải

quyết trong bảy ngày thì nên đi đầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Ta sẽ nỗ lực về việc giải tội, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

49. Nay các tỳ khuru, trường hợp hội chúng có ý định tiến hành hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đến vị tỳ khuru. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Hội chúng có ý định tiến hành hành sự đến tôi. Xin các vị tỳ khuru hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các tỳ khuru.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi đầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Làm thế nào để hội chúng có thể khởi tiến hành hành sự hoặc đổi sang (hình phạt) nhẹ hơn?” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

50. Hoặc là khi hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đã được tiến hành đến vị ấy. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Hội chúng đã tiến hành hành sự đến tôi. Xin các vị tỳ khuru hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các tỳ khuru.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi đầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Làm thế nào để vị ấy có thể làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa

đổi, và hội chúng có thể thâm hồi hành sự ấy?” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

51. Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru ni bị bệnh. Nếu vị ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài đại đức.” Này các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm được phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

52. Này các tỳ khuru, trường hợp có sự bức bối sanh khởi đến vị tỳ khuru ni. Nếu vị ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Có sự bức bối đã sanh khởi đến tôi. Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài đại đức.” Này các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Ta sẽ làm dịu đi sự bức bối, hoặc ta sẽ nhờ người làm dịu đi, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng Pháp cho vị ni ấy.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

53. Này các tỳ khuru, trường hợp có nổi nghi hoặc sanh khởi đến vị tỳ khuru ni. Nếu vị ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): ‘Có nổi nghi hoặc đã

sanh khởi đến tôi. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài.’ Này các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi đâu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ làm cho tan biến nổi nghi hoặc, hoặc ta sẽ nhờ người làm cho tan biến, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng Pháp cho vị ni ấy.’ Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

54. Này các tỳ khuru, trường hợp có tà kiến sanh khởi đến vị tỳ khuru ni. Nếu vị ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Có tà kiến đã sanh khởi đến tôi. Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài đại đức.” Này các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi đâu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Ta sẽ phân giải tà kiến, hoặc ta sẽ nhờ người phân giải, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng Pháp cho vị ni ấy.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

55. Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru ni phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt *mānatta*. Nếu vị ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Bởi vì tôi đã phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt *mānatta*. Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài đại đức.” Này các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi đâu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng):

“Ta sẽ nỗ lực về việc ban cho hình phạt *mānatta*.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

56. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru ni là xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu. Nếu vị ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Bởi vì tôi xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu. Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài đại đức.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Ta sẽ nỗ lực về việc ban cho sự (thực hành) trở lại từ đầu.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

57. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru ni là xứng đáng sự giải tội. Nếu vị ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Bởi vì tôi xứng đáng sự giải tội. Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài đại đức.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Ta sẽ nỗ lực về việc giải tội.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

58. Nay các tỳ khuru, trường hợp hội chúng có ý định tiến hành hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đến vị tỳ khuru ni. Nếu vị ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Hội chúng có ý định tiến hành hành sự đến tôi. Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của

các ngài đại đức.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi đầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Làm thế nào để hội chúng có thể khởi tiến hành hành sự hoặc đổi sang (hình phạt) nhẹ hơn?” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

59. Hoặc là khi hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đã được tiến hành đến vị ni ấy. Nếu vị ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Hội chúng đã tiến hành hành sự đến tôi. Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài đại đức.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi đầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Làm thế nào để vị ấy có thể làm bốn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, và hội chúng có thể thâm hồi hành sự ấy?” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

60. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị ni tu tập sự bị bệnh. Nếu vị ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài đại đức.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi đầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm được phẩm cho

người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

61. Này các tỳ khuru, trường hợp có sự bức bối sanh khởi đến vị ni tu tập sự. —nt— có nổi nghi hoặc sanh khởi đến vị ni tu tập sự. —nt— có tà kiến sanh khởi đến vị ni tu tập sự. —nt— các điều học của vị ni tu tập sự bị gián đoạn. Nếu vị ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): ‘Các điều học của tôi bị gián đoạn. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài.’ Này các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nỗ lực về việc thọ trì các điều học.’ Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

62. Này các tỳ khuru, trường hợp vị ni tu tập sự có ý muốn được tu lên bậc trên. Nếu vị ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Bởi vì tôi có ý muốn được tu lên bậc trên. Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài đại đức.” Này các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Ta sẽ nỗ lực về việc tu lên bậc trên, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

63. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị sa di bị bệnh. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các vị tỳ khuru hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các tỳ khuru.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi đầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm được phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

64. Nay các tỳ khuru, trường hợp có sự bức bối sanh khởi đến vị sa di. ... có nổi nghi hoặc sanh khởi đến vị sa di. ... có tà kiến sanh khởi đến vị sa di. ... vị sa di có ý muốn hỏi về mùa (an cư) mưa. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): ‘Bởi vì tôi có ý muốn hỏi về mùa (an cư) mưa. Xin các vị tỳ khuru hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các tỳ khuru.’ Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi đầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ hỏi hoặc ta sẽ chỉ dạy.’ Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

65. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị sa di có ý muốn được tu lên bậc trên. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Bởi vì tôi có ý muốn được tu lên bậc trên. Xin các vị tỳ khuru hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các tỳ khuru.” Nay các tỳ khuru, với công

việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Ta sẽ nỗ lực về việc tu lên bậc trên, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

66. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị sa di ni bị bệnh. Nếu vị ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài đại đức.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm được phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

67. Nay các tỳ khuru, trường hợp có sự bức bối sanh khởi đến vị sa di ni. —nt— có nổi nghi hoặc sanh khởi đến vị sa di ni. —nt— có tà kiến sanh khởi đến vị sa di ni. —nt— vị sa di ni có ý muốn hỏi về mùa (an cư) mưa. Nếu vị ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): ‘Bởi vì tôi có ý muốn hỏi về mùa (an cư) mưa. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài.’ Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ hỏi

hoặc ta sẽ chỉ dạy.’ Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

68. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị sa di ni có ý muốn thọ trì điều học. Nếu vị ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Bởi vì tôi có ý muốn thọ trì điều học. Xin các ngài đại đức hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài đại đức.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Ta sẽ nỗ lực về việc thọ trì các điều học.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

69. Vào lúc bấy giờ, người mẹ của vị tỳ khuru nọ bị bệnh. Bà ấy đã nhờ sứ giả đi đến gặp người con trai (nói rằng): “Bởi vì tôi bị bệnh. Con trai của tôi hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của người con trai.”

70. Khi ấy, vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của bảy hạng người thì nên đi khi được thỉnh mời, nhưng không (nên đi) khi không được thỉnh mời. Với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của năm hạng người thì nên đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt,” và đây là mẹ của ta lại bị bệnh. Bà ta không phải là nữ cư sĩ, vậy ta nên thực hành như thế nào?”

71. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép với công việc có thể giải quyết

trong bảy ngày của bảy hạng người là tỳ khuru, tỳ khuru ni, cô ni tu tập sự, sa di, sa di ni, mẹ, và cha thì được đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt. Nay các tỳ khuru, ta cho phép với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của bảy hạng người này thì được đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

72. Nay các tỳ khuru, trường hợp người mẹ của vị tỳ khuru bị bệnh. Nếu bà ấy nhờ sứ giả đi đến gặp người con trai (nói rằng): “Bởi vì tôi bị bệnh. Con trai của tôi hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của người con trai.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm được phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

73. Nay các tỳ khuru, trường hợp người cha của vị tỳ khuru bị bệnh. Nếu ông ấy nhờ sứ giả đi đến gặp người con trai (nói rằng): “Bởi vì tôi bị bệnh. Con trai của tôi hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của đứa con trai.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dẫu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt (nghĩ rằng): “Ta sẽ tìm kiếm

thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm được phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

74. Nay các tỳ khuru, trường hợp người anh (em) trai của vị tỳ khuru bị bệnh. Nếu người ấy nhờ sứ giả đi đến gặp người con trai (nói rằng): “Bởi vì tôi bị bệnh. Anh (em) trai của tôi hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của người anh (em) trai.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi nếu được thỉnh mời, không (nên đi) khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

75. Nay các tỳ khuru, trường hợp người chị (em) gái của vị tỳ khuru bị bệnh. Nếu cô ấy nhờ sứ giả đi đến gặp vị tỳ khuru (nói rằng): “Bởi vì tôi bị bệnh. Anh (em) trai của tôi hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của người anh (em) trai.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi nếu được thỉnh mời, không (nên đi) khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

76. Nay các tỳ khuru, trường hợp thân quyến của vị tỳ khuru bị bệnh. Nếu người ấy nhờ sứ giả đi đến gặp vị tỳ khuru (nói rằng): “Bởi vì tôi bị bệnh. Đại đức hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của đại đức.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi nếu được thỉnh mời, không (nên đi) khi không

được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

77. Nay các tỳ khuru, trường hợp người phụ giúp công việc cho vị tỳ khuru bị bệnh. Nếu người ấy nhờ sứ giả đi đến gặp vị tỳ khuru (nói rằng): “Bởi vì tôi bị bệnh. Các vị tỳ khuru hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các vị tỳ khuru.” Nay các tỳ khuru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi nếu được thỉnh mời, không (nên đi) khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.”

78. Vào lúc bấy giờ, trú xá lớn của hội chúng bị sụp đổ. Có nam cư sĩ nọ đã cho xẻ một số gỗ ở trong rừng. Người ấy đã phái sứ giả đi đến gặp các tỳ khuru (nói rằng): “Nếu các đại đức có thể cho chuyển đi số gỗ ấy thì tôi sẽ dâng số gỗ ấy đến các đại đức.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Nay các tỳ khuru, ta cho phép đi với công việc cần phải làm của hội chúng. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.”

Dứt tụng phẩm về việc cư trú mùa mưa.

--ooOoo--

1. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ ở trong xứ Kosala, các vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa bị khuấy nhiễu bởi các thú dữ. Chúng đã vô lấy, chúng đã giết hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Nay các tỳ khuru, trường hợp các vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa bị khuấy nhiễu bởi các thú dữ. Chúng vô lấy,

chúng giết hại. (Nghĩ rằng): ‘Chính điều này là sự chướng ngại!’ rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

2. Nay các tỳ khuru, trường hợp các vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa bị khuấy nhiễu bởi các loài rắn. Chúng cắn, chúng giết hại. (Nghĩ rằng): ‘Chính điều này là sự chướng ngại!’ rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

3. Nay các tỳ khuru, trường hợp các vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa bị khuấy nhiễu bởi những kẻ trộm cướp. Chúng cướp đoạt, chúng đánh đập. (Nghĩ rằng): ‘Chính điều này là sự chướng ngại!’ rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

4. Nay các tỳ khuru, trường hợp các vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa bị khuấy nhiễu bởi các yêu tinh. Chúng nhập vào (thân), đoạt lấy thần trí. (Nghĩ rằng): ‘Chính điều này là sự chướng ngại!’ rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

5. Nay các tỳ khuru, trường hợp ngôi làng mà các vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa bị lửa đốt cháy. Các vị tỳ khuru bị khó nhọc bởi đồ ăn khát thực. (Nghĩ rằng): ‘Chính điều này là sự chướng ngại!’ rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

6. Nay các tỳ khuru, trường hợp chỗ trú ngụ mà các vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa bị lửa đốt cháy. Các vị tỳ khuru bị khó nhọc về chỗ trú ngụ. (Nghĩ rằng): ‘Chính

điều này là sự chướng ngại!’ rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

7. Nay các tỳ khuru, trường hợp ngôi làng mà các vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa bị nước ngập. Các vị tỳ khuru bị khó nhọc bởi đồ ăn khát thực. (Nghĩ rằng): ‘Chính điều này là sự chướng ngại!’ rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

8. Nay các tỳ khuru, trường hợp chỗ trú ngụ mà các vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa bị nước ngập. Các vị tỳ khuru bị khó nhọc về chỗ trú ngụ. (Nghĩ rằng): ‘Chính điều này là sự chướng ngại!’ rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

9. Vào lúc bấy giờ, ngôi làng mà các vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa ở tại trú xứ nọ đã di chuyển vì bọn trộm cướp. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép đi đến ngôi làng.”¹ Ngôi làng đã bị tách ra làm hai. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép đi đến nhóm đông hơn.” Nhóm đông hơn không có đức tin, không lòng mộ đạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép đi đến nhóm có đức tin, có lòng mộ đạo.”

¹ Nếu ngôi làng di chuyển không xa thì vẫn nên cư trú tại chính trú xá ấy và đi đến chỗ ở mới của ngôi làng để khát thực, nếu xa thì có thể đi theo trường hợp bảy ngày, nếu không thể làm vậy thì có thể trú ngụ cùng dân làng tại chỗ ở mới (VinA. v, 1070).

10. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ trong xứ Kosala các vị tỳ khuru vào mùa (an cư) mưa đã không nhận được sự đầy đủ theo nhu cầu về thức ăn thô thiển hoặc thượng hạng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, trường hợp các vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa không nhận được sự đầy đủ theo nhu cầu về thức ăn thô thiển hoặc thượng hạng. (Nghĩ rằng): ‘Chính điều này là sự chướng ngại!’ rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

11. Này các tỳ khuru, trường hợp các vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa nhận được sự đầy đủ theo nhu cầu về thức ăn thô thiển hoặc thượng hạng, (nhưng) không nhận được các thức ăn thích hợp. (Nghĩ rằng): ‘Chính điều này là sự chướng ngại!’ rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

12. Này các tỳ khuru, trường hợp các vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa nhận được sự đầy đủ theo nhu cầu về thức ăn thô thiển hoặc thượng hạng, nhận được các thức ăn thích hợp, (nhưng) không nhận được các dục phẩm thích hợp. (Nghĩ rằng): ‘Chính điều này là sự chướng ngại!’ rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

13. Này các tỳ khuru, trường hợp các vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa nhận được sự đầy đủ theo nhu cầu về thức ăn thô thiển hoặc thượng hạng, nhận được các thức ăn thích hợp, nhận được các dục phẩm thích hợp, (nhưng) không nhận được người phục vụ phù hợp.

(Nghĩ rằng): ‘Chính điều này là sự chướng ngại!’ rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

14. Nay các tỳ khuru, trường hợp người phụ nữ thỉnh mời vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa (nói rằng): “Thưa ngài, hãy đến, tôi cho ngài vàng khối, hoặc tôi cho ngài vàng ròng, hoặc tôi cho ngài ruộng, hoặc tôi cho ngài vườn, hoặc tôi cho ngài bò đực, hoặc tôi cho ngài bò cái, hoặc tôi cho ngài tôi trai, hoặc tôi cho ngài tôi gái, hoặc tôi cho ngài con gái ruột để làm vợ, hoặc tôi trở thành vợ của ngài, hoặc tôi đưa đến cho ngài người vợ khác.” Trường hợp ấy, nếu vị tỳ khuru khởi ý như vậy: “Đức Thế Tôn đã nói là tâm thay đổi nhanh chóng. (Việc này) cũng có thể là nguy hiểm cho Phạm hạnh của ta” rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

15. Nay các tỳ khuru, trường hợp cô gái điếm thỉnh mời —nt— cô gái lỡ thời thỉnh mời —nt— kẻ vô căn thỉnh mời —nt— các thân quyến thỉnh mời —nt— các vị vua thỉnh mời —nt— những kẻ trộm cướp thỉnh mời —nt— những kẻ vô lại thỉnh mời vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa rằng: “Thưa ngài, hãy đến, chúng tôi cho ngài vàng khối, hoặc chúng tôi cho ngài vàng ròng, hoặc chúng tôi cho ngài ruộng, hoặc chúng tôi cho ngài vườn, hoặc chúng tôi cho ngài bò đực, hoặc chúng tôi cho ngài bò cái, hoặc chúng tôi cho ngài tôi trai, hoặc chúng tôi cho ngài tôi gái, hoặc chúng tôi cho ngài con gái ruột để làm vợ, hoặc chúng tôi đưa đến cho ngài người vợ khác.” Trường hợp ấy, nếu vị tỳ khuru khởi ý như vậy: “Đức Thế Tôn đã nói là tâm thay đổi nhanh chóng. (Việc

này) cũng có thể là nguy hiểm cho Phạm hạnh của ta” rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

16. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu đã vào mùa (an cư) mưa nhìn thấy của cải chôn giấu không có chủ. Trường hợp ấy, nếu vị tỳ khưu khởi ý như vậy: “Đức Thế Tôn đã nói là tâm thay đổi nhanh chóng. (Việc này) cũng có thể là nguy hiểm cho Phạm hạnh của ta” rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

17. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu đã vào mùa (an cư) mưa nhìn thấy nhiều vị tỳ khưu đang ra sức chia rẽ hội chúng. Trường hợp ấy, nếu vị tỳ khưu khởi ý như vậy: “Đức Thế Tôn đã nói rằng việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng. Hội chúng chớ có bị chia rẽ trong khi ta còn hiện diện” rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

18. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu đã vào mùa (an cư) mưa nghe được rằng: “Nghe nói ở trú xứ kia nhiều vị tỳ khưu ra sức chia rẽ hội chúng.” Trường hợp ấy, nếu vị tỳ khưu khởi ý như vậy: “Đức Thế Tôn đã nói rằng việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng. Hội chúng chớ có bị chia rẽ trong khi ta còn hiện diện” rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

19. Nay các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu đã vào mùa (an cư) mưa nghe được rằng: “Nghe nói ở trú xứ kia nhiều vị tỳ khưu ra sức chia rẽ hội chúng.” Trường hợp ấy, nếu vị tỳ khưu khởi ý như vậy: “Các vị tỳ khưu

ấy là những người bạn của ta. Ta sẽ nói với họ rằng: ‘Này các đại đức, đức Thế Tôn đã nói rằng việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các đại đức chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.’ Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai” rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

20. Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa nghe được rằng: “Nghe nói ở trú xứ kia nhiều vị tỳ khuru ra sức chia rẽ hội chúng.” Trường hợp ấy, nếu vị tỳ khuru khởi ý như vậy: “Các vị tỳ khuru ấy không phải là những người bạn của ta. Tuy nhiên những người bạn của những người ấy là những người bạn của ta. Vậy ta sẽ nói với những người bạn của ta. Khi họ đã được nói, họ sẽ nói với những người ấy rằng: ‘Này các đại đức, đức Thế Tôn đã nói rằng việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các đại đức chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.’ Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai” rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

21. Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa nghe được rằng: “Nghe nói ở trú xứ kia nhiều vị tỳ khuru đã chia rẽ hội chúng.” Trường hợp ấy, nếu vị tỳ khuru khởi ý như vậy: “Các vị tỳ khuru ấy là những người bạn của ta. Ta sẽ nói với họ rằng: ‘Này các đại đức, đức Thế Tôn đã nói rằng việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các đại đức chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.’ Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ

lắng nghe, họ sẽ để vào tai” rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

22. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa nghe được rằng: “Nghe nói ở trú xứ kia nhiều vị tỳ khuru đã chia rẽ hội chúng.” Trường hợp ấy, nếu vị tỳ khuru khởi ý như vậy: “Các vị tỳ khuru ấy không phải là những người bạn của ta, tuy nhiên những người bạn của những người ấy là những người bạn của ta. Vậy ta sẽ nói với những người bạn của ta. Khi họ đã được nói, họ sẽ nói với những người ấy rằng: ‘Này các đại đức, đức Thế Tôn đã nói rằng việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các đại đức chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.’ Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai” rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

23. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa nghe được rằng: “Nghe nói ở trú xứ kia nhiều vị tỳ khuru ni ra sức chia rẽ hội chúng.” Trường hợp ấy, nếu vị tỳ khuru khởi ý như vậy: “Các vị tỳ khuru ni ấy là những người bạn của ta, ta sẽ nói với các cô ấy rằng: ‘Này các chị gái, đức Thế Tôn đã nói rằng việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các chị gái chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.’ Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai” rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

24. Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa nghe được rằng: “Nghe nói ở trú xứ kia nhiều vị tỳ khuru ni ra sức chia rẽ hội chúng.” Trường hợp ấy, nếu vị tỳ khuru khởi ý như vậy: “Các vị tỳ khuru ni ấy không phải là những người bạn của ta, tuy nhiên các cô bạn của những cô ấy là những người bạn của ta. Vậy ta sẽ nói với các cô bạn của ta. Khi họ đã được nói, họ sẽ nói với những cô ấy rằng: ‘Này các chị gái, đức Thế Tôn đã nói rằng việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các chị gái chó có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.’ Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai” rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

25. Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa nghe được rằng: “Nghe nói ở trú xứ kia nhiều vị tỳ khuru ni đã chia rẽ hội chúng.” Trường hợp ấy, nếu vị tỳ khuru khởi ý như vậy: “Các vị tỳ khuru ni ấy là những người bạn của ta, ta sẽ nói với các cô ấy rằng: ‘Này các chị gái, đức Thế Tôn đã nói rằng việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các chị gái chó có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.’ Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai” rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.

26. Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa nghe được rằng: “Nghe nói ở trú xứ kia nhiều vị tỳ khuru ni đã chia rẽ hội chúng.” Trường hợp ấy, nếu vị tỳ khuru khởi ý như vậy: “Các vị tỳ khuru

ni ấy không phải là những người bạn của ta, tuy nhiên các cô bạn của những cô ấy là những người bạn của ta. Vậy ta sẽ nói với các cô bạn của ta. Khi họ đã được nói, họ sẽ nói với những cô ấy rằng: ‘Này các chị gái, đức Thế Tôn đã nói rằng việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các chị gái chớ có vui mừng với việc chia rẽ hội chúng.’ Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai” rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa.”

27. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ có ý định vào mùa (an cư) mưa ở khu rào gia súc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép vào mùa (an cư) mưa ở khu rào gia súc.” Khu rào gia súc di chuyển. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép di chuyển theo khu rào gia súc.”

28. Vào lúc bấy giờ, khi việc vào mùa (an cư) mưa đang đến gần, có vị tỳ khưu nọ có ý định đi theo đoàn xe tải. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép vào mùa (an cư) mưa ở trong xe tải.”

29. Vào lúc bấy giờ, khi việc vào mùa (an cư) mưa đang đến gần, có vị tỳ khưu nọ có ý định đi theo chiếc thuyền. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép vào mùa (an cư) mưa ở trong chiếc thuyền.”

30. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru vào mùa (an cư) mưa ở trong bông cây. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như là các yêu tinh.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên vào mùa (an cư) mưa ở trong bông cây; vị nào vào thì phạm tội *dukkaṭa a.*”

31. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru đã vào mùa (an cư) mưa ở trên chạc ba của cây. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như là các người săn thú.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên vào mùa (an cư) mưa ở trên chạc ba của cây; vị nào vào thì phạm tội *dukkaṭa a.*”

32. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru vào mùa (an cư) mưa ở ngoài trời. Trong khi trời mưa, các vị chạy đến gốc cây, đến hốc cây *nimba*. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên vào mùa (an cư) mưa ở ngoài trời; vị nào vào thì phạm tội *dukkaṭa a.*”

33. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru vào mùa (an cư) mưa không có chỗ trú ngụ nên bị khó nhọc bởi vì sự lạnh, bởi vì sự nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, vị không có chỗ trú ngụ không nên vào mùa (an cư) mưa; vị nào vào thì phạm tội *dukkaṭa a.*”

34. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru vào mùa (an cư) mưa ở nhà quán tử thi. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như là những người thiêu xác chết.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ

khuru, không nên vào mùa (an cư) mưa ở nhà quán tử thi; vị nào vào thì phạm tội *dukkaṭa a.*”

35. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru vào mùa (an cư) mưa ở chiếc lọng che. Dân chúng phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như là những người chần bò.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên vào mùa (an cư) mưa ở chiếc lọng che; vị nào vào thì phạm tội *dukkaṭa a.*”

36. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru vào mùa (an cư) mưa ở trong vại đất nung. Dân chúng phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như là những kẻ ngoại đạo.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên vào mùa (an cư) mưa ở trong vại đất nung; vị nào vào thì phạm tội *dukkaṭa a.*”

37. Vào lúc bấy giờ, hội chúng ở thành Sāvatthi thực hiện điều thỏa thuận là: “Không được cho xuất gia trong mùa (an cư) mưa.” Người cháu trai của bà Visākhā mẹ của Migāra đã đi đến gặp các vị tỳ khuru và cầu xin sự xuất gia. Các vị tỳ khuru đã nói như vậy: - “Này đạo hữu, hội chúng thực hiện điều thỏa thuận là: ‘Không được cho xuất gia trong mùa (an cư) mưa.’ Này đạo hữu, hãy chờ đến khi các vị tỳ khuru trải qua mùa (an cư) mưa; khi đã trải qua mùa (an cư) mưa các vị sẽ cho xuất gia.”

38. Sau đó, khi đã trải qua mùa (an cư) mưa, các vị tỳ khuru ấy đã nói với người cháu trai của bà Visākhā mẹ của Migāra điều này: - “Này đạo hữu, giờ đây hãy đi

đến và hãy xuất gia.” Người ấy đã nói như vậy: - “Thưa các ngài, nếu tôi đã được xuất gia thì tôi còn có thể vui thích. Thưa các ngài, giờ đây tôi sẽ không xuất gia.” Bà Visākhā mẹ của Migāra phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các ngài đại đức lại thực hiện điều thỏa thuận có hình thức như vậy: ‘Không được cho xuất gia trong mùa (an cư) mưa,’ có khi nào mà Giáo Pháp lại không được thực hành?”

39. Các tỳ khưu đã nghe được bà Visākhā mẹ của Migāra phản nản, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên thực hiện điều thỏa thuận có hình thức như vậy: ‘Không được cho xuất gia trong mùa (an cư) mưa.’ Vị nào thực hiện thì phạm tội *dukkat a.*”

40. Vào lúc bấy giờ, chỗ cư trú mùa mưa của đức vua Pasenadi xứ Kosala đã được đại đức Upananda con trai dòng Sakya nhận lời cho thời điểm trước.

41. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vào khoảng giữa đường vị ấy đã nhìn thấy hai trú xứ có nhiều y. Vị ấy đã khởi ý điều này: “Hay là ta nên sống mùa (an cư) mưa ở hai trú xứ này, như thế có nhiều y sẽ được phát sanh đến ta?”

42. Vị ấy đã sống mùa (an cư) mưa ở hai trú xứ ấy. Đức vua Pasenadi xứ Kosala phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao ngài đại đức Upananda con trai dòng Sakya sau khi nhận lời chỗ cư trú mùa mưa của chúng

tôi lại nuốt lời? Không phải rằng đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã khiển trách việc nói láo và khen ngợi việc tránh xa sự nói láo hay sao?”

43. Các tỳ khuru đã nghe được đức vua Pasenadi xứ Kosala phàn nàn, phê phán, chê bai. Các tỳ khuru nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Upananda con trai dòng Sakya sau khi nhận lời chỗ cư trú mùa mưa của đức vua Pasenadi xứ Kosala lại nuốt lời? Không phải rằng đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã khiển trách việc nói láo và khen ngợi việc tránh xa sự nói láo hay sao?”

44. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi đại đức Upananda con trai dòng Sakya rằng: - “Này Upananda, nghe nói người sau khi nhận lời chỗ cư trú mùa mưa của đức vua Pasenadi xứ Kosala lại nuốt lời, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này kẻ rồ dại, vì sao người sau khi nhận lời chỗ cư trú mùa mưa của đức vua Pasenadi xứ Kosala lại nuốt lời? Này kẻ rồ dại, không phải ta bằng nhiều phương thức đã khiển trách việc nói láo và khen ngợi việc tránh xa sự nói láo hay sao? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

45. - “Này các tỳ khuru, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khuru nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vào khoảng giữa đường vị ấy nhìn thấy hai trú xứ có nhiều y. Vị ấy khởi ý như vậy: “Hay là ta nên sống mùa (an cư) mưa ở hai trú xứ này, như thế có nhiều y sẽ được phát sanh đến ta?” Vị ấy sống mùa (an cư) mưa ở hai trú xứ ấy. Này các tỳ khuru, đối với vị tỳ khuru ấy thời điểm trước không được ghi nhận và tội *dukkaṭa* ở sự nhận lời.

46. Này các tỳ khuru, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khuru nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng.¹ Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Này các tỳ khuru, đối với vị tỳ khuru ấy thời điểm trước không được ghi nhận và tội *dukkaṭa* ở sự nhận lời.

47. Này các tỳ khuru, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khuru nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, có công

¹ Tức là ngày mười sáu tháng sáu theo âm lịch của Việt Nam nếu không có tháng nhuận. Việc tính âm lịch theo nửa tháng trăng hiện đang được sử dụng ở một số quốc gia (ND).

việc cần thiết. Nay các tỳ khuru, đối với vị tỳ khuru ấy thời điểm trước không được ghi nhận và tội *dukkaṭa* ở sự nhận lời.

48. Nay các tỳ khuru, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khuru nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Nay các tỳ khuru, đối với vị tỳ khuru ấy thời điểm trước không được ghi nhận và tội *dukkaṭa* ở sự nhận lời.

49. Nay các tỳ khuru, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khuru nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Nay các tỳ khuru, đối với vị tỳ khuru ấy thời điểm trước không được ghi nhận và tội *dukkaṭa* ở sự nhận lời.

50. Nay các tỳ khuru, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khuru nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công

việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy vượt quá (thời hạn) bảy ngày ấy ở bên ngoài. Nay các tỳ khuru, đối với vị tỳ khuru ấy thời điểm trước không được ghi nhận và tội *dukkat* a ở sự nhận lời.

51. Nay các tỳ khuru, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khuru nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy thực hiện việc trở về trong (thời hạn) bảy ngày ấy. Nay các tỳ khuru, thời điểm trước của vị tỳ khuru ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

52. Nay các tỳ khuru, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khuru nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng ốc. Bảy ngày trước lễ *Pavāraṇā*, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy có thể trở lại chỗ cư trú ấy hoặc không có thể trở lại,¹ nay các tỳ khuru, thời điểm trước của vị tỳ khuru ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

¹ “... *na vā āgaccheyya*” là ‘không có thể trở lại’ không nên hiểu ‘có thể không trở lại’ (ND).

53. Nay các tỳ khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khưu nhận lời cho thời điểm trước. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ *Uposatha*, và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Nay các tỳ khưu, đối với vị tỳ khưu ấy thời điểm trước không được ghi nhận và tội *dukkaṭa* ở sự nhận lời.

54. Nay các tỳ khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khưu nhận lời cho thời điểm trước. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ *Uposatha*, và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. —nt— Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. —nt— Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. —nt— Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy vượt quá (thời hạn) bảy ngày ấy ở bên ngoài. Nay các tỳ khưu, đối với vị tỳ khưu ấy thời điểm trước không được ghi nhận và tội *dukkaṭa* ở sự nhận lời. —nt— Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy thực hiện việc trở về trong (thời hạn) bảy ngày ấy. Nay các tỳ khưu, thời điểm trước của vị tỳ khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

55. Nay các tỳ khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khưu nhận lời cho thời điểm trước. Vị ấy

sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ *Uposatha*, và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng ốc. Bảy ngày trước ngày lễ *Pavāraṇā*, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Ngày các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy có thể trở lại chỗ cư trú ấy hoặc không có thể trở lại, ngày các tỳ khuru, thời điểm trước của vị tỳ khuru ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

56. Ngày các tỳ khuru, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khuru nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Ngày các tỳ khuru, thời điểm sau của vị tỳ khuru ấy không được ghi nhận và tội *dukkaṭa* ở sự nhận lời.

57. Ngày các tỳ khuru, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khuru nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Ngày các tỳ khuru, thời điểm sau của vị tỳ khuru ấy không được ghi nhận và tội *dukkaṭa* ở sự nhận lời.

58. Nay các tỳ khuru, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khuru nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Nay các tỳ khuru, thời điểm sau của vị tỳ khuru ấy không được ghi nhận và tội *dukkaṭa* ở sự nhận lời.

59. Nay các tỳ khuru, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khuru nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Nay các tỳ khuru, thời điểm sau của vị tỳ khuru ấy không được ghi nhận và tội *dukkaṭa* ở sự nhận lời.

60. Nay các tỳ khuru, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khuru nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy vượt quá (thời hạn) bảy ngày ấy ở bên ngoài. Nay các tỳ khuru,

thời điểm sau của vị tỳ khuru ấy không được ghi nhận và tội *dukkaṭa* ở sự nhận lời.

61. Nay các tỳ khuru, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khuru nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy thực hiện việc trở về trong (thời hạn) bảy ngày ấy. Nay các tỳ khuru, thời điểm sau của vị tỳ khuru ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

62. Nay các tỳ khuru, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khuru nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng ốc. Bảy ngày trước ngày trăng tròn tháng *Kattika* là ngày lễ hội *Cātumāsini*,¹ vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy có thể trở lại chỗ cư trú ấy hoặc không có thể trở lại, nay các tỳ khuru, thời điểm sau của vị tỳ khuru ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

63. Nay các tỳ khuru, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khuru nhận lời cho thời điểm sau. Vị ấy sau

¹ Tức là rằm tháng mười âm lịch (ND).

khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ *Uposatha*, và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Nay các tỳ khuru, thời điểm sau của vị tỳ khuru ấy không được ghi nhận và tội *dukkaṭa* ở sự nhận lời.

64. Nay các tỳ khuru, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khuru nhận lời cho thời điểm sau. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ *Uposatha*, và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. —nt— Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. —nt— Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. —nt— Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy vượt quá (thời hạn) bảy ngày ấy ở bên ngoài. Nay các tỳ khuru, thời điểm sau của vị tỳ khuru ấy không được ghi nhận và tội *dukkaṭa* ở sự nhận lời. —nt— Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy thực hiện việc trở về trong (thời hạn) bảy ngày ấy. Nay các tỳ khuru, thời điểm sau của vị tỳ khuru ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

65. Nay các tỳ khuru, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị tỳ khuru nhận lời cho thời điểm sau. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ *Uposatha*, và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú

ngụ, đem lại nước uống nước rửa, quét phòng ốc. Bảy ngày trước ngày trăng tròn tháng *Kattika* là ngày lễ hội *Cātumāsini*, vị ấy ra đi do công việc cần thiết. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy có thể trở lại chỗ cư trú ấy hoặc không có thể trở lại, này các tỳ khuru, thời điểm sau của vị tỳ khuru ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.”

Dứt chương Vào Mùa Mưa là chương thứ ba.

--ooOoo--

Trong chương này có năm mươi hai sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY

1. (Cho phép) vào mùa (an cư mưa), và luôn cả khi nào? bao nhiêu (thời điểm)? và trong mùa (an cư) mưa, các vị không muốn và cố tình (bỏ đi), (muốn) dời lại, người nam cư sĩ.

2. Vị bị bệnh, mẹ và cha, anh (em) trai, và thân quyến, người làm công việc cho các tỳ khuru, trú xá, các thú dữ, và các loại rắn nữa.

3. Những kẻ trộm cướp, luôn cả các yêu tinh, với cả hai đều bị cháy, vì nước ngập, (ngôi làng) đã đi chuyển, nhóm đông hơn, và các thí chủ.

4. (Thức ăn) thô thiển hoặc hảo hạng, được phẩm thích hợp, với người phục vụ, phụ nữ, gái điếm, cô gái lỡ thời, kẻ vô căn, cùng thân quyến.

5. Đức vua, các kẻ cướp, bọn bất lương, của cải chôn giấu, và sự các chia rẽ với tám trường hợp, bãi nhốt thú, và đoàn xe tải, chiếc thuyền, ở bông cây, và ở chạc ba cây.

6. Sự cư trú mùa mưa ở ngoài trời, và với vị không chỗ trú ngụ, các nhà quàn tử thi, ở chiếc lọng che, và các vị vào mùa (an cư) mưa ở vại đất nung.

7. Điều thỏa thuận, sau khi nhận lời, và các lễ Uposatha ở bên ngoài, các thời điểm trước và các thời điểm sau nên kết hợp theo cách thức như thế.

8. Vị ra đi không vì công việc cần thiết, và có công việc cần thiết là tương tự như thế ấy, sau khi sống hai ba ngày, và bởi công việc trong bảy ngày.

9. Và bảy ngày sắp đến, vị có thể trở lại, hoặc không có thể. Về các khoảng giữa ở phần tóm lược các sự việc, thì nên xem xét đường lối của mạch văn."

--ooOoo--

IV. CHƯƠNG PAVĀRAṆĀ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị tỳ khuru là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết, đã vào mùa (an cư) mưa tại trú xứ nọ ở trong xứ Kosala.

2. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “Chúng ta có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, vậy bằng phương thức nào có thể sống mùa (an cư) mưa một cách thoải mái, và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực?”

3. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “Nếu chúng ta có thể không nói với nhau và cũng không chuyện trò, vị nào đi khất thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy sắp xếp chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi đem lại, cung ứng nước uống nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực được ăn còn thừa lại, nếu muốn có thể ăn; nếu không muốn có thể đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh, hoặc đổ xuống ở nước không có sinh vật. Vị ấy xếp chỗ ngồi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi, dọn dẹp nước uống nước rửa, và quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước, trống trơn, vị ấy có thể đem (nước) lại. Nếu vị ấy không làm nổi, có thể ra hiệu bằng

tay mời vị thứ hai và có thể đem (nước) lại với dấu hiệu bằng tay, nhưng không vì lý do đó lại có thể phát ra lời nói. Như thế, chúng ta có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau có thể sống mùa (an cư) mưa một cách thoải mái, và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực.”

4. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã không nói với nhau và cũng không chuyện trò. Vị nào đi khất thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy sắp xếp chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi đem lại, cung ứng nước uống nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực được ăn còn thừa lại, nếu muốn thì vị ấy ăn; nếu không muốn thì đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đồ xuống ở nước không có sinh vật. Vị ấy xếp chỗ ngồi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi, dọn dẹp nước uống nước rửa, và quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước, trống trơn, vị ấy đem (nước) lại. Nếu không làm nổi, vị ấy ra hiệu bằng tay mời vị thứ hai và đem (nước) lại với dấu hiệu bằng tay, nhưng không vì lý do đó mà phát ra lời nói.

5. Điều này đã trở thành thông lệ của các tỳ khưu đã sống qua mùa (an cư) mưa là đi đến để diện kiến đức Thế Tôn. Khi ấy, các vị tỳ khưu ấy khi đã sống qua mùa (an cư) mưa với thời gian ba tháng đã thu xếp chỗ trú ngụ, cầm y bát, ra đi về phía thành Sāvattthi. Tuần tự, các vị đã đi đến Jetavana tu viện của ông Anāthapiṇḍika gặp

đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên.

6. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở với các vị tỳ khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị tỳ khưu ấy điều này: - “Này các tỳ khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các người có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau có phải đã sống mùa (an cư) mưa một cách thoải mái, và không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực không?”

7. - “Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch ngài, chúng con có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau đã sống mùa (an cư) mưa một cách thoải mái, và không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực.”

8. Các đấng Như Lai đều biết vẫn hỏi, đều biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi, có liên quan đến lợi ích các đấng Như Lai mới hỏi và không có liên quan đến lợi ích thì không (hỏi), khi không có liên quan đến lợi ích các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề.

9. Chư Phật Thế Tôn hỏi các vị tỳ khưu với hai lý do: “Chúng ta sẽ thuyết giảng Giáo Pháp hoặc là chúng ta sẽ quy định điều học cho các đệ tử.”

10. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị tỳ khuru ấy điều này: - “Này các tỳ khuru, các người có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau đã sống mùa (an cư) mưa một cách thoải mái, và không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực là như thế nào?”

11. - “Bạch ngài, trường hợp chúng con gồm nhiều vị tỳ khuru là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết, đã vào mùa (an cư) mưa tại trú xứ nọ ở trong xứ Kosala. Bạch ngài, chúng con đây đã khởi ý điều này: ‘Chúng ta có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, vậy bằng phương thức nào có thể sống mùa (an cư) mưa một cách thoải mái, và không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực?’

12. Bạch ngài, chúng con đây đã khởi ý điều này: ‘Nếu chúng ta có thể không nói với nhau và cũng không chuyện trò, vị nào đi khát thực từ làng trở về trước tiên vị ấy sắp xếp chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi đem lại, cung ứng nước uống nước rửa. Vị nào đi khát thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực được ăn còn thừa lại, nếu muốn có thể ăn; nếu không muốn có thể đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống ở nước không có sinh vật. Vị ấy xếp chỗ ngồi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi, dọn dẹp nước uống nước rửa, và quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước, trống trơn, vị ấy có thể đem (nước) lại. Nếu vị ấy không làm nổi, có thể ra hiệu bằng

tay mời vị thứ hai và có thể đem (nước) lại với dấu hiệu bằng tay, nhưng không vì lý do đó lại có thể phát ra lời nói. Như thế, chúng ta có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau có thể sống mùa (an cư) mưa một cách thoải mái, và không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực.’

13. Bạch ngài, sau đó chúng con đã không nói với nhau và cũng không chuyện trò. Vị nào đi khát thực từ làng trở về trước tiên vị ấy sắp xếp chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi đem lại, cung ứng nước uống nước rửa. Vị nào đi khát thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực được ăn còn thừa lại, nếu muốn thì vị ấy ăn; nếu không muốn có thể đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống ở nước không có sinh vật. Vị ấy xếp chỗ ngồi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi, dọn dẹp nước uống nước rửa, và quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước, trống trơn, vị ấy đem (nước) lại. Nếu không làm nổi, vị ấy ra hiệu bằng tay mời vị thứ hai và đem (nước) lại với dấu hiệu bằng tay, nhưng không vì lý do đó mà phát ra lời nói. Bạch ngài, chúng con có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau đã sống mùa (an cư) mưa một cách thoải mái, và không bị khó nhọc vì đồ ăn khát thực là như thế.”

14. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, thật ra những kẻ rồ dại này trong khi đã sống một cách không thoả mái lại bảo rằng: ‘Chúng con đã sống một cách thoả mái.’ Này các tỳ khưu, thật ra những kẻ rồ dại này trong khi đã sống với lối sống chung của loài thú lại bảo rằng: ‘Chúng con đã sống một cách thoả mái.’ Này các tỳ khưu, thật ra những kẻ rồ dại này trong khi đã sống với lối sống chung của loài cừu lại bảo rằng: ‘Chúng con đã sống một cách thoả mái.’ Này các tỳ khưu, thật ra những kẻ rồ dại này trong khi đã sống với lối cộng trú của những kẻ lười biếng lại bảo rằng: ‘Chúng con đã sống một cách thoả mái.’ Này các tỳ khưu, vì sao những kẻ rồ dại này lại thọ trì lối thực hành của ngoại đạo là sự hành trì như kẻ câm. Này các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt—

Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, không nên thọ trì lối thực hành của ngoại đạo là sự hành trì như kẻ câm; vị nào thọ trì thì phạm tội *dukkatā*. Này các tỳ khưu, đối với các tỳ khưu đã sống qua mùa (an cư) mưa ta cho phép thỉnh cầu dựa trên ba tình huống là do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ. Việc ấy sẽ giúp cho các người có được sự hài hòa với nhau, có được sự thoát ra khỏi tội, và có được sự tôn vinh Luật. Và này các tỳ khưu, nên thỉnh cầu như vậy: Hội chúng

cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hôm nay là ngày lễ *Pavāraṇā*.¹ Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.”

15. Vị tỳ khuru trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói như vậy: “Này các sư đệ, tôi xin thỉnh cầu hội chúng do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin các đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa. Này các sư đệ, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu hội chúng do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin các đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa. Này các sư đệ, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu hội chúng do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin các đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa.”

16. Vị tỳ khuru mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói như vậy: “Bạch các ngài, tôi xin thỉnh cầu hội chúng do đã được thấy,

¹ *Pavāraṇā*: là danh từ có ý nghĩa là ‘sự thỉnh cầu,’ và còn là tên của buổi lễ dành cho các tỳ khuru đã hoàn tất mùa (an cư) mưa thời điểm trước. Lễ này đã được dịch là Tự Tứ. Ở ngữ cảnh này, chúng tôi mạn phép giữ nguyên từ *Pāli* cho tên của cuộc lễ. Còn *Pavāreti* là động từ. Chúng tôi sẽ dịch theo hai lối là ‘thỉnh cầu’ hoặc ‘tiến hành lễ *Pavāraṇā*’ tùy theo ngữ cảnh.

hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin các đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa. Bạch các ngài, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu hội chúng —nt— Bạch các ngài, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu hội chúng do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin các đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa.”

17. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư ngồi yên trên chỗ ngồi trong lúc các tỳ khưu trưởng lão đang ngồi chồm hổm thỉnh cầu. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại ngồi yên trên chỗ ngồi trong lúc các tỳ khưu trưởng lão đang ngồi chồm hổm thỉnh cầu?”

18. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu nhóm Lục Sư ngồi yên trên chỗ ngồi trong lúc các tỳ khưu trưởng lão ngồi đang chồm hổm thỉnh cầu, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khưu, vì sao những kẻ rồ dại này lại ngồi yên trên chỗ ngồi trong lúc các tỳ khưu trưởng lão đang ngồi chồm hổm thỉnh cầu.

19. Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, không nên ngồi yên trên chỗ ngồi trong lúc các tỳ khuru trưởng lão đang ngồi chồm hổm thỉnh cầu; vị nào ngồi yên thì phạm tội *dukkaṭa*. Nay các tỳ khuru, ta cho phép toàn bộ tất cả ngồi chồm hổm để thỉnh cầu.”

20. Vào lúc bấy giờ, có vị trưởng lão nọ già yếu ngồi chồm hổm (nghĩ rằng): “Đến khi tất cả thỉnh cầu xong,” trong lúc chờ đợi bị choáng váng rồi té xuống.

21. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép ngồi chồm hổm trong khoảng thời gian chờ đợi cho đến khi thỉnh cầu, sau khi thỉnh cầu thì được ngồi xuống trên chỗ ngồi.”

22. Khi ấy, các vị tỳ khuru đã khởi ý điều này: “Có bao nhiêu lễ *Pavāraṇā*?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. “Này các tỳ khuru, đây là hai lễ *Pavāraṇā*: Lễ ngày mười bốn và lễ ngày mười lăm. Nay các tỳ khuru, đây là hai lễ *Pavāraṇā*.”

23. Khi ấy, các vị tỳ khuru đã khởi ý điều này: “Có bao nhiêu hành sự *Pavāraṇā*?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, đây là bốn hành sự *Pavāraṇā*: Hành sự *Pavāraṇā* sai Pháp theo phe nhóm, hành sự *Pavāraṇā* sai Pháp có sự hợp nhất, hành sự

Pavāraṇā đúng Pháp theo phe nhóm, hành sự *Pavāraṇā* đúng Pháp có sự hợp nhất.

24. Nay các tỳ khuru, trường hợp này tức là hành sự *Pavāraṇā* sai Pháp theo phe nhóm, nay các tỳ khuru, không nên thực hiện hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế và hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế không được ta cho phép.

25. Nay các tỳ khuru, trường hợp này tức là hành sự *Pavāraṇā* sai Pháp có sự hợp nhất, nay các tỳ khuru, không nên thực hiện hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế và hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế không được ta cho phép.

26. Nay các tỳ khuru, trường hợp này tức là hành sự *Pavāraṇā* đúng Pháp theo phe nhóm, nay các tỳ khuru, không nên thực hiện hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế và hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế không được ta cho phép.

27. Nay các tỳ khuru, trường hợp này tức là hành sự *Pavāraṇā* đúng Pháp có sự hợp nhất, nay các tỳ khuru, nên thực hiện hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế và hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế được ta cho phép.

28. Nay các tỳ khuru, do đó ở đây chúng ta sẽ thực hiện hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế tức là

‘Đúng Pháp có sự hợp nhất.’ Nay các tỳ khuru, các người nên học tập theo đúng như thế.”

29. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, hãy tụ hội lại, hội chúng sẽ thực hiện lễ *Pavāraṇā*.”

30. Khi được nói như thế, có vị tỳ khuru nọ đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, có vị tỳ khuru bị bệnh. Vị ấy không đến.” - “Này các tỳ khuru, ta cho phép vị tỳ khuru bị bệnh được trao ra lời thỉnh cầu. Và này các tỳ khuru, nên trao ra như vậy: Vị tỳ khuru bị bệnh nên đi đến gặp một vị tỳ khuru, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, chắp tay lên, và nên nói như vậy: “Tôi xin trao ra lời thỉnh cầu. Hãy chuyển đạt lời thỉnh cầu của tôi. Hãy thông báo lời thỉnh cầu của tôi. Hãy thỉnh cầu vì sự lợi ích của tôi.”

(Nếu) vị ấy thể hiện bằng thân, thể hiện bằng lời nói, thể hiện bằng thân và lời nói, thì lời thỉnh cầu đã được trao ra. (Nếu) vị ấy không thể hiện bằng thân, không thể hiện bằng lời nói, không thể hiện bằng thân và lời nói, thì lời thỉnh cầu đã không được trao ra. Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nay các tỳ khuru, nếu không đạt được (như thế) thì nên dùng cái giường hoặc cái ghế khiêng vị tỳ khuru bị bệnh ấy đến giữa hội chúng rồi nên thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Nay các tỳ khuru, nếu các vị tỳ khuru chăm sóc bệnh khởi ý như vậy: “Nếu chúng ta di chuyển vị bị bệnh đòi khởi vị trí thì bệnh sẽ trầm trọng hơn hoặc sẽ gây tử vong,” này các tỳ

khuru, không nên di chuyển vị bị bệnh khỏi vị trí. Hội chúng nên đi đến và thực hiện lễ *Pavāraṇā* ở nơi ấy. Nhưng không nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *dukkatā*.

31. Nay các tỳ khuru, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đặt lời thỉnh cầu từ chính chỗ ấy ra đi (đến nơi khác) thì lời thỉnh cầu nên được trao ra đến vị khác. Nay các tỳ khuru, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đặt lời thỉnh cầu ngay tại chỗ ấy hoàn tục, ... từ trần, ... được biết là vị (xuống lại) sa di, ... được biết là người đã từ bỏ điều học, ... được biết là vị phạm tội cực nặng, ... được biết là vị bị điên, ... được biết là bị loạn trí, ... được biết là bị thọ khổ hành hạ, ... được biết là vị bị án treo trong việc không nhìn nhận tội, ... được biết là vị bị án treo trong việc không sửa chữa lỗi, ... được biết là vị bị án treo trong việc không chịu từ bỏ tà kiến ác, ... được biết là kẻ vô căn, ... được biết là kẻ trộm tướng mạo (tỳ khuru), ... được biết là kẻ đã chuyển sang ngoại đạo, ... được biết là loài thú, ... được biết là kẻ giết mẹ, ... được biết là kẻ giết cha, ... được biết là kẻ giết A-la-hán, ... được biết là kẻ làm nhơ tỳ khuru ni, ... được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, ... được biết là kẻ làm chảy máu (đức Phật), ... được biết là kẻ lường căn thì lời thỉnh cầu nên được trao ra đến vị khác.

32. Nay các tỳ khuru, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đặt lời thỉnh cầu ở khoảng giữa đường lại ra đi (đến nơi khác) thì lời thỉnh cầu vẫn chưa được

chuyển đạt. Nay các tỳ khuru, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu ở khoảng giữa đường lại hoàn tục, ... từ trần, ... được biết là vị (xuống lại) sa di, ... được biết là người đã từ bỏ điều học, ... được biết là vị phạm tội cực nặng, ... được biết là vị bị điên, ... được biết là bị loạn trí, ... được biết là bị thọ khổ hành hạ, ... được biết là vị bị án treo trong việc không nhìn nhận tội, ... được biết là vị bị án treo trong việc không sửa chữa lỗi, ... được biết là vị bị án treo trong việc không chịu từ bỏ tà kiến ác, ... được biết là kẻ vô căn, ... được biết là kẻ trộm tướng mạo (tỳ khuru), ... được biết là kẻ đã chuyển sang ngoại đạo, ... được biết là loài thú, ... được biết là kẻ giết mẹ, ... được biết là kẻ giết cha, ... được biết là kẻ giết A-la-hán, ... được biết là kẻ làm nhơ tỳ khuru ni, ... được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, ... được biết là kẻ làm chảy máu (ức Phật), ... được biết là kẻ lường căn thì lời thỉnh cầu vẫn chưa được chuyển đạt.

33. Nay các tỳ khuru, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu đã đến được hội chúng rồi ra đi (đến nơi khác) thì lời thỉnh cầu đã được chuyển đạt. Nay các tỳ khuru, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu đã đến được hội chúng rồi hoàn tục, ... từ trần, ... được biết là vị (xuống lại) sa di, ... được biết là người đã từ bỏ điều học, ... được biết là vị phạm tội cực nặng, ... được biết là vị bị điên, ... được biết là bị loạn trí, ... được biết là bị thọ khổ hành hạ, ... được biết là vị bị án treo trong việc không nhìn nhận tội, ... được biết là vị bị án treo trong việc không sửa

chữa lỗi, ... được biết là vị bị án treo trong việc không chịu từ bỏ tà kiến ác, ... được biết là kẻ vô căn, ... được biết là kẻ trộm tướng mạo (tỳ khuru), ... được biết là kẻ đã chuyển sang ngoại đạo, ... được biết là loài thú, ... được biết là kẻ giết mẹ, ... được biết là kẻ giết cha, ... được biết là kẻ giết A-la-hán, ... được biết là kẻ làm nhơ tỳ khuru ni, ... được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, ... được biết là kẻ làm chảy máu (đức Phật), ... được biết là kẻ lường căn thì lời thỉnh cầu đã được chuyển đạt.

34. Nay các tỳ khuru, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu đã đến được hội chúng rồi ngủ quên nên không thông báo thì lời thỉnh cầu đã được chuyển đạt. Vị chuyển đạt lời thỉnh cầu không bị phạm tội. Nay các tỳ khuru, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu đã đến được hội chúng rồi lơ đãng —nt— rồi nhập định nên không thông báo thì lời thỉnh cầu đã được chuyển đạt. Vị chuyển đạt lời thỉnh cầu không bị phạm tội.

35. Nay các tỳ khuru, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu đã đến được hội chúng rồi cố ý không thông báo thì lời thỉnh cầu đã được chuyển đạt và vị chuyển đạt lời thỉnh cầu bị phạm tội *dukkatā*. Nay các tỳ khuru, ta cho phép vào ngày lễ *Pavāraṇā* vị trao ra lời thỉnh cầu (đồng thời) trao ra sự tùy thuận (phòng khi) hội chúng có hành sự cần được thực hiện.”

36. Vào lúc bấy giờ, vào ngày lễ *Pavāraṇā* các thân quyến đã nắm giữ lại vị tỳ khuru nọ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā* các thân quyến nắm giữ vị tỳ khuru lại. Các thân quyến ấy nên được các tỳ khuru nói như vậy: “Này các ngài, các ngài hãy trả tự do cho vị tỳ khuru này trong chốc lát đến khi nào vị tỳ khuru này thực hiện lễ *Pavāraṇā* xong.” Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được (như thế), các thân quyến ấy nên được các tỳ khuru nói như vậy: “Này các ngài, các ngài hãy tránh sang một bên trong chốc lát đến khi nào vị tỳ khuru này trao ra lời thỉnh cầu xong.” Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được (như thế), các thân quyến ấy nên được các tỳ khuru nói như vậy: “Này các ngài, các ngài hãy dẫn vị tỳ khuru này ra khỏi ranh giới trong chốc lát đến khi nào hội chúng thực hiện lễ *Pavāraṇā* xong.” Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được (như thế), vẫn không nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *dukkaṭa*.

37. Này các tỳ khuru, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā* các đức vua nắm giữ vị tỳ khuru lại. ... các kẻ trộm cướp nắm giữ ... những kẻ bất lương nắm giữ ... những kẻ đối nghịch tỳ khuru nắm giữ vị tỳ khuru lại. Những kẻ đối nghịch tỳ khuru ấy nên được các tỳ khuru nói như vậy: “Này các ngài, các ngài hãy trả tự do cho vị tỳ khuru này trong chốc lát đến khi nào vị tỳ khuru này

thực hiện lễ *Pavāraṇā* xong.” Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được (như thế), những kẻ đối nghịch tỳ khuru ấy nên được các tỳ khuru nói như vậy: “Này các ngài, các ngài hãy tránh sang một bên trong chốc lát đến khi nào vị tỳ khuru này trao ra lời thỉnh cầu xong.” Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được (như thế), những kẻ đối nghịch tỳ khuru ấy nên được các tỳ khuru nói như vậy: “Này các đạo hữu, các người hãy dẫn vị tỳ khuru này ra khỏi ranh giới trong chốc lát đến khi nào hội chúng thực hiện lễ *Pavāraṇā* xong.” Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không thể đạt được (như thế), vẫn không nên thỉnh cầu bởi hội chúng theo phe nhóm; nếu vị nào thỉnh cầu thì phạm tội *dukkatā* a.”

38. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có năm vị tỳ khuru cư ngụ. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*’ và chúng ta là năm người, vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép thỉnh cầu hội chúng đối với năm vị.”

39. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có bốn vị tỳ khuru cư ngụ. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã cho phép

thỉnh cầu hội chúng đối với năm vị và chúng ta là bốn người, vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép thỉnh cầu lẫn nhau đối với bốn vị. Và này các tỳ khuru, nên thỉnh cầu như vậy: Các vị tỳ khuru ấy nên được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

40. “Xin các đại đức hãy lắng nghe tôi, hôm nay là ngày lễ *Pavāraṇā*. Nếu là thời điểm thích hợp cho các đại đức, chúng ta nên thỉnh cầu lẫn nhau.” Vị tỳ khuru trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói với các vị tỳ khuru ấy như vậy: “Này các sư đệ, tôi xin thỉnh cầu các đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin các đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa. Này các sư đệ, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu các đại đức —nt— Này các sư đệ, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu các đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin các đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa.”

41. Vị tỳ khuru mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói với vị các tỳ khuru ấy như vậy: “Bạch các ngài, tôi xin thỉnh cầu các đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin các đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa. Bạch các ngài,

lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu các đại đức —nt— Bạch các ngài, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu các đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin các đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa.”

42. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có ba vị tỳ khuru cư ngụ. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã cho phép thỉnh cầu hội chúng đối với năm vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với bốn vị và chúng ta là ba người, vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép thỉnh cầu lẫn nhau đối với ba vị. Và này các tỳ khuru, nên thỉnh cầu như vậy: Các vị tỳ khuru ấy cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

43. “Xin các đại đức hãy lắng nghe tôi, hôm nay là ngày lễ *Pavāraṇā* vào ngày mười lăm. Nếu là thời điểm thích hợp cho các đại đức, chúng ta nên thỉnh cầu lẫn nhau.” Vị tỳ khuru trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói với vị các tỳ khuru ấy như vậy: “Này các sư đệ, tôi xin thỉnh cầu các đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin các đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa. Này các sư đệ, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu các đại đức —nt— Này các sư đệ, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu các đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ,

vì lòng thương xót xin các đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa.”

44. Vị tỳ khưu mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói với các vị tỳ khưu ấy như vậy: “Bạch các ngài, tôi xin thỉnh cầu các đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin các đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa. Bạch các ngài, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu các đại đức —nt— Bạch các ngài, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu các đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin các đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa.”

45. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có hai vị tỳ khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị tỳ khưu ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã cho phép thỉnh cầu hội chúng đối với năm vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với bốn vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với ba vị và chúng ta là hai người, vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép thỉnh cầu lẫn nhau đối với hai vị. Và này các tỳ khưu, nên thỉnh cầu như vậy: Vị tỳ khưu trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói với vị tỳ khưu mới tu như vậy: “Này sư đệ, tôi xin thỉnh cầu đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin đại đức hãy nói với tôi.

Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa. Nay sư đệ, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa. Nay sư đệ, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa.”

46. Vị tỳ khuru mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chấp tay lên, và nên nói với vị tỳ khuru trưởng lão như vậy: “Bạch ngài, tôi xin thỉnh cầu đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa. Bạch ngài, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa. Bạch ngài, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa.”

47. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có một vị tỳ khuru cư ngụ. Khi ấy, vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã cho phép thỉnh cầu hội chúng đối với năm vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với bốn vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với ba vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với hai vị và ta chỉ có một mình, vậy ta nên

thực hiện lễ *Pavāraṇā* như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có một vị tỳ khuru cư ngụ. Này các tỳ khuru, chỗ nào các vị tỳ khuru thường quay trở về là ở giảng đường, hoặc ở mái che, hoặc ở gốc cây, vị tỳ khuru ấy nên quét khu vực ấy, nên đem lại nước uống nước rửa, nên sắp đặt chỗ ngồi, nên thắp sáng đèn, rồi nên ngồi xuống. Nếu có các tỳ khuru khác đi đến thì nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* với các vị ấy; nếu không có ai đi đến thì nên chú nguyện rằng: ‘Hôm nay là lễ *Pavāraṇā* của tôi.’ Nếu không chú nguyện thì phạm tội *dukkaṭa* a.

Này các tỳ khuru, trường hợp ở nơi có năm vị tỳ khuru cư ngụ, không nên chuyển đặt lời thỉnh cầu của một vị rồi thỉnh cầu hội chúng bởi bốn vị. Nếu các vị thỉnh cầu thì phạm tội *dukkaṭa* a. Này các tỳ khuru, trường hợp ở nơi có bốn vị tỳ khuru cư ngụ, không nên chuyển đặt lời thỉnh cầu của một vị rồi thỉnh cầu lẫn nhau bởi ba vị. Nếu các vị thỉnh cầu thì phạm tội *dukkaṭa* a. Này các tỳ khuru, trường hợp ở nơi có ba vị tỳ khuru cư ngụ, không nên chuyển đặt lời thỉnh cầu của một vị rồi thỉnh cầu lẫn nhau bởi hai vị. Nếu các vị thỉnh cầu thì phạm tội *dukkaṭa* a. Này các tỳ khuru, trường hợp ở nơi có hai vị tỳ khuru cư ngụ, không nên chuyển đặt lời thỉnh cầu của một vị rồi chú nguyện bởi một vị. Nếu chú nguyện thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

48. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị phạm tội vào ngày lễ *Pavāraṇā*. Khi ấy, vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Vị bị phạm tội không nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*’ và ta thì bị phạm tội; vậy ta nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru bị phạm tội vào ngày lễ *Pavāraṇā*. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến gặp một vị tỳ khuru, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, nên chấp tay lên, và nên nói như vậy: - “Bạch đại đức, tôi đã phạm tội tên (như vậy), tôi xin sám hối tội ấy.” Vị kia nên nói rằng: - “(Đại đức) có thấy (tội ấy) không?” - “Thưa có, tôi thấy.” - “(Đại đức) hãy thu thúc trong tương lai.”

49. Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru có nghi ngờ về sự phạm tội vào ngày lễ *Pavāraṇā*. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến gặp một vị tỳ khuru, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, nên chấp tay lên, và nên nói như vậy: - “Bạch đại đức, tôi có nghi ngờ về sự phạm (một) tội tên (như vậy), khi nào tôi dứt khỏi hoài nghi khi ấy tôi sẽ sửa chữa tội ấy.” Nói xong thì lễ *Pavāraṇā* nên được tiến hành, nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ *Pavāraṇā* chỉ vì nguyên nhân ấy.

50. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ trong lúc đang được thỉnh cầu thì nhớ ra tội. Khi ấy, vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Vị bị phạm tội không nên thỉnh cầu’ và ta thì bị phạm tội; vậy ta nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc đang được thỉnh cầu thì nhớ ra tội. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên nói với vị tỳ khuru bên cạnh như vậy: “Bạch đại đức, tôi đã phạm tội tên (như vậy), sau khi đứng dậy khỏi đây tôi sẽ sửa chữa tội ấy.” Nói xong thì nên thỉnh cầu, nhưng không nên làm chướng ngại cho việc thỉnh cầu chỉ vì nguyên nhân ấy. Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trong lúc đang được thỉnh cầu thì có nghi ngờ về sự phạm tội. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên nói với vị tỳ khuru bên cạnh như vậy: “Bạch đại đức, tôi có nghi ngờ về sự phạm (một) tội tên (như vậy), khi nào tôi dứt khỏi hoài nghi khi ấy tôi sẽ sửa chữa tội ấy.” Nói xong thì nên thỉnh cầu, nhưng không nên làm chướng ngại cho việc thỉnh cầu chỉ vì nguyên nhân ấy.

51. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Không nên sám hối tội (đã phạm) giống nhau, không nên ghi nhận tội (đã phạm) giống nhau’ và toàn bộ hội chúng này đã phạm tội giống nhau, vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?”

52. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Này các tỳ khuru, ngay trong hôm ấy các vị tỳ khuru ấy nên phái một vị tỳ khuru đi đến trú xứ lân cận (bảo rằng): “Này đại đức, hãy đi và sau khi sửa chữa tội ấy hãy quay trở về, chúng tôi sẽ sửa chữa lại tội ấy trong sự hiện diện của đại đức.” Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các tỳ khuru, nếu không đạt được (như thế) thì hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực:

53. “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Toàn bộ hội chúng này đã phạm tội giống nhau, khi nào (hội chúng) nhìn thấy vị tỳ khuru khác trong sạch không phạm tội khi ấy (hội chúng) sẽ sửa chữa tội ấy trong sự hiện diện của vị ấy.” Nói xong, thì lễ *Pavāraṇā* nên được tiến hành, nhưng không nên làm chương ngại cho lễ *Pavāraṇā* chỉ vì nguyên nhân ấy.

54. Này các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* toàn bộ hội chúng có nghi ngờ về sự phạm tội giống nhau. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Toàn bộ hội chúng này có nghi ngờ về sự phạm tội giống nhau, khi nào (hội chúng) dứt khỏi hoài nghi khi ấy (hội chúng) sẽ sửa chữa tội ấy.” Nói xong, thì lễ *Pavāraṇā* nên được tiến

hành, nhưng không nên làm chương ngại cho lễ *Pavāraṇā* chỉ vì nguyên nhân ấy.

Dứt tụng phẩm thứ nhất.

--ooOoo--

1. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều vị tỳ khưu thường trú đã tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy đã không biết rằng: “Có những tỳ khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi đã thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các tỳ khưu thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đã đi đến. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. - “Này các tỳ khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: “Có những tỳ khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu thì có các tỳ khưu thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Này các tỳ khưu, các vị tỳ khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (1)

3. Này các tỳ khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: “Có

những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (2)

4. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (3)

5. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khuru, các vị tỳ khuru ấy nên thỉnh cầu lại. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (4)

6. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, (các vị đến sau) nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (5)

7. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, (các vị đến sau) nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (6)

8. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các

vị ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khuru, các vị tỳ khuru ấy nên thỉnh cầu lại. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (7)

9. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, (các vị đến sau) nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (8)

10. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi tập thể chưa đứng lên, (có số lượng) ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, (các vị đến sau) nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (9)

11. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại

là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một số thuộc tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khuru, các vị tỳ khuru ấy nên thỉnh cầu lại. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (10)

12. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một số thuộc tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, (các vị đến sau) nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (11)

13. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một số thuộc tập thể đã đứng lên, (có số lượng) ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, (các vị đến sau) nên thỉnh cầu trong sự

hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (12)

14. Nay các tỳ khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: “Có những tỳ khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các tỳ khưu thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khưu, các vị tỳ khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (13)

15. Nay các tỳ khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: “Có những tỳ khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các tỳ khưu thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, (các vị đến sau) nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (14)

16. Nay các tỳ khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: “Có những tỳ khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm

lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, (có số lượng) ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, (các vị đến sau) nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (15)

Đứt mười lăm trường hợp vô tội.

--ooOoo--

1. Nay các tỳ khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các tỳ khưu thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khưu, các vị tỳ khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *dukkatā*. (1)

2. Nay các tỳ khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các tỳ khưu thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh

cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *dukkaṭa* a. (2)

3. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, (có số lượng) ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *dukkaṭa* a. (3)

4. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn ... tương đương ... ít hơn đi đến. —nt— trong khi tập thể chưa đứng lên, ... nhiều hơn ... tương đương ... ít hơn —nt— một số thuộc tập thể đã đứng lên, ... nhiều hơn ... tương đương ... ít hơn —nt— toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn ... tương đương ... ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt

đẹp, (các vị đến sau) nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *dukkat a.* (4-15)

**Dứt mười lăm trường hợp
là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm.**

--ooOoo--

1. Nay các tỳ khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: “Lễ *Pavāraṇā* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?” rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các tỳ khưu thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khưu, các vị tỳ khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *dukkat a.* (1)

2. Nay các tỳ khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: “Lễ *Pavāraṇā* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?” rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các tỳ khưu thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *dukkat a.* (2)

3. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: “Lễ *Pavāraṇā* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?” rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *dukkaṭa*. (3)

4. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: “Lễ *Pavāraṇā* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?” rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, —nt— nhiều hơn ... tương đương ... ít hơn —nt— trong khi tập thể chưa đứng lên, ... nhiều hơn ... tương đương ... ít hơn —nt— một số thuộc tập thể đã đứng lên, ... nhiều hơn ... tương đương ... ít hơn —nt— toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn ... tương đương ... ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, (các vị đến sau) nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *dukkaṭa*. (4-15)

Dứt mười lăm trường hợp có sự nghi ngờ.

--ooOoo--

1. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ (Nghĩ rằng): ‘Lễ *Pavāraṇā* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta,’ các vị bỏ qua sự ngăn ngại rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khuru, các vị tỳ khuru ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *dukkaṭa*. (1)

2. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ (Nghĩ rằng): ‘Lễ *Pavāraṇā* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta,’ các vị bỏ qua sự ngăn ngại rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *dukkaṭa*. (2)

3. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ (Nghĩ rằng): ‘Lễ *Pavāraṇā* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta,’ các vị bỏ qua sự ngăn ngại rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *dukkatā*. (3)

4. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: ‘Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.’ (Nghĩ rằng): ‘Lễ *Pavāraṇā* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta,’ các vị bỏ qua sự ngăn ngại rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, —nt— nhiều hơn ... tương đương ... ít hơn —nt— trong khi tập thể chưa đứng lên, ... nhiều hơn ... tương đương ... ít hơn —nt— một số vị ở tập thể đã đứng lên, ... nhiều hơn ... tương đương ... ít hơn —nt— toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn ... tương đương ... ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, (các vị đến sau) nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *dukkatā*. (4-15)

Dứt mười lăm trường hợp ‘bỏ qua sự ngăn ngại.’

1. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): “Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?” rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khuru, các vị tỳ khuru ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *thullaccaya*. (1)

2. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): “Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?” rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *thullaccaya*. (2)

3. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ

khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): “Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?” rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *thullaccaya*. (3)

4. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): “Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?” rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khuru, các vị tỳ khuru ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *thullaccaya*. (4)

5. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): “Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?” rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi

đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *thullaccaya*. (5)

6. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): “Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?” rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, (các vị đến sau) nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *thullaccaya*. (6)

7. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): “Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?” rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khuru, các vị tỳ khuru ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *thullaccaya*. (7)

8. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): “Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?” rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *thullaccaya*. (8)

9. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): “Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?” rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, (các vị đến sau) nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *thullaccaya*. (9)

10. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): “Các vị này tiêu mất đi! Các vị này

biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?” rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một số thuộc tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khuru, các vị tỳ khuru ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *thullaccaya*. (10)

11. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): “Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?” rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một số thuộc tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *thullaccaya*. (11)

12. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): “Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?” rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một số thuộc tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, (các vị đến sau) nên thỉnh cầu trong

sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *thullaccaya*. (12)

13. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): “Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?” rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) nhiều hơn đi đến. Nay các tỳ khuru, các vị tỳ khuru ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *thullaccaya*. (13)

14. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): “Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?” rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *thullaccaya*. (14)

15. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “Có những tỳ

khuru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có dự tính chia rẽ (nghĩ rằng): “Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?” rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các tỳ khuru thường trú khác (có số lượng) ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, (các vị đến sau) nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *thullaccaya*. (15)

Dứt mười lăm trường hợp có dự tính chia rẽ.

Dứt hai mươi lăm nhóm ba.

--ooOoo--

1. Đây các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* có nhiều tỳ khuru thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: “Các vị tỳ khuru thường trú khác đang đi vào trong ranh giới,” —nt— Các vị ấy không biết rằng: “Các vị tỳ khuru thường trú khác đã đi vào trong ranh giới,” —nt— Các vị ấy không nhìn thấy các vị tỳ khuru thường trú khác đang đi vào trong ranh giới, —nt— Các vị ấy không nhìn thấy các vị tỳ khuru thường trú khác đã đi vào trong ranh giới, —nt— Các vị ấy không nghe rằng: “Các vị tỳ khuru thường trú khác đang đi vào trong ranh giới,” —nt— Các vị ấy không nghe rằng: “Các vị tỳ khuru thường trú khác đã đi vào trong ranh giới,” —nt— Theo phương

thức của một trăm bảy mươi lăm nhóm ba về vị thường trú với vị thường trú, về vị vãng lai với vị thường trú, về vị thường trú với vị vãng lai, về vị vãng lai với vị vãng lai, bằng cách thức thêm vào những phần tương tự thì tạo ra được bảy trăm nhóm ba.

2. Nay các tỳ khuru, trường hợp ngày mười bốn là của các tỳ khuru thường trú, ngày mười lăm là của các tỳ khuru vãng lai. Nếu các vị thường trú (có số lượng) nhiều hơn thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu (có số lượng) tương đương thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu các vị vãng lai (có số lượng) nhiều hơn thì các vị thường trú nên thuận theo các vị vãng lai.

3. Nay các tỳ khuru, trường hợp ngày mười lăm là của các tỳ khuru thường trú, ngày mười bốn là của các tỳ khuru vãng lai. Nếu các vị thường trú (có số lượng) nhiều hơn thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu (có số lượng) tương đương thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu các vị vãng lai (có số lượng) nhiều hơn thì các vị thường trú nên thuận theo các vị vãng lai.

4. Nay các tỳ khuru, trường hợp ngày đầu tháng là của các tỳ khuru thường trú, ngày mười lăm là của các tỳ khuru vãng lai. Nếu các vị thường trú (có số lượng) nhiều hơn và các vị thường trú không mong muốn thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vãng lai; các vị vãng lai nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

Nếu (có số lượng) tương đương và các vị thường trú không mong muốn thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vãng lai; các vị vãng lai nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Nếu các vị vãng lai (có số lượng) nhiều hơn thì các vị thường trú nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vãng lai hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới.

5. Ngày các tỳ khuru, trường hợp ngày mười lăm là của các tỳ khuru thường trú, ngày đầu tháng là của các tỳ khuru vãng lai. Nếu các vị thường trú (có số lượng) nhiều hơn thì các vị vãng lai nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới. Nếu (có số lượng) tương đương thì các vị vãng lai nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới. Nếu các vị vãng lai (có số lượng) nhiều hơn và các vị vãng lai không mong muốn thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú; các vị thường trú nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

6. Ngày các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru vãng lai nhìn thấy sự biểu hiện của việc cư trú, đặc điểm của việc cư trú, hiện tượng của việc cư trú, dấu hiệu của việc cư trú của các vị tỳ khuru thường trú (như là) giường ghé nệm gối được sắp xếp cẩn thận, nước uống nước rửa khéo được bố trí, phòng ốc được quét dọn sạch sẽ, sau khi nhìn thấy khởi lên nghi ngờ: “Có các tỳ khuru thường trú hay không có?” Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*

thì phạm tội *dukkaṭa* a. —nt— Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì phạm tội *dukkaṭa* a. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy có dự tính chia rẽ (nói rằng): “Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?” rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *thullaccaya*.

7. Nay các tỳ khưu, trường hợp các tỳ khưu vắng lai nghe được sự biểu hiện của việc cư trú, đặc điểm của việc cư trú, hiện tượng của việc cư trú, dấu hiệu của việc cư trú của các vị tỳ khưu thường trú (như là) tiếng bước chân của những vị đang đi kinh hành, tiếng học bài, tiếng đảnh hắng, tiếng hắt hơi, sau khi nghe khởi lên nghi ngờ: “Có các tỳ khưu thường trú hay không có?” Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *dukkaṭa* a. —nt— Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì vô tội. —nt— Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội. —nt— Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì

phạm tội *dukkatā* a. —nt— Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy có dự tính chia rẽ (nói rằng): “Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?” rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *thullaccaya*.

8. Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru thường trú nhìn thấy sự biểu hiện của việc đi đến, đặc điểm của việc đi đến, hiện tượng của việc đi đến, dấu hiệu của việc đi đến của các tỳ khuru vắng lai (như là) bình bát khác lạ, y khác lạ, vật lót ngồi khác lạ, sự vung vãi nước rửa các bàn chân, sau khi nhìn thấy khởi lên nghi ngờ: “Có các vị tỳ khuru vắng lai hay không có?” Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *dukkatā* a. —nt— Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì vô tội. —nt— Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội. —nt— Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì phạm tội *dukkatā* a. —nt— Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy có dự tính chia rẽ (nói rằng): “Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?” rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *thullaccaya*.

9. Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru thường trú nghe được sự biểu hiện của việc đi đến, đặc điểm của việc đi đến, hiện tượng của việc đi đến, dấu hiệu của việc đi đến của các tỳ khuru vắng lai (như là) tiếng bước chân của các vị đang đi đến, tiếng động gây nên bởi các đôi dép, tiếng đảnh hắng, tiếng hắt hơi, sau khi nghe khởi lên nghi ngờ: “Có các vị tỳ khuru vắng lai hay không có?” Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *dukkatā*. —nt— Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì vô tội. —nt— Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội. —nt— Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì phạm tội *dukkatā*. —nt— Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy có dự tính chia rẽ (nói rằng): “Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?” rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *thullaccaya*.

10. Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru vắng lai nhìn thấy các tỳ khuru thường trú thuộc nhóm cộng trú khác. Các vị ấy nhận lầm là thuộc cùng nhóm cộng trú, sau khi nhận lầm là thuộc cùng nhóm cộng trú rồi không hỏi, sau khi không hỏi rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội. —nt— Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết lại tiến hành lễ

Pavāraṇā chung thì phạm tội *dukkaṭa* a. —nt— Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì vô tội.

11. Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru vắng lai nhìn thấy các tỳ khuru thường trú thuộc cùng nhóm cộng trú. Các vị ấy nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác, sau khi nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác lại không hỏi, sau khi không hỏi lại tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì phạm tội *dukkaṭa* a. —nt— Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết lại tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì phạm tội *dukkaṭa* a. —nt— Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội.

12. Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru thường trú nhìn thấy các tỳ khuru vắng lai thuộc nhóm cộng trú khác. Các vị ấy nhận lầm thuộc cùng nhóm cộng trú, sau khi nhận lầm là thuộc cùng nhóm cộng trú rồi không hỏi, sau khi không hỏi rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội. —nt— Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết lại tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì phạm tội *dukkaṭa* a. —nt— Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì vô tội.

13. Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru thường trú nhìn thấy các tỳ khuru vắng lai thuộc cùng nhóm cộng trú. Các vị ấy nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác,

sau khi nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác rồi không hỏi, sau khi không hỏi lại tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì phạm tội *dukkatā*. —nt— Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết lại tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì phạm tội *dukkatā*. —nt— Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội.

14. Nay các tỳ khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā* từ chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ khưu trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

15. Nay các tỳ khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā* từ chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

16. Nay các tỳ khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā* từ chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khưu trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

17. Nay các tỳ khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā* từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ khưu trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

18. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Pavāraṇā* từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khuru trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

19. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Pavāraṇā* từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khuru trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

20. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Pavāraṇā* từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ không có tỳ khuru trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

21. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Pavāraṇā* từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khuru trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

22. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Pavāraṇā* từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có tỳ khuru trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

23. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Pavāraṇā* từ chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru

nhưng các tỳ khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

24. Này các tỳ khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā* từ chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu nhưng các tỳ khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

25. Này các tỳ khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā* từ chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu nhưng các tỳ khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

26. Này các tỳ khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā* từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khưu nhưng các tỳ khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

27. Này các tỳ khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā* từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu nhưng các tỳ khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

28. Này các tỳ khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā* từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ

khuru nhưng các tỳ khuru ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

29. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Pavāraṇā* từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru nhưng các tỳ khuru ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

30. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Pavāraṇā* từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nhưng các tỳ khuru ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

31. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Pavāraṇā* từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru nhưng các tỳ khuru ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác trừ phi (đi cùng) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

32. Nay các tỳ khuru, vào ngày lễ *Pavāraṇā* từ chỗ trú ngụ có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru và các tỳ khuru ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: “Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.”

33. Này các tỳ khuru, vào ngày lễ *Pavāraṇā* từ chỗ trú ngụ có tỳ khuru có thể đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru —nt— chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru và các tỳ khuru ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: “Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.”

34. Này các tỳ khuru, vào ngày lễ *Pavāraṇā* vị tỳ khuru từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru —nt— nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru —nt— chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru và các tỳ khuru ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: “Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.”

35. Này các tỳ khuru, vào ngày lễ *Pavāraṇā* vị tỳ khuru từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú ngụ có tỳ khuru —nt— nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru —nt— chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có tỳ khuru và các tỳ khuru ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: “Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.”

36. Này các tỳ khuru, không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có vị tỳ khuru ni; vị nào thỉnh cầu thì phạm tội *dukkatā*.

37. Này các tỳ khuru, không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có cô ni tu tập sự —nt— có vị sa di

—nt— có vị sa di ni —nt— có người đã từ bỏ điều học
—nt— có vị đã phạm tội cực nặng; vị nào thỉnh cầu thì phạm tội *dukkat a*.

38. Không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có vị bị án treo trong việc không nhìn nhận tội; vị nào thỉnh cầu thì nên được hành xử theo pháp.

39. Không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có vị bị án treo trong việc không sửa chữa lỗi
—nt— có vị bị án treo trong việc không chịu từ bỏ tà kiến ác; vị nào thỉnh cầu thì nên được hành xử theo pháp.

40. Nay các tỳ khưu, không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có kẻ vô căn; vị nào thỉnh cầu thì phạm tội *dukkat a*.

41. Không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có kẻ trộm tướng mạo (tỳ khưu) —nt— có kẻ đã đi theo ngoại đạo —nt— có loài thú —nt— có kẻ giết mẹ —nt— có kẻ giết cha —nt— có kẻ giết A-la-hán —nt— có kẻ làm nhơ tỳ khưu ni —nt— có kẻ chia rẽ hội chúng —nt— có kẻ làm chảy máu (đức Phật) —nt— có kẻ lường căn; vị nào thỉnh cầu thì phạm tội *dukkat a*.

42. Nay các tỳ khưu, lễ *Pavāraṇā* không nên tiến hành với việc trao ra sự trong sạch của vị hành *parivāsa*, trừ trường hợp tập thể còn chưa đứng lên.

43. Nay các tỳ khuru, không nên tiến hành lễ *Pavāraṇā* không nhằm ngày *Pavāraṇā* trừ phi vào lúc hợp nhất hội chúng.

Dứt tụng phẩm thứ nhì.

--ooOoo--

1. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ trong xứ Kosala vào ngày lễ *Pavāraṇā* đã có sự sợ hãi vì đám lục lâm. Các vị tỳ khuru đã không thể thỉnh cầu ba lần đọc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép thỉnh cầu hai lần đọc.” Đã có sự sợ hãi dữ dội hơn vì đám lục lâm. Các vị tỳ khuru đã không thể thỉnh cầu hai lần đọc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép thỉnh cầu một lần đọc.” Đã có sự sợ hãi dữ dội hơn vì đám lục lâm. Các vị tỳ khuru đã không thể thỉnh cầu một lần đọc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép thỉnh cầu (cùng một lượt) theo sự đồng năm tu.”

2. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* trong khi dân chúng còn đang cúng dường vật thí thì đêm đã gần tàn. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã khởi ý rằng: “Trong khi những người này còn đang cúng dường vật thí thì đêm đã gần tàn, nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và

khi ấy đêm nay sẽ hừng sáng, vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā* trong khi dân chúng còn đang cúng dường vật thí thì đêm đã gần tàn. Nếu các vị tỳ khưu ở đó khởi ý như vậy: ‘Trong khi những người này còn đang cúng dường vật thí thì đêm đã gần tàn, nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và khi ấy đêm nay sẽ hừng sáng.’ Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực: ‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi dân chúng còn đang cúng dường vật thí thì đêm đã gần tàn, nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và khi ấy đêm nay sẽ hừng sáng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thỉnh cầu hai lần đọc —nt— một lần đọc —nt— theo sự đồng năm tu.’

3. Này các tỳ khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā*, trong khi các vị tỳ khưu đang giảng Pháp —nt— trong khi các vị chuyên về Kinh đang tụng tụng về Kinh —nt— trong khi các vị chuyên về Luật đang hỏi về Luật —nt— trong khi các vị Pháp sư đang thảo luận về Pháp —nt— trong khi các vị tỳ khưu đang tranh cãi thì đêm đã gần tàn. Nếu các vị tỳ khưu ở đó khởi ý như vậy: ‘Trong khi các vị tỳ khưu đang tranh cãi thì đêm đã gần tàn, nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và khi ấy đêm nay sẽ hừng sáng.’ Hội chúng cần được thông báo

bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực: ‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi các vị tỳ khuru đang tranh cãi thì đêm đã gần tàn, nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và khi ấy đêm nay sẽ hừng sáng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thỉnh cầu hai lần đọc —nt— một lần đọc —nt— theo sự đồng năm tu.’”

4. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ trong xứ Kosala vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có hội chúng tỳ khuru đông đảo đã tụ hội lại. Chỗ trú mưa thì ít ỏi và đám mây đen lớn đã kéo đến. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “Hội chúng tỳ khuru đông đảo này đã tụ hội lại. Chỗ trú mưa thì ít ỏi và đám mây đen lớn đã kéo đến. Nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và đám mây đen này sẽ đổ mưa, vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có hội chúng tỳ khuru đông đảo tụ hội lại. Chỗ trú mưa thì ít ỏi và đám mây đen lớn đã kéo đến. Nếu các vị tỳ khuru ở đó khởi ý như vậy: ‘Hội chúng tỳ khuru đông đảo này đã tụ hội lại. Chỗ trú mưa thì ít ỏi và đám mây đen lớn đã kéo đến. Nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và đám mây đen này sẽ đổ mưa.’ Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực: ‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng tỳ khuru đông đảo này đã tụ hội lại. Chỗ trú mưa

thì ít ỏi và đám mây đen lớn đã kéo đến. Nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và đám mây đen này sẽ đổ mưa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thỉnh cầu hai lần đọc —nt— một lần đọc —nt— theo sự đồng năm tu.’

5. Nay các tỳ khuru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có sự nguy hiểm từ đức vua —nt— có sự nguy hiểm vì trộm cướp —nt— có sự nguy hiểm vì hỏa hoạn —nt— có sự nguy hiểm vì nước ngập —nt— có sự nguy hiểm vì loài người —nt— có sự nguy hiểm vì phi nhân —nt— có sự nguy hiểm vì thú dữ —nt— có sự nguy hiểm vì rắn —nt— có sự nguy hiểm cho mạng sống —nt— có sự nguy hiểm cho Phạm hạnh. Nếu các vị tỳ khuru ở đó khởi ý như vậy: ‘Đây là sự nguy hiểm cho Phạm hạnh. Nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và điều này sẽ là sự nguy hiểm cho Phạm hạnh.’ Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru có kinh nghiệm, đủ năng lực: ‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Đây là sự nguy hiểm cho Phạm hạnh. Nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và điều này sẽ là sự nguy hiểm cho Phạm hạnh. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thỉnh cầu hai lần đọc —nt— một lần đọc —nt— theo sự đồng năm tu.’”

6. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư là những vị có phạm tội tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Các vị đã

trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, vị có phạm tội không nên thỉnh cầu; vị nào thỉnh cầu thì phạm tội *dukkatā*. Này các tỳ khuru, vị nào có phạm tội mà thỉnh cầu thì ta cho phép buộc tội vị ấy sau khi đã thỉnh ý trước.”

7. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư trong khi được thỉnh ý trước đã không muốn để cho thỉnh ý. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép đình chỉ sự thỉnh cầu đối với vị không cho thỉnh ý. Và này các tỳ khuru, nên đình chỉ như vậy: Vào ngày lễ *Pavāraṇā* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong khi nhân vật ấy có hiện diện ở giữa hội chúng, nên trình lên rằng: ‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên (như vậy) có phạm tội. Tôi đình chỉ sự thỉnh cầu của vị ấy. Không nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của vị ấy.’ Sự thỉnh cầu đã được đình chỉ.”

8. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): “Trước hết, các vị tỳ khuru hiền thiện sẽ đình chỉ sự thỉnh cầu của chúng ta” nên ra tay trước đình chỉ sự thỉnh cầu của các vị tỳ khuru trong sạch không phạm tội không có cơ sở không có nguyên nhân. Các vị cũng đình chỉ sự thỉnh cầu của các vị đã thỉnh cầu xong. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên đình chỉ sự thỉnh cầu của các vị tỳ khuru trong sạch không phạm tội khi không có cơ sở không có nguyên nhân; vị nào đình chỉ thì phạm tội *dukkatā*. Và này các tỳ khuru, không nên đình chỉ sự thỉnh cầu của

các vị đã thỉnh cầu xong; vị nào đình chỉ thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

9. Nay các tỳ khuru, như vậy là sự thỉnh cầu bị đình chỉ, như vậy là không bị đình chỉ. Nay các tỳ khuru, thế nào là sự thỉnh cầu không bị đình chỉ? Nay các tỳ khuru, trong sự thỉnh cầu với ba lần đọc, nếu đình chỉ sự thỉnh cầu vào lúc đã đọc, đã nói, đã hoàn tất thì sự thỉnh cầu không bị đình chỉ. Nay các tỳ khuru, trong sự thỉnh cầu hai lần đọc, nếu —nt— Nay các tỳ khuru, trong sự thỉnh cầu một lần đọc, nếu —nt— Nay các tỳ khuru, trong sự thỉnh cầu (đọc một lượt) theo sự đồng năm tu, nếu đình chỉ sự thỉnh cầu vào lúc đã đọc, đã nói, đã hoàn tất thì sự thỉnh cầu không bị đình chỉ. Nay các tỳ khuru, như thế là sự thỉnh cầu không bị đình chỉ.

10. Nay các tỳ khuru, thế nào là sự thỉnh cầu bị đình chỉ? Nay các tỳ khuru, trong sự thỉnh cầu ba lần đọc, nếu đình chỉ sự thỉnh cầu vào lúc đã đọc, đã nói, (nhưng) chưa được hoàn tất thì sự thỉnh cầu bị đình chỉ. Nay các tỳ khuru, trong sự thỉnh cầu hai lần đọc, nếu —nt— Nay các tỳ khuru, trong sự thỉnh cầu một lần đọc, nếu —nt— Nay các tỳ khuru, trong sự thỉnh cầu (đọc một lượt) theo sự đồng năm tu, nếu đình chỉ sự thỉnh cầu vào lúc đã đọc, đã nói, (nhưng) chưa được hoàn tất thì sự thỉnh cầu bị đình chỉ. Nay các tỳ khuru, như thế là sự thỉnh cầu bị đình chỉ.

11. Nay các tỳ khuru, trường hợp trong ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị tỳ khuru đình chỉ sự thỉnh cầu của vị tỳ

khuru. Nếu các vị tỳ khuru khác biết về vị tỳ khuru (đình chỉ) ấy rằng: ‘Đại đức này có sở hành về thân không được trong sạch, có sở hành về khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, (là vị) ngu dốt, không kinh nghiệm, không có năng lực đối đáp lại khi bị tra hỏi.’ Sau khi đã răn đe rằng: ‘Này tỳ khuru, thôi đi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng!’ rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

12. Này các tỳ khuru, trường hợp trong ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị tỳ khuru đình chỉ sự thỉnh cầu của vị tỳ khuru. Nếu các vị tỳ khuru khác biết về vị tỳ khuru (đình chỉ) ấy rằng: ‘Đại đức này có sở hành về thân được trong sạch, có sở hành về khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, (là vị) ngu dốt, không kinh nghiệm, không có năng lực đối đáp lại khi bị tra hỏi.’ Sau khi đã răn đe rằng: ‘Này tỳ khuru, thôi đi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng!’ rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

13. Này các tỳ khuru, trường hợp trong ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị tỳ khuru đình chỉ sự thỉnh cầu của vị tỳ khuru. Nếu các vị tỳ khuru khác biết về vị tỳ khuru (đình chỉ) ấy rằng: “Đại đức này có sở hành về thân được trong sạch, có sở hành về khẩu được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, (là vị) ngu dốt, không kinh nghiệm, không có năng lực đối đáp lại khi bị

tra hỏi.” Sau khi đã răn đe rằng: “Này tỳ khuru, thôi đi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng!” rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

14. Này các tỳ khuru, trường hợp trong ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị tỳ khuru đình chỉ sự thỉnh cầu của vị tỳ khuru. Nếu các vị tỳ khuru khác biết về vị tỳ khuru (đình chỉ) ấy rằng: “Đại đức này có sở hành về thân được trong sạch, có sở hành về khẩu được trong sạch, có sự nuôi mạng được trong sạch, (là vị) ngu dốt, không kinh nghiệm, không có năng lực đối đáp lại khi bị tra hỏi.” Sau khi đã răn đe rằng: “Này tỳ khuru, thôi đi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng!” rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

15. Này các tỳ khuru, trường hợp trong ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị tỳ khuru đình chỉ sự thỉnh cầu của vị tỳ khuru. Nếu các vị tỳ khuru khác biết về vị tỳ khuru (đình chỉ) ấy rằng: “Đại đức này có sở hành về thân được trong sạch, có sở hành về khẩu được trong sạch, có sự nuôi mạng được trong sạch, (là vị) sáng trí, có kinh nghiệm, có năng lực đối đáp lại khi bị tra hỏi.” Vị (đình chỉ) ấy nên được nói như sau: “Này đại đức, việc đại đức đình chỉ sự thỉnh cầu của vị tỳ khuru này, đại đức đình chỉ vị này do điều gì? Đại đức đình chỉ do sự hư hỏng về giới, đình chỉ do sự hư hỏng về hạnh kiểm, đình chỉ do sự hư hỏng về tri kiến?”

16. Nếu vị ấy nói như vậy: “Hoặc là tôi đình chỉ do sự hư hỏng về giới, hoặc là tôi đình chỉ do sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc là tôi đình chỉ do sự hư hỏng về tri kiến.” Vị ấy nên được nói như sau: “Vị đại đức có biết sự hư hỏng về giới không, có biết sự hư hỏng về hạnh kiểm không, có biết sự hư hỏng về tri kiến không?” Nếu vị ấy nói như vậy: “Này các đại đức, tôi biết sự hư hỏng về giới, tôi biết sự hư hỏng về hạnh kiểm, tôi biết sự hư hỏng về tri kiến.” Vị ấy nên được nói như sau: “Này đại đức, điều gì là sự hư hỏng về giới, điều gì là sự hư hỏng về hạnh kiểm, điều gì là sự hư hỏng về tri kiến?”

17. Nếu vị ấy nói như vậy: “Bốn *pārājika*, mười ba *saṅghādisesa*, đó là sự hư hỏng về giới. Tội *thullaccaya*, tội *pācittiya*, tội *pāṭidesanīya*, tội *dukkata*, tội *dubbhāsita*, đó là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Tà kiến, tri kiến cực đoan, đó là sự hư hỏng về tri kiến.” Vị ấy nên được nói như sau: “Này đại đức, việc đại đức đình chỉ sự thỉnh cầu của vị tỳ khuru này, có phải đại đức đình chỉ do đã được thấy, đình chỉ do đã được nghe, đình chỉ do sự nghi ngờ?”

18. Nếu vị ấy nói như vậy: “Hoặc là tôi đình chỉ do đã được thấy, hoặc là tôi đình chỉ do đã được nghe, hoặc là tôi đình chỉ do sự nghi ngờ.” Vị ấy nên được nói như sau: “Này đại đức, việc đại đức đình chỉ sự thỉnh cầu của vị tỳ khuru này do đã được thấy, đại đức đã thấy gì? Đại đức đã thấy thế nào? Đại đức đã thấy khi nào? Đại

đức đã thấy ở đâu? Có phải đã thấy vị này đang phạm *pārājika*, đã thấy đang phạm *saṅghādisesa*, đã thấy đang phạm tội *thullaccaya* ...tội *pācittiya* ...tội *pāṭidesanīya* ...tội *dukkaṭa* ...tội *dubbhāsita*? Và đại đức đã ở đâu, và vị tỳ khuru này đã ở đâu, và đại đức đã làm gì, và vị tỳ khuru này đã làm gì?”

19. Nếu vị ấy nói như vậy: “Này các đại đức, tôi không đình chỉ sự thỉnh cầu của vị tỳ khuru này do đã được thấy, tuy nhiên tôi đình chỉ sự thỉnh cầu do đã được nghe.” Vị ấy nên được nói như sau: “Này đại đức, việc đại đức đình chỉ sự thỉnh cầu của vị tỳ khuru này do đã được nghe, đại đức đã nghe gì? Đại đức đã nghe thế nào? Đại đức đã nghe khi nào? Đại đức đã nghe ở đâu? Có phải đã nghe rằng: ‘Vị này đã phạm tội *pārājika*’? Có phải đã nghe rằng: ‘Vị này đã phạm tội *saṅghādisesa*’? Có phải đã nghe rằng: ‘Vị này đã phạm tội *thullaccaya* ...tội *pācittiya* ...tội *pāṭidesanīya* ...tội *dukkaṭa* ...tội *dubbhāsita*’? Có phải đại đức đã nghe từ vị tỳ khuru, đã nghe từ vị tỳ khuru ni, đã nghe từ cô ni tu tập sự, đã nghe từ vị sa di, đã nghe từ vị sa di ni, đã nghe từ nam cư sĩ, đã nghe từ nữ cư sĩ, đã nghe từ các đức vua, đã nghe từ các quan đại thần của đức vua, đã nghe từ các ngoại đạo, đã nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?”

20. Nếu vị ấy nói như vậy: “Này các đại đức, tôi không đình chỉ sự thỉnh cầu của vị tỳ khuru này do đã được nghe, tuy nhiên tôi đình chỉ sự thỉnh cầu do sự nghi ngờ.” Vị ấy nên được nói như sau: “Này đại đức,

việc đại đức đình chỉ sự thỉnh cầu của vị tỳ khuru này do sự nghi ngờ, đại đức nghi ngờ gì, nghi ngờ như thế nào, nghi ngờ khi nào, nghi ngờ ở đâu? Có phải đại đức nghi ngờ rằng: ‘Vị này đã phạm tội *pārājika*’? Có phải đại đức nghi ngờ rằng: ‘Vị này đã phạm tội *saṅghādisesa*’? Có phải đại đức nghi ngờ rằng: ‘Vị này đã phạm tội *thullaccaya* ...tội *pācittiya* ...tội *pāṭidesanīya* ...tội *dukkatā* ...tội *dubbhāsita*’? Có phải đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ vị tỳ khuru, nghi ngờ sau khi nghe từ vị tỳ khuru ni, nghi ngờ sau khi nghe từ cô ni tu tập sự, nghi ngờ sau khi nghe từ vị sa di, nghi ngờ sau khi nghe từ vị sa di ni, nghi ngờ sau khi nghe từ nam cư sĩ, nghi ngờ sau khi nghe từ nữ cư sĩ, nghi ngờ sau khi nghe từ các đức vua, nghi ngờ sau khi nghe từ các quan đại thần của đức vua, nghi ngờ sau khi nghe từ các ngoại đạo, nghi ngờ sau khi nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?”

21. Nếu vị ấy nói như vậy: “Này các đại đức, tôi không đình chỉ sự thỉnh cầu của vị tỳ khuru này do sự nghi ngờ, hơn nữa tôi cũng không biết do điều gì tôi đình chỉ sự thỉnh cầu của vị tỳ khuru này.” Này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru buộc tội không làm thỏa mãn tâm của các vị đồng Phạm hạnh thông minh bằng lời đối đáp thì vừa đủ cho lời nói rằng: “Vị bị buộc tội là không có tội.” Này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru buộc tội làm thỏa mãn tâm của các vị đồng Phạm hạnh thông minh bằng lời đối đáp thì vừa đủ cho lời nói rằng: “Vị bị buộc tội là có tội.”

22. Nay các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru buộc tội thú nhận là (vị kia) đã bị bôi nhọ với tội *pārājika* không có căn cứ, sau khi khép (vị buộc tội) vào tội *saṅ ghādisesa* rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Nay các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru buộc tội thú nhận là (vị kia) đã bị bôi nhọ với tội *saṅ ghādisesa* không có căn cứ, sau khi cho hành xử (vị buộc tội) theo Pháp rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Nay các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru buộc tội thú nhận là (vị kia) đã bị bôi nhọ với tội *thullaccaya*, ... với tội *pācittiya*, ... với tội *pāṭ idesanīya*, ... với tội *dukkaṭ a*, ... với tội *dubbhāsita* không có căn cứ, sau khi cho hành xử (vị buộc tội) theo Pháp rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

23. Nay các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru bị buộc tội thú nhận rằng: “Đã phạm tội *pārājika*,” sau khi trục xuất rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Nay các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru bị buộc tội thú nhận rằng: “Đã phạm tội *saṅ ghādisesa*,” sau khi khép vào tội *saṅ ghādisesa* rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Nay các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru bị buộc tội thú nhận rằng: “Đã phạm tội *thullaccaya* ... tội *pācittiya* ... tội *pāṭ idesanīya* ... tội *dukkaṭ a* ... tội *dubbhāsita*,” sau khi cho hành xử (vị ấy) theo Pháp rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

24. Nay các tỳ khuru, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā* có vị tỳ khuru phạm tội *thullaccaya*. Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *thullaccaya*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *saṅ ghādisesa*. Nay các tỳ khuru, các vị tỳ

khuru nào có quan điểm là tội *thullaccaya*, này các tỳ khuru, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho (vị ấy) hành xử theo Pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khuru ấy phạm tội nào, tội ấy đã được sửa chữa theo Pháp cho vị ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.”

Này các tỳ khuru, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā* có vị tỳ khuru phạm tội *thullaccaya*. Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *thullaccaya*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *pācittiya*, —nt— Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *thullaccaya*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *pāṭ idesanīya*. —nt— Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *thullaccaya*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *dukkatā*. —nt— Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *thullaccaya*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *dubbhāsita*. Này các tỳ khuru, các vị tỳ khuru nào có quan điểm là tội *thullaccaya*, này các tỳ khuru, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho (vị ấy) hành xử theo Pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khuru ấy phạm tội nào, tội ấy đã được sửa chữa theo Pháp cho vị ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.”

25. Này các tỳ khuru, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā* có vị tỳ khuru đã phạm tội *pācittiya*. Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *pācittiya*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *saṅ ghādisesa*. Này các tỳ khuru, các vị tỳ

khuru nào có quan điểm là tội *pācittiya*, này các tỳ khuru, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho (vị ấy) hành xử theo Pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khuru ấy phạm tội nào, tội ấy đã được sửa chữa theo Pháp cho vị ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.”

Này các tỳ khuru, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā* có vị tỳ khuru đã phạm tội *pācittiya*. Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *pācittiya*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *thullaccaya*. —nt— Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *pācittiya*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *pāṭ idesanīya*. —nt— Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *pācittiya*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *dukkatā*. Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *pācittiya*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *dubbhāsita*. —nt— Này các tỳ khuru, các vị tỳ khuru nào có quan điểm là tội *pācittiya*, này các tỳ khuru, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho (vị ấy) hành xử theo Pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khuru ấy phạm tội nào, tội ấy đã được sửa chữa theo Pháp cho vị ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.”

26. Này các tỳ khuru, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā* có vị tỳ khuru đã phạm tội *pāṭ idesanīya*. Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *pāṭ idesanīya*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *saṇ ghādisesa*. Này các tỳ khuru, các vị

tỳ khuru nào có quan điểm là tội *pāṭ idesanīya*, này các tỳ khuru, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho (vị ấy) hành xử theo Pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khuru ấy phạm tội nào, tội ấy đã được sửa chữa theo Pháp cho vị ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.”

Này các tỳ khuru, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā* có vị tỳ khuru đã phạm tội *pāṭ idesanīya*. Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *pāṭ idesanīya*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *thullaccaya*. —nt— Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *pāṭ idesanīya*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *pācittiya*. —nt— Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *pāṭ idesanīya*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *dukkatā*. Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *pāṭ idesanīya*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *dubbhāsita*. —nt— Này các tỳ khuru, các vị tỳ khuru nào có quan điểm là tội *pāṭ idesanīya*, này các tỳ khuru, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho (vị ấy) hành xử theo Pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vậy: “Này các đại đức, vị tỳ khuru ấy phạm tội nào, tội ấy đã được sửa chữa theo Pháp cho vị ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.”

27. Này các tỳ khuru, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā* có vị tỳ khuru đã phạm tội *dukkatā*. Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *dukkatā*, một số tỳ khuru có

quan điểm là tội *saṇ ghādisesa*. Đây các tỳ khuru, các vị tỳ khuru nào có quan điểm là tội *dukkaṭ a*, này các tỳ khuru, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho (vị ấy) hành xử theo Pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vậy: “Đây các đại đức, vị tỳ khuru ấy phạm tội nào, tội ấy đã được sửa chữa theo Pháp cho vị ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.”

Này các tỳ khuru, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā* có vị tỳ khuru đã phạm tội *dukkaṭ a*. Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *dukkaṭ a*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *thullaccaya*. —nt— Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *dukkaṭ a*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *pācittiya*. —nt— Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *dukkaṭ a*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *pāṭ idesaṇīya*. —nt— Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *dukkaṭ a*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *dubbhāsita*. Đây các tỳ khuru, các vị tỳ khuru nào có quan điểm là tội *dukkaṭ a*, này các tỳ khuru, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho (vị ấy) hành xử theo Pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vậy: “Đây các đại đức, vị tỳ khuru ấy phạm tội nào, tội ấy đã được sửa chữa theo Pháp cho vị ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.”

28. Đây các tỳ khuru, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā* có vị tỳ khuru đã phạm tội *dubbhāsita*. Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *dubbhāsita*, một số tỳ khuru có

quan điểm là tội *saṇ ghādisesa*. Nay các tỳ khuru, các vị tỳ khuru nào có quan điểm là tội *dubbhāsita*, nay các tỳ khuru, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho (vị ấy) hành xử theo Pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vậy: “Nay các đại đức, vị tỳ khuru ấy phạm tội nào, tội ấy đã được sửa chữa theo Pháp cho vị ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.”

Nay các tỳ khuru, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā* có vị tỳ khuru đã phạm tội *dubbhāsita*. Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *dubbhāsita*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *thullaccaya*. —nt— Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *dubbhāsita*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *pācittiya*. —nt— Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *dubbhāsita*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *pāt idesaṇīya*. —nt— Một số tỳ khuru có quan điểm là tội *dubbhāsita*, một số tỳ khuru có quan điểm là tội *dukkatā*. Nay các tỳ khuru, các vị tỳ khuru nào có quan điểm là tội *dubbhāsita*, nay các tỳ khuru, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho (vị ấy) hành xử theo Pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vậy: “Nay các đại đức, vị tỳ khuru ấy phạm tội nào, tội ấy đã được sửa chữa theo Pháp cho vị ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.”

29. Nay các tỳ khuru, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā* có vị tỳ khuru nêu lên ở giữa hội chúng rằng: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự việc

này được biết và nhân sự thì không (biết). Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên loại trừ sự việc rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*.” Vị ấy nên được nói như vậy: “Này đại đức, đức Thế Tôn đã quy định lễ *Pavāraṇā* là của các vị trong sạch. Nếu sự việc này được biết và nhân vật thì không (biết), thì ngay bây giờ đại đức hãy nói về việc ấy.”

30. Này các tỳ khuru, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā* có vị tỳ khuru nêu lên ở giữa hội chúng rằng: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật này được biết và sự việc thì không (biết). Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên loại trừ nhân vật rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*.” Vị ấy nên được nói như vậy: “Này đại đức, đức Thế Tôn đã quy định lễ *Pavāraṇā* là của các vị trong sạch và của các sự hợp nhất. Nếu nhân vật này được biết và sự việc thì không (biết), thì ngay bây giờ đại đức hãy nói về việc ấy.”

31. Này các tỳ khuru, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā* có vị tỳ khuru nêu lên ở giữa hội chúng rằng: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự việc này và nhân vật được biết. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên loại trừ sự việc và nhân vật rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*.” Vị ấy nên được nói như vậy: “Này đại đức, đức Thế Tôn đã quy định lễ *Pavāraṇā* là của các vị trong sạch và của các sự hợp nhất. Nếu sự việc và nhân vật được biết, thì ngay bây giờ đại đức hãy nói về việc ấy.” Này các tỳ khuru, nếu sự việc được biết

trước ngày lễ *Pavāraṇā*, còn nhân vật (được biết) sau đó thì thích hợp cho lời nói. Nay các tỳ khuru, nếu nhân vật được biết trước ngày lễ *Pavāraṇā*, còn sự việc (được biết) sau đó thì thích hợp cho lời nói. Nay các tỳ khuru, nếu sự việc và nhân vật được biết trước ngày lễ *Pavāraṇā* và khi lễ *Pavāraṇā* đã được thực hiện, nếu khơi lại việc ấy thì phạm tội *pācittiya* về việc bươi móc.¹

32. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ khuru là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết, đã vào mùa (an cư) mưa tại trú xứ họ ở trong xứ Kosala. Ở khu vực lân cận của các vị ấy, có những tỳ khuru khác là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng (cũng) đã vào mùa (an cư) mưa (nói rằng): - “Khi các vị tỳ khuru ấy đã sống qua mùa (an cư) mưa, chúng tôi sẽ đình chỉ sự thỉnh cầu (của các vị ấy) vào ngày lễ *Pavāraṇā*.” Các vị tỳ khuru ấy đã nghe được rằng: “Nghe nói ở khu vực lân cận của chúng ta, có những tỳ khuru khác là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng (cũng) đã vào mùa (an cư) mưa (nói rằng): ‘Khi các vị tỳ khuru ấy đã sống qua mùa (an cư) mưa, chúng tôi sẽ đình chỉ sự thỉnh cầu của các vị ấy vào ngày lễ *Pavāraṇā*,’ vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

¹ Liên quan đến tội *pācittiya* 63 về việc khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp (ND).

33. - “Này các tỳ khuru, trường hợp nhiều vị tỳ khuru là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết, vào mùa (an cư) mưa tại trú xứ nọ. Ở khu vực lân cận của các vị ấy, có những tỳ khuru khác là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng (cũng) vào mùa (an cư) mưa (nói rằng): “Khi các vị tỳ khuru ấy đã sống qua mùa (an cư) mưa, chúng tôi sẽ đình chỉ sự thỉnh cầu của các vị ấy vào ngày lễ *Pavāraṇā*.” Này các tỳ khuru, ta cho phép các vị tỳ khuru ấy thực hiện hai hay ba lễ *Uposatha* vào ngày mười bốn (nghĩ rằng): “Làm thế nào chúng ta có thể tiến hành lễ *Pavāraṇā* sớm hơn các vị tỳ khuru ấy?”

34. Này các tỳ khuru, nếu các vị tỳ khuru là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng ấy đi đến chỗ trú xứ ấy, này các tỳ khuru, các vị tỳ khuru thường trú ấy nên tụ hội lại thật nhanh chóng và tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Sau khi tiến hành lễ *Pavāraṇā* nên nói rằng: “Này các đại đức, chúng tôi đã thực hiện lễ *Pavāraṇā*, các đại đức hãy làm theo như điều mà các vị suy nghĩ.”

35. Này các tỳ khuru, nếu các vị tỳ khuru là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng ấy đi đến trú xứ ấy không báo trước, này các tỳ khuru, các vị tỳ khuru thường trú ấy nên sắp đặt chỗ ngồi, nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, rồi đi ra đón,

nên rước y và bình bát, và nên hỏi ý về nước uống. Sau khi xem chừng các vị ấy rồi nên đi ra khỏi ranh giới và nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Sau khi tiến hành lễ *Pavāraṇā* nên nói rằng: “Này các đại đức, chúng tôi đã thực hiện lễ *Pavāraṇā*, các đại đức hãy làm theo như điều mà các vị suy nghĩ.” Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được (như thế), các vị tỳ khuru thường trú ấy cần được thông báo bởi vị tỳ khuru thường trú có kinh nghiệm, đủ năng lực: “Xin các đại đức thường trú hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho các đại đức, giờ đây chúng ta nên tiến hành lễ *Uposatha*, chúng ta nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Chúng ta có thể tiến hành lễ *Pavāraṇā* vào hạ huyền tới.”¹

36. Này các tỳ khuru, nếu các vị tỳ khuru là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng ấy nói với các vị tỳ khuru ấy như vậy: “Này các đại đức, tốt thôi! Ngay chính hôm nay các vị hãy tiến hành lễ *Pavāraṇā* với chúng tôi.” Các vị tỳ khuru ấy nên nói như vậy: “Này các đại đức, các vị không có quyền hành về lễ *Pavāraṇā* của chúng tôi. Chúng tôi không thể thỉnh cầu cho đến lúc ấy.”

37. Này các tỳ khuru, nếu các vị tỳ khuru là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói

¹ Ngày này chính là ngày cuối tháng âm lịch của Việt Nam, tức là ngày 29 hoặc 30 (ND).

chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng ấy cư ngụ cho đến thời gian ấy, này các tỳ khuru, các vị tỳ khuru thường trú ấy cần được thông báo bởi vị tỳ khuru thường trú có kinh nghiệm, đủ năng lực: “Xin các đại đức thường trú hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho các đại đức, giờ đây chúng ta nên tiến hành lễ *Uposatha*, chúng ta nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*. Chúng ta có thể tiến hành lễ *Pavāraṇā* vào ngày trăng tròn tới.”

38. Này các tỳ khuru, nếu các vị tỳ khuru là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng ấy nói với các vị tỳ khuru ấy như vậy: “Này các đại đức, tốt thôi! Ngay chính hôm nay các vị hãy tiến hành lễ *Pavāraṇā* với chúng tôi.” Các vị tỳ khuru ấy nên nói như vậy: “Này các đại đức, các vị không có quyền hành về lễ *Pavāraṇā* của chúng tôi. Chúng tôi không thể thỉnh cầu cho đến lúc ấy.”

39. Này các tỳ khuru, nếu các vị tỳ khuru là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng ấy cư ngụ cho đến ngày trăng tròn ấy, này các tỳ khuru, toàn bộ tất cả các vị tỳ khuru ấy nên tiến hành lễ *Pavāraṇā* vào ngày trăng tròn tháng *Kattika* sắp đến tức là ngày lễ hội *Cātumāsini* cho dầu không muốn.

40. Này các tỳ khuru, trong khi các vị tỳ khuru ấy đang tiến hành lễ *Pavāraṇā*, nếu vị bị bệnh đình chỉ sự thỉnh

cầu của vị không bệnh, vị ấy nên được nói như vậy: “Đại đức đang bị bệnh. Và đức Thế Tôn đã nói là vị bị bệnh không chịu đựng được sự thăm vấn. Nay đại đức, hãy chờ đến khi đại đức hết bệnh. Khi hết bệnh thì đại đức sẽ buộc tội nếu mong muốn.” Và khi được nói như thế mà vẫn buộc tội thì phạm tội *pācittiya* về việc không tôn trọng.¹

41. Nay các tỳ khuru, trong khi các vị tỳ khuru ấy đang tiến hành lễ *Pavāraṇā*, nếu vị không bị bệnh đình chỉ sự thỉnh cầu của vị bị bệnh, vị ấy nên được nói như vậy: “Nay đại đức, vị tỳ khuru này bị bệnh. Và đức Thế Tôn đã nói là vị bị bệnh không chịu đựng được sự thăm vấn. Nay đại đức, hãy chờ cho đến khi vị tỳ khuru này hết bệnh. Rồi đại đức sẽ buộc tội vị không bệnh nếu mong muốn.” Và khi được nói như thế mà vẫn buộc tội thì phạm tội *pācittiya* về việc không tôn trọng.

42. Nay các tỳ khuru, trong khi các vị tỳ khuru ấy đang tiến hành lễ *Pavāraṇā*, nếu vị bị bệnh đình chỉ sự thỉnh cầu của vị bị bệnh, vị ấy nên được nói như vậy: “Các đại đức đang bị bệnh. Và đức Thế Tôn đã nói là vị bị bệnh không chịu đựng được sự thăm vấn. Nay đại đức, hãy chờ đến khi các vị hết bệnh. Rồi khi không bệnh đại đức sẽ buộc tội vị không bệnh nếu mong muốn.” Và khi được nói như thế mà vẫn buộc tội thì phạm tội *pācittiya* về việc không tôn trọng.

¹ Liên quan đến tội *pācittiya* 54 về sự không tôn trọng (ND).

43. Nay các tỳ khuru, trong khi các vị tỳ khuru ấy đang tiến hành lễ *Pavāraṇā*, nếu vị không bệnh đình chỉ sự thỉnh cầu của vị không bệnh. Cả hai nên được hội chúng thăm vấn, tra hỏi, nhắc nhở, cho hành xử theo Pháp, rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.”

44. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị tỳ khuru là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết, đã vào mùa (an cư) mưa tại trú xứ nọ ở trong xứ Kosala. Trong khi các vị ấy sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có (trạng thái) an trú lạc nào đó đã được đạt đến. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã khởi ý điều này: “Trong khi chúng ta sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có (trạng thái) an trú lạc nào đó đã được đạt đến. Nếu bây giờ chúng ta tiến hành lễ *Pavāraṇā*, cũng có thể là sau khi tiến hành lễ *Pavāraṇā* các vị tỳ khuru sẽ ra đi du hành, như thế chúng ta sẽ bị ra khỏi (trạng thái) an trú lạc này; vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

45. - “Nay các tỳ khuru, trường hợp có nhiều vị tỳ khuru là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết, đã vào mùa (an cư) mưa tại trú xứ nọ. Trong khi các vị ấy sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có (trạng thái) an trú lạc nào đó đã được đạt đến. Nếu các vị tỳ khuru ở đó khởi ý như vậy: “Trong khi chúng ta sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có (trạng thái) an trú lạc nào đó đã được đạt đến. Nếu bây giờ chúng ta sẽ tiến hành lễ *Pavāraṇā*, cũng có thể là sau khi tiến hành lễ

Pavāraṇā các vị tỳ khuru sẽ ra đi du hành, như thế chúng ta sẽ bị ra khỏi (trạng thái) an trú lạc này.”

46. Này các tỳ khuru, ta cho phép các vị tỳ khuru ấy thực hiện việc hoãn lại ngày lễ *Pavāraṇā*. Và này các tỳ khuru, nên thực hiện như vậy: Toàn bộ tất cả (các vị ấy) nên tụ hội lại một chỗ. Sau khi đã tụ hội lại, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

47. “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi chúng ta sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có (trạng thái) an trú lạc nào đó đã được đạt đến. Nếu bây giờ chúng ta sẽ tiến hành lễ *Pavāraṇā*, cũng có thể là sau khi tiến hành lễ *Pavāraṇā* các vị tỳ khuru sẽ ra đi du hành, như thế chúng ta sẽ bị ra khỏi (trạng thái) an trú lạc này. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện sự đồng thuận về lễ *Pavāraṇā*, bây giờ chúng ta nên tiến hành lễ *Uposatha*, nên đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*, và nên tiến hành lễ *Pavāraṇā* vào ngày trăng tròn tháng *Kattika* sắp đến tức là ngày lễ hội *Cātumāsini*. Đây là lời đề nghị.

48. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi chúng ta sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có (trạng thái) an trú lạc nào đó đã được đạt đến. Nếu bây giờ chúng ta sẽ tiến hành lễ *Pavāraṇā*, cũng có thể là sau khi tiến hành lễ *Pavāraṇā* các vị tỳ khuru sẽ ra đi du hành, như thế chúng ta sẽ bị ra khỏi (trạng thái) an trú lạc này. Hội chúng thực hiện sự đồng thuận về lễ *Pavāraṇā*, bây giờ sẽ tiến hành lễ *Uposatha*, sẽ đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*, và sẽ

tiến hành lễ Pavāraṇā vào ngày trăng tròn tháng Kattika sắp đến tức là ngày lễ hội Cātumāsini. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện sự đồng thuận về lễ Pavāraṇā, bây giờ (hội chúng) sẽ tiến hành lễ Uposatha, sẽ đọc tụng giới bốn Pātimokkha, và sẽ tiến hành lễ Pavāraṇā vào ngày trăng tròn tháng Kattika sắp đến tức là ngày lễ hội Cātumāsini xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

49. Sự đồng thuận về lễ Pavāraṇā đã được hội chúng thực hiện, bây giờ (hội chúng) sẽ tiến hành lễ Uposatha, sẽ đọc tụng giới bốn Pātimokkha, và sẽ tiến hành lễ Pavāraṇā vào ngày trăng tròn tháng Kattika sắp đến tức là ngày lễ hội Cātumāsini. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

50. Nay các tỳ khưu, nếu khi sự đồng thuận về lễ Pavāraṇā đã được hội chúng thực hiện, có vị tỳ khưu nọ nói như vậy: "Này các đại đức, tôi muốn ra đi du hành ở trong xứ sở. Tôi có công việc cần làm ở trong xứ sở." Vị ấy nên được nói như vậy: "Này đại đức, tốt lắm! Hãy thực hiện lễ Pavāraṇā rồi hãy đi."

51. Nay các tỳ khưu, nếu vị tỳ khưu ấy trong khi đang thỉnh cầu lại đình chỉ sự thỉnh cầu của vị tỳ khưu khác. Vị ấy nên được nói như vậy: "Này đại đức, đại đức không có quyền hành về lễ Pavāraṇā của tôi, tôi sẽ không thỉnh cầu cho đến lúc ấy." Nay các tỳ khưu, nếu vị tỳ khưu ấy trong khi đang thỉnh cầu, có vị tỳ khưu khác đình chỉ lễ Pavāraṇā của vị tỳ khưu ấy. Cả hai nên

được hội chúng thăm vấn, tra hỏi, nhắc nhở, rồi cho hành xử theo Pháp.

52. Nay các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru ấy sau khi hoàn tất công việc cần làm ấy ở trong xứ sở lại quay trở về trú xứ ấy trước ngày trăng tròn tháng *Kattika* tức là ngày lễ hội *Cātumāsini*. Nay các tỳ khuru, nếu trong khi các vị tỳ khuru ấy đang thỉnh cầu, có vị tỳ khuru nọ đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị tỳ khuru ấy. Vị nọ nên được nói như vậy: “Này đại đức, đại đức không có quyền hành về lễ *Pavāraṇā* của tôi. Tôi đã thỉnh cầu rồi.” Nay các tỳ khuru, nếu trong khi các vị tỳ khuru ấy đang thỉnh cầu, vị tỳ khuru ấy đình chỉ sự thỉnh cầu của vị tỳ khuru khác. Cả hai nên được hội chúng thăm vấn, tra hỏi, nhắc nhở, cho hành xử theo Pháp, rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.”

Dứt chương *Pavāraṇā* là chương thứ tư.

--ooOoo--

Trong chương này có bốn mươi sáu sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY

1. (Các vị) đã sống qua mùa (an cư) mưa ở xứ Kosala đã đi diện kiến bậc Đạo Sư, sự sống chung như loài thú một cách không thoải mái, về sự hài hòa với nhau.

2. Trong khi đang câu thỉnh (ngồi yên) ở chỗ ngồi, và có hai (ngày lễ), hành sự, vị bị bệnh, các thân quyến, rồi đức vua, bọn cướp, lũ bất lương, các kẻ đối nghịch tỳ khuru cũng giống y như thế.

3. Năm, bốn, ba, hai, một vị, bị phạm tội, có sự nghi ngờ, vị đã nhớ lại, tất cả hội chúng có sự nghi ngờ, nhiều hơn, tương đương, và ít hơn.

4. Các vị thường trú, ngày mười bốn, đặc điểm, các vị đồng cộng trú, cả hai, nên đi đến, không với vị ni ngồi, về việc bày tỏ sự tùy thuận, lễ Pavāraṇā.

5. Vì đám lục lâm, (đêm) đã tàn, đám mây đen, các điều nguy hiểm, và sự thỉnh cầu, các vị không để cho thỉnh ý, trước chúng ta, đã không bị đình chỉ, và của vị tỳ khuru.

6. Và do điều gì? và thế nào? do đã thấy, do đã nghe, do sự nghi ngờ, vị (nguyên cáo) kết tội, và vị bị kết tội, tội thullaccaya, sự việc, (gây ra) sự xung đột, lễ Pavāraṇā, và sự đồng thuận, không có quyền hành, (hội chúng) nên tiến hành lễ Pavāraṇā.

--ooOoo--

V. CHƯƠNG DA THỨ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, ở núi Gijjhakūṭa. Vào lúc bấy giờ, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cai trị vương quốc bằng quyền thống lãnh tối cao trong tám mươi ngàn ngôi làng. Vào lúc bấy giờ, ở xứ Campā, người con trai nhà đại phú tên Soṇa Koḷivīsa là người (có vóc dáng) mảnh mai. Ở các lòng bàn chân của vị ấy có các sợi lông mọc. Khi ấy, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha sau khi cho triệu tập tám mươi ngàn người trưởng làng ấy lại vì công việc cần làm nào đó rồi đã phái sứ giả đến gặp Soṇa Koḷivīsa (nói rằng): - “Soṇa hãy đến. Trẫm muốn sự đi đến của Soṇa.”

2. Khi ấy, cha mẹ của Soṇa Koḷivīsa đã nói với Soṇa Koḷivīsa điều này: - “Này Soṇa yêu quý, đức vua có ý muốn xem hai bàn chân của con. Này Soṇa yêu quý, con chớ có duỗi thẳng hai bàn chân về hướng đức vua. Con hãy ngồi với thế kiết già ở phía trước đức vua, khi con đã ngồi xuống thì đức vua sẽ thấy được hai bàn chân của con.”

3. Rồi họ đã đưa Soṇa Koḷivīsa đi bằng kiệu. Sau đó, Soṇa Koḷivīsa đã đi đến gặp đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã cung kính chào đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha rồi đã ngồi với thế kiết già ở phía trước đức vua. Đức vua Seniya Bimbisāra xứ

Magadha đã nhìn thấy các lông mọc ở hai lòng bàn chân của Soṇa Koṭiṃsa.

4. Sau đó, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã chỉ bảo về các điều lợi ích trong thời hiện tại đến tám mươi ngàn người trưởng làng ấy rồi giải tán (nói rằng): - “Này các khanh, ở đây các khanh đã được ta chỉ bảo về các điều lợi ích trong đời hiện tại. Các khanh hãy đi đến và hầu cận đức Thế Tôn ấy. Đức Thế Tôn ấy sẽ chỉ dạy cho chúng ta về các điều lợi ích trong đời vị lai.” Sau đó, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy đã đi đến núi Gijjhakūṭa.

5. Vào lúc bấy giờ, đại đức Sāgata là thị giả của đức Thế Tôn. Khi ấy, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy đã đi đến gặp đại đức Sāgata, sau khi đến đã nói với đại đức Sāgata điều này: - “Thưa ngài, tám mươi ngàn người trưởng làng này đi đến đây để diện kiến đức Thế Tôn. Thưa ngài, tốt đẹp thay nếu chúng tôi có thể diện kiến đức Thế Tôn.” - “Này quý vị, nếu vậy thì các vị hãy ở ngay tại đây trong chốc lát chờ tôi báo cho đức Thế Tôn biết.”

6. Sau đó, đại đức Sāgata đã biến mất ở nơi bậc cấp trước tám mươi ngàn người trưởng làng ấy đang chăm chú nhìn rồi đã hiện ra ở trước đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, tám mươi ngàn người trưởng làng này đi đến đây để diện kiến đức Thế Tôn. Bạch ngài, giờ đây xin đức Thế Tôn hãy suy nghĩ về thời điểm của việc ấy.”

7. - “Này Sāgata, nếu vậy thì ngươi hãy sắp đặt chỗ ngồi ở nơi có bóng râm của trú xá.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Đại đức Sāgata nghe theo đức Thế Tôn đã cầm lấy chiếc ghế rồi biến mất ở trước đức Thế Tôn và hiện ra ở bậc cấp trước tám mươi ngàn người trưởng làng đang chăm chú nhìn, rồi đã sắp đặt chỗ ngồi ở nơi có bóng râm của trú xá.

8. Sau đó, đức Thế Tôn đã từ trú xá đi ra và ngồi xuống trên chỗ ngồi đã được sắp đặt ở nơi có bóng râm của trú xá. Khi ấy, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên.

9. Sau đó, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy chỉ hướng tâm đến chính đại đức Sāgata, còn đức Thế Tôn thì không được như thế. Khi ấy, đức Thế Tôn đã dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của tám mươi ngàn người trưởng làng ấy nên đã bảo đại đức Sāgata rằng: - “Này Sāgata, nếu vậy thì ngươi hãy phô bày sự diệu kỳ của thần thông là pháp thượng nhân nhiều hơn nữa.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Rồi đại đức Sāgata nghe theo đức Thế Tôn đã bay lên không trung, đi qua lại ở khoảng không trên bầu trời, rồi đứng lại, rồi ngồi xuống, rồi nằm xuống, rồi phun khói, rồi phát sáng, rồi biến mất.

10. Sau đó, khi đã phô bày sự diệu kỳ của thần thông là pháp thượng nhân theo nhiều cách ở khoảng không

trên bầu trời, đại đức Sāgata đã quỳ xuống đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn rồi nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, đức Thế Tôn là bậc đạo sư của con, con là người đệ tử. Bạch ngài, đức Thế Tôn là bậc đạo sư của con, con là người đệ tử.”

11. Khi ấy, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy (nghĩ rằng): “Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Bởi vì vị đệ tử còn có đại thần lực như thế này, đại oai lực như thế này, ắt hẳn vị đạo sư sẽ còn hơn thế nữa!” rồi đã hướng tâm đến chính đức Thế Tôn, còn đại đức Sāgata thì không được như thế.

12. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của tám mươi ngàn người trưởng làng ấy rồi đã thuyết Pháp theo thứ lớp. Tức là ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời, sự ô nhiễm hạ liệt tai hại của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly.

13. Khi đức Thế Tôn biết được những người ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, ngài đã phô bày Pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng giống như tấm vải sạch chưa bị vết nhơ có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến tám mươi ngàn người trưởng

làng ấy: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

14. Sau đó, khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, những người ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, thật là tuyệt vời! Bạch ngài, giống như người có thể lật ngựa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối (nghĩ rằng): “Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dáng;” tương tự như thế, Pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch ngài, chúng con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo Pháp, và Hội chúng tỳ khuru. Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là những nam cư sĩ đã được quy y kể từ hôm nay cho đến trọn đời.”

15. Khi ấy, Soṇa Koṭivīsa đã khởi ý điều này: “Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch, hay là ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà?”

16. Sau đó, khi đã được hoan hỷ, đã được hài lòng với lời giảng dạy của đức Thế Tôn, tám mươi ngàn

người trưởng làng ấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Sau đó, khi tám mươi ngàn người trưởng làng ra đi không lâu, Soṇa Koḷivīsa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Soṇa Koḷivīsa đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, theo như con hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Bạch ngài, con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà. Bạch ngài, xin đức Thế Tôn hãy cho con xuất gia.” Rồi Soṇa Koḷivīsa đã đạt được sự xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn, đã đạt được sự tu lên bậc trên.

17. Và khi đã được tu lên bậc trên không bao lâu, đại đức Soṇa sống ở khu rừng Sīta. Trong khi vị ấy đang đi kinh hành với sự tinh tấn nỗ lực quá mức, các bàn chân đã bị rách. Đường kinh hành trở nên vậy đầy máu như là chỗ giết trâu bò.

18. Sau đó, đại đức Soṇa trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: “Ta là một trong số các vị đệ tử của đức Thế Tôn sống có sự tinh tấn nỗ lực, nhưng tâm của ta vẫn còn chấp thủ và không được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Hơn nữa, ở gia đình của ta lại có các tài sản, có thể thọ dụng những tài

sản (ấy) và làm các việc phước báu. Hay là ta nên quay về cuộc sống thấp kém rồi thọ dụng những tài sản (ấy) và làm các việc phước báu?”

19. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đại đức Soṇa, rồi cũng giống như người đàn ông có sức mạnh có thể đuổi ra cánh tay đã được co lại hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra, tương tự như thế Ngài đã biến mất tại núi Gijjhakūṭa và hiện ra ở khu rừng Sita.

20. Sau đó, trong khi cùng với nhiều vị tỳ khuru đi dạo quanh các chỗ trú ngụ, đức Thế Tôn đã đi đến gần đường kinh hành của đại đức Soṇa. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đường kinh hành của đại đức Soṇa bị vấy đầy máu, sau khi nhìn thấy đã nói với các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, đường kinh hành này của vị nào lại bị vấy đầy máu giống như là chỗ giết trâu bò vậy?” - “Bạch ngài, đại đức Soṇa trong khi đi kinh hành với sự tinh tấn nỗ lực quá mức nên hai bàn chân đã bị rách. Đường kinh hành bị vấy đầy máu này là của vị ấy, giống như là chỗ giết trâu bò vậy.”

21. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến trú xá của đại đức Soṇa, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Đại đức Soṇa đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đại đức Soṇa đã ngồi xuống ở một bên, đức Thế Tôn đã nói với đại đức Soṇa điều này: -

“Này Soṇa, có phải người trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: ‘Ta là một trong số các vị đệ tử của đức Thế Tôn sống có sự tinh tấn nỗ lực, nhưng tâm của ta vẫn còn chấp thủ và không được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Hơn nữa, ở gia đình của ta lại có các tài sản, có thể thọ dụng những tài sản (ấy) và làm các việc phước báu; hay là ta nên quay về cuộc sống thấp kém rồi thọ dụng những tài sản (ấy) và làm các việc phước báu?’” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

22. - “Này Soṇa, người nghĩ thế nào về điều này: Có phải trước đây khi còn là kẻ tại gia người rành rẽ về âm điệu của sợi dây ở đàn tỳ bà?”¹ - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” - “Này Soṇa, người nghĩ thế nào về điều này: Khi những sợi dây ở đàn tỳ bà của người là quá căng, phải chăng vào lúc ấy cây đàn tỳ bà của người là có âm thanh hoặc thích hợp để sử dụng?” - “Bạch ngài, điều ấy không đúng.” - “Này Soṇa, người nghĩ thế nào về điều này: Khi những sợi dây ở đàn tỳ bà của người là quá chùng, phải chăng vào lúc ấy cây đàn tỳ bà của người là có âm thanh hoặc thích hợp để sử dụng?” - “Bạch ngài, điều ấy không đúng.” - “Này Soṇa, người nghĩ thế nào về điều này: Khi những sợi dây ở đàn tỳ bà của người không là quá căng và cũng không là quá chùng, được đặt vào mức độ trung hòa, phải chăng vào lúc ấy cây đàn tỳ bà của người là có

¹ *Vijā* là một loại đàn dây có hình dáng tương tự như đàn tỳ-bà (ND).

âm thanh hoặc thích hợp để sử dụng?” - “Bạch ngài, đúng vậy.”

23. - “Này Soṇa, tương tự y như thế sự tinh tấn nỗ lực quá mức đưa đến sự loạn động, sự tinh tấn quá uể oải đưa đến sự biếng nhác. Này Soṇa, do đó ở đây người phải xác định mức đều đều của sự tinh tấn, phải thấu triệt sự cân bằng của các quyền, và ở đó người phải nắm giữ ấn chứng.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Đại đức Soṇa đã trả lời đức Thế Tôn.

24. Sau đó, khi đã giáo huấn cho đại đức Soṇa bằng lời giáo huấn ấy, rồi cũng giống như một người đàn ông có sức mạnh có thể đuổi ra cánh tay đã được co lại hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra, tương tự như thế tại khu rừng Sīta đức Thế Tôn đã biến mất trước mặt đại đức Soṇa rồi hiện ra ở núi Gijjhakūṭa.

25. Sau đó, đại đức Soṇa đã xác định mức đều đều của sự tinh tấn, đã thấu triệt sự cân bằng của các quyền, và ở đó đã nắm giữ được ấn chứng. Khi ấy, đại đức Soṇa trong khi sống một mình, tách biệt, không lười biếng, nỗ lực, quyết tâm, nên chẳng bao lâu sau ngay trong kiếp hiện tại này nhờ vào thắng trí của mình đã thực chứng, đạt đến, và an trú vào điểm tối thượng ấy là đích cuối cùng của Phạm hạnh, vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh sống không nhà. Vị ấy biết được rằng: “Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã hoàn tất, việc cần

làm đã làm, không còn gì khác (phải làm) đối với bản thể (A-la-hán) này nữa.” Và trong số các vị A-la-hán có thêm một vị nữa là đại đức Soṇa.

26. Sau đó, khi đã chứng đạt quả vị A-la-hán đại đức Soṇa đã khởi ý điều này: “Hay là ta nên công bố trí chứng ngộ này trong sự hiện diện của đức Thế Tôn?” Khi ấy, đại đức Soṇa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Soṇa đã nói với đức Thế Tôn điều này:

27. - “Bạch ngài, vị tỳ khuru nào là bậc A-la-hán, có lậu hoặc đã được cạn kiệt, sống theo Phạm hạnh, các việc cần làm đã làm, gánh nặng đã được đặt xuống, mục đích tốt đẹp đã đạt được, sự ràng buộc vào hiện hữu đã được diệt tận, đã được giải thoát nhờ vào trí chứng ngộ chân chánh, vị ấy đã thành tựu sáu sự việc: vị ấy đã thành tựu sự xuất ly, vị ấy đã thành tựu sự viễn ly, vị ấy đã thành tựu sự không hãm hại, vị ấy đã thành tựu sự diệt tận của chấp thủ, vị ấy đã thành tựu sự diệt tận của luyện ái, vị ấy đã thành tựu sự không còn si mê.

28. Bạch ngài, ở đây có thể một vị đại đức nào đó sẽ khởi ý như vậy: “Không lẽ vị đại đức này đã thành tựu sự xuất ly chỉ hoàn toàn nhờ vào đức tin?” Bạch ngài, điều ấy không nên được xem xét như thế. Bạch ngài, vị tỳ khuru có lậu hoặc đã được cạn kiệt, sống theo Phạm hạnh, các việc cần làm đã làm xong, không còn quán xét

đến việc cần phải làm của bản thân hoặc sự tích lũy của (việc) đã làm, nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và bản thân không còn tham ái mà đã thành tựu sự xuất ly, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và bản thân không còn sân hận mà đã thành tựu sự xuất ly, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và bản thân không còn si mê mà đã thành tựu sự xuất ly.

29. Bạch ngài, ở đây có thể một vị đại đức nào đó sẽ khởi ý như vậy: “Không lẽ vị đại đức này đã thành tựu sự viễn ly trong khi còn thèm muốn lợi lộc, kính trọng, và tôn vinh?” Bạch ngài, điều ấy không nên được xem xét như thế. Bạch ngài, vị tỳ khuru có lậu hoặc đã được cạn kiệt, sống theo Phạm hạnh, các việc cần làm đã làm xong, không còn quán xét đến việc cần phải làm của bản thân hoặc sự tích lũy của (việc) đã làm, nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và bản thân không còn tham ái mà đã thành tựu sự viễn ly, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và bản thân không còn sân hận mà đã thành tựu sự viễn ly, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và bản thân không còn si mê mà đã thành tựu sự viễn ly.

30. Bạch ngài, ở đây có thể một đại đức nào đó sẽ khởi ý như vậy: “Không lẽ đại đức này đã thành tựu sự không hãm hại trong khi lìa bỏ cốt lõi quay về với sự bám víu vào giới cấm và nghi thức?” Bạch ngài, điều ấy không nên được xem xét như thế. Bạch ngài, vị tỳ khuru có lậu hoặc đã được cạn kiệt, sống theo Phạm hạnh, các việc cần làm đã làm xong, không còn quán xét đến việc

cần phải làm của bản thân hoặc sự tích lũy của (việc) đã làm, nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự không hãm hại, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự không hãm hại, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự không hãm hại. — nt— Nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự đoạn tận của chấp thủ, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự đoạn tận của chấp thủ, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự đoạn tận của chấp thủ. — nt— Nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự đoạn tận của luyến ái, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự đoạn tận của luyến ái, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự đoạn tận của luyến ái. — nt— Nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự không còn si mê, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự không còn si mê, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự không còn si mê.

31. Bạch ngài, đối với vị tỳ khru có tâm đã được hoàn toàn giải thoát, nếu các hình dáng được nhận biết bởi mắt, dấu cho nổi bật, đi vào nhãn giới cũng không xâm chiếm được tâm của vị ấy, bởi vì tâm của vị ấy không còn bị xáo trộn, bền vững, đạt đến bất động, và vị ấy quan sát sự diệt đi của điều ấy. Nếu các âm thanh

được nhận thức bởi tai ... các mùi hương được nhận thức bởi mũi ... các vị nếm được nhận thức bởi lưỡi ... các sự xúc chạm được nhận thức bởi thân ... các pháp được nhận thức bởi ý, dầu cho nổi bật, đi vào ý giới cũng không xâm chiếm được tâm của vị ấy, bởi vì tâm của vị ấy không còn bị xáo trộn, bền vững, đạt đến bất động, và vị ấy quan sát sự diệt đi của điều ấy.

32. Bạch ngài, cũng giống như hòn núi đá không có kẽ nứt, không có lỗ hổng, liền lặn một khối, nếu có cơn mưa bão dữ dội đi đến từ hướng đông cũng không thể làm nó rung chuyển, không thể làm lay động, không thể làm chấn động. Nếu có cơn mưa bão dữ dội đi đến từ hướng tây ... Nếu có cơn mưa bão dữ dội đi đến từ hướng bắc ... Nếu có cơn mưa bão dữ dội đi đến từ hướng nam cũng không thể làm nó rung chuyển, không thể làm lay động, không thể làm chấn động. Bạch ngài, tương tự như thế đối với vị tỳ khưu có tâm đã được hoàn toàn giải thoát, nếu các hình dáng được nhận thức bởi mắt, dầu cho nổi bật, đi vào nhãn giới cũng không xâm chiếm được tâm của vị ấy bởi vì tâm của vị ấy không còn bị xáo trộn, bền vững, đạt đến bất động, và vị ấy quan sát sự diệt đi của điều ấy. Nếu các âm thanh được nhận thức bởi tai ... các mùi hương được nhận thức bởi mũi ... các vị nếm được nhận thức bởi lưỡi ... các sự xúc chạm được nhận thức bởi thân ... các pháp được nhận thức bởi ý, dầu cho nổi bật, đi vào ý giới cũng không xâm chiếm được tâm của vị ấy bởi vì tâm của vị

ấy không còn bị xáo trộn, bền vững, đạt đến bất động, và vị ấy quan sát sự diệt đi của điều ấy.

33. Đối với vị có tâm đã thành tựu sự xuất ly và sự viễn ly, đã thành tựu sự không hãm hại, và có sự đoạn tận của chấp thủ, có tâm đã thành tựu sự đoạn tận tham ái và sự không si mê, sau khi thấy được sự sanh lên của các xứ (sáu giác quan và các đối tượng của chúng), tâm (của vị ấy) được hoàn toàn giải thoát một cách đúng đắn.

34. Đối với vị khuru đã được hoàn toàn giải thoát một cách đúng đắn, có tâm thanh tịnh ấy, thì không có sự tích lũy của (việc) đã làm, việc cần làm không được biết đến.

35. Giống như núi đá liên lặn một khối không lay chuyển bởi gió, tương tự như thế hết thấy các sắc, các vị, các thanh, các hương, các xúc, và các pháp được ưa thích và không được ưa thích không làm chấn động tâm đã được bền vững, đã được giải thoát của vị như thế ấy, và vị ấy quan sát sự diệt đi của điều ấy.”

36. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, những người con trai của các gia đình danh tiếng công bố sự chứng ngộ như thế ấy. Kết quả đã được nói lên còn bản thân là không nêu ra. Hơn nữa, trong trường hợp này ta nghĩ rằng có một số kẻ rồ dại công bố trí chứng ngộ như là đùa giỡn, những kẻ ấy sau này bị lâm vào cảnh tiêu hoại.”

37. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với đại đức Soṇa rằng: - “Này Soṇa, người là người (có vóc dáng) mảnh mai. Này Soṇa, đối với người ta cho phép (sử dụng) dép loại một lớp.” - “Bạch ngài, con đã từ bỏ số vàng khối gồm tám mươi xe hàng với bảy voi gồm bảy con và đã rời nhà xuất gia sống không nhà. Bạch ngài, giờ đây nếu con sẽ mang dép loại một lớp, sẽ có những người nói về con rằng: ‘Soṇa Koḷiṇṣa đã từ bỏ số vàng khối gồm tám mươi xe hàng với bảy voi gồm bảy con và đã rời nhà xuất gia sống không nhà. Giờ đây, chính vị ấy lại bám víu vào những đôi dép loại một lớp.’ Nếu đức Thế Tôn cho phép hội chúng tỳ khuru thì con sẽ sử dụng; nếu đức Thế Tôn không cho phép hội chúng tỳ khuru thì con cũng sẽ không sử dụng.”

38. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) dép loại một lớp. Này các tỳ khuru, không nên mang những đôi dép loại hai lớp, không nên mang những đôi dép loại ba lớp, không nên mang những đôi dép loại nhiều lớp; vị nào mang thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

39. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư mang những đôi dép toàn màu xanh, —nt— mang những đôi dép toàn màu vàng, mang những đôi dép toàn màu đỏ (máu), mang những đôi dép toàn màu tím, mang những đôi dép toàn màu đen, mang những đôi dép nhuộm toàn màu đỏ tía, mang những đôi dép nhuộm toàn màu hồng.

Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.”

40. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên mang những đôi dép toàn màu xanh, —nt— không nên mang những đôi dép toàn màu vàng, không nên mang những đôi dép toàn màu đỏ (máu), không nên mang những đôi dép toàn màu tím, không nên mang những đôi dép toàn màu đen, không nên mang những đôi dép nhuộm toàn màu đỏ tía, không nên mang những đôi dép nhuộm toàn màu hồng; vị nào mang thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

41. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư mang những đôi dép có dây buộc màu xanh, —nt— mang những đôi dép có dây buộc màu vàng, mang những đôi dép có dây buộc màu đỏ (máu), mang những đôi dép có dây buộc màu tím, mang những đôi dép có dây buộc màu đen, mang những đôi dép có dây buộc nhuộm màu đỏ tía, mang những đôi dép có dây buộc nhuộm màu hồng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.”

42. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên mang những đôi dép có dây buộc màu xanh, —nt— không nên mang những đôi dép có dây buộc màu vàng, không nên mang những đôi dép có dây buộc màu đỏ (máu), không nên mang những đôi

dép có dây buộc màu tím, không nên mang những đôi dép có dây buộc màu đen, không nên mang những đôi dép có dây buộc nhuộm màu đỏ tía, không nên mang những đôi dép có dây buộc nhuộm màu hồng; vị nào mang thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

43. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư mang những đôi dép phủ gót chân, —nt— mang những đôi dép trùm đến gối, mang những đôi dép trùm đến ống chân, mang những đôi dép lót bông gòn, mang những đôi dép giống cánh của gà gô, mang những đôi dép có gấn sừng cừu, mang những đôi dép có gấn sừng dê, mang những đôi dép có gấn đuôi bọ cạp, mang những đôi dép có khâu lông công, mang những đôi dép đủ các loại. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.”

44. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên mang những đôi dép phủ gót chân, —nt— không nên mang những đôi dép trùm đến gối, không nên mang những đôi dép trùm đến ống chân, không nên mang những đôi dép lót bông gòn, không nên mang những đôi dép giống cánh của gà gô, không nên mang những đôi dép có gấn sừng cừu, không nên mang những đôi dép có gấn sừng dê, không nên mang những đôi dép có gấn đuôi bọ cạp, không nên mang những đôi dép có khâu lông công, không nên mang

những đôi dép đủ các loại; vị nào mang thì phạm tội *dukkaṭ a.*”

45. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư mang những đôi dép được viền quanh bằng da sư tử, —nt— mang những đôi dép được viền quanh bằng da cọp, mang những đôi dép được viền quanh bằng da beo, mang những đôi dép được viền quanh bằng da hươu, mang những đôi dép được viền quanh bằng da rái cá, mang những đôi dép được viền quanh bằng da mèo, mang những đôi dép được viền quanh bằng da sóc, mang những đôi dép được viền quanh bằng da cú mèo. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.”

46. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da sư tử, —nt— không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da cọp, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da beo, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da hươu, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da rái cá, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da mèo, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da sóc, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da cú mèo; vị nào mang thì phạm tội *dukkaṭ a.*”

47. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Rājagaha để khất thực với vị tỳ

khuru nào đó làm sa-môn hầu cận. Khi ấy, vị tỳ khuru ấy đi khắp khiêng theo sát phía sau đức Thế Tôn.

48. Có nam cư sĩ nọ sau khi mang vào đôi dép loại nhiều lớp đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã tháo đôi dép ra rồi đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đi đến gần vị tỳ khuru ấy, sau khi đến đã đánh lễ vị tỳ khuru ấy rồi nói điều này: - “Thưa ngài, vì sao ngài đi khắp khiêng?” - “Này đạo hữu, hai bàn chân tôi bị rách.” - “Thưa ngài, hãy nhận lấy đôi dép.” - “Này đạo hữu, thôi đi. Những đôi dép có nhiều lớp đã bị đức Thế Tôn cấm đoán.” (Đức Thế Tôn đã nói rằng): - “Này tỳ khuru, người hãy thọ lãnh đôi dép ấy.”

49. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) dép loại nhiều lớp đã bị bỏ đi. Này các tỳ khuru, không nên mang những đôi dép loại nhiều lớp còn mới; vị nào mang thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

50. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đi kinh hành ngoài trời không mang dép. Các tỳ khuru trưởng lão (nghĩ rằng): “Bậc Đạo Sư đi kinh hành không mang dép” nên đi kinh hành cũng không mang dép.

51. Trong khi bậc Đạo Sư đi kinh hành không mang dép, trong khi các tỳ khuru trưởng lão đi kinh hành cũng

không mang dép, các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại đi kinh hành có mang dép. Các tỳ khưu ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao trong khi bậc Đạo Sư đi kinh hành không mang dép, trong khi các tỳ khưu trưởng lão đi kinh hành cũng không mang dép, các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại đi kinh hành có mang dép?”

52. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, nghe nói trong khi bậc Đạo Sư đi kinh hành không mang dép và trong khi các tỳ khưu trưởng lão đi kinh hành cũng không mang dép, các tỳ khưu nhóm Lục Sư lại đi kinh hành có mang dép, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

53. Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khưu, vì sao trong khi bậc Đạo Sư đi kinh hành không mang dép và trong khi các tỳ khưu trưởng lão đi kinh hành cũng không mang dép, những kẻ rồ dại ấy lại đi kinh hành có mang dép? Này các tỳ khưu, ngay cả những người tại gia choàng vải trắng vì lý do nghề nghiệp để nuôi mạng vẫn sống có sự tôn kính, có sự phục tùng, có sự cư xử hài hòa đối với các vị thầy.

54. Này các tỳ khưu, ở đây các người hãy làm rạn vỡ việc các người đang được xuất gia trong Pháp và Luật khéo được thuyết giảng như vậy, sao các người có thể sống không có sự tôn kính, không có sự phục tùng, không có sự cư xử hài hòa đối với các vị thầy dạy học,

đối với các vị tương đương thầy dạy học, đối với các vị thầy tế độ, đối với các vị tương đương thầy tế độ?

55. Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, trong khi các vị thầy dạy học, các vị tương đương thầy dạy học, các vị thầy tế độ, các vị tương đương thầy tế độ đang đi kinh hành không mang dép, không nên đi kinh hành có mang dép; vị nào mang thì phạm tội *dukkaṭa*. Nay các tỳ khuru, trong khuôn viên tu viện không nên mang dép; vị nào mang thì phạm tội *dukkaṭa*.”

56. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ bị bệnh khối u ở bàn chân. Các tỳ khuru khiêng vị tỳ khuru ấy đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy các tỳ khuru ấy đang khiêng vị tỳ khuru ấy đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện, sau khi nhìn thấy đã đi đến gần các tỳ khuru ấy, sau khi đến đã nói với các tỳ khuru ấy điều này: - “Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru này có bệnh gì vậy?” - “Bạch ngài, đại đức này có bệnh khối u ở bàn chân. Chúng con khiêng vị này đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện.”

57. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, ta cho phép vị có các bàn chân bị đau, hoặc

có các bàn chân bị rách, hoặc có bệnh khối u ở bàn chân được mang dép.”

58. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru bước lên giường ghé với các bàn chân chưa rửa khiến y và chỗ nằm ngồi bị dơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép mang dép khi nghĩ rằng: ‘Bây giờ ta sẽ bước lên giường hoặc ghé.’”

59. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru trong khi đi đến nhà hành lễ *Uposatha* cũng như đến cuộc hội họp vào ban đêm đã đập nhằm gốc cây, (đập nhằm) gai nhọn khiến các bàn chân bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, trong khuôn viên tu viện ta cho phép sử dụng dép, cây đuốc, cây đèn, và cây gậy để chống.”

59. Vào lúc bấy giờ, sau khi thức dậy vào lúc hừng sáng của đêm các tỳ khuru nhóm Lục Sư mang các đôi guốc gỗ đi kinh hành ở ngoài trời, trong khi nói to giọng, lớn tiếng, với âm thanh ồn ào về chuyện nhảm nhí có tính chất đa dạng như là: chuyện đức vua, chuyện kẻ trộm, chuyện quan đại thần, chuyện quân đội, chuyện ghê rợn, chuyện chiến tranh, chuyện cơm ăn, chuyện nước uống, chuyện vải vóc, chuyện giường nằm, chuyện vòng hoa, chuyện hương thơm, chuyện thân quyến, chuyện xe cộ, chuyện làng xóm, chuyện thị trấn, chuyện thành thị, chuyện quốc gia, chuyện đàn bà, chuyện đàn ông, chuyện người hùng, chuyện đường xá, chuyện kho tàng, chuyện ma quỷ, chuyện linh tinh, chuyện tiên đoán

về thế gian, chuyện tiên đoán về biến cả, chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vậy hay là như vậy, các vị vừa đâm đập giết chết côn trùng vừa làm cho các tỳ khuru bị hư hoại thiên định.

61. Các tỳ khuru ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư sau khi thức dậy vào lúc hừng sáng của đêm lại mang các đôi guốc gỗ đi kinh hành ở ngoài trời còn nói to giọng, lớn tiếng, với âm thanh ồn ào về chuyện nhảm nhí có tính chất đa dạng như là: chuyện đức vua, chuyện kẻ trộm, —nt—, chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vậy hay là như vậy, các vị vừa đâm đập giết chết côn trùng vừa làm cho các tỳ khuru bị hư hoại thiên định?”

62. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru nhóm Lục Sư sau khi thức dậy vào lúc hừng sáng của đêm lại mang các đôi guốc gỗ đi kinh hành ở ngoài trời còn nói to giọng, lớn tiếng, với âm thanh ồn ào về chuyện nhảm nhí có tính chất đa dạng như là: chuyện đức vua, chuyện kẻ trộm, —nt— chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vậy hay là như vậy, các vị vừa đâm đập giết chết côn trùng vừa làm cho các tỳ khuru bị hư hoại thiên định, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

63. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ

khuru rằng: -Này các tỳ khuru không nên mang các đôi guốc gỗ; vị nào mang thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

64. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía thành Bārāṇasī. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngự đến thành Bārāṇasī Tại nơi ấy trong thành Bārāṇasī, đức Thế Tôn ngự tại Isipatana, ở khu vườn nai.

65. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): “Những đôi guốc gỗ đã bị đức Thế Tôn cấm đoán” nên đã cho chặt những cây thốt nốt còn non rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt. Những cây thốt nốt còn non bị chặt trở nên héo úa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các sa-môn Thích tử lại cho chặt những cây thốt nốt còn non rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt khiến những cây thốt nốt còn non bị chặt trở nên héo úa? Các sa-môn Thích tử hãm hại mạng sống của loài có một giác quan.”

66. Các tỳ khuru đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã cho chặt những cây thốt nốt còn non rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt khiến những cây thốt nốt còn non bị chặt trở nên héo úa, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

67. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khuru, vì sao những kẻ rồ dại kia lại cho chặt những cây thốt nốt còn non rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt khiến những cây thốt nốt còn non bị chặt trở nên héo úa. Này các tỳ khuru, bởi vì dân chúng nghĩ rằng có mạng sống ở trong thân cây. Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, không nên mang những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt; vị nào mang thì phạm tội *dukkaṭa a.*”

68. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): “Những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt đã bị đức Thế Tôn cấm đoán” nên đã cho chặt những cây tre còn non rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây tre. Những cây tre còn non bị chặt trở nên héo úa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các sa-môn Thích tử lại cho chặt những cây tre còn non rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây tre khiến những cây tre còn non bị chặt trở nên héo úa? Các sa-môn Thích tử hãm hại mạng sống của loài có một giác quan.”

69. Các tỳ khuru đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— “Này các tỳ khuru, không nên mang những đôi guốc làm bằng lá cây tre; vị nào mang thì phạm tội *dukkaṭa a.*”

70. Sau đó, khi đã ngự tại thành Bārāṇasī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía thành Bhaddiya. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngự đến thành Bhaddiya. Tại nơi ấy trong thành Bhaddiya, đức Thế Tôn ngự tại khu rừng Jātiyā.

71. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru ở Bhaddiya sống chuyên chú và gắn bó với việc tô điểm đôi giày theo nhiều cách: Các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ tranh, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ sậy, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cây dừa nước, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng rễ sen, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng len. Các vị xao lãng việc trì tụng, việc học hỏi, tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ.

72. Các tỳ khuru ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru ở Bhaddiya lại sống chuyên chú và gắn bó với việc tô điểm đôi giày theo nhiều cách: Các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ tranh, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ sậy, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cây dừa nước, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng rễ sen, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng len. Các vị xao lãng việc trì tụng, việc học hỏi, tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ?” Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

73. - “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru ở Bhaddiya sống chuyên chú và gắn bó với việc tô điểm đôi giày theo nhiều cách: Các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ tranh, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ sậy, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cây dừa nước, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng rễ sen, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng len. Các vị xao lãng việc trì tụng, việc học hỏi, tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

74. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khuru, vì sao những kẻ rồ dại này lại sống chuyên chú và gắn bó với việc tô điểm đôi giày theo nhiều cách. Chúng làm và bảo người làm giày bằng cỏ, chúng làm và bảo người làm giày bằng cỏ tranh, chúng làm và bảo người làm giày bằng cỏ sậy, chúng làm và bảo người làm giày bằng cây dừa nước, chúng làm và bảo người làm giày bằng rễ sen, chúng làm và bảo người làm giày bằng len. Chúng xao lãng việc trì tụng, việc học hỏi, tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ?

75. Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, không nên mang giày làm bằng cỏ, không nên mang giày làm bằng cỏ tranh, không nên mang giày làm bằng cỏ sậy, không nên mang giày làm

bằng cây dừa nước, không nên mang giày làm bằng rễ sen, không nên mang giày làm bằng len, không nên mang giày làm bằng vàng, không nên mang giày làm bằng bạc, không nên mang giày làm bằng ngọc ma-ni, không nên mang giày làm bằng ngọc bích, không nên mang giày làm bằng pha-lê, không nên mang giày làm bằng đồng thau, không nên mang giày làm bằng thủy tinh, không nên mang giày làm bằng thiếc, không nên mang giày làm bằng chì, không nên mang giày làm bằng đồng đỏ; vị nào mang thì phạm tội *dukkaṭ a*. Này các tỳ khuru, không nên mang bất cứ loại giày nào dùng cho việc đi lại; vị nào mang thì phạm tội *dukkaṭ a*. Này các tỳ khuru, ta cho phép ba loại giày đặt ở chỗ nhất định, không thể chuyển dịch là: giày ở nhà tiểu, giày ở nhà tiêu, giày ở chỗ súc miệng.”

76. Sau đó, khi đã ngụ tại thành Bhaddiya theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, ngài đã ngụ đến thành Sāvatthi. Tại nơi ấy trong thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngụ tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

77. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư nắm lấy các sừng của những con bò cái đang lội qua sông Aciravatī, các vị nắm lấy các lỗ tai, các vị nắm lấy cổ, các vị nắm lấy đuôi, các vị cưỡi lên lưng, các vị sò vào bộ phận sinh dục do tâm ái nhiễm, các vị dìm nước các con bò cái to và giết chết.

78. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Tại sao các sa-môn Thích tử lại nắm lấy các sừng của những con bò cái đang lội qua sông Aciravatī, các vị nắm lấy các lỗ tai, các vị nắm lấy cổ, các vị nắm lấy đuôi, các vị cưỡi lên lưng, các vị sờ mó bộ phận sinh dục do tâm ái nhiễm, các vị dìm nước các con bò cái tơ và giết chết giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?”

79. Các tỳ khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, nghe nói —nt— có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

80. - “Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, không nên nắm lấy các sừng, không nên nắm lấy các lỗ tai, không nên nắm lấy cổ, không nên nắm lấy đuôi, không nên cưỡi lên lưng của những con bò cái; vị nào cưỡi lên thì phạm tội *dukkatā*. Không nên sờ mó bộ phận sinh dục do tâm ái nhiễm; vị nào sờ mó thì phạm tội *thullaccaya*. Không nên giết chết những con bò cái tơ; vị nào giết chết thì nên hành xử theo Pháp.”¹

81. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư di chuyển bằng xe được kéo bởi các con bò cái với người nam đánh xe ngồi ở giữa, hoặc được kéo bởi các con bò

¹ Liên quan đến tội *pācittiya* 61 về cố ý (giết) sinh vật (ND).

đục với người nữ đánh xe ngồi ở giữa. Dân chúng phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như lễ hội ở vùng Gaṅgā và Mahī vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— “Này các tỳ khuru, không nên di chuyển bằng xe; vị nào di chuyển thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

82. Vào lúc bấy giờ, ở trong xứ Kosala có vị tỳ khuru nọ đang đi đến thành Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn, ở giữa đường bị bệnh. Khi ấy, vị tỳ khuru ấy đã rời đường đi và ngồi xuống ở gốc cây nọ.

83. Dân chúng sau khi nhìn thấy vị tỳ khuru ấy đã nói điều này: - “Thưa ngài, ngài sẽ đi đâu?” - “Này các đạo hữu, tôi sẽ đi Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn.” - “Thưa ngài, hãy đến đây, chúng ta sẽ cùng đi.” - “Này các đạo hữu, tôi không thể (đi được). Tôi bị bệnh.” - “Thưa ngài, hãy đến đây. Hãy leo lên xe.” - “Này các đạo hữu, thôi đi. Xe đã bị đức Thế Tôn cấm đoán.” Trong khi ngần ngại, vị ấy đã không leo lên xe.

84. Sau đó, vị tỳ khuru ấy đã đi đến thành Sāvatthi và kể lại sự việc ấy cho các tỳ khuru. Các tỳ khuru đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— “Này các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) xe đối với vị bị bệnh.”

85. Khi ấy, các vị tỳ khuru đã khởi ý điều này: “Vậy được kéo bởi con cái? Hay được kéo bởi con đực?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép được kéo bởi con đực, (và cho phép) xe kéo bằng tay.”

86. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ đã bị khó chịu dữ dội hơn nữa vì sự dằn xóc của xe. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— “Này các tỳ khưu, ta cho phép (sử dụng) kiệu khiêng, ghế khiêng.”

87. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư sử dụng chỗ nằm cao và chỗ nằm rộng lớn như là: ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, thảm lông cừu dài sợi, thảm lông nhiều màu, thảm lông cừu màu trắng, thảm thêu bông hoa, thảm bông gòn, thảm dệt có nhiều hình thú, thảm có lông mặt trên, thảm có lông một bên góc, thảm dệt sợi vàng, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm ở mình voi, thảm ở mình ngựa, thảm lót xe, thảm da beo, thảm da nai giống quý, thảm có che phủ ở bên trên và có màu đỏ ở hai đầu.

88. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng chỗ nằm cao và chỗ nằm rộng lớn như là: ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, thảm lông cừu dài sợi, thảm lông nhiều màu, thảm lông cừu màu trắng, thảm thêu bông hoa, thảm bông gòn, thảm dệt có nhiều hình thú, thảm có lông mặt trên, thảm có lông một bên góc, thảm dệt sợi vàng, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm ở mình voi, thảm ở mình ngựa, thảm lót xe, thảm da beo, thảm da nai giống quý, thảm có che phủ ở bên

trên và có màu đỏ ở hai đầu; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

89. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): “Chỗ nằm cao và chỗ nằm rộng lớn đã bị đức Thế Tôn cấm đoán” nên sử dụng những tấm da thú lớn là da sư tử, da cọp, da beo. Các tấm da được cắt theo kích thước của giường, chúng được cắt theo kích thước của ghế, chúng được xếp đặt ở giường phía bên trong, chúng được xếp đặt ở giường phía bên ngoài, chúng được xếp đặt ở ghế phía bên trong, chúng được xếp đặt ở ghế phía bên ngoài. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— “Này các tỳ khưu, không nên sử dụng những tấm da thú lớn là da sư tử, da cọp, da beo; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

90. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Lục Sư (nghĩ rằng): “Những tấm da thú lớn đã bị đức Thế Tôn cấm đoán” nên sử dụng những tấm da bò. Những tấm da bò được cắt theo kích thước của giường, chúng được cắt theo kích thước của ghế, chúng được xếp đặt ở giường phía bên trong, chúng được xếp đặt ở giường phía bên ngoài, chúng được xếp đặt ở ghế phía bên trong, chúng được xếp đặt ở ghế phía bên ngoài.

91. Có vị tỳ khuru xấu xa nọ thường hay lui tới với người cư sĩ xấu xa nọ. Khi ấy vào buổi sáng, vị tỳ khuru xấu xa ấy đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến nhà ở của người cư sĩ xấu xa ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau đó, người cư sĩ xấu xa ấy đã đi đến gặp vị tỳ khuru xấu xa ấy, sau khi đến đã đánh lễ vị tỳ khuru xấu xa ấy rồi ngồi xuống ở một bên.

92. Vào lúc bấy giờ, người cư sĩ xấu xa ấy có con bé còn nhỏ, đẹp dáng, đáng nhìn, xinh xắn, có nhiều màu như là con beo con vậ. Khi ấy, vị tỳ khuru xấu xa ấy chăm chú nhìn con bé con ấy một cách kỹ lưỡng. Sau đó, người cư sĩ xấu xa ấy đã nói với vị tỳ khuru xấu xa ấy điều này: - “Thưa ngài, vì sao ngài lại chăm chú nhìn con bé con ấy một cách kỹ lưỡng vậy?” - “Này đạo hữu, ta có việc cần dùng với da của con bé này.” Khi ấy, người cư sĩ xấu xa ấy đã giết chết con bé ấy, lột tấm da, rồi dâng cho vị tỳ khuru xấu xa ấy. Sau đó, vị tỳ khuru xấu xa ấy đã dùng y hai lớp che đậy tấm da ấy rồi ra đi.

93. Khi ấy, con bò cái ấy nhớ đến con bé nên đã đi theo phía sau vị tỳ khuru xấu xa ấy. Các vị tỳ khuru đã nói như vậy: - “Này đại đức, vì sao con bò cái này cứ đi theo phía sau đại đức vậy?” - “Này các đại đức, tôi cũng không biết vì sao con bò cái này cứ đi theo phía sau tôi nữa?”

94. Vào lúc bấy giờ, y hai lớp của vị tỳ khuru xấu xa ấy đã bị vấy máu. Các vị tỳ khuru đã nói như vậy: - “Này

đại đức, còn cái y hai lớp này của đại đức, nó đã bị cái gì vậy?” Khi ấy, vị tỳ khuru xấu xa ấy đã kể lại sự việc ấy cho các vị tỳ khuru. - “Này đại đức, có phải đại đức đã xúi giục kẻ khác giết hại mạng sống?” - “Này các đại đức, đúng vậy.” Các tỳ khuru ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao vị tỳ khuru lại xúi giục kẻ khác giết hại mạng sống? Không phải sự giết hại mạng sống đã bị đức Thế Tôn khiển trách bằng nhiều phương cách và việc từ bỏ giết hại mạng sống đã được khen ngợi hay sao?” Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và hỏi vị tỳ khuru xấu xa ấy rằng: - “Này tỳ khuru, nghe nói ngươi đã xúi giục kẻ khác giết hại mạng sống, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

95. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại xúi giục kẻ khác giết hại mạng sống? Không phải sự giết hại mạng sống đã bị ta khiển trách bằng nhiều phương cách và việc từ bỏ giết hại mạng sống đã được khen ngợi hay sao? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, không nên xúi giục kẻ khác giết hại mạng sống, vị nào

xúi giục thì nên được hành xử theo Pháp.¹ Và này các tỳ khuru, không nên sử dụng da bò; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkaṭa* a. Và này các tỳ khuru, không nên sử dụng bất cứ loại da nào; vị nào sử dụng thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

96. Vào lúc bấy giờ, giường và ghế của dân chúng được độn lót bằng da và được phủ bằng da. Các vị tỳ khuru ngằn ngại không ngồi lên. Các vị đã trình sự việc lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, Ta cho phép ngồi lên chỗ đã được làm sẵn bởi cư sĩ nhưng không được nằm lên.”

97. Vào lúc bấy giờ, các trú xá được buộc lại bằng những sợi dây da. Các vị tỳ khuru ngằn ngại không ngồi lên. Các vị đã trình sự việc lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, Ta cho phép ngồi lên vật được buộc lại (bởi các dây da).”

98. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đi vào làng có mang những đôi dép. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, không nên đi vào làng có mang dép; vị nào đi vào thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

¹ Có thể phạm tội *pārājika* 3 nếu liên quan đến nhân mạng, hoặc tội *pācittiya* 11, 61, 62 nếu liên quan đến các sinh vật lớn nhỏ khác (ND).

99. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ bị bệnh không thể đi vào làng không có dép. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khưu, ta cho phép vị tỳ khưu bị bệnh đi vào làng có mang dép.”

100. Lúc bấy giờ, đại đức Mahākaccāyana ngụ trong xứ Avanti, ở thành Kuraraghara, tại núi Papāta. Vào lúc bấy giờ, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa là người hộ độ cho đại đức Mahākaccāyana.

101. Khi ấy, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã đi đến gặp đại đức Mahākaccāyana, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Mahākaccāyana rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã nói với đại đức Mahākaccāyana điều này: - “Thưa ngài, theo như con hiểu về Pháp đã được ngài đại đức Mahākaccāyana thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Thưa ngài, con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà. Thưa ngài, xin ngài đại đức Mahākaccāyana hãy cho con xuất gia.” - “Này Soṇa, việc ấy là khó làm để thực hành Phạm hạnh, ngủ một mình, ăn một bữa cho đến trọn đời. Này Soṇa, vậy thì ở ngay chỗ này, là người tại gia, người hãy thực tập lời dạy của chư Phật tức là (thực hành) Phạm hạnh, ngủ một mình, ăn một bữa trong khoảng thời gian quy định.”

102. Khi ấy, ước muốn xuất gia của nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã được dịu đi. Đến lần thứ nhì, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa —nt— Đến lần thứ ba, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã đi đến gặp đại đức Mahākaccāyana, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Mahākaccāyana rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã nói với đại đức Mahākaccāyana điều này: - “Bạch ngài, theo như con hiểu về Pháp đã được ngài đại đức Mahākaccāyana thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Bạch ngài, con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà. Bạch ngài, xin ngài đại đức Mahākaccāyana hãy cho con xuất gia.” Khi ấy, đại đức Mahākaccāyana đã cho nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa xuất gia.

103. Vào lúc bấy giờ, ở xứ Avanti và khu vực phía nam có ít tỳ khưu. Khi ấy, đại đức Mahākaccāyana trải qua ba năm với nỗi cực nhọc khó khăn đã triệu tập được hội chúng tỳ khưu gồm mười vị từ nơi này nơi khác rồi đã cho đại đức Soṇa tu lên bậc trên.

104. Sau đó, khi đã sống qua mùa (an cư) mưa, đại đức Soṇa trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: “Ta đã được nghe về đức Thế Tôn ấy là: ‘Vị như vậy và như vậy,’ nhưng ta chưa được nhìn thấy tận mặt. Vậy ta nên đi để diện kiến đức

Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy nếu thấy tế độ cho phép ta.”

105. Sau đó vào lúc chiều tối, đại đức Soṇa đã xuất khỏi thiền tịnh rồi đi đến gặp đại đức Mahākaccāyana, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Mahākaccāyana rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Soṇa đã nói với đại đức Mahākaccāyana điều này: - “Thưa ngài, ở đây con trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tâm như vậy đã sanh khởi: ‘Ta đã được nghe về đức Thế Tôn ấy là: ‘Vị như vậy và như vậy,’ nhưng ta chưa được nhìn thấy tận mặt. Vậy ta nên đi để diện kiến đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nếu thấy tế độ cho phép ta.’ Thưa ngài, con có nên đi để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy nếu thấy tế độ cho phép con?” - “Này Soṇa, tốt lắm, tốt lắm. Này Soṇa, ngươi hãy đi để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy. Này Soṇa, ngươi sẽ thấy đức Thế Tôn ấy dễ mến, đáng tin, có giác quan thanh tịnh, có tâm ý thanh tịnh, đã đạt đến mức tột đỉnh trong sự thu thúc và tĩnh lặng, là đáng voi chúa đã được huấn luyện, đã được hộ trì, có giác quan đã được kiểm soát.

106. Này Soṇa, nếu vậy thì ngươi hãy đề đầu đánh lễ hai bàn chân của đức Thế Tôn với lời của ta rằng: ‘Bạch ngài, thấy tế độ của con là đại đức Mahākaccāyana xin đề đầu đánh lễ hai bàn chân của đức Thế Tôn.’ Rồi ngươi hãy nói như vậy: ‘Bạch ngài, xứ Avanti và khu

vực phía nam có ít tỳ khuru. Con trải qua ba năm với nỗi cực nhọc khó khăn mới triệu tập được hội chúng tỳ khuru gồm mười vị từ nơi này nơi khác và đã thành tựu việc tu lên bậc trên. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía nam đức Thế Tôn nên cho phép việc tu lên bậc trên bằng nhóm (có nhân sự) ít hơn.

107. Bạch ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía nam, mặt đất sẫm màu hơn, rắn chắc, bị dẫm đạp bởi móng chân bò. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía nam đức Thế Tôn nên cho phép (sử dụng) dép có nhiều lớp.

108. Bạch ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía nam dân chúng xem trọng việc tắm và được sạch sẽ nhờ nước. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía nam đức Thế Tôn nên cho phép việc tắm thường xuyên.

109. Bạch ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía nam các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Bạch ngài, cũng giống như ở các xứ ở trung tâm (các loại cò) *eragu*, *moragu*, *majjāru*, *jantu* (là các vật dùng để trải lót), bạch ngài, tương tự như thế ở xứ Avanti và khu vực phía nam các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía nam đức Thế Tôn nên cho phép các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót.

110. Bạch ngài, hiện nay dân chúng dâng y đến các vị tỳ khuru đã đi ra khỏi ranh giới (nói rằng): ‘Chúng tôi

dâng y này cho vị tên (như vậy).’ Các vị ấy khi trở lại thông báo (cho các tỳ khưu) rằng : ‘Này các đại đức, y đã được dâng cho các đại đức bởi những người tên (như vậy).’ Các vị ấy ngần ngại không nhận (nói rằng): ‘Chớ để chúng tôi bị phạm tội *nissaggiya*.’ Có lẽ đức Thế Tôn nên chỉ dẫn cách thức về y.”

111. - “Bạch ngài, xin vâng.” Sau khi đáp lời đại đức Mahākaccāyana, đại đức Soṇa đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đại đức Mahākaccāyana, hướng vai phải nhiều quanh, rồi thu xếp chỗ trú ngụ, cầm y bát, ra đi về phía thành Sāvatthi.

112. Theo tuần tự, vị ấy đã đi đến thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika, gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: - “Này Ānanda, hãy sắp đặt chỗ trú ngụ cho vị tỳ khưu vắng lai này.”

113. Khi ấy, đại đức Ānanda (suy nghĩ rằng): “Liên quan đến vị nào mà đức Thế Tôn ra lệnh cho ta rằng: ‘Này Ānanda, hãy sắp đặt chỗ trú ngụ cho vị tỳ khưu vắng lai này’? Có phải đức Thế Tôn muốn ngụ trong cùng một trú xá với vị tỳ khưu ấy? Có phải đức Thế Tôn muốn ngụ trong cùng một trú xá với đại đức Soṇa?” rồi đã sắp đặt chỗ trú ngụ cho đại đức Soṇa trong trú xá đức Thế Tôn đang ngụ.

114. Sau đó, khi đã trải qua gần trọn đêm ở ngoài trời đức Thế Tôn đã đi vào trú xá. Đại đức Soṇa sau khi trải qua gần trọn đêm ở ngoài trời cũng đã đi vào trú xá.

115. Sau đó, khi đã thức dậy vào lúc hùng sáng của đêm, đức Thế Tôn đã yêu cầu đại đức Soṇa rằng: - “Này tỳ khuru, mong rằng có bài Pháp (nào đó) mà người rành rẽ để thuyết giảng.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Sau khi đáp lời đức Thế Tôn, đại đức Soṇa đã thuyết lại đầy đủ toàn bộ phẩm Nhóm Tám một cách mạch lạc.

116. Sau đó, vào lúc kết thúc việc thuyết lại một cách mạch lạc của đại đức Soṇa, đức Thế Tôn đã khen ngợi rằng: - “Này tỳ khuru, tốt lắm, tốt lắm. Này tỳ khuru, phẩm Nhóm Tám đã được người khéo học tập, khéo suy nghĩ, khéo ghi nhớ. Người có giọng nói êm dịu, rõ ràng, không có khó nghe, làm rõ được ý nghĩa. Này tỳ khuru, người (xuất gia) được bao nhiêu năm?” - “Bạch đức Thế Tôn, con được một năm.” - “Này tỳ khuru, tại sao người thực hiện (việc tu lên bậc trên) chậm trễ như vậy?” - “Bạch ngài, từ lâu con đã thấy được sự tai hại trong các dục, nhưng vì cuộc sống tại gia có nhiều cản trở, có nhiều phận sự, có nhiều việc cần phải làm.”

117. Sau đó, khi đã hiểu ra sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Sau khi nhìn thấy sự tai hại ở thế gian, sau khi hiểu được Pháp không đưa đến tái sanh, bậc Thánh không thích thú điều ác, vị trong sạch không thích thú điều ác.”

118. Khi ấy, đại đức Soṇa (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn hoan hỷ với ta, lúc này chính là lúc của việc mà thầy tế độ ta đã căn dặn kỹ càng” nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, quỳ xuống kê đầu ở bàn chân của đức Thế Tôn rồi nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, thầy tế độ của con là đại đức Mahākaccāyana xin kê đầu đánh lễ hai bàn chân của đức Thế Tôn và nói như vậy:

119. ‘Bạch ngài, xứ Avanti và khu vực phía nam có ít tỳ khuru. Con trải qua ba năm với nỗi cực nhọc khó khăn mới triệu tập được hội chúng tỳ khuru gồm mười vị từ nơi này nơi khác và đã thành tựu việc tu lên bậc trên. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía nam đức Thế Tôn nên cho phép việc tu lên bậc trên bằng nhóm (có nhân sự) ít hơn.

120. Bạch ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía nam mặt đất sẫm màu hơn, rắn chắc, bị dẫm đạp bởi móng chân bò. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía nam đức Thế Tôn nên cho phép (sử dụng) dép có nhiều lớp.

121. Bạch ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía nam dân chúng xem trọng việc tắm và được sạch sẽ nhờ nước. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía nam đức Thế Tôn nên cho phép việc tắm thường xuyên.

122. Bạch ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía nam các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Bạch ngài, cũng giống như ở các xứ ở trung

tâm (các loại cỏ) *eragu*, *moragu*, *majjāru*, *jantu* (là các vật dùng để trải lót), bạch ngài, tương tự như thế ở xứ Avanti và khu vực phía nam các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía nam đức Thế Tôn nên cho phép các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót.

123. Bạch ngài, hiện nay dân chúng dāṇḍya đến các vị tỳ khuru đã đi ra khỏi ranh giới (nói rằng): ‘Chúng tôi dāṇḍya này cho vị tên (như vậy).’ Các vị ấy khi trở lại thông báo (cho các tỳ khuru) rằng: ‘Này các đại đức, y đã được dāṇḍya cho các đại đức bởi những người tên (như vậy).’ Các vị ấy ngần ngại không nhận (nói rằng): ‘Chớ để chúng tôi bị phạm tội *nissaggiya*.’ Có lẽ đức Thế Tôn nên chỉ dẫn cách thức về y.”

124. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, xứ Avanti và khu vực phía nam có ít tỳ khuru. Này các tỳ khuru, trong tất cả các xứ thuộc vùng biên địa ta cho phép việc tu lên bậc trên với nhóm có vị thứ năm là vị rành rẽ về Luật.

125. Trong trường hợp ấy, các xứ này là thuộc vùng biên địa: Ở hướng đông có thị trấn tên là Kajaṅgala, xa hơn chỗ đó là Mahāsālā, từ đó trở đi là các xứ thuộc vùng biên địa, từ đó trở lại là thuộc trung tâm. Ở hướng đông nam, có con sông tên là Salalavatī, từ đó trở đi là

các xứ thuộc vùng biên địa, từ đó trở lại là thuộc trung tâm. Ở hướng nam, có thị trấn tên là Setakaṇṇika, từ đó trở đi là các xứ thuộc vùng biên địa, từ đó trở lại là thuộc trung tâm. Ở hướng tây, có làng Bà-la-môn tên là Thūṇa, từ đó trở đi là các xứ thuộc vùng biên địa, từ đó trở lại là thuộc trung tâm. Ở hướng bắc, có ngọn núi tên là Usīraddhaja, từ đó trở đi là các xứ thuộc vùng biên địa, từ đó trở lại là thuộc trung tâm. Nay các tỳ khuru, trong các xứ thuộc vùng biên địa như thế ta cho phép việc tu lên bậc trên với nhóm có vị thứ năm là vị rành rẽ về Luật.

126. Nay các tỳ khuru, ở xứ Avanti và khu vực phía nam mặt đất sẫm màu hơn, rắn chắc, bị dẫm đạp bởi móng chân bò. Nay các tỳ khuru, ta cho phép (sử dụng) dép có nhiều lớp trong tất cả các xứ thuộc vùng biên địa.

127. Nay các tỳ khuru, ở xứ Avanti và khu vực phía nam dân chúng xem trọng việc tắm và được sạch sẽ nhờ nước. Nay các tỳ khuru, ta cho phép việc tắm thường xuyên trong tất cả các xứ thuộc vùng biên địa.

128. Nay các tỳ khuru, ở xứ Avanti và khu vực phía nam các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Nay các tỳ khuru, cũng giống như ở các xứ ở trung tâm (các loại cỏ) *eragu*, *moragu*, *majjāru*, *jantu* (là các vật dùng để trải lót), nay các tỳ khuru, tương tự như thế ở xứ Avanti và khu vực phía nam các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải

lót. Này các tỳ khuru, ta cho phép các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót trong tất cả các xứ thuộc vùng biên địa.

129. Này các tỳ khuru, trường hợp dân chúng dâng y đến các vị tỳ khuru đã đi ra khỏi ranh giới (nói rằng): ‘Chúng tôi dâng y này cho vị tên (như vậy).’ Này các tỳ khuru, ta cho phép ưng thuận, khi nào chưa đến tay thì chưa tính việc đếm (ngày đã cất giữ) ấy.”

Dứt chương Da Thú là chương thứ năm.

--ooOoo--

Trong chương này có sáu mươi ba sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY

1. Vua xít Magadha, và Soṇa Koḷiṃsa, tám mươi ngàn vị trưởng làng, (đại đức) Sāgata ở Gijjhakūṭa đã phô bày nhiều Pháp thượng nhân.

2. Việc xuất gia, (các bàn chân) đã bị rách do nỗ lực, cây đàn vīṇa, (dép) một lớp, màu xanh, màu vàng, màu đỏ (máu), màu tím, và luôn cả màu đen nữa.

3. Màu đỏ tía, màu hồng, và đã cấm đoán dây buộc, (dép) phủ gót chân, trùm gối, trùm ống chân, lót bông gòn, giống cánh gà, gắn sừng cừu, và dê.

4. (Dép có gắn) đuôi bọ cạp, lông công, và đủ các loại, (dép) được viền bằng da sư tử, cọp, và beo, hươu, rái cá, và mèo, sóc, cú mèo.

5. (Bàn chân) bị rách, đôi dép, bị khô u, chưa được rửa, (đạp nhằm) gốc cây, (âm thanh) ồn ào, (dép làm bằng lá) cây thốt nốt, cây tre, và cỏ, cỏ tranh, cỏ sậy, và dừa nước.

6. (Dép làm bằng) rễ sen, sợi len, vàng, bạc, ngọc ma-ni, ngọc bích, pha lê, đồng thau, và thủy tinh, thiếc, chì, và đồng đỏ.

7. Bò cái, xe, vị bị bệnh, được kéo bằng bò đực, ghế nệm, các chỗ nằm, da thú lớn, với các da bò, và kẻ ác.

8. Của các cư sĩ, được buộc dây da, các vị đi vào, các vị bị bệnh, đại đức Mahākaccāyana, vị Soṇa, Nhóm Tám một cách mạch lạc.

9. Việc tu lên bậc trên với năm vị, dép có nhiều lớp, việc tắm thường xuyên, đã cho phép tắm bằng da, không tính việc đếm ngày. Vị Lãnh Đạo đã ban năm điều đặc ân này cho trưởng lão Soṇa."

--ooOoo--